Bộ Kinh Tăng Chi [Tăng Chi Kinh Bộ] - Quyển 7 [Sattaka-Nipāta] (Bhikkhu Bodhi; Lê Kim Kha dịch)

Nikaya — bài lẻ & đối chiếu

QUYỂN "BẢY" (Sattaka-Nipāta)

ii

Về Bản Dịch AN

- Bản dịch Việt này dựa vào phiên bản Pāli-Anh của nhà sư Tỳ Kheo Bồ- Đề (Bhikkhu Bodhi, đại trưởng lão, học giả, dịch giả uyên bác, nhà từ thiện). Có nhiều chỗ tham chiếu với bản dịch của nhà sư Ajahn Sujato.

- Để quý vị hình dung nhanh: Bộ Kinh AN này gồm có 11 QUYỂN (nipāta) được đặt tên lần lượt là QUYỂN "MỘT" cho đến QUYỂN "MƯỜI MỘT", trong đó "Một"... vừa là tên của QUYỂN kinh (nói về một điều, một pháp, một người ...) vừa là số thứ tự của QUYỂN kinh. Mỗi QUYỂN lại có nhiều NHÓM kinh (vagga, phẩm), toàn bộ kinh AN này có 180 NHÓM kinh. Các QUYỂN 1, 2 và 11 đơn giản đánh số các NHÓM kinh từ 1 đến cuối. Các Quyển 3-10 thì gom các NHÓM kinh vào những PHẦN "Năm Mươi Kinh" (Đầu Tiên ... Thứ Tư) và có QUYỂN có thêm PHẦN "Năm Mươi Kinh Thêm" ở cuối. - Các giải thích trong ngoặc tròn (...) là của người dịch, chỉ để làm rõ thêm nghĩa theo tiếng Việt của câu hay chữ chỗ đó. - Các giải thích, diễn dịch trong ngoặc vuông [...] có trong kinh và trong cả phần chú-thích cuối sách là của thầy Tỳ Kheo Bồ-Đề (có chỗ ghi luôn [TKBĐ]).

- Các chú-giải của các luận giảng kinh điển (như Mp, Mp-ṭ, Paṭis ...) thì đã được ghi rõ ngay đầu câu. - Trong phần chú-thích có chỉ dẫn các kinh chỉ ghi số như 3:101, 7:215 thì có nghĩa nó thuộc bộ kinh AN này; vì nếu thuộc bộ kinh khác thì đã ghi rõ là SN, MN, hay DN ... trước số kinh rồi. Và các số đầu như 3 và 7 chính là số QUYỂN 3 và 7 (tức là: Quyển AN 3 kinh 101, AN 7 kinh 215). - Một số chữ Hán-Việt đã được quen dùng bởi các Phật tử Việt Nam thì được người dịch mở ngoặc ghi thêm, ví dụ: sự tạo-tác cố ý (hành), những hiện-tượng (các pháp), nhận-thức (tưởng), sáu cơ-sở cảm-nhận (sáu xứ) ...

+ Lời nhắn gửi của người dịch: người tu học nên lần lượt đọc hết những lời dạy của Phật!, vì làm vậy cũng không mấy khó khăn. Ví dụ trong bộ kinh AN này, mỗi ngày dành ít thời gian đọc một số NHÓM bài kinh, thì trong

iv

một số ít ngày quý vị sẽ đọc hết một PHẦN, rồi một QUYỂN, rồi sẽ hết Bộ Kinh. Số kinh tóm-lược theo một mẫu-kinh là rất nhiều, nhưng quý vị chỉ cần đọc lướt qua. Bản dịch bằng tiếng Việt phổ thông nên ai cũng có thể đọc hiểu được (và lời nói của Phật là rõ ràng từng câu chữ). Đọc qua các kinh quý vị sẽ có được cách-nhìn rộng mở hơn mà sâu sắc và đúng đắn hơn về đạo Phật, hiểu đúng giáo lý đích thực và lý tưởng của Phật để tu hành. Và chắc chắn tâm sẽ dần đổ về, nghiêng về, và ngã về hướng buông bỏ giải thoát của đạo Phật.

- Do bộ kinh có 11 QUYỂN khác nhau nên quý vị có thể chọn bất kỳ QUYỂN nào để đọc. Nhưng nếu không ưu tiên hay cần đọc những chủ-đề nào trước, quý vị nên đọc theo thứ tự từ đầu tới cuối, như cách đã từng đọc một tiểu thuyết hay sách giáo khoa vậy.

+ Nên đọc một bài kinh từ đầu đến cuối để nắm được nghĩa chính của kinh, ngay cả khi có chữ nào khó hiểu. (Hầu hết lời các kinh là đơn giản, tự rõ nghĩa nên không cần đọc những chú-thích). ĐỪNG LO ĐỌC NHỮNG CHÚ-THÍCH. Vì nếu cứ dừng lại để tra chú-thích thì người đọc có thể bị lạc khỏi ý chính của bài kinh, do tâm trí chúng ta hay chuyền nhảy qua các chủ đề và liên tưởng khác khi đọc các chú-giải này nọ. Nếu có câu nào, chữ nào, hay thuật ngữ nào khó hiểu thì sau khi đọc mới nên tra các chú-thích để hiểu. Còn nếu đã hiểu dễ dàng thì đơn giản đừng đọc những chú-giải, vì đa phần những chú-giải chỉ là những diễn dịch và giải thích của các giảng luận sau kinh.

Cuối cùng, là phước lành lớn lao nhất trong muôn vàn kiếp, người dịch đã gặp gỡ và hưởng dụng đại công trình dịch thuật tận tâm, tỉ mỉ và trọn vẹn nhất từ xưa đến nay của Ngài Tỳ Kheo Bồ-Đề từ Tạng Kinh Pāli, dựa vào đó dịch các bộ kinh ra tiếng Việt phổ thông. Mãi mãi biết ơn công đức như thái dương của thầy. Nhà Bè, mùa mưa 2019 (PL 2564) (hoàn chỉnh và in cuối năm thảm dịch Covids 2021)

MỤC LỤC

Về Bản Dịch AN ..... iii [Năm Mươi Kinh Đầu] ..... 1 NHÓM 1. SỰ GIÀU CÓ ..... 1 1 (1) Dễ Mến (1) 1

2 (2) Dễ Mến (2) 2

3 (3) Những Năng Lực - Nói Ngắn Gọn 2

4 (4) Những Năng Lực - Nói Chi Tiết 3

5 (5) Sự Giàu Có - Nói Ngắn Gọn 4

6 (6) Sự Giàu Có – Nói Chi Tiết 5

7 (7) Tể Tướng Ugga..... 6

8 (8) Những Gông Cùm 7

9 (9) Sự Dẹp Bỏ 7

10 (10) Sự Keo Kiệt 8

NHÓM 2. NHỮNG KHUYNH HƯỚNG TIỀM ẨN..... 8 11 (1) Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn (1) 8

12 (2) Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn (2) 9

13 (3) Những Gia Đình 9

14 (4) Những Loại Người 10

15 (5) Giống Những Người Dưới Nước 10

16 (6) Vô Thường 13

17 (7) Khổ 14

18 (8) Vô Ngã 15

vi

19 (9) Hạnh Phúc 16

20 (10) Những Cơ Sở Để [Thành Người] 'Không Có Mười' 16

NHÓM 3. VAIJJI BẢY ..... 17 21 (1) Ngôi Đền Mái Nhọn 17

22 (2) Tể Tướng Vassakāra 18

23 (3) Không Sa Sút (1) 22

24 (4) Không Sa Sút (2) 23

25 (5) Không Sa Sút (3) 24

26 (6) Không Sa Sút (4) 25

27 (7) Không Sa Sút (5) 25

28 (8) Một Học Nhân 26

29 (9) Sự Sa Sút..... 27

30 (10) Thất Bại 28

31 (11) Sụp Đổ 29

NHÓM 4. NHỮNG THIÊN THẦN ..... 29 32 (1) Sự Chuyên Chú 29

33 (2) Sự Biết Xấu Hổ Về Mặt Đạo Đức 30

34 (3) Dễ Tu Sửa (1) 31

35 (4) Dễ Tu Sửa (2) 31

36 (5) Bạn (1) 32

37 (6) Bạn (2) 33

38 (7) Trí Biết Mang Tính Phân Tích (1) 34

39 (8) Trí Biết Mang Tính Phân Tích (2) 35

40 (9) Sự Làm Chủ (1) 35

vii

41 (10) Sự Làm Chủ (2) 36

42 (11) Những Cơ Sở Để [Thành Người] “Không Có Mười” (1) 36

43 (12) Những Cơ Sở Để [Thành Người] “Không Có Mười” (2) 38

NHÓM 5. CÚNG TẾ LỚN ..... 39 44 (1) Những Trạm-trú 39

45 (2) Những Phụ liệu 40

46 (3) Lửa 40

47 (4) Sự Cúng Tế 41

48 (5) Những Nhận Thức (1) 45

49 (6) Những Nhận Thức (2) 45

50 (7) Sự Dâm Dục 51

51 (8) Sự Phối Hợp 54

52 (9) Sự Bố Thí 56

53 (10) Nandamātā 59

[Năm Mươi Kinh Thứ Hai] ..... 65 NHÓM 1. KHÔNG ĐƯỢC TUYÊN BỐ ..... 65 54 (1) Không Được Tuyên Bố (1) 65

55 (2) Những Nơi Đến Của Những Người Tu 67

56 (3) Tissa 71

57 (4) Tướng Quân Sīha 75

58 (5) Không Cần Che Giấu 79

59 (6) Ngài Kimbila 81

60 (7) Bảy Phẩm Chất 82

61 (8) Ngủ Gục 82

viii

62 (9) Đừng Sợ Công Đức 85

63 (10) Những Người Vợ 88

64 (11) Sân Hận 90

NHÓM 2. NHÓM LỚN ..... 95 65 (1) Sự Xấu Hổ Về Mặt Đạo Đức 95

66 (2) Mặt Trời 96

67 (3) Ví Dụ Thành Trì 101

68 (4) Người Biết Giáo Pháp 108

69 (5) Pāricchattaka 112

70 (6) Tôn Vinh 115

71 (7) Sự Tu Tập 119

72 (8) Lửa 121

73 (9) Đạo Sư Sunetta … 127

74 (10) Đạo Sư Araka 129

NHÓM 3. GIỚI LUẬT ..... 131 75 (1) Bậc Trì Luật (1) 131

76 (2) Bậc Trì Luật (2) 132

77 (3) Bậc Trì Luật (3) 133

78 (4) Bậc Trì Luật (4) 133

79 (5) Một Bậc Trì Luật Là Sáng Ngời (1) 134

80 (6) Một Bậc Trì Luật Là Sáng Ngời (2) 134

81 (7) Một Bậc Trì Luật Là Sáng Ngời (3) 134

82 (8) Một Bậc Trì Luật Là Sáng Ngời (4) 134

83 (9) Giáo Lý 134

ix

84 (10) Sự Giải Quyết 135

NHÓM 4. MỘT TU SĨ ..... 136 85 (1) Một Tỳ Kheo 136

86 (2) Một Tu Sĩ 136

87 (3) Một Bà-la-môn..... 136

88 (4) Một Học Giả 136

89 (5) Được Gội Rửa 136

90 (6) Một Bậc Thầy Hiểu Biết Về Vệ-Đà 137

91 (7) Một Bậc Thánh 137

92 (8) Một A-la-hán 137

93 (9) Tính Cách (1)..... 137

94 (10) Tính-cách (2) 137

NHÓM 5. ĐÁNG ĐƯỢC TẶNG QUÀ ..... 138 95 (1) Quán Sát Sự Vô Thường Trong Mắt 138

96 (2) 102 (8) Quán Sát Sự Khổ Trong Mắt 140

103 (9) 614 (520) Sự Vô Thường Trong Tai … 140

NHÓM 6. NHÓM “THAM” LẶP LẠI & TÓM LƯỢC 143 615 (1) 143

616 (2) 143

617 (3) 143

618 (4) 644 (30)..... 144

645 (31) 1124 (510)..... 144

BẢNG VIẾT TẮT ..... 145 CHÚ THÍCH 149

x

Kính Lễ Đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác!

[Năm Mươi Kinh Đầu]

NHÓM 1. SỰ GIÀU CÓ

1 (1) Dễ Mến (1) Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika). Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo!” “Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: “Này các Tỳ kheo, có bảy phẩm chất, một Tỳ kheo là khó ưa (khó thích, khó mến) và khó chịu (khó hài lòng, bất đồng) bởi những Tỳ kheo đồng đạo, và cũng không được họ kính trọng hay tôn trọng. Bảy đó là gì? Ở đây, (1) một Tỳ kheo ham muốn lợi-lộc, (2) sự tôn-vinh, và (3) danh- tiếng;1455 (4) người đó không biết xấu-hổ về mặt đạo đức, và (5) bất-chấp về mặt đạo đức; (6) người đó có những tham-muốn xấu ác, và (7) nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Có bảy phẩm chất này, một Tỳ kheo là khó ưa và khó chịu bởi những Tỳ kheo đồng đạo, và cũng không được họ kính trọng hay tôn trọng. “Này các Tỳ kheo, có được bảy phẩm chất, một Tỳ kheo là dễ mến (dễ thích, dễ ưa) và dễ chịu (hài lòng, thuận tình) bởi những Tỳ kheo đồng đạo, và cũng được họ tôn kính và kính trọng. Bảy đó là gì? Ở đây, (1) một Tỳ kheo không ham muốn lợi-lộc, (2) sự tôn-vinh, và (3) danh-tiếng; (4) người đó biết xấu-hổ về mặt đạo đức, và (5) biết sợ-hãi về mặt đạo đức; (6) người đó có ít tham-muốn, và (7) nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh

kiến). Có được bảy phẩm chất này, một Tỳ kheo là dễ mến và dễ chịu bởi những Tỳ kheo đồng đạo, và cũng được họ tôn kính và kính trọng.”

2 (2) Dễ Mến (2) “Này các Tỳ kheo, có bảy phẩm chất, một Tỳ kheo là khó ưa và khó chịu bởi những Tỳ kheo đồng đạo, và cũng không được họ kính trọng hay tôn trọng. Bảy đó là gì? Ở đây, (1) một Tỳ kheo ham muốn lợi-lộc, (2) sự tôn-vinh, và (3) danh-tiếng; (4) người đó không biết xấu-hổ về mặt đạo đức, và (5) bất-chấp về mặt đạo đức; (6) người đó ghen-tỵ, và (7) keo-kiệt. Có bảy phẩm chất này, một Tỳ kheo là khó ưa và khó chịu bởi những Tỳ kheo đồng đạo, và cũng không được họ kính trọng hay tôn trọng. “Này các Tỳ kheo, có được bảy phẩm chất, một Tỳ kheo là dễ mến và dễ chịu bởi những Tỳ kheo đồng đạo, và cũng được họ tôn trọng và kính trọng. Bảy đó là gì? Ở đây, (1) một Tỳ kheo không ham muốn lợi-lộc, (2) sự tôn-vinh, và (3) danh-tiếng; (4) người đó biết xấu-hổ về mặt đạo đức, và (5) biết sợ-hãi về mặt đạo đức; (6) người đó không ghen-tỵ, và (7) không keo-kiệt. Có được bảy phẩm chất này, một Tỳ kheo là dễ mến và dễ chịu bởi những Tỳ kheo đồng đạo, và cũng được họ tôn kính và kính trọng.”

3 (3) Những Năng Lực - Nói Ngắn Gọn “Này các Tỳ kheo, có bảy năng-lực này. Bảy đó là gì? Năng lực niềm-tin, năng lực nỗ-lực, năng lực biết xấu-hổ về mặt đạo đức, năng lực biết sợ-hãi về mặt đạo đức, năng lực chánh-niệm, năng lực định-tâm, và năng lực trí-tuệ. Đây là bảy năng lực.” Năng lực niềm-tin, năng lực nỗ-lực, Năng lực biết xấu-hổ và biết sợ-hãi về mặt đạo đức, Năng lực chánh-niệm, năng lực định-tâm, Và trí-tuệ là năng lực thứ bảy;

•3

Một Tỳ kheo có được những năng lực này là trí hiền,
Và sống một cách hạnh phúc.
Người đó xem xét Giáo Pháp một cách kỹ càng,
Và nhìn thấy ý nghĩa một cách sâu sắc bằng trí-tuệ.
Giống như sự tắt lửa một ngọn đèn,
Là sự giải-thoát của cái tâm.

4 (4) Những Năng Lực - Nói Chi Tiết “Này các Tỳ kheo, có bảy năng lực này. Bảy đó là gì? Năng lực niềm-tin, năng lực nỗ-lực, năng lực biết xấu-hổ về mặt đạo đức, năng lực biết sợ-hãi về mặt đạo đức, năng lực chánh-niệm, năng lực định-tâm, và năng lực trí-tuệ. (1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là năng lực niềm-tin (tín)? Ở đây, một đệ tử thánh thiện được phú cho niềm-tin. Người đó đặt niềm-tin vào sự giác-ngộ của Như Lai như vầy: ‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện), đã thành tựu về trí-biết đích thực (minh) và đức-hạnh, là bậc phúc-lành, bậc hiểu-biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’ Đây được gọi là năng lực niềm-tin. (2) “Và cái gì là năng lực nỗ-lực (tinh tấn)? Ở đây, một Tỳ kheo phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện và tích tạo những phẩm chất thiện; người đó là mạnh mẽ, vững vàng trong sự cố- gắng, không bỏ lơ bổn phận tu dưỡng những phẩm chất thiện. Đây được gọi là năng lực nỗ-lực. (3) “Và cái gì là năng lực biết xấu-hổ về mặt đạo đức? Ở đây, một đệ tử thánh thiện có một cảm-nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức; người đó xấu hổ với những hành-vi sai trái của thân, lời-nói, và tâm (ba ác hành); người đó xấu hổ với sự có-thêm những phẩm chất xấu ác,

bất thiện. Đây được gọi là năng lực biết xấu-hổ về mặt đạo đức.

4 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 7

(4) “Và cái gì là năng lực biết sợ-hãi về mặt đạo đức? Ở đây, một đệ tử thánh thiện sợ những việc làm sai trái; người đó sợ hãi những hành-vi sai trái của thân, lời-nói, và tâm (ba ác hành); người đó sợ hãi với sự tích- thêm những phẩm chất xấu ác, bất thiện. Đây được gọi là năng lực biết sợ- hãi về mặt đạo đức. (5) “Và cái gì là năng lực chánh-niệm? Ở đây, một đệ tử thánh thiện là có chánh-niệm, có được sự chánh-niệm và sự rõ-biết (tỉnh giác) cao nhất (tối thượng), là người ghi nhớ và nhớ lại điều đã được làm và được nói từ lâu. Đây được gọi là năng lực chánh-niệm. (6) “Và cái gì là năng lực định-tâm? Ở đây: (i) ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một đệ tử thánh thiện chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền) … [tiếp tục mô tả sự chứng đắc 04 tầng thiền định như trong kinh 5:14, đoạn (4)] … Đây được gọi là năng lực định-tâm.

(7) “Và cái gì là năng lực trí-tuệ? Ở đây, một đệ tử thánh thiện là có trí; người đó có được loại trí-tuệ để nhận thấy sự sinh và sự diệt, (trí-tuệ đó) là thánh thiện và mang tính thâm nhập và dẫn tới hoàn toàn diệt-khổ. Đây được gọi là năng lực trí-tuệ. “Này các Tỳ kheo, đây là bảy năng lực.”

[Phần thi kệ giống như kinh 7:03 kế trên.]

5 (5) Sự Giàu Có - Nói Ngắn Gọn “Này các Tỳ kheo, có bảy loại sự giàu có. Bảy đó là gì? Sự giàu có về niềm-tin, sự giàu có về giới-hạnh, sự giàu có về cảm-nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức, sự giàu có về cảm-nhận biết sợ-hãi về mặt đạo đức, sự giàu có về học-hiểu, sự giàu có về sự rộng-lòng bố thí, và sự giàu có về trí-tuệ. Đây là bảy loại sự giàu có.” Sự giàu có về niềm-tin, sự giàu có về giới-hạnh, Sự giàu có về cảm-nhận biết xấu-hổ và sợ-hãi về mặt đạo đức,

•5

Sự giàu có về học-hiểu, sự giàu có về sự bố-thí,
Và trí-tuệ là loại giàu có thứ bảy:
Khi một người có bảy loại sự giàu có này,
Dù đó là nữ hay nam,
Người ta nói người đó không nghèo,
Rằng người đó sống cuộc sống không vô ích.
Bởi vậy một người thông minh,
Ghi nhớ giáo lý của Đức Phật,
Nên nhắm tới niềm-tin và giới-hạnh,
Nhắm tới sự tự-tin và tầm-nhìn của Giáo Pháp.

6 (6) Sự Giàu Có – Nói Chi Tiết “Này các Tỳ kheo, có bảy loại sự giàu có. Bảy đó là gì? Sự giàu có về niềm-tin, sự giàu có về giới-hạnh, sự giàu có về cảm-nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức, sự giàu có về cảm-nhận biết sợ-hãi về mặt đạo đức, sự giàu có về học-hiểu, sự giàu có về sự rộng-lòng bố thí, và sự giàu có về trí-tuệ. Đây là bảy loại sự giàu có.” (1)

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự giàu có về niềm-tin (tín)? Ở đây, một đệ tử thánh thiện được phú cho niềm-tin. Người đó đặt niềm-tin vào sự giác-ngộ của Như Lai như vầy: ‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán … bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’ Đây được gọi là sự giàu có về niềm-tin. (2) “Và cái gì là sự giàu có về giới-hạnh (giới)? Ở đây, một đệ tử thánh thiện kiêng cữ sát-sinh, kiêng cữ gian-cắp, kiêng cữ tà-dâm tà dục, kiêng cữ nói-dối nói láo, kiêng cữ uống rượu nặng, rượu nhẹ và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Đây được gọi là sự giàu có về giới-hạnh. (3) “Và cái gì là sự giàu có về cảm-nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức? Ở đây, một đệ tử thánh thiện có cảm-nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức; người đó xấu hổ với những hành-vi sai trái của thân, lời-nói, và tâm (ba ác

hành); người đó xấu hổ với sự tích-thêm những phẩm chất xấu ác bất thiện. Đây được gọi là sự giàu có về sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức. (4) “Và cái gì là sự giàu có về cảm-nhận biết sợ-hãi về mặt đạo đức? Ở đây, một đệ tử thánh tiện sợ những việc làm sai trái; người đó sợ hãi những hành-vi sai trái của thân, lời-nói, và tâm (ba ác hành); người đó sợ hãi với sự tích-thêm những phẩm chất xấu ác bất thiện. Đây được gọi là sự giàu có về cảm nhận biết sợ-hãi về mặt đạo đức. (5) “Và cái gì là sự giàu có về sự học-hiểu. Ở đây, một đệ tử thánh thiện đã học-hiểu nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những điều mình đã học. Những giáo lý đó là tốt lành ở, tốt lành ở giữa, và tốt ở phần cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, (chúng) tuyên bố (cho thấy) đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết—những giáo lý đó người đó đã học nhiều, đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc bằng miệng, đã điều tra bằng tâm, và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến). Đây được gọi là sự giàu có về sự học-hiểu. (6) “Và cái gì là sự giàu có về sự rộng-lòng bố thí? Ở đây, một đệ tử thánh thiện sống ở nhà với một cái tâm không bị nhiễm tính keo-kiệt, rộng lòng bố-thí, giang tay giúp-đỡ, vui thích sự từ-bỏ, là người tận tâm với việc từ-thiện, vui thích sự cho-đi và chia-sẻ. Đây được gọi là sự giàu có về sự rộng-lòng bố thí. (7) “Và cái gì là sự giàu có về trí-tuệ? Ở đây, một đệ tử thánh thiện có được loại trí-tuệ nhận thấy sự sinh và sự diệt, (trí-tuệ đó) là thánh thiện và mang tính thâm nhập và dẫn tới hoàn toàn diệt-khổ. Đây được gọi là sự giàu có về trí-tuệ. “Này các Tỳ kheo, đây là bảy loại sự giàu có.”

[Phần thi kệ giống như kinh 7:05 kế trên.]

7 (7) Tể Tướng Ugga Lúc đó có ông Ugga là tể tướng của nhà vua đã đến gặp đức Thế Tôn,

•7

kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa Ngài, thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, là cách ông Migāra ở xứ Rohaṇa thật là giàu có, với nhiều tài sản và của cải nhiều như vậy.” “Nhưng ông Migāra của xứ Rohaṇa giàu theo cách nào? Theo cách nào là ông ấy có nhiều tài sản và của cải?” “Ông ấy có cả trăm khối vàng đúc,1456 chưa kể số lượng bạc.” “Này Ugga, đó là một loại sự giàu có, ta không chối cãi. Nhưng loại sự giàu có đó có thể bị mất đi do hỏa hoạn, do lũ lụt, bởi vua chúa (tịch thu), bởi trộm

cướp, và bởi những người thừa kế bất nghĩa. Tuy nhiên, này Ugga, có bảy loại sự giàu có không thể bị mất đi do hỏa hoạn, do lũ lụt, bởi vua chúa, bởi trộm cướp, và bởi những người thừa kế bất nghĩa. Bảy đó là gì? Sự giàu có về niềm-tin, sự giàu có về giới-hạnh, sự giàu có về cảm-nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức, sự giàu có về cảm-nhận biết sợ-hãi về mặt đạo đức, sự giàu có về học-hiểu, sự giàu có về sự rộng-lòng bố thí, và sự giàu có về trí-tuệ. Đây là bảy sự giàu có không thể bị mất đi do hỏa hoạn, do lũ lụt, bởi vua chúa, bởi trộm cướp, và bởi những người thừa kế bất nghĩa."

[Phần thi kệ giống như kinh 7:05 kế trên.]

8 (8) Những Gông Cùm "Này các Tỳ kheo, có bảy gông-cùm (kiết sử).1457 Bảy đó là gì? Gông cùm thuận-tình (tham),1458 gông cùm ác-cảm (ác ý, sân), gông cùm quan- điểm (kiến), gông cùm nghi-ngờ (nghi), gông cùm tự-ta (ngã mạn), gông cùm tham-muốn được hiện-hữu (hữu dục), và gông cùm vô-minh. Đây là bảy gông cùm."

9 (9) Sự Dẹp Bỏ "Này các Tỳ kheo, đời sống tâm linh được sống là để dẹp bỏ và xóa

bỏ bảy gông-cùm. Bảy đó là gì? Gông cùm thuận-tình (tham), gông cùm ác-cảm (ác ý, sân), gông cùm quan-điểm (kiến), gông cùm nghi-ngờ (nghi), gông cùm tự-ta (ngã mạn), gông cùm tham-muốn được hiện-hữu (hữu dục), và gông cùm vô-minh. Đây là bảy gông cùm. Đời sống tâm linh được sống là để dẹp bỏ và xóa bỏ bảy gông-cùm này." "Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ gông cùm thuận-tình, đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn không còn khởi sinh trong tương lai; khi người đó đã dẹp bỏ gông cùm ác-cảm ... gông cùm quan-điểm này nọ ... gông cùm nghi-ngờ ... gông cùm tự-ta ... gông cùm tham-muốn được hiện-hữu ... gông cùm vô-minh, đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn không còn khởi sinh trong tương lai, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo đã cắt bỏ dục-vọng, đã tháo bỏ gông-cùm, và bằng sự hoàn toàn xuyên phá sự tự-ta, người đó đã làm nên sự chấm-dứt khổ."

10 (10) Sự Keo Kiệt "Này các Tỳ kheo, có bảy gông-cùm này. Bảy đó là gì? Gông cùm thuận-tình (tham), gông cùm ác-cảm (sân), gông cùm quan-điểm này nọ (tà kiến), gông cùm nghi-ngờ (nghi), gông cùm tự-ta (ngã mạn), gông cùm ghen-tỵ, và gông cùm keo-kiệt.1459 Đây là bảy gông-cùm."

NHÓM 2. NHỮNG KHUYNH HƯỚNG TIỀM ẨN

11 (1) Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn (1) "Này các Tỳ kheo, có bảy khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên). Bảy đó là gì? Khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra (dẫn tới) tham-dục, khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra sự ác-ý, khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra những quan-điểm này nọ (tà kiến), khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra sự nghi-ngờ, khuynh-hướng

tiềm ẩn của sự tự-ta (ngã mạn), khuynh-hướng tiềm ẩn tạo của tham-muốn được hiện-hữu (hữu dục), và khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra vô-minh. Đây là bảy

khuynh-hướng tiềm ẩn.”

12 (2) Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn (2) “Này các Tỳ kheo, đời sống tâm linh được sống là để dẹp bỏ và xóa sạch bảy khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên). Bảy đó là gì? Khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra (dẫn tới) tham-dục, khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra sự ác-ý, khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra những quan-điểm này nọ (tà kiến), khuynh- hướng tiềm ẩn tạo ra sự nghi-ngờ, khuynh-hướng tiềm ẩn của sự tự-ta (ngã mạn), khuynh-hướng tiềm ẩn tạo của tham-muốn được hiện-hữu (hữu dục), và khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra vô-minh. Đời sống tâm linh được sống là để dẹp bỏ và xóa sạch những khuynh-hướng tiềm ẩn này. “Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra tham-dục, đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn không còn khởi sinh trong tương lai; khi người đó đã dẹp bỏ khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra sự ác-ý … khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra tà-kiến … khuynh-hướng tiềm tạo ra sự nghi-ngờ … khuynh-hướng tiềm ẩn của sự tự-ta … khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra tham-muốn được hiện-hữu … khuynh-hướng tiềm tạo ra vô-minh, đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn không còn khởi sinh trong tương lai, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo không còn những khuynh-hướng tiềm ẩn,1460 là người đã cắt bỏ dục-vọng, đã tháo bỏ gông-cùm, và bằng sự hoàn toàn xuyên phá sự tự-ta (phá ngã), người đó đã làm nên sự chấm-dứt khổ.”

13 (3) Những Gia Đình “Này các Tỳ kheo, có bảy yếu tố, một gia đình chưa đến gặp thì không đáng để đến gặp, hoặc nếu đã đến gặp thì không đáng để ngồi lại

với họ.1461 Bảy đó là gì? (1) Họ không đứng dậy một cách trân trọng (vui vẻ, dễ chịu).1462 (2) Họ không kính lễ (xá chào, lễ lạy, chấp tay cúi chào) một cách trân trọng. (3) Họ không mời chỗ ngồi một cách trân trọng. (4) Họ che giấu những thứ mình có. (5) Ngay cả họ có nhiều họ cũng bố thí ít ỏi. (6) Ngay cả họ có những thứ tốt ngon họ cũng bố thí những thứ thô dở. (7) Họ bố thí không có sự kính trọng, một cách bất kính. Có bảy yếu tố này, một gia đình chưa đến gặp thì không đáng để đến gặp, hoặc nếu đã đến gặp thì không đáng để ngồi lại với họ. “Này các Tỳ kheo, có được bảy yếu tố, một gia đình chưa đến gặp thì đáng để đến gặp, hoặc nếu đã đến gặp thì đáng để ngồi lại với họ. Bảy đó là gì? (1) Họ đứng dậy một cách trân trọng. (2) Họ kính lễ một cách trân trọng. (3) Họ mời chỗ ngồi một cách trân trọng. (4) Họ không che giấu những thứ mình có. (5) Nếu họ có nhiều họ bố thí nhiều. (6) Nếu họ có những thứ tốt ngon họ bố thí những thứ tốt ngon đó. (7) Họ bố thí với sự kính trọng, một cách kính trọng. Có được bảy yếu tố này, một gia đình chưa đến gặp thì đáng để đến gặp, hoặc nếu đã đến gặp thì đáng để ngồi lại với họ.”

14 (4) Những Loại Người “Này các Tỳ kheo, có bảy người là xứng đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Bảy đó là gì? Người được giải-thoát cả hai phương-diện, người được giải- thoát bằng trí-tuệ, người

thân-chứng, người đạt tới chánh-kiến, người giải- thoát bằng niềm-tin, người tu theo Giáo Pháp (căn trí), và người tu theo niềm-tin (căn tín). Bảy người này là xứng đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian."1463

15 (5) Giống Những Người Dưới Nước

• 11

"Này các Tỳ kheo, có bảy loại người được thấy có trong thế gian giống như những người dưới nước. Bảy đó là gì? (1) Ở đây, có người chìm xuống nước một lần và ở luôn dưới đó. (2) Có người trồi lên và chìm xuống lại. (3) Có người đã trồi lên và ở yên chỗ đó (mặt nước). (4) Có người đã trồi lên, nhìn thấy rõ ràng, và nhìn xung quanh. (5) Có người đã trồi lên và đang bơi qua. (6) Có người đã trồi lên và tìm được một chỗ đứng vững chắc (như cù lao, đảo nhỏ). (7) Có người đã trồi lên, đã bơi qua, đã vượt qua bờ bên kia, là một bà-la-môn đứng trên nền đất cao.1464 (1) "Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một người đã chìm xuống nước một lần và ở luôn dưới đó? Ở đây, có người chỉ có toàn những phẩm-chất tối, bất thiện. Theo cách này là một người đã chìm xuống nước một lần và ở luôn dưới đó. (2) "Và theo cách nào là một người đã trồi lên và chìm lại xuống nước? Ở đây, có người đã khởi sinh [ý nghĩ]: 'Tốt thay niềm-tin vào [sự tu dưỡng] những phẩm-chất thiện là tốt lành; tốt thay sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức để có [sự tu dưỡng] những phẩm-chất thiện; tốt thay sự biết sợ- hãi về mặt đạo đức để có [sự tu dưỡng] những phẩm-chất thiện; tốt thay sự nỗ-lực (tinh tấn) để có [sự tu dưỡng] những phẩm-chất thiện; tốt thay trí- tuệ để có [sự tu dưỡng] những phẩm-chất thiện.' Tuy nhiên, niềm-tin đó của người đó không được ổn định hay tăng trưởng mà giảm đi. Sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức của người đó … sự biết sợ-hãi về mặt đạo đức của người đó … sự nỗ-lực của người đó … trí-tuệ của người đó không được ổn định hay tăng trưởng mà giảm giảm đi. Theo cách này là một người đã trồi lên và chìm lại dưới nước. (3) "Và theo cách nào một người đã trồi lên và ở yên chỗ đó? Ở đây, có người đã khởi lên [ý nghĩ]: 'Tốt thay niềm-tin vào [sự tu dưỡng] những phẩm-chất thiện là tốt lành … tốt thay trí-tuệ để có [sự tu dưỡng] những phẩm-chất thiện.' Niềm-tin đó của người đó không giảm đi cũng không tăng trưởng; nó chỉ ở yên mức đó. Sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức của người đó … sự biết sợ-hãi về mặt đạo đức của người đó … sự nỗ-lực của người đó … trí-tuệ của người đó không giảm đi cũng không tăng trưởng;

nó chỉ ở yên mức đó. Theo cách này là một người đã trồi lên và ở yên chỗ đó. (4) "Và theo cách nào là một người đã trồi lên, nhìn thấy rõ ràng, và nhìn xung quanh? Ở đây, có người đã khởi sinh [ý nghĩ]: 'Tốt thay niềm- tin vào [sự tu dưỡng] những phẩm-chất thiện là tốt lành … tốt thay trí-tuệ để có [sự tu dưỡng] những phẩm-chất thiện.' Bằng sự phá sạch ba gông- cùm (đầu tiên), người này là một bậc Nhập-lưu, không còn bị [tái sinh trong] cõi dưới, đã định xong vận mệnh, đang hướng tới sự giác-ngộ. Theo cách này là một người đã trồi lên, nhìn thấy rõ ràng, và nhìn xung quanh. (5) "Và theo cách nào là một người đã trồi lên và đang bơi qua? Ở đây, có người đã khởi sinh [ý nghĩ]:

‘Tốt thay niềm-tin vào [sự tu dưỡng] những phẩm-chất thiện là tốt lành … tốt thay trí-tuệ để có [sự tu dưỡng] những phẩm-chất thiện.’ Bằng sự diệt sạch ba gông-cùm (đầu tiên), và cộng với sự giảm thiểu tham, sân, si, người này là bậc Nhất-lai, sau khi quay lại thế gian này chỉ một lần nữa, sẽ làm nên sự chấm-dứt khổ. Theo cách này là một người đã trồi lên và đang bơi qua. (6) “Và theo cách nào là một người đã trồi lên và đã tìm được một chỗ đứng vững chắc? Ở đây, có người đã khởi sinh [ý nghĩ]: ‘Tốt thay niềm-tin vào [sự tu dưỡng] những phẩm-chất thiện là tốt lành … tốt thay trí-tuệ để có [sự tu dưỡng] những phẩm-chất thiện.’ Bằng sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn (đầu tiên; hạ phần kiết sử), người này là bậc tái sinh tự động (trong một trong năm cõi trời trong-sạch (tịnh cư thiên) của những bậc thánh Bất-lai), và ở đó sẽ đến lúc chứng ngộ luôn Niết-bàn cuối cùng (bát-niết-bàn), chứ không còn quay lại thế gian này từ cõi đó nữa. Theo cách này là một người đã trồi lên và đã có được một chỗ đứng vững chắc. (7) Và theo cách nào là một người đã trồi lên, đã bơi qua, đã vượt qua bờ bên kia, là một bà-la-môn đứng trên nền đất cao? Ở đây, có người đã khởi sinh [ý nghĩ]: ‘Tốt thay niềm-tin vào [sự tu dưỡng] những phẩm-chất thiện là tốt lành … tốt thay trí-tuệ để có [sự tu dưỡng] những phẩm-chất thiện.’ Bằng sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết

• 13

trực tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. Theo cách này là một người đã trồi lên, đã bơi qua, và đã vượt qua bờ bên kia, là một bà-la-môn đứng trên nền đất cao. “Này các Tỳ kheo, đây là bảy loại người được thấy có trong thế gian giống những người ở dưới nước.”

16 (6) Vô Thường “Này các Tỳ kheo, có bảy loại người là những người đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Bảy đó là gì? (1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, có người an trú quán sát sự vô-thường trong tất cả những hiện-tượng có điều-kiện (mọi pháp hữu vi), nhận thức sự vô-thường, trải nghiệm sự vô-thường, bằng tâm chú-định (tập trung, hội tụ) vào nó một cách thường trực, liên tục và không gián đoạn, và thấu đạt nó bằng trí-tuệ. - Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận), ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải- thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. Đây là loại người thứ nhất đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian. (2) “Lại nữa, có người an trú quán sát sự vô-thường trong tất cả những hiện-tượng có điều-kiện, nhận thức sự vô-thường, trải nghiệm sự vô-thường, bằng tâm chú-định vào nó một cách thường trực, liên tục và không gián đoạn, và thấu đạt nó bằng trí-tuệ. - Đối với người này, sự diệt hết ô-nhiễm (lậu tận) và sự kết thúc sinh-mạng (mạng chung, chết) xảy ra cùng lúc.1465 Đây được gọi là loại người thứ hai đáng được tặng quà … (3) “Lại nữa, có người an trú quán sát sự vô-thường trong tất cả những hiện-tượng có điều-kiện, nhận thức sự vô-thường, trải

nghiệm sự

14 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 7

vô-thường, bằng tâm chú-định vào nó một cách thường trực, liên tục và không gián đoạn, và thấu đạt nó bằng trí-tuệ. - Bằng sự diệt sạch năm gông-cùm thấp hơn (đầu tiên; hạ phần kiết sử), người đó trở thành một người chứng ngộ bát–niết-bàn [Niết-bàn cuối cùng] trong nửa-đầu kiếp sau.1466 Đây là loại người thứ ba đáng được tặng quà … (4) - “Bằng sự tiêu diệt năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), người đó trở thành một người chứng ngộ Niết-bàn trong nửa-sau kiếp sau.1467 Đây là loại người thứ tư đáng được tặng quà … (5) - “Bằng sự tiêu diệt năm gông-cùm thấp hơn, người đó trở thành một người chứng ngộ Niết-bàn không cần sự cố-gắng thêm.1468 Đây là loại người thứ năm đáng được tặng quà … (6) - “Bằng sự tiêu diệt năm gông-cùm thấp hơn, người đó trở thành một người chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng thêm. Đây là loại người thứ sáu đáng được tặng quà … (7) “Lại nữa, có người an trú quán sát sự vô-thường trong tất cả những hiện-tượng có điều-kiện, nhận thức sự vô-thường, trải nghiệm sự vô-thường, bằng tâm chú-định vào nó một cách thường trực, liên tục và không gián đoạn, và thấu đạt nó bằng trí-tuệ. - Bằng sự tiêu diệt năm gông-cùm thấp hơn, người đó trở thành một người hướng thượng lưu, đang hướng tới cõi trời Akaniṭṭha (Sắc cứu kính thiên, là cõi trời cao nhất thọ nhất trong 05 cõi trời trong-sạch (tịnh cư thiên) dành cho các bậc thánh Bất-lai).1469 Đây là loại người thứ bảy đáng được tặng quà … “Này các Tỳ kheo, đây là bảy loại người là những người đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian”

17 (7) Khổ “Này các Tỳ kheo, có bảy loại người là những người đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là

• 15

ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Bảy đó là gì? (1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, có người an trú quán sát sự khổ trong tất cả những hiện-tượng có điều-kiện (mọi pháp hữu vi), nhận thức sự khổ, trải nghiệm sự khổ, bằng tâm chú-định (tập trung, hội tụ) vào nó một cách thường trực, liên tục và không gián đoạn, và thấu đạt nó bằng trí-tuệ. - Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận), ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. Đây là loại người thứ nhất đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian. [Còn lại từ (2)-(7) giống tương tự kinh 7:16 kế trên, chỉ khác là thay chữ “quán sát sự vô-thường” bằng chữ “quán sát sự khổ”.]

18 (8) Vô Ngã 1470 “Này các Tỳ kheo, có bảy loại người là những người đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Bảy đó là gì? (1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, có người an trú quán sát sự vô-ngã trong tất cả những

hiện-tượng (mọi pháp),1471 nhận thức sự vô-ngã, trải nghiệm sự vô-ngã, bằng tâm chú-định (tập trung, hội tụ) vào nó một cách thường trực, liên tục và không gián đoạn, và thấu đạt nó bằng trí-tuệ. - Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận), ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. Đây là loại người thứ nhất đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian.

16 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 7

[Còn lại từ (2)-(7) giống tương tự kinh 7:16 kế trên, chỉ khác là thay chữ "quán sát sự vô-thường" bằng chữ "quán sát sự vô-ngã".]

19 (9) Hạnh Phúc "Này các Tỳ kheo, có bảy loại người là những người đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Bảy đó là gì? "Ở đây, này các Tỳ kheo, có người an trú quán sát sự hạnh-phúc (lạc) trong Niết-bàn, nhận thức sự sự hạnh-phúc, trải nghiệm sự sự hạnh-phúc, bằng tâm chú-định (tập trung, hội tụ) vào nó một cách thường trực, liên tục và không gián đoạn, và thấu đạt nó bằng trí-tuệ. - Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận), ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. Đây là loại người thứ nhất đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian. [Còn lại từ (2)-(7) giống tương tự kinh 7:16 kế trên, chỉ khác là thay chữ "quán sát sự vô-thường" bằng chữ "quán sát sự hạnh-phúc".]

20 (10) Những Cơ Sở Để [Thành Người] 'Không Có Mười' "Này các Tỳ kheo, có bảy cơ-sở để [thành người] 'không có mười' (mười năm, mười tuổi ...).1472 Bảy đó là gì? "Ở đây, (1) một Tỳ kheo có mong-muốn nhiệt thành thụ nhận việc tu- tập và không mất đi sự vui-thích thụ nhận sự tu-tập trong tương lai. (2) Người đó có mong-muốn mạnh mẽ để chú-tâm tới Giáo Pháp và không mất đi sự vui-thích để chú-tâm tới Giáo Pháp trong tương lai. (3) Người đó có mong-muốn mạnh mẽ để loại bỏ những ước nguyện vô ích và không

• 17

mất đi sự vui-thích loại bỏ những ước nguyện vô ích trong tương lai.1473 (4) Người đó có mong-muốn mạnh mẽ để sống tách-ly (ẩn dật) và không mất đi sự vui-thích sống tách-ly trong tương lai. (5) Người đó có mong- muốn mạnh mẽ để phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) và không mất đi sự vui- thích phát khởi sự nỗ-lực trong tương lai. (6) Người đó có mong-muốn mạnh mẽ để (có được) sự chánh-niệm và sự rõ-biết (tỉnh giác) và không mất đi sự vui-thích sự chánh-niệm và sự rõ-biết trong tương lai. (7) Người đó có mong-muốn mạnh mẽ để thâm nhập bằng chánh-kiến và không mất đi sự vui-thích thâm nhập bằng chánh-kiến trong tương lai. Đây là bảy cơ- sở để [thành người] 'không

có mười’.”

NHÓM 3. VAIJJI BẢY

21 (1) Ngôi Đền Mái Nhọn Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong Ngôi Đền Mái Nhọn (Sārandada). Rồi một số người Lic- chavi đã đến gặp, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói điều này với họ: “Này những người Licchavi, ta sẽ dạy cho các người ‘bảy nguyên tắc để không bị suy-yếu’. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”1474 “Dạ, thưa Thế Tôn”, những người Licchavi đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này: “Và này những người Licchavi, cái gì là ‘bảy nguyên tắc để không bị suy-yếu’? (1) “Này những người Licchavi, chừng nào những người Vajji còn tổ chức đại hội đồng thường xuyên và định kỳ, thì họ chỉ đang cường thịnh, chứ không suy yếu. (2) “Chừng nào người Vajji còn gặp nhau hội họp trong sự hòa hợp, chia tay nhau trong sự hòa hợp, và làm ăn với nhau trong sự hòa hợp, thì họ chỉ đang cường thịnh, chứ không suy yếu.

(3) “Chừng nào người Vajji không ban hành những điều không được ban hành trước đó, và họ không hủy bỏ những điều đã được ban hành trước đó, mà họ chỉ làm theo những điều đã được ban hành theo truyền thống Vajji cổ kính của họ, thì họ chỉ đang cường thịnh, chứ không suy yếu. (4) “Chừng nào người dân Vajji tôn vinh, tôn trọng, tôn kính, và lễ chào những bậc trưởng lão, và nghĩ những vị bô lão đó nên được chú trọng, thì họ chỉ đang cường thịnh, chứ không suy yếu. (5) “Chừng nào người dân Vajji không bắt cóc cưỡng đoạt vợ và con gái của người khác để đem về sống với mình, thì họ chỉ đang cường thịnh, chứ không suy yếu. (6) “Chừng nào người dân Vajji còn tôn vinh, tôn trọng, tôn kính, và lễ lạy các bàn thờ miếu thờ của người Vajji ở trong [thành]1475 hay ở bên ngoài, họ không lơ là những việc chăm sóc và lễ cúng đã có từ trước,1476 thì họ chỉ đang cường thịnh, chứ không suy yếu. (7) “Chừng nào người dân Vajji còn còn chu cấp sự bảo-hộ đúng đắn, chỗ-ở, và sự bảo-vệ cho những vị A-la-hán để những vị A-la-hán đến sống ở đó, nhờ đó sau này những bậc A-la-hán khác có thể đến sống ở đó, và những bậc A-la-hán đang ở đó thì đang sống an lạc, thì họ chỉ đang cường thịnh, chứ không suy yếu. “Này những người Licchavi, chừng nào ‘bảy nguyên tắc để không bị suy-yếu’ này còn tiếp nối trong những người Vajji, và còn thấy những người Vajji [được thiết lập] trong những nguyên tắc đó, thì họ chỉ đang cường thịnh, chứ không suy-yếu.”

22 (2) Tể Tướng Vassakāra Tôi nghe như vầy.1477 Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trên Đỉnh Núi Kền Kền (Linh Thứu). Bấy giờ, vào lúc đó có Vua Ajātasattu (A-xà-thế) Vedehiputta của xứ Ma-kiệt-đà

(Magadha) muốn tiến đánh những người Vajji (Bạt-kỳ). Nhà vua nói: “Dù những người Vajji hùng mạnh và lớn mạnh cỡ nào, ta cũng sẽ hủy diệt họ, tiêu diệt họ, mang tai họa và thảm nạn đến cho họ.” Rồi Vua Ajātasattu A-xà-thế nói với quan tể tướng của nước Ma-kiệt- đà là bà-la-môn Vassakāra: “Này bà-la-môn, hãy đến gặp đức Thế Tôn và nhân

danh ta xin cuối đầu xuống chân đức Thế Tôn để kính lễ. Hãy hỏi thăm đức Thế Tôn có thích nghi và khỏe mạnh, đi lại dễ dàng và mạnh giỏi, và cảm thấy an nhiên hay không. Rồi hãy thưa như vầy: 'Thưa Thế Tôn, Vua A-xà-thế muốn tiến đánh những người Vajji. Nhà vua nói như vầy: "Dù những người Vajji hùng mạnh và lớn mạnh cỡ nào, ta cũng sẽ hủy diệt họ, tiêu diệt họ, mang tai họa và thảm nạn đến cho họ."' Rồi hãy nghe rõ đức Thế Tôn trả lời ông ra sao rồi về báo lại với ta, bởi vì những Như Lai thì không nói sai." "Dạ, thưa đức vua", bà-la-môn Vassakāra đáp lại. Rồi ông ta đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đến chỗ đức Thế Tôn. Ông ta chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn, và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên và thưa: "Thưa Thầy Cồ-đàm, Vua A-xà-thế của xứ Ma-kiệt-đà xin cuối đầu xuống hai chân đức Thế Tôn để kính lễ. Nhà vua có lời hỏi thăm Thầy Cồ- đàm có thích nghi và khỏe mạnh, đi lại dễ dàng và mạnh giỏi, và cảm thấy an nhiên hay không. Thưa Thầy Cồ-đàm, Vua A-xà-thế muốn tiến đánh những người Vajji. Nhà vua nói như vầy: 'Dù những người Vajji hùng mạnh và lớn mạnh cỡ nào, ta cũng sẽ hủy diệt họ, tiêu diệt họ, mang tai họa và thảm nạn đến cho họ.'" Lúc đó có Ngài Ānanda đang đứng bên cạnh hầu quạt đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn mới nói với thầy Ānanda: (1) "Này Ānanda, thầy có nghe những người Vajji vẫn đang tổ chức đại hội đồng thường xuyên và định kỳ, hay không? "Dạ, thưa Thế Tôn, con có nghe họ vẫn đang như vậy." "Này Ānanda, chừng nào những người Vajji vẫn còn tổ chức đại hội

đồng thường xuyên và định kỳ, thì chỉ có thể coi họ đang cường thịnh, chứ không suy yếu. (2) "Này Ānanda, thầy có nghe những người Vajji vẫn đang họp mặt với nhau trong sự hòa hợp, chia tay nhau trong sự hòa hợp, và làm ăn với nhau trong sự hòa hợp, hay không? "Dạ, thưa Thế Tôn, con có nghe họ vẫn đang như vậy." "Này Ānanda, chừng nào những người Vajji vẫn còn họp mặt với nhau trong sự hòa hợp, chia tay nhau trong sự hòa hợp, và làm ăn với nhau trong sự hòa hợp, thì chỉ có thể coi họ đang cường thịnh, chứ không suy yếu." (3) "Này Ānanda, thầy có nghe những người Vajji không ban hành những điều không được ban hành trước đó, và họ không hủy bỏ những điều đã được ban hành trước đó, mà họ chỉ làm theo những điều đã được ban hành theo truyền thống Vajji cổ kính của họ, hay không? "Dạ, thưa Thế Tôn, con có nghe họ vẫn như vậy." "Này Ānanda, chừng nào những người Vajji vẫn không ban hành những điều không được ban hành trước đó, và họ không hủy bỏ những điều đã được ban hành trước đó, mà họ chỉ làm theo những điều đã được ban hành theo truyền thống Vajji cổ kính của họ, thì chỉ có thể coi họ đang cường thịnh, chứ không suy yếu." (4) "Này Ānanda, thầy có nghe những người Vajji vẫn tôn vinh, tôn trọng, tôn kính, và lễ chào những bậc trưởng lão, và nghĩ những vị bô lão đó nên được chú trọng, hay không? "Dạ, thưa Thế Tôn, con có nghe họ vẫn đang như vậy." "Này Ānanda, chừng nào những người Vajji còn tôn vinh, tôn trọng, tôn kính, và lễ chào những bậc trưởng lão, và nghĩ những vị bô lão đó nên được chú trọng, thì chỉ có thể coi họ đang cường thịnh, chứ không suy yếu." (5) "Này Ānanda, thầy có nghe những người Vajji không bắt cóc

cưỡng đoạt vợ và con gái của người khác để đem về sống với mình, thì họ chỉ đang cường thịnh, hay không? “Dạ, thưa Thế Tôn, con có nghe họ không làm vậy.” “Này Ānanda, chừng nào những người Vajji vẫn không bắt cóc cưỡng đoạt vợ và con gái của người khác để đem về sống với mình, thì chỉ có thể coi họ đang cường thịnh chứ không suy yếu.” (6) “Này Ānanda, thầy có nghe những người Vajji vẫn tôn vinh, tôn trọng, tôn kính, và lễ lạy các bàn thờ miếu thờ của người Vajji ở trong [thành] hay ở bên ngoài, họ không lơ-là những việc chăm sóc và lễ cúng đã có từ trước, hay không? “Dạ, thưa Thế Tôn, con có nghe họ vẫn đang như vậy.” “Này Ānanda, chừng nào những người Vajji còn tôn vinh, tôn trọng, tôn kính, và lễ lạy các bàn thờ miếu thờ của người Vajji ở trong [thành] hay ở bên ngoài, họ không lơ là những việc chăm sóc và lễ cúng đã có từ trước, thì chỉ có thể coi họ đang cường thịnh, chứ không suy yếu.” (7) “Này Ānanda, thầy có nghe những người Vajji vẫn đang chu cấp sự bảo-hộ đúng đắn, chỗ-ở, và sự bảo-vệ cho những vị A-la-hán để những vị A-la-hán đến sống ở đó, nhờ đó sau này những bậc A-la-hán khác có thể đến sống ở đó, và những bậc A-la-hán đang ở đó thì đang sống an lạc, hay không? “Dạ, thưa Thế Tôn, con có nghe họ vẫn đang làm vậy.” “Này Ānanda, chừng nào những người Vajji vẫn chu cấp sự bảo hộ đúng đắn, chỗ ở, và sự bảo vệ những vị A-la-hán để những vị A-la-hán đến sống ở đó, nhờ đó sau này những bậc A-la-hán khác có thể đến sống ở đó, và những bậc A-la-hán đang ở đó thì đang sống an lạc, thì chỉ có thể coi họ đang cường thịnh, chứ không suy yếu.” Rồi đức Thế Tôn mới nói với bà-la-môn Vassakāra, vị tể tướng của nước Ma-kiệt-đà: “Này bà-la-môn, trước kia trong một lần khi ta đang sống ở Vesālī

(Tỳ-xá-ly) chỗ Ngôi Đền Mái Nhọn (Sārandada). Ở đó ta đã dạy cho những người Vajji ‘bảy nguyên tắc để không bị suy-yếu’. Chừng nào ‘bảy nguyên tắc để không bị suy-yếu’ này còn tiếp nối trong những người Va- jji, và còn thấy những người Vajji [được thiết lập] trong những điều đó, thì chỉ có thể coi họ đang cường thịnh chứ không suy yếu.” Sau khi điều này được nói ra, bà-la-môn Vassakāra mới nói với đức Thế Tôn: “Thưa Thầy Cồ-đàm, nếu những người Vajji chỉ tuân thủ thậm chí một trong ‘bảy nguyên tắc để không bị suy-yếu’ này thì cũng có thể coi họ chỉ đang cường thịnh chứ không suy yếu. Vậy còn nói chi nếu họ tuân thủ hết cả bảy nguyên tắc đó? Vậy là, thưa Thầy Cồ-đàm, Vua A-xà-thế của xứ Ma-kiệt-đà không thể tiến đánh những người Vajji, ngoại trừ cách gài người tạo phản hoặc gây chia rẽ họ mà thôi. Và bây giờ, thưa Thầy Cồ-đàm, tôi phải đi đây. Chúng tôi bận bịu và có nhiều việc phải làm.” “Này bà-la-môn, ông cứ tùy tiện mà đi.” Rồi bà-la-môn Vassakāra, vị tể tướng của nước Ma-kiệt-đà, sau khi hài lòng và vui mừng với lời nói của đức Thế Tôn, ông đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về.

23 (3) Không Sa Sút (1) Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trên Đỉnh Núi Kền Kền. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo ta sẽ dạy cho các thầy ‘bảy nguyên tắc để không bị sa-sút’. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”1478 “Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là ‘bảy nguyên tắc để không bị

sa-sút’? (1) “Chừng nào các Tỳ kheo còn tổ chức họp mặt thường xuyên và

• 23

định kỳ, thì chỉ có thể coi họ đang tăng trưởng (cường thịnh) chứ không sa sút (suy yếu). (2) “Chừng nào các Tỳ kheo còn gặp nhau trong sự hòa hợp, chia tay nhau trong sự hòa hợp, và làm việc với nhau trong sự hòa hợp, thì chỉ có thể coi họ đang tăng trưởng chứ không sa sút. (3) “Chừng nào các Tỳ kheo vẫn không ban hành những điều đã không được ban hành, và không hủy bỏ những điều đã được ban hành, mà họ chỉ làm theo những điều đã được ban hành bởi những giới-luật tu hành, thì chỉ có thể coi họ đang tăng trưởng chứ không sa sút. (4) “Chừng nào các Tỳ kheo còn tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và lễ chào các bậc trưởng lão đã thụ giới xuất gia lâu năm, là những người cha (sư phụ) và những người dẫn dắt của Tăng đoàn, thì chỉ có thể coi họ đang tăng trưởng chứ không sa sút. (5) “Chừng nào các Tỳ kheo không bị điều khiển bởi dục-vọng đã khởi sinh bên trong họ dẫn tới sự tái hiện-hữu, thì chỉ có thể coi họ đang tăng trưởng chứ không sa sút. (6) “Chừng nào các Tỳ kheo còn ý-định tới những chỗ trú-ở trong rừng (sống tu trong rừng), thì chỉ có thể coi họ đang tăng trưởng chứ không sa sút. (7) Chừng nào các Tỳ kheo mỗi người còn thiết lập sự chánh-niệm [với ý-định]: ‘Làm cách nào để những Tỳ kheo thiện hành chưa đến sẽ đến ở tu và những Tỳ kheo thiện hành đã ở đây thì an trú an ổn thư thái?’, thì chỉ có thể coi họ đang tăng trưởng chứ không sa sút. “Này các Tỳ kheo, chừng nào ‘bảy nguyên tắc để không bị sa-sút’ còn tiếp nối trong số những Tỳ kheo và những Tỳ kheo còn được thấy [được thiết lập] trong những điều đó, thì chỉ có thể coi họ đang tăng trưởng chứ không sa sút.”

24 (4) Không Sa Sút (2)

24 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 7

“Này các Tỳ kheo ta sẽ dạy cho các thầy ‘bảy nguyên tắc để không bị sa-sút’. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là ‘bảy nguyên tắc để không bị sa-sút’? (1) “Chừng nào những Tỳ kheo không thích thú công việc, ham thích công việc, chỉ lo làm công việc, thì chỉ có thể coi họ đang tăng trưởng chứ không sa sút. (2) Chừng nào những Tỳ kheo không thích thú nói chuyện …. (3) … không thích thú ngủ … (4) … không thích thú gặp gỡ tụ tập … (5) … không có những tham-muốn xấu ác … (6) … không giao kết với những bạn xấu, đồng hành xấu, đạo hữu xấu … (7) … không nửa-chừng dừng lại [sự tu tập] chỉ vì mới thành tựu một vài sự khác-biệt còn nhỏ nhược (mới chứng đắc vài điều đã tự mãn ngưng tu),1479 thì chỉ có thể coi họ đang tăng trưởng chứ không sa sút. “Này các Tỳ kheo, chừng nào ‘bảy nguyên tắc để không bị sa-sút’ còn tiếp nối trong số những Tỳ kheo và những Tỳ kheo còn được thấy [được thiết lập] trong những điều đó, thì chỉ có thể coi họ đang tăng trưởng chứ không sa sút.”

25 (5) Không Sa Sút (3) “Này các Tỳ kheo ta sẽ dạy cho các thầy ‘bảy nguyên tắc để không bị sa-sút’. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là ‘bảy nguyên tắc để không bị sa-sút’? (1) “Chừng nào những Tỳ kheo còn được phú cho niềm-tin, thì

chỉ có thể coi họ đang tăng trưởng chứ không sa sút. (2) Chừng nào họ còn có cảm-nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức … (3) còn biết sợ-hãi về mặt đạo đức … (4) … có học-hiểu nhiều … (5) … nỗ-lực (tinh tấn) … (6) … có chánh-niệm … (7) … có trí, thì chỉ có thể coi họ đang tăng trưởng chứ không sa sút.

• 25

“Này các Tỳ kheo, chừng nào ‘bảy nguyên tắc để không bị sa-sút’ còn tiếp nối trong số những Tỳ kheo và những Tỳ kheo còn được thấy [được thiết lập] trong những điều đó, thì chỉ có thể coi họ đang tăng trưởng chứ không sa sút.”

26 (6) Không Sa Sút (4) “Này các Tỳ kheo ta sẽ dạy cho các thầy ‘bảy nguyên tắc để không bị sa-sút’. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là ‘bảy nguyên tắc để không bị sa-sút’? (1) “Chừng nào những Tỳ kheo còn tu tập chi giác-ngộ là chánh-niệm (niệm), thì chỉ có thể coi họ đang tăng trưởng chứ không sa sút. (2) Chừng nào họ còn tu tập chi giác-ngộ là điều-tra những hiện-tượng (trạch pháp) … (3) … chi giác-ngộ là nỗ-lực (tinh tấn) … (4) … chi giác-ngộ là sự ho- an-hỷ (hỷ) … (5) … chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng (khinh an) … (6) … chi giác-ngộ là sự định-tâm (định) … (7) … chi giác-ngộ là sự buông-xả (xả), thì chỉ có thể coi họ đang tăng trưởng chứ không sa sút. “Này các Tỳ kheo, chừng nào ‘bảy nguyên tắc để không bị sa-sút’ còn tiếp nối trong số những Tỳ kheo và những Tỳ kheo còn được thấy [được thiết lập] trong những điều đó, thì chỉ có thể coi họ đang tăng trưởng chứ không sa sút.”

27 (7) Không Sa Sút (5) “Này các Tỳ kheo ta sẽ dạy cho các thầy ‘bảy nguyên tắc để không bị sa-sút’. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là ‘bảy nguyên tắc để không bị sa-sút’? (1) “Chừng nào những Tỳ kheo còn tu tập nhận-thức về sự vô-

thường, thì chỉ có thể coi họ đang tăng trưởng chứ không sa sút. (2) Chừng nào họ còn tu tập nhận-thức về sự vô-ngã … (3) … nhận-thức sự không hấp-dẫn (của thân) … (4) … nhận-thức về sự nguy-hại … (5) … nhận-thức về sự dẹp-bỏ … (6) … nhận-thức về sự chán-bỏ … (7) … nhận-thức về sự chấm-dứt, thì chỉ có thể coi họ đang tăng trưởng chứ không sa sút.1480 “Này các Tỳ kheo, chừng nào ‘bảy nguyên tắc để không bị sa-sút’ còn tiếp nối trong số những Tỳ kheo và những Tỳ kheo còn được thấy [được thiết lập] trong những điều đó, thì chỉ có thể coi họ đang tăng trưởng chứ không sa sút.”

28 (8) Một Học Nhân “Này các Tỳ kheo, bảy phẩm chất này dẫn tới sự sa-sút của một Tỳ kheo là bậc học nhân. Bảy đó là gì? Thích thú làm công việc này nọ, thích thú nói chuyện, thích thú ngủ, thích thú gặp gỡ giao lưu, không phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận (giác quan), thiếu tiết độ trong ăn uống, và khi có những vấn đề thuộc về Tăng Đoàn [cần được giải quyết] trong Tăng Đoàn, vị Tỳ kheo là bậc học nhân đó không biết suy xét như vầy:1481 ‘Trong Tăng Đoàn có những bậc trưởng lão lâu năm, đã xuất gia từ lâu, có trách nhiệm, là những người đảm nhận trách nhiệm cho [việc giải quyết] đó.’ Người đó cứ tự mình đảm nhận chúng.1482 Đây là bảy phẩm chất dẫn tới sự sa sút

của một Tỳ kheo là bậc học nhân. “Này các Tỳ kheo, bảy phẩm chất này dẫn tới sự không sa-sút của một Tỳ kheo là bậc học nhân. Bảy đó là gì? Không thích thú làm việc này việc nọ, không thích thú nói chuyện, không thích thú ngủ, không thích thú gặp gỡ giao lưu, luôn phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận, tiết độ trong ăn uống, và khi có những vấn đề thuộc về Tăng Đoàn [cần được giải quyết] trong Tăng Đoàn, vị Tỳ kheo là bậc học nhân đó biết suy xét như vầy: ‘Trong Tăng Đoàn có những bậc trưởng lão lâu năm, đã xuất gia từ lâu, có trách nhiệm, là những người đảm nhận trách nhiệm cho [việc giải

• 27

quyết] đó.’ Người đó không tự mình đảm nhận chúng. Đây là bảy phẩm chất dẫn tới sự không sa sút của một Tỳ kheo là bậc học nhân.”

29 (9) Sự Sa Sút (I) “Này các Tỳ kheo, bảy điều này dẫn tới sự sa-sút của một đệ tử tại gia. Bảy đó là gì? (1) Người đó ngừng việc gặp gỡ các Tỳ kheo; (2) người đó lơ là việc lắng nghe Giáo Pháp tốt lành; (3) người đó không tu tập phần giới-hạnh bậc cao (nhiều hơn năm giới); (4) người đó có đầy nghi ngờ đối với những Tỳ kheo, dù đó là Tỳ kheo trưởng lão, Tỳ kheo tân niên, hay Tỳ kheo trung niên (tuổi hạ); (5) người đó lắng nghe Giáo Pháp với một cái tâm canh me phê phán, tìm lỗi bắt lý này nọ; (6) người đó tìm kiếm người đáng được cúng dường ở bên ngoài (ngoài Tăng đoàn); (7) người đó làm những việc [công đức] ở ngoài đó (ngoài Tăng đoàn). 1483 Đây là bảy điều dẫn tới sự sa sút của một đệ tử tại gia. (II) “Này các Tỳ kheo, bảy điều này dẫn tới không sự sa-sút của một đệ tử tại gia. Bảy đó là gì? (1) Người đó không ngừng việc gặp các Tỳ kheo; (2) người đó không lơ là việc lắng nghe Giáo Pháp tốt lành; (3) người đó tu tập phần giới-hạnh bậc cao; (4) người đó có đầy niềm-tin đối với những Tỳ kheo, dù đó là Tỳ kheo trưởng lão, Tỳ kheo tân niên, hay Tỳ kheo trung niên (tuổi hạ); (5) người đó lắng nghe Giáo Pháp với một cái tâm không canh me phê phán hay tìm lỗi bắt lý này nọ; (6) người đó không tìm kiếm người đáng được cúng dường ở bên ngoài (ngoài Tăng đoàn); (7) người đó làm những việc [công đức] ngay tại đây (tức trong Tăng đoàn). Đây là bảy điều dẫn tới sự không sa sút của một đệ tử tại gia.1484 Người đệ tử tại gia ngưng gặp gỡ [các Tỳ kheo]: [Các Tỳ kheo] là những người đã tu tập bản thân; [Người ngưng] nghe những giáo lý của bậc thánh hiền, Và không tu tập phần giới-hạnh bậc cao; Và sự nghi ngờ đối với những Tỳ kheo

Cứ không ngừng gia tăng;
Người muốn nghe Giáo Pháp tốt lành
Với một cái tâm bị bẻ theo hướng bắt bẻ phê phán;
Người đệ tử tại gia nào tìm kiếm người đáng cúng dường
Là những người ngoài đạo,
Và chỉ ưu tiên làm những việc công-đức đối với họ:
Đây là bảy nguyên tắc đã được khéo dạy
Mô tả những điều dẫn tới sự sa sút.

Một đệ tử tại gia cứ nương dựa theo những điều này,
Là bị rớt khỏi Giáo Pháp tốt lành.
Người đệ tử tại gia không ngừng việc gặp gỡ [các Tỳ kheo]
Là những người đã tu tập bản thân;
Là người lắng nghe những giáo lý của bậc thánh hiền,
Và tu tập phần giới-hạnh bậc cao;
Và niềm-tin đối với những Tỳ kheo
Càng không ngừng gia tăng;
Lắng nghe Giáo Pháp tốt lành
Với một cái tâm không bị bẻ theo hướng bắt bẻ phê phán;
Người đệ tử tại gia không tìm kiếm người đáng cúng dường
Là những người ngoài đạo;
Và chỉ ưu tiên làm những việc công-đức ở đây:
Đây là bảy nguyên tắc đã được khéo dạy
Mô tả những điều dẫn tới sự không sa sút.
Một đệ tử tại gia nương dựa theo những điều này,
Là không bị rớt khỏi Giáo Pháp tốt lành.
30 (10) Thất Bại 1485 (I) “Này các Tỳ kheo, có bảy sự thất-bại này của một đệ tử tại gia. Bảy đó là gì? … [giống phần đầu kinh 7:29 kế trên] … Đây là bảy sự thấtbại của một đệ tử tại gia.

• 29

(II) “Này các Tỳ kheo, có bảy sự thành-công này của một đệ tử tại gia. Bảy đó là gì? … [giống phần sau kinh 7:29 kế trên] … Đây là bảy sự thành-công của một đệ tử tại gia.”

31 (11) Sụp Đổ (I) “Này các Tỳ kheo, có bảy sự tàn-lụi này đối với một đệ tử tại gia. Bảy đó là gì? … [giống phần đầu kinh 7:29 kế trên] … Đây là bảy sự tàn- lụi đối với một đệ tử tại gia. (II) “Này các Tỳ kheo, có bảy sự thắng-lợi này đối với một đệ tử tại gia. Bảy đó là gì? … [giống phần sau kinh 7:29 kế trên] … Đây là bảy sự thắng-lợi đối với một đệ tử tại gia.”

[Phần thi kệ giống hệt như kinh 7:29.]

NHÓM 4. NHỮNG THIÊN THẦN

32 (1) Sự Chuyên Chú 1486 Lúc đó, khi đêm đã khuya, có một thiên thần với vẻ đẹp tuyệt vời, chiếu sáng hết Khu Vườn (của thái tử) Jeta, đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn và đứng qua một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, có bảy phẩm chất này dẫn tới sự không sa-sút của một Tỳ kheo. Bảy đó là gì? Tôn kính Vị Thầy (Phật), tôn kính Giáo Pháp, tôn kính Tăng Đoàn, tôn kính tu-tập, tôn kính chuyên-chú, tôn kính định- tâm, và tôn kính hiếu-khách. Đây là bảy phẩm chất dẫn tới sự không sa-sút của một Tỳ kheo.” Đây là lời vị thiên thần đã nói. Vị Thầy đồng ý. Rồi vị thiên thần đó, do nghĩ ‘Vị Thầy đã đồng ý với mình’ nên đã kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, và biến mất tại đó.

Rồi, khi đêm đã qua, đức Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:
“Này các Tỳ kheo, tối qua, khi đêm đã khuya, có một thiên thần với vẻ đẹp tuyệt vời … [Phật kể lại nguyên câu chuyện trên] … và biến mất ngay tại đó.”
Tôn trọng đối với Vị Thầy,
Tôn trọng đối với Giáo Pháp,
Sâu sắc tôn kính Tăng Đoàn,
Tôn trọng đối với sự định-tâm, nhiệt thành,
Sâu sắc tôn trọng đối với sự tu-tập,
Tôn trọng đối với sự chuyên-chú:
Giữ sự hiếu-khách trong sự tôn kính:
Thì Tỳ kheo này không thể rớt khỏi
Mà gần với Niết-bàn.
33 (2) Sự Biết Xấu Hổ Về Mặt Đạo Đức 1487 “Này các Tỳ kheo, tối qua, khi đêm đã khuya, có một thiên thần với vẻ đẹp tuyệt vời, chiếu sáng khắp Khu Vườn (của thái tử) Jeta, đến gặp ta, kính lễ và đứng qua một bên, và thưa với ta: “‘Thưa Thế Tôn, có bảy phẩm chất này dẫn tới sự không sa-sút của một Tỳ kheo. Bảy đó là gì? Tôn kính Vị Thầy (Phật), tôn kính Giáo Pháp, tôn kính Tăng Đoàn, tôn kính tu-tập, tôn kính định-tâm, tôn kính biết xấu- hổ về mặt đạo đức, và tôn kính biết sợ-hãi về mặt đạo đức. Đây là bảy phẩm chất dẫn tới sự không sa-sút của một Tỳ kheo.’ Đây là lời vị thiên thần đã nói. Rồi vị thiên thần đó kính lễ ta, đi vòng ra giữ ta ở hướng bên phải mình, và biến mất tại đó.” Tôn trọng đối với Vị Thầy, Tôn trọng đối với Giáo Pháp, Sâu sắc tôn kính Tăng Đoàn, Có đủ sự biết xấu-hổ và biết sợ-hãi về mặt đạo đức, Cung kính và tôn kính:

• 31

Người như vậy không thể rớt khỏi Mà gần với Niết-bàn.

34 (3) Dễ Tu Sửa (1) “Này các Tỳ kheo, tối qua, khi đêm đã khuya, có một thiên thần với vẻ đẹp tuyệt vời, chiếu sáng khắp Khu Vườn (của thái tử) Jeta, đã đến gặp ta, kính lễ và đứng qua một bên, và thưa với ta: “Thưa Thế Tôn, có bảy phẩm chất này dẫn tới sự không sa-sút của một Tỳ kheo. Bảy đó là gì? Tôn kính Vị Thầy (Phật), tôn kính Giáo Pháp, tôn kính Tăng Đoàn, tôn kính tu-tập, tôn kính định-tâm, dễ tu sửa (bởi người khác và bởi chính mình), và có đạo hữu tốt. Đây là bảy phẩm chất dẫn tới sự không sa sút của một Tỳ kheo.’ Đây là lời vị thiên thần đã nói. Rồi vị thiên thần đó kính lễ ta, đi vòng ra giữ ta ở hướng bên phải mình, và biến mất tại đó.” Tôn trọng đối với Vị Thầy, Tôn trọng đối với Giáo Pháp, Sâu sắc tôn kính Tăng Đoàn, Tôn trọng sự định-tâm, nhiệt thành, Sâu sắc tôn trọng sự tu-tập; Dung dưỡng những đạo-hữu tốt, Dễ tu sửa được, Cung kính và tôn kính: Người như vậy không thể rớt khỏi Mà gần với Niết-bàn.

35 (4) Dễ Tu Sửa (2)1488 “Này các Tỳ kheo, tối qua, khi đêm đã khuya, có một thiên thần với vẻ đẹp tuyệt vời, chiếu sáng khắp Khu Vườn (của thái tử) Jeta, đã đến gặp ta, kính lễ và đứng qua một bên, và thưa với ta:

“Thưa Thế Tôn, có bảy phẩm chất này dẫn tới sự không sa-sút của một Tỳ kheo. Bảy đó là gì? Tôn kính Vị Thầy, tôn kính Giáo Pháp, tôn kính Tăng Đoàn, tôn kính sự tu-tập, tôn kính sự định-tâm, dễ tu sửa (bởi người khác và bởi mình), và có đạo-hữu tốt. Bảy phẩm chất này dẫn tới sự không sa-sút của một Tỳ kheo.” Sau khi điều này được nói ra, Ngài Xá-lợi-phất đã thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, con hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của điều này mới được Thế Tôn nói ra một cách vắn tắt, như sau đây. Thưa Thế Tôn, ở đây (1) một Tỳ kheo tự mình tôn kính Vị Thầy và nói lời đề cao sự tôn kính dành cho Vị Thầy; người đó khuyến khích những Tỳ kheo không tôn kính Vị Thầy nên tu dưỡng sự tôn kính dành cho Vị Thầy, và vào lúc thích hợp, một cách chân thành và chân thực, người đó nói lời đề cao những Tỳ kheo biết tôn kính Vị Thầy. (2) Người đó tự mình tôn kính Giáo Pháp … (3) … tôn kính Tăng Đoàn … (4) … tôn kính sự tu-tập … (5) … tôn kính sự định-tâm … (6) … dễ tu sửa (bởi người khác và bởi mình) … (7) … có đạo-hữu tốt, và nói lời đề cao sự có đạo-hữu tốt; người đó khuyến khích những Tỳ kheo không có đạo-hữu tốt nên có những đạo-hữu tốt, và vào lúc thích hợp, một cách chân thành và chân thực, người đó nói lời đề cao những Tỳ kheo có những đạo-hữu tốt. Thưa Thế Tôn, chính theo cách như vậy là con hiểu một cách chỉ tiết ý nghĩa của điều mới được Thế Tôn nói ra một cách vắn tắt.” [Đức Thế Tôn nói:] “Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! Thật tốt lành thầy hiểu được một cách chi tiết điều mới được ta nói ra một cách vắn tắt như vậy. “Ở đây, này Xá-lợi-phất, một Tỳ kheo tự mình tôn kính Vị Thầy … [Phật lặp lại toàn nội dung thầy Xá-lợi-phất mới nói] … Ý nghĩa của điều mới được ta nói một cách vắn tắt nên được hiểu một cách chi tiết theo cách như vậy.”

36 (5) Bạn (1)1489

• 33

“Này các Tỳ kheo, một người nên giao lưu với bạn là người có được bảy yếu tố. Bảy đó là gì? (1) Là người cho đi thứ khó cho. (2) Người làm được điều khó làm. (3) Người kiên nhẫn chịu đựng điều khó chịu đựng. (4) Người nói những bí mật cho mình nghe. (5) Người giữ kín những bí mật của mình. (6) Người không bỏ rơi ta khi ta gặp khó khăn hoạn nạn. (7) Người không khinh khi mình một cách thô lỗ.1490 Một người nên giao lưu với bạn có được bảy yếu tố (đức tính) này.” Một người bạn cho được những thứ khó cho, Và làm được những điều khó ai làm. Người đó tha thứ lời nói gắt gỏng của ta Và chịu đựng được những điều khó chịu đựng. Người đó nói hết những bí mật của người đó, Nhưng người đó giữ kín những bí mật của ta. Người đó không bỏ ta trong những lúc khó khăn, Cũng không khinh khi ta một cách thô lỗ. Người có những phẩm chất đó trong mình, Chính là một người bạn. Ai mong muốn có được bạn tốt, Thì hãy nên trông cậy vào một người như vậy.

37 (6) Bạn (2) “Này các Tỳ kheo, một người tu nên giao lưu với một đạo hữu Tỳ kheo có được bảy phẩm chất; nên trông cậy vào người đó và chú tâm vào (nghe, theo) người đó ngay cả khi người đó có đuổi mình đi. Bảy đó là gì? (1) Người đó là dễ mến và dễ chịu đối với nhiều người; (2) người đó được tôn trọng và (3) được kính trọng; (4) người đó là

một người nói (lời khuyên tốt khéo);1491 (5) người đó biết nhẫn nhịn khi bị (người khác) nói này nói nọ; (6) người đó nói lời sâu sắc; và (7) người đó không tham gia với người làm điều sai trái." Người thân mến, được tôn trọng và được kính trọng,

Là một người nói (cho ta nghe nhiều điều), và
Nhẫn nhịn khi bị người khác nói về mình;
Người đó nói những lời sâu sắc, và
Không giao lưu với người làm điều sai trái.
Người trong mình có những phẩm chất đó
Chính là một người bạn,
Có lòng từ ái và bi mẫn.
Cho dù mình có bị người đó đuổi đi,
Ai mong muốn có một bạn tốt,
Thì nên trông cậy vào một người như vậy.

38 (7) Trí Biết Mang Tính Phân Tích (1) "Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo có được bảy phẩm chất, người đó có thể sớm tự mình chứng ngộ, bằng sự-biết trực tiếp, bốn loại trí-biết mang tính phân tích (vô ngại giải trí) và đạt được sự làm-chủ về chúng.1492 Bảy đó là gì? "Ở đây, (1) một Tỳ kheo hiểu được đúng như nó thực là: 'Đây là sự trì-trệ của tâm trong tôi.'1493 (2) Hoặc khi tâm bị kìm hãm ở bên trong, người đó hiểu đúng như nó thực là: 'Tâm của tôi bị kìm hãm ở bên trong.' (3) Hoặc khi tâm bị xao lãng ở bên ngoài, người đó hiểu đúng như nó thực là: 'Tâm của tôi bị xao lãng ở bên ngoài.' 1494 (4) Người đó biết những cảm-giác khi chúng khởi sinh, khi chúng còn, khi chúng biến mất; (5) người đó biết những nhận-thức khi chúng khởi sinh, khi chúng còn, khi chúng biến mất; (6) người đó biết những ý-nghĩ khi chúng khởi sinh, khi chúng còn, khi chúng biến mất.1495 (7) Rồi, trong số những phẩm chất thích hợp và không thích hợp, nhược và ưu, tối và sáng cùng với những phẩm chất đối ngược của mỗi chúng, người đó đã khéo nắm giữ dấu-hiệu (tướng), khéo chú tâm (tác ý) tới nó, khéo quán chiếu về nó, khéo thâm nhập nó bằng trí-tuệ.1496 Khi một Tỳ kheo có được bảy phẩm chất này, người đó sẽ sớm tự mình chứng ngộ, bằng sự-biết trực tiếp, bốn loại trí-

biết mang tính phân tích và đạt được sự làm-chủ về chúng."

39 (8) Trí Biết Mang Tính Phân Tích (2) 1497 "Này các Tỳ kheo, khi thầy Xá-lợi-phất đã có được bảy phẩm chất này, thầy ấy đã tự mình chứng ngộ, bằng sự-biết trực tiếp, bốn loại trí-biết mang tính phân tích (vô ngại giải trí) và đạt được sự làm-chủ về chúng. Bảy đó là gì? "Ở đây, (1) thầy Xá-lợi-phất hiểu được đúng như nó thực là: 'Đây là sự trì-trệ của tâm trong tôi.'1498 (2) Hoặc khi tâm bị kìm hãm ở bên trong, thầy ấy hiểu đúng như nó thực là: 'Tâm của tôi bị kìm hãm ở bên trong.' (3) Hoặc khi tâm bị xao lãng ở bên ngoài, thầy ấy hiểu đúng như nó thực là: 'Tâm của tôi bị xao lãng ở bên ngoài.' (4) Thầy ấy biết những cảm- giác khi chúng khởi sinh, khi chúng còn, khi chúng biến mất; (5) thầy ấy biết những nhận-thức khi chúng khởi sinh, khi chúng còn, khi chúng biến

mất; (6) thầy ấy biết những ý-nghĩ khi chúng khởi sinh, khi chúng còn, khi chúng biến mất. (7) Rồi, trong số những phẩm chất thích hợp và không thích hợp, nhược và ưu, tối và sáng cùng với những phẩm chất đối ngược của mỗi chúng, thầy ấy đã khéo nắm giữ dấu-hiệu (tướng), khéo chú tâm (tác ý) tới nó, khéo quán chiếu về nó, khéo tâm nhập nó bằng trí-tuệ. Khi có được bảy phẩm chất này, thầy Xá-lợi-phất đã tự mình chứng ngộ, bằng sự-biết trực tiếp, bốn loại trí-biết mang tính phân tích và đạt được sự làm-chủ về chúng."

40 (9) Sự Làm Chủ (1) "Này các Tỳ kheo, có được bảy phẩm chất, một Tỳ kheo thực hiện 'sự làm-chủ (sự nắm vững, thiện thạo) về tâm' của mình và không làm nô lệ cho tâm mình. Bảy đó là gì? (1) Một Tỳ kheo thiện khéo về sự định- tâm, (2) thiện khéo về sự chứng-nhập trong sự (tầng thiền) định, (3) thiện khéo về thời-gian chứng nhập trong định, (4) thiện khéo về sự thoát-ra

khỏi định, (5) thiện khéo về sự phù-hợp để đạt định, (6) thiện khéo về trú- xứ của định, và (7) thiện khéo về giải-pháp đối với định.1499 Có được bảy phẩm chất này, một Tỳ kheo thực hiện 'sự làm-chủ về tâm' của mình và không làm nô lệ cho tâm mình."

41 (10) Sự Làm Chủ (2)1500 "Này các Tỳ kheo, có được bảy phẩm chất, thầy Xá-lợi-phất thực hiện 'sự làm-chủ về tâm' của mình và không làm nô lệ cho tâm mình. Bảy đó là gì? (1) Thầy Xá-lợi-phất kheo thiện khéo về sự định-tâm, (2) thiện khéo về sự chứng-nhập trong (tầng thiền) định, (3) thiện khéo về thời-gian chứng nhập trong định, (4) thiện khéo về sự thoát-ra khỏi định, (5) thiện khéo về sự phù-hợp để đạt định, (6) thiện khéo về trú-xứ của định, và (7) thiện khéo về giải-pháp đối với định. Có được bảy phẩm chất này, thầy Xá-lợi-phất thực hiện 'sự làm-chủ về tâm' của mình và không làm nô lệ cho tâm mình.

42 (11) Những Cơ Sở Để [Thành Người] "Không Có Mười" (1) Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Rồi, vào buổi sáng, Ngài Xá-lợi- phất mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, và đi vô thành Sāvatthī để khất thực. Rồi ý nghĩ này đã xảy đến với thầy ấy: "Giờ vẫn còn quá sớm để đi khất thực trong thành Sāvatthī. Vậy ta hãy ghé đến khu ở (khu vườn, tịnh xá) của những du sĩ giáo phái khác (ngoại đạo)." Rồi thầy Xá-lợi-phất đã đi đến khu ở của những du sĩ giáo phái khác. Thầy ấy chào hỏi qua lại với họ; sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên. Vào lúc đó những du sĩ ở đó đang tụ tập và giữa họ có cuộc đàm đạo này: "Này các đạo hữu, có một người nào sống đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết đã mười hai năm là đủ phẩm chất để được gọi là một Tỳ kheo là người 'không có mười'."

Rồi thầy Xá-lợi-phất không hài lòng cũng không phản bác câu nói này của những du sĩ đó, thầy đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về, [nghĩ rằng]: "Mình sẽ tìm hiểu coi đức Thế Tôn sẽ nói gì về điều này." Sau đó, sau khi đã đi khất thực trong thành Sāvatthī, sau khi trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, thầy ấy đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ

đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. [Thầy ấy thưa lại với đức Thế Tôn đúng từng chữ toàn bộ câu chuyện, và hỏi:] “Thưa Thế Tôn, có thể nào trong Giáo Pháp và giới luật này mô tả một Tỳ kheo là người ‘không có mười’ chỉ bằng cách đếm số năm, hay không?” “Này Xá-lợi-phất, trong Giáo Pháp và giới luật này, không thể nào mô tả một Tỳ kheo là người ‘không có mười’ chỉ bằng cách đếm số năm. Này Xá-lợi-phất, có bảy cơ-sở để [thành người] ‘không có người’ mà ta đã tuyên thuyết sau khi ta đã tự mình chứng ngộ trí-biết trực tiếp.1501 Bảy đó là gì? Ở đây, (1) một Tỳ kheo có mong-muốn nhiệt thành thụ nhận việc tu-tập và không mất đi sự vui-thích thụ nhận sự tu-tập trong tương lai. (2) Người đó có mong-muốn mạnh mẽ để chú-tâm tới Giáo Pháp và không mất đi sự vui-thích để chú-tâm tới Giáo Pháp trong tương lai. (3) Người đó có mong-muốn mạnh mẽ để loại bỏ những ước nguyện vô ích và không mất đi sự vui-thích loại bỏ những ước nguyện vô ích trong tương lai. (4) Người đó có mong-muốn mạnh mẽ để sống tách-ly (ẩn dật) và không mất đi sự vui-thích sống tách-ly trong tương lai. (5) Người đó có mong-muốn mạnh mẽ để phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) và không mất đi sự vui-thích phát khởi sự nỗ-lực trong tương lai. (6) Người đó có mong-muốn mạnh mẽ để (có được) sự chánh-niệm và sự rõ-biết (tỉnh giác) và không mất đi sự vui-thích sự chánh-niệm và sự rõ-biết trong tương lai. (7) Người đó có mong-muốn mạnh mẽ để thâm nhập bằng chánh-kiến và không mất đi sự vui-thích thâm nhập bằng chánh-kiến trong tương lai. Đây là bảy cơ-sở để [thành người] ‘không có mười’ mà ta đã tuyên thuyết sau khi ta đã tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp. “Này Xá-lợi-phất, nếu một Tỳ kheo có được bảy cơ-sở này để [thành

người] ‘không có mười’, thì, nếu người đó sống đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết, thì người đó là đủ phẩm chất được gọi là người ‘không có mười’. Cũng vậy, nếu người đó sống đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết được hai mươi bốn năm, thì người đó là đủ phẩm chất được gọi là người ‘không có mười’. Cũng vậy, nếu người đó sống đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết được ba mươi sáu năm, thì người đó là đủ phẩm chất được gọi là người ‘không có mười’. Cũng vậy, nếu người đó sống đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết được bốn mươi tám năm, thì người đó là đủ phẩm chất được gọi là người ‘không có mười’.”

43 (12) Những Cơ Sở Để [Thành Người] “Không Có Mười” (2) Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kosambī trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Ghosita. Lúc đó, vào buổi sáng, Ngài Ānanda mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa và đi vô thành Kosambī để khất thực. Rồi ý nghĩ này đã xảy đến với thầy ấy: “Giờ vẫn còn quá sớm để đi khất thực trong thành Sāvatthī. Vậy ta hãy ghé đến khu ở (khu vườn, tịnh xá) của những du sĩ giáo phái khác.” Rồi thầy Ānanda đã đi đến khu ở của những du sĩ giáo phái khác … [Tiếp tục như kinh 7:42, chỉ thay tên thầy Xá-lợi-phất thành thầy Ānanda và Sāvatthī thành Kosambī, cho đến khi hỏi Phật:]

“Thưa Thế Tôn, có thể nào trong Giáo Pháp và giới luật này mô tả một Tỳ kheo là người ‘không có mười’ chỉ bằng cách đếm số năm, hay không?” “Này Xá-lợi-phất, trong Giáo Pháp và giới luật này, không thể nào mô tả một Tỳ kheo là người ‘không có mười’ chỉ

bằng cách đếm số năm. Này Xá-lợi-phất, có bảy cơ-sở để [thành người] 'không có người' mà ta đã tuyên thuyết sau khi ta đã tự mình chứng ngộ trí-biết trực tiếp. Bảy đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo (1) có niềm-tin, (2) có cảm nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức, (3) biết sợ-hãi về mặt đạo đức; (4) người đó học-hiểu nhiều, (5) nỗ-lực (tinh tấn), (6) có chánh-niệm, và (7) có trí. Đây là bảy cơ-sở để

• 39

[thành người] 'không có mười' mà ta đã tuyên thuyết sau khi ta đã tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp. "Này Ānanda, nếu một Tỳ kheo có được bảy cơ-sở này để [thành người] 'không có mười', thì, nếu người đó sống đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết, thì người đó là đủ phẩm chất được gọi là người 'không có mười'. Cũng vậy, nếu người đó sống đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết được hai mươi bốn năm, thì người đó là đủ phẩm chất được gọi là người 'không có mười'. Cũng vậy, nếu người đó sống đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết được ba mươi sáu năm, thì người đó là đủ phẩm chất được gọi là người 'không có mười'. Cũng vậy, nếu người đó sống đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết được bốn mươi tám năm, thì người đó là đủ phẩm chất được gọi là người 'không có mười'."

NHÓM 5. CÚNG TẾ LỚN

44 (1) Những Trạm-trú "Này các Tỳ kheo, có bảy trạm-trú cho thức.1502 Bảy đó là gì? (1) "Này các Tỳ kheo, có những chúng sinh khác nhau về thân và khác nhau về nhận-thức, như loài người, một số thiên thần, và một số trong cõi dưới. Đây là trạm-trú (nghĩa như: cõi của chúng sinh) thứ nhất cho (đối với, của) thức.1503 (2) "Có những chúng sinh khác nhau về thân nhưng giống nhau về nhận-thức, như những thiên thần trong đoàn tùy tùng của trời Brahmā (Phạm chúng thiên) được tái sinh thông qua (tâm thức của) tầng thiền định thứ nhất. Đây được gọi là trạm-trú thứ hai cho thức.1504 (3) "Có những chúng sinh giống nhau về thân nhưng khác nhau về nhận-thức, như những thiên thần chiếu hào quang thành dòng (quang âm thiên). Đây là trạm-trú thứ ba cho thức.1505

(4) "Có những chúng sinh giống nhau về thân và giống nhau về nhận- thức, như những thiên thần hào quang chói lọi (biến tịnh thiên). Đây là trạm-trú thứ tư cho thức.1506 (5) "Có những chúng sinh, với sự đã vượt qua những nhận-thức về sắc giới, với sự phai biến những nhận-thức về sự chạm-xúc giác quan, với sự không còn chú-tâm (tác ý) tới những nhận-thức về sự đa-dạng, [chỉ nhận thức:] 'Không gian là vô biên', thuộc về cảnh xứ vô-biên của không- gian (không vô biên xứ). Đây là trạm-trú thứ năm cho thức. (6) "Có những chúng sinh, bằng cách hoàn toàn vượt trên 'cảnh xứ vô-biên của không gian', [nhận thức:] 'thức là vô biên', thuộc về cảnh xứ vô-biên của thức (thức vô biên xứ). Đây là trạm-trú thứ sáu cho thức. (7) "Có những chúng sinh, bằng cách hoàn toàn vượt trên 'cảnh xứ vô-biên của thức', [nhận thức:] 'sự không-có-gì', thuộc về cảnh xứ trống- không (vô sở hữu xứ). Đây là trạm-trú thứ bảy cho thức. "Này các Tỳ kheo, đây là bảy trạm-trú cho thức."1507

45 (2) Những Phụ liệu “Này các Tỳ kheo, có bảy phụ-liệu này của sự định-tâm. Bảy đó là gì? Chánh-kiến, chánh tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh tinh-tấn, và chánh-niệm. Sự nhất-điểm của tâm (định) được trang bị bằng bảy chi phần này thì được gọi là sự chánh-định thánh thiện ‘với những phần hộ-trợ của nó’ và ‘với những phụ-liệu của nó’.”1508

46 (3) Lửa “Này các Tỳ kheo, có bảy lửa này. Bảy đó là gì? Lửa tham, lửa sân, lửa si, lửa của những bậc đáng được tặng quà, lửa của gia chủ, lửa của những người đáng được cúng dường, lửa củi. Đây là bảy lửa.”1509

• 41

47 (4) Sự Cúng Tế Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Bấy giờ, vào lúc đó có bà-la-môn tên Uggatasarīra đã thu xếp mọi thứ cho một lễ cúng tế lớn (đại tế dàn). Năm trăm con bò đực đã được dắt tới cây cột1510 để cúng tế (cột tế đàn). Năm trăm con bò thiến … Năm trăm con bò cái … Năm trăm con dê … Năm trăm con cừu đực chưa thiến đã được dẫn tới cây cột để cúng tế. Rồi bà-la-môn Uggatasarīra đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn: “Thầy Cồ-đàm, tôi đã nghe rằng, sự mồi lửa cúng tế và sự dựng cột cúng tế sẽ mang lại nhiều phước quả và ích lợi lớn lao.” “Này bà-la-môn, ta cũng nghe điều này.” Lần thứ hai … Lần thứ ba bà-la-môn Uggatasarīra nói lại với đức Thế Tôn: “Thầy Cồ-đàm, tôi đã nghe rằng, sự mồi lửa cúng tế và sự dựng cột cúng tế sẽ mang lại nhiều phước quả và ích lợi lớn lao.” “Này bà-la-môn, ta cũng nghe điều này.” “Vậy Thầy Cồ-đàm và ta hoàn toàn và tất thảy đồng ý với nhau.” Sau khi điều này được nói ra, Ngài Ānanda mới nói với bà-la-môn Uggatasarīra: “Này Brahmin, không nên hỏi những Như Lai như vầy: ‘Thầy Cồ- đàm, tôi đã nghe rằng, sự mồi lửa cúng tế và sự dựng cột cúng tế sẽ mang lại nhiều phước quả và ích lợi lớn lao.’ Nên hỏi những Như Lai như vầy: ‘Thưa Thế Tôn, tôi muốn mồi lửa cúng tế và dựng cột cúng tế. Mong đức Thế Tôn khởi xướng và chỉ giáo cho tôi cách để dẫn tới ích-lợi và hạnh- phúc dài lâu cho tôi.’” Rồi bà-la-môn Uggatasarīra đã nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cồ-đàm, tôi muốn mồi lửa cúng tế và dựng cột cúng tế. Mong Thầy Cồ-đàm khởi xướng và chỉ giáo cho tôi cách để dẫn tới ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho tôi.’” “Này bà-la-môn, người mồi lửa cúng tế và dựng cột cúng tế, ngay cả trước khi cúng tế, đã giương cao ba con dao, chúng là bất thiện và đưa đến sự khổ đau là kết quả và hậu quả của chúng. Ba đó là gì? Đó là con dao hành-động (thân), con dao lời-nói (miệng), và dao tâm-ý (tâm). (i) “Này bà-la-môn, người mồi lửa cúng tế và dựng cột cúng tế, ngay cả trước khi cúng tế, đã phát khởi một ý-nghĩ như vầy: ‘Hãy có nhiều con bò đực bị giết cho lễ cúng tế! Hãy có nhiều con bò thiến … nhiều con bò cái … nhiều con dê … nhiều con cừu đực bị giết cho lễ cúng tế!’ Mặc dù người đó [nghĩ] ‘Ta làm công-đức’, [thực ra] người đó đang làm sự thất- đức. Mặc dù người đó [nghĩ] ‘Ta tìm con đường tới nơi-đến tốt lành’, [thực ra] người đó tìm con đường tới nơi-đến xấu dữ. Một người mồi lửa cúng

tế và dựng cột cúng tế, ngay cả trước khi cúng tế, đã giương cao con dao thứ nhất—con dao tâm-ý, nó là bất thiện và đưa đến sự khổ đau là kết quả và hậu quả của nó. (ii) “Lại nữa, này bà-la-môn, một người mồi lửa cúng tế và dựng cột cúng tế, ngay cả trước khi cúng tế, đã nói ra lời-nói như vầy: ‘Hãy có nhiều con bò đực bị giết cho lễ cúng tế! Hãy có nhiều con bò thiến … nhiều con bò cái … nhiều con dê … nhiều con cừu đực bị giết cho lễ cúng tế!’ Mặc dù người đó [nghĩ] ‘Ta làm công-đức’, [thực ra] người đó đang làm sự thất-đức. Mặc dù người đó [nghĩ] ‘Ta tìm con đường tới nơi-đến tốt lành’, [thực ra] người đó tìm con đường tới nơi-đến xấu dữ. Một người mồi lửa cúng tế và dựng cột cúng tế, ngay cả trước khi cúng tế, đã giương cao con dao thứ hai—con dao lời-nói, nó là bất thiện và đưa đến sự khổ đau là kết quả và hậu quả của nó. (iii) “Lại nữa, này bà-la-môn, một người mồi lửa cúng tế và dựng cột cúng tế, ngay cả trước khi cúng tế, trước tiên đảm trách các khâu chuẩn bị để giết những con bò đực để cúng tế. Người đó trước tiên đảm trách các khâu chuẩn bị để giết bò thiến … nhiều con bò cái … nhiều con dê …

• 43

nhiều con cừu đực để cúng tế. Mặc dù người đó [nghĩ] ‘Ta làm công đức’, [thực ra] người đó đang làm sự thất-đức. Mặc dù người đó [nghĩ] ‘Ta tìm con đường tới nơi-đến tốt lành’, [thực ra] người đó tìm con đường tới nơi- đến xấu dữ. Một người mồi lửa cúng tế và dựng cột cúng tế, ngay cả trước khi cúng tế, đã giương cao con dao thứ ba—con dao hành-động, nó là bất thiện và đưa đến sự khổ đau là kết quả và hậu quả của nó. “Này bà-la-môn, người mồi lửa cúng tế và dựng cột cúng tế, ngay cả trước khi cúng tế, đã giương cao ba con dao này, chúng là bất thiện và đưa đến khổ đau là hậu quả và kết quả của chúng. (1)–(3) “Này bà-la-môn, có ba lửa này nên (được) dẹp bỏ và tránh bỏ, và không nên dung dưỡng. Ba đó là gì? Lửa tham, lửa sân, lửa si. (1) “Và tại sao lửa tham nên dẹp bỏ và tránh bỏ, và không nên dung dưỡng? Người bị kích thích bởi tham-dục, bị chi phối bởi tham-dục, với cái tâm bị ám muội bởi nó, thì dính vào những hành vi sai trái (ác hành) bởi hành-động, lời-nói, và tâm-ý. Hệ quả là, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Bởi vậy lửa tham này nên dẹp bỏ và tránh bỏ và không nên dung dưỡng. (2)–(3) “Và tại sao lửa sân … lửa si nên dẹp bỏ và tránh bỏ, và không nên dung dưỡng? Người bị kích thích bởi sân-hận … si-mê, bị chi phối bởi sân-hận … si-mê, với cái tâm bị ám muội bởi nó, thì dính vào những hành vi sai trái (ác hành) bởi hành-động, lời-nói, và tâm-ý. Hệ quả là, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Bởi vậy lửa sân … lửa si nên dẹp bỏ và tránh bỏ, và không nên dung dưỡng. “Đây là ba lửa nên dẹp bỏ và tránh bỏ, và không nên dung dưỡng. (4)–(6) “Này bà-la-môn, có ba lửa này nên (được) duy trì một cách đúng đắn và hạnh phúc, sau khi đã tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính ba lửa này. Ba đó là gì? Lửa của những người đáng được tặng quà, lửa của gia chủ, và lửa của những người đáng được cúng dường.

(4) “Và cái gì là lửa của những người đáng được tặng quà? Cha mẹ của một người được gọi là lửa của những người đáng được tặng quà. Vì lý do gì? Bởi vì con người bắt nguồn từ cha mẹ sinh thành.1511 Bởi vậy, lửa này của những người đáng được tặng quà nên duy trì một cách đúng đắn và hạnh phúc, sau khi đã tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính lửa này. (5) “Và cái gì là lửa của gia chủ? Vợ con, người ở, người hầu, và người làm ở trong nhà được gọi là lửa của gia chủ. Bởi vậy, lửa này của gia chủ nên duy trì một cách đúng đắn và hạnh phúc, sau khi đã tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính lửa này. (6) “Và cái gì là lửa của những người đáng được cúng dường? Những tu sĩ và bà-la-môn là những người kiêng cữ sự say-sưa và sự lơ-tâm phóng dật, là những người đã ổn định trong hạnh nhẫn-nhịn và hiền-từ, những người thuần-hóa bản thân, làm tĩnh-lặng bản thân, và tu-tập bản thân hướng tới Niết-bàn thì được gọi là lửa của những người đáng được cúng dường. Bởi vậy, lửa này của những người đáng được cúng dường nên duy trì một cách đúng đắn và hạnh phúc, sau khi đã tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính lửa này. “Này bà-la-môn, đây là ba lửa nên duy trì một cách đúng đắn và hạnh phúc, sau khi đã tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính lửa này. (7) “Nhưng, này bà-la-môn, còn lửa củi này thì có lúc nên thổi nó cháy lên, có lúc nên canh chừng nó với một sự buông-xả, có lúc nên dập tắt nó, có lúc nên dọn dẹp nó đi.” Sau khi điều này được nói ra, bà-la-môn Uggatasarīra đã thưa với đức Thế Tôn: “Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật xuất sắc, thưa Thầy Cồ- đàm! … [tiếp tục câu xin quy y như đoạn cuối kinh 6:38] … Mong Thầy Cồ- đàm hãy ghi nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y từ nay đến cuối đời. Thưa Thầy Cồ-đàm, con đã thả tự do cho năm trăm con bò đực để chúng được sống. Con đã thả tự do cho năm trăm con bò thiến để chúng được

• 45

sống. Con đã thả tự do cho năm trăm con bò cái để chúng được sống. Con đã thả tự do cho năm trăm con dê để chúng được sống. Con đã thả tự do cho năm trăm con cừu thiến để chúng được sống. Để chúng ăn cỏ xanh, uống nước mát, và thụ hưởng gió mát lành.”

48 (5) Những Nhận Thức (1) “Này các Tỳ kheo, có bảy nhận-thức này, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới kết quả và ích lợi lớn lao, dẫn tới đỉnh cao là sự bất-tử, có sự bất-tử là chung cuộc của chúng. Bảy đó là gì? (1) Nhận thức về sự không hấp-dẫn (ô uế, không sạch; của thân), (2) nhận thức về cái chết, (3) nhận thức về sự gớm-ghiếc của thức ăn, (4) nhận-thức về sự không thích- thú trong toàn bộ thế gian, (5) nhận thức về sự vô-thường, (6) nhận thức về sự khổ trong những thứ vô-thường, và (7) nhận thức về sự vô-ngã trong những thứ khổ. Đây là bảy nhận-thức, nếu được tu tập và tu dưỡng sẽ dẫn tới kết quả và ích lợi lớn lao, dẫn tới đỉnh cao là sự bất-tử, có sự bất-tử là chung cuộc của chúng.”

49 (6) Những Nhận Thức (2) “Này các Tỳ kheo, có bảy nhận-thức này, nếu được tu tập và tu dưỡng sẽ dẫn tới kết quả và ích lợi lớn lao, dẫn tới đỉnh cao là sự bất-tử, có sự bất-tử là chung cuộc của chúng. Bảy đó là gì? [1] Nhận thức về sự không hấp-dẫn (ô uế, không sạch; của thân), [2] nhận thức về cái chết, [3] nhận thức về sự gớm-ghiếc của

thức ăn, [4] nhận-thức về sự không thích- thú trong toàn bộ thế gian, [5] nhận thức về sự vô-thường, [6] nhận thức về sự khổ trong những thứ vô-thường, và [7] nhận thức về sự vô-ngã trong những thứ khổ. Đây là bảy nhận-thức, nếu được tu tập và tu dưỡng sẽ dẫn tới kết quả và ích lợi lớn lao, dẫn tới đỉnh cao là sự bất-tử, có sự bất-tử là chung cuộc của chúng. (1) "Khi điều [1] đã được nói, vì lý do gì nó được nói ra như vậy?

"Khi một Tỳ kheo thường an trú với một cái tâm đã quen với nhận- thức về sự không hấp-dẫn (của thân) thì tâm người đó co lại khỏi 'sự dâm dục', quay lưng lại với nó, lăn ra khỏi nó, và không bị kéo về phía nó, và sự buông-xả hoặc sự ghê-sợ được thiết lập bên trong người đó. Giống như một cọng lông gà hay một sợi gân khi bị quăng vô lửa thì nó co lại khỏi lửa, quay lưng lại với nó, lăn ra khỏi nó, và không bị kéo về phía nó. Cũng giống như vậy, cái tâm sẽ làm vậy đối với 'sự dâm dục' khi một Tỳ kheo thường an trú với một cái tâm đã quen với nhận-thức về sự không hấp-dẫn (của thân). - "Nếu một Tỳ kheo thường an trú với một cái tâm đã quen với nhận- thức về sự không hấp-dẫn (của thân), nhưng tâm người đó còn ngã theo 'sự dâm dục', hoặc nếu người đó không quay lưng khỏi nó,1512 thì người đó nên hiểu rằng: 'Mình đã tu tập nhận-thức về sự không hấp-dẫn (của thân); giờ vẫn không có sự khác-biệt nào so với tình trạng trước đây của mình;1513 mình chưa đạt được kết quả của sự tu tập.' Người đó nên hiểu thấu rõ điều này. Nhưng, nếu một Tỳ kheo thường an trú với một cái tâm đã quen với nhận-thức về sự không hấp-dẫn (của thân), với tâm người đó co lại khỏi 'sự dâm dục' … và sự buông-xả hay sự ghê-sợ được thiết lập bên trong người đó, thì người đó nên hiểu rằng: 'Mình đã tu tập nhận-thức về sự không hấp-dẫn (của thân); giờ có sự khác-biệt so với tình trạng trước đây của mình; mình đã đạt được kết quả của sự tu tập.' Người đó nên hiểu thấu rõ điều này. "Khi điều [1] đã được nói, chính vì lẽ này nên nó được nói ra như vậy. (2) "Khi điều [2] đã được nói, vì lý do gì nó được nói ra như vậy? "Khi một Tỳ kheo thường an trú với một cái tâm đã quen với nhận- thức về cái chết thì tâm người đó co lại khỏi 'sự dính-buộc với sự sống', quay lưng lại với nó, lăn ra khỏi nó, và không bị kéo về phía nó, và sự buông-xả hoặc sự ghê-sợ được thiết lập bên trong người đó. Giống như một cọng lông gà hay một sợi gân khi bị quăng vô lửa thì nó co lại khỏi lửa, quay lưng lại với nó, lăn ra khỏi nó, và không bị kéo về phía nó. Cũng

giống như vậy, cái tâm sẽ làm vậy đối với 'sự dính-buộc với sự sống' khi một Tỳ kheo thường an trú với một cái tâm đã quen với nhận-thức về cái chết. - "Nếu một Tỳ kheo thường an trú với một cái tâm đã quen với nhận- thức về cái chết, nhưng tâm người đó còn ngã theo 'sự dính-buộc với sự sống', hoặc nếu người đó không quay lưng khỏi nó, thì người đó nên hiểu rằng: 'Mình đã tu tập nhận-thức về cái chết; giờ vẫn không có sự khác- biệt nào so với tình trạng trước đây của mình; mình chưa đạt được kết quả của sự tu tập.' Người đó nên hiểu thấu rõ điều này. Nhưng, nếu một Tỳ kheo thường an trú với một cái tâm đã quen với nhận-thức về cái chết, với tâm người đó co lại khỏi 'sự dính-buộc với sự sống' … và sự buông-xả hay sự ghê-sợ được thiết lập bên trong người đó, thì người đó nên hiểu rằng: 'Mình đã tu tập nhận-thức về cái chết; giờ có sự

khác-biệt so với tình trạng trước đây của mình; mình đã đạt được kết quả của sự tu tập.' Người đó nên hiểu thấu rõ điều này. "Khi điều [2] đã được nói, chính vì lẽ này nên nó được nói ra như vậy. (3) "Khi điều [3] đã được nói, vì lý do gì nó được nói ra như vậy? "Khi một Tỳ kheo thường an trú với một cái tâm đã quen với nhận- thức về sự chán-ngán cho thức ăn thì tâm người đó co lại khỏi 'sự thèm- muốn những mùi vị', quay lưng lại với nó, lăn ra khỏi nó, và không bị kéo về phía nó, và sự buông-xả hoặc sự ghê-sợ được thiết lập bên trong người đó. Giống như một cọng lông gà hay một sợi gân khi bị quăng vô lửa thì nó co lại khỏi lửa, quay lưng lại với nó, lăn ra khỏi nó, và không bị kéo về phía nó. Cũng giống như vậy, cái tâm sẽ làm vậy đối với 'sự thèm-muốn những mùi vị' khi một Tỳ kheo thường an trú với một cái tâm đã quen với nhận-thức về sự chán-ngán cho thức ăn. - "Nếu một Tỳ kheo thường an trú với một cái tâm đã quen với nhận- thức về sự chán-ngán cho thức ăn, nhưng tâm người đó còn ngã theo 'sự thèm-muốn những mùi vị', hoặc nếu người đó không quay lưng khỏi nó,

thì người đó nên hiểu rằng: 'Mình đã tu tập nhận-thức về sự chán-ngán cho thức ăn; giờ vẫn không có sự khác-biệt nào so với tình trạng trước đây của mình; mình chưa đạt được kết quả của sự tu tập.' Người đó nên hiểu thấu rõ điều này. Nhưng, nếu một Tỳ kheo thường an trú với một cái tâm đã quen với nhận-thức về sự chán-ngán cho thức ăn, với tâm người đó co lại khỏi 'sự thèm-muốn những mùi vị' ... và sự buông-xả hay sự ghê-sợ được thiết lập bên trong người đó, thì người đó nên hiểu rằng: 'Mình đã tu tập nhận-thức về sự chán-ngán cho thức ăn; giờ có sự khác-biệt so với tình trạng trước đây của mình; mình đã đạt được kết quả của sự tu tập.' Người đó nên hiểu thấu rõ điều này. "Khi điều [3] đã được nói, chính vì lẽ này nên nó được nói ra như vậy. (4) "Khi điều [4] đã được nói, vì lý do gì nó được nói ra như vậy? "Khi một Tỳ kheo thường an trú với một cái tâm đã quen với nhận- thức về sự không thích-thú trong toàn bộ thế gian thì tâm người đó co lại khỏi 'những thứ đẹp đẽ trong thế gian', quay lưng lại với chúng, lăn ra khỏi chúng, và không bị kéo về phía chúng, và sự buông-xả hoặc sự ghê-sợ được thiết lập bên trong người đó. Giống như một cọng lông gà hay một sợi gân khi bị quăng vô lửa thì nó co lại khỏi lửa, quay lưng lại với nó, lăn ra khỏi nó, và không bị kéo về phía nó. Cũng giống như vậy, cái tâm sẽ làm vậy đối với 'những thứ đẹp đẽ trong thế gian' khi một Tỳ kheo thường an trú với một cái tâm đã quen với nhận-thức về sự không thích- thú trong toàn bộ thế gian. - "Nếu một Tỳ kheo thường an trú với một cái tâm đã quen với nhận- thức về sự không thích-thú trong toàn bộ thế gian, nhưng tâm người đó còn ngã theo 'những thứ đẹp đẽ trong thế gian', hoặc nếu người đó không quay lưng khỏi nó, thì người đó nên hiểu rằng: 'Mình đã tu tập nhận-thức về sự không thích-thú trong toàn bộ thế gian; giờ vẫn không có sự khác- biệt nào so với tình trạng trước đây của mình; mình chưa đạt được kết quả của sự tu tập.' Người đó nên hiểu thấu rõ điều này. Nhưng, nếu một Tỳ kheo thường an trú với một cái tâm đã quen với nhận-thức về sự không

thích-thú trong toàn bộ thế gian, với tâm người đó co lại khỏi 'những thứ đẹp đẽ trong thế gian' ... và sự buông-xả hay sự ghê-sợ được thiết lập bên trong người đó, thì người đó nên hiểu rằng: 'Mình đã tu tập nhận-thức về sự không thích-thú trong toàn bộ thế gian; giờ có sự khác-biệt so với tình trạng trước đây của mình; mình đã đạt được kết quả của sự tu tập.' Người đó nên hiểu thấu rõ điều này. "Khi điều [4] đã được nói, chính vì lẽ này nên nó được nói ra như vậy. (5) "Khi điều [5] đã được nói, vì lý do gì nó được nói ra như vậy? "Khi một Tỳ kheo thường an trú với một cái tâm đã quen với nhận-thức về sự vô-thường thì tâm người đó co lại khỏi sự 'lợi, vinh, danh', quay lưng lại với chúng, lăn ra khỏi chúng, và không bị kéo về phía chúng, và sự buông-xả hoặc sự ghê-sợ được thiết lập bên trong người đó. Giống như một cọng lông gà hay một sợi gân khi bị quăng vô lửa thì nó co lại khỏi lửa, quay lưng lại với nó, lăn ra khỏi nó, và không bị kéo về phía nó. Cũng giống như vậy, cái tâm sẽ làm vậy đối với sự 'lợi, vinh, danh' khi một Tỳ kheo thường an trú với một cái tâm đã quen với nhận-thức về sự vô-thường. - "Nếu một Tỳ kheo thường an trú với một cái tâm đã quen với nhận- thức về sự vô-thường, nhưng tâm người đó còn ngã theo sự 'lợi, vinh, danh', hoặc nếu người đó không quay lưng khỏi nó, thì người đó nên hiểu rằng: 'Mình đã tu tập nhận-thức về sự vô-thường; giờ vẫn không có sự khác-biệt nào so với tình trạng trước đây của mình; mình chưa đạt được kết quả của sự tu tập.' Người đó nên hiểu thấu rõ điều này. Nhưng, nếu một Tỳ kheo thường an trú với một cái tâm đã quen với nhận-thức về sự vô-thường, với tâm người đó co lại khỏi sự 'lợi, vinh, danh' ... và sự buông-xả hay sự ghê-sợ được thiết lập bên trong người đó, thì người đó nên hiểu rằng: 'Mình đã tu tập nhận-thức về sự vô-thường; giờ có sự khác-biệt so với tình trạng trước đây của mình; mình đã đạt được kết quả của sự tu tập.' Người đó nên hiểu thấu rõ điều này.

"Khi điều [5] đã được nói, chính vì lẽ này nên nó được nói ra như vậy. (6) "Khi điều [6] đã được nói, vì lý do gì nó được nói ra như vậy? "Khi một Tỳ kheo thường an trú với một cái tâm đã quen với nhận- thức về sự khổ trong những thứ vô thường, thì có 'một nhận-thức sâu sắc về sự nguy-hại' được thiết lập bên trong người đó, (một cách dứt khoát) giống như một kẻ sát nhân đã rút kiếm ra, đối với những sự (tiêu cực) như uể-oải, lười-biếng, trì-trệ, lơ-tâm phóng dật, thiếu nỗ-lực, và không quán- chiếu. - "Nếu một Tỳ kheo thường an trú với một cái tâm đã quen với nhận- thức về sự khổ trong những thứ vô-thường, nhưng không có 'một nhận- thức sâu sắc về sự nguy-hại' như vậy được thiết lập bên trong người đó, (một cách dứt khoát) giống như một kẻ sát nhân đã rút kiếm ra, đối với những sự như uể-oải, lười-biếng ... không quán-chiếu, thì người đó nên hiểu rằng: 'Mình đã tu tập nhận-thức về sự khổ trong những thứ vô- thường; giờ vẫn không có sự khác-biệt nào so với tình trạng trước đây của mình; mình chưa đạt được kết quả của sự tu tập.' Người đó nên hiểu thấu rõ điều này. Nhưng, nếu một Tỳ kheo thường an trú với một cái tâm đã quen với nhận-thức về sự khổ trong những thứ vô-thường và có 'một nhận-thức sâu sắc về sự nguy-hại' như vậy được thiết lập bên trong người đó, (một cách dứt khoát) giống như một kẻ sát nhân đã rút kiếm ra, đối với những sự như uể-oải, lười-biếng ... không quán-chiếu, thì người đó nên hiểu rằng: 'Mình đã tu tập nhận-thức về sự khổ trong những thứ vô- thường; giờ có sự khác-biệt

so với tình trạng trước đây của mình; mình đã đạt được kết quả của sự tu tập.' Người đó nên hiểu thấu rõ điều này. "Khi điều [6] đã được nói, chính vì lẽ này nên nó được nói ra như vậy. (7) "Khi điều [7] đã được nói, vì lý do gì nó được nói ra như vậy? "Khi một Tỳ kheo thường an trú với một cái tâm đã quen với nhận- thức về sự vô-ngã trong những thứ khổ, thì tâm người đó không còn 'sự

• 51

tạo-nên cái 'ta' (ngã kiến), sự tạo-nên cái 'của-ta' (ngã sở chấp), và sự tự- ta (ngã mạn)' đối với thân có-thức này và tất cả những đối-tượng bên ngoài; nó đã vượt trên sự phân-biệt đối đãi, và được bình-an và được khéo giải-thoát.1514 - "Nếu một Tỳ kheo thường an trú với một cái tâm đã quen với nhận- thức về sự vô-ngã trong những thứ khổ nhưng tâm người đó vẫn còn sự tạo-nên cái 'ta', sự tạo-nên cái 'của-ta', và sự tự-ta đối với thân có-thức này và tất cả những đối-tượng bên ngoài; nếu tâm không vượt trên sự phân-biệt đối đãi, và không được bình-an và không được khéo giải-thoát, thì người đó nên hiểu rằng: 'Mình đã tu tập nhận-thức về sự vô-ngã trong những thứ khổ; giờ vẫn không có sự khác-biệt nào so với tình trạng trước đây của mình; mình chưa đạt được kết quả của sự tu tập.' Người đó nên hiểu thấu rõ điều này. Nhưng, nếu một Tỳ kheo thường an trú với một cái tâm đã quen với nhận-thức về sự vô-ngã trong những thứ khổ và tâm người đó không còn sự tạo-nên cái 'ta', sự tạo-nên cái 'của-ta', và sự tự-ta đối với thân có-thức này và tất cả những đối-tượng bên ngoài, và nó đã vượt trên sự phân biệt đối đãi, và được bình-an và được khéo giải-thoát, thì người đó nên hiểu rằng: 'Mình đã tu tập nhận-thức về sự vô-ngã trong những thứ khổ; giờ có sự khác-biệt so với tình trạng trước đây của mình; mình đã đạt được kết quả của sự tu tập.' Người đó nên hiểu thấu rõ điều này. "Khi điều [7] đã được nói, chính vì lẽ này nên nó được nói ra như vậy. "Này các Tỳ kheo, đây là bảy nhận-thức, nếu được tu tập và tu dưỡng sẽ dẫn tới kết quả và ích lợi lớn lao, dẫn tới đỉnh cao là sự bất-tử, có sự bất-tử là chung cuộc của chúng."

50 (7) Sự Dâm Dục Lúc đó có bà-la-môn tên Jāṇussoṇī đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn ... và nói với đức Thế Tôn:

52 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 7

"Có phải Thầy Cồ-đàm cũng tuyên bố mình là người sống đời sống độc thân?"1515 "Này bà-la-môn, nếu ai nói đúng đắn mà nói về người nào như vầy: 'Người đó sống một đời sống độc-thân toàn thiện và tinh khiết—không bị sứt mẻ, không bị khuyết lỗi, không bị ố nhiễm, không bị tì vết'—thì rõ ràng người đó đã nói về ta. Bởi ta sống một đời sống độc-thân toàn thiện và tinh khiết—không bị sứt mẻ, không bị khuyết lỗi, không bị ố nhiễm, không bị tì vết." "Nhưng Thầy Cồ-đàm, cái gì là sự sai phạm, sự khuyết lỗi, sự ố nhiễm, và tì vết của đời sống độc-thân?" (1) "Ở đây, này bà-la-môn, có tu sĩ hay bà-la-môn, tuyên bố độc-thân hoàn hảo, không dính chuyện dâm dục với phụ nữ. Nhưng người đó lại đồng ý để họ kỳ cọ, xoa bóp, tắm táp, và nhào nặn (thân mình). Người đó mê thích điều đó, ham thích điều đó, và thấy thỏa mãn với điều đó. Đây là sự sai phạm, sự khuyết lỗi, sự ố nhiễm, và tì vết của đời sống độc-thân. Người đó được gọi

là người sống đời sống độc-thân không trong sạch, là người bị gông-cùm bởi sự trói-buộc của tính dục. Người đó không thoát khỏi sự sinh, không thoát khỏi sự già và chết, không thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, đau thương, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não); người đó không thoát khỏi sự khổ, ta nói vậy. (2) “Lại nữa, có tu sĩ hay bà-la-môn, tuyên bố độc-thân hoàn hảo, không dính chuyện dâm dục với phụ nữ; cũng không đồng ý để họ kỳ cọ, xoa bóp, tắm táp, và nhào nặn (thân mình). Nhưng người đó đùa cợt với những phụ nữ, chơi đùa với họ, và vui vẻ cùng với họ … (3) “Lại nữa … người đó không đùa cợt với những phụ nữ, không chơi đùa với họ, không vui vẻ cùng với họ, nhưng người đó nhìn chằm chằm và nhìn vào trong mắt họ … (4) “Lại nữa … người đó không nhìn chằm chằm hay nhìn vào mắt những phụ nữ, nhưng người đó lắng nghe giọng nói của họ sau tường rào hay vách ngăn khi họ cười, nói, hát, hay khóc …

• 53

(5) “Lại nữa … người đó không lắng nghe giọng nói của phụ nữ sau tường rào hay vách ngăn khi họ cười, nói, hát, hay khóc, nhưng người đó cứ tưởng nhớ tới sự cười, sự nói, và sự chơi đùa với họ trước đó … (6) “Lại nữa … người đó không tưởng nhớ tới sự cười, sự nói, và sự chơi đùa với phụ nữ trước đó, nhưng người đó cứ nhìn ngó một gia chủ [hay con cái ông ta] đang có và thụ hưởng năm đối-tượng những khoái-lạc giác quan (ngũ dục lạc) … (7) “Lại nữa … người đó không nhìn ngó một gia chủ [hay con cái ông ta] đang có và thụ hưởng năm đối-tượng những khoái-lạc giác quan, nhưng người đó sống đời sống tâm linh với hạnh nguyện [được tái sinh] trong một hạng thiên thần nào đó (tu tiên), [nghĩ rằng]: ‘Bằng giới-hạnh này, sự trì-giới, sự khổ-hạnh, hay đời sống tâm linh này, tôi sẽ thành một thiên thần hoặc một [trong đoàn] của những thiên thần. Đây là sự sai phạm, sự khuyết lỗi, sự ố nhiễm, và tì vết của đời sống độc-thân. Người đó được gọi là người sống đời sống độc-thân không trong sạch, là người bị gông-cùm bởi sự trói-buộc của tính dục. Người đó không thoát khỏi sự sinh, không thoát khỏi sự già và chết, không thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, đau thương, ưu phiền, và tuyệt vọng; người đó không thoát khỏi sự khổ, ta nói vậy. “Này bà-la-môn, chừng nào ta còn thấy mình chưa trừ bỏ được một điều nào trong bảy sự trói-buộc của tính dục, thì ta đã không tuyên bố mình đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ vô thượng toàn thiện trong thế giới này có những thiên thần, Ma-vương, và trời Brahmā; trong quần thể chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người. Nhưng khi ta không còn thấy thậm chí một trong bảy sự trói-buộc của tính dục mà ta chưa trừ bỏ, thì ta mới tuyên bố mình đã tỉnh thức tới sự giác- ngộ vô thượng toàn thiện trong thế giới này có những thiên thần … và loài người. “Sự-biết và sự-thấy đã khởi sinh trong ta như vầy: ‘Sự giải-thoát của ta là bất lay chuyển; đây là lần sinh cuối cùng của ta; từ đây không còn sự tái hiện-hữu nữa.’”

54 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 7

Sau khi điều này được nói ra, bà-la-môn Jāṇussoṇī đã thưa với đức Thế Tôn: “Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật xuất sắc, thưa Thầy Cồ- đàm! … [Tiếp tục lời xin quy y như đoạn cuối kinh 6:38] … Mong Thầy Cồ- đàm hãy ghi nhận con là một đệ tử tại gia

đã quy y từ nay đến cuối đời.”

51 (8) Sự Phối Hợp “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy một bài giảng Giáo Pháp về sự phối-hợp và sự không phối-hợp.1516 Hãy lắng nghe … “Và cái gì là bài giảng Giáo Pháp về sự phối-hợp và sự không phối- hợp? (i) “Này các Tỳ kheo, một phụ nữ chú ý bên trong (về mình) tới căn nữ, tính nữ, diện mạo nữ, dáng vẻ nữ, nhục dục nữ, giọng nói nữ, trang điểm nữ.1517 Người nữ đó bị kích thích bởi những điều này và thích thú với chúng. Do bị kích thích bởi chúng, thích thú với chúng, người nữ đó chú ý bên ngoài (đối tượng) tới căn nam, tính nam, diện mạo nam, dáng vẻ nam, nhục dục nam, giọng nói nam, trang điểm nam. Người nữ đó bị kích thích bởi những điều này và thích thú với chúng. Do bị kích thích bởi chúng, thích thú với chúng, nên người nữ đó ham muốn sự phối-hợp với bên ngoài, và người nữ đó cũng ham muốn sự khoái-lạc và vui-thú phát sinh khi có sự phối-hợp đó. Chúng sinh nào thích thú với tính nữ của mình thì bước vào phối-hợp với những người nam. Chính theo cách này một phụ nữ không vượt thoát khỏi tính nữ của mình. “Này các Tỳ kheo, một người nam chú ý bên trong (về mình) tới căn nam, tính nam, diện mạo nam, dáng vẻ nam, nhục dục nam, giọng nói nam, trang điểm nam. Nam đó bị kích thích bởi những điều này và thích thú với chúng. Do bị kích thích bởi chúng, thích thú với chúng, nam đó chú ý ra bên ngoài (đối tượng) tới căn nữ, tính nữ, diện mạo nữ, dáng vẻ nữ, nhục dục nữ, giọng nói nữ, trang điểm nữ. Người nam đó bị kích thích bởi những điều này và thích thú với chúng. Do bị kích thích bởi chúng,

• 55

thích thú với chúng, nên người nam đó ham muốn sự phối-hợp với bên ngoài, và người nam đó cũng ham muốn sự khoái-lạc và vui-thú phát sinh do có sự phối-hợp đó. Chúng sinh nào thích thú với nam tính của mình thì bước vào sự phối-hợp với những phụ nữ. Chính theo cách này một người nam không vượt thoát khỏi tính nam của mình. “Đây là cách sự phối-hợp xảy ra. Và theo cách nào thì sự không phối- hợp xảy ra? (ii) “Này các Tỳ kheo, một phụ nữ không chú tâm bên trong (về mình) tới căn nữ, tính nữ … trang điểm nữ. Người nữ đó không bị kích thích bởi những điều này và không thích thú với chúng. Do không bị kích thích bởi chúng, không thích thú với chúng, nên người nữ đó không chú tâm bên ngoài (đối tượng) tới căn nam, tính nam … trang điểm nam. Người nữ đó không bị kích thích bởi những điều này và không thích thú với chúng. Do không bị kích thích bởi chúng, không thích thú với chúng, nên người nữ đó không ham muốn sự phối-hợp với bên ngoài, cũng không ham muốn sự khoái-lạc và vui-thú phát sinh do có sự phối-hợp đó. Chúng sinh nào không thích thú với nữ tính của mình thì không bước vào sự phối-hợp với những người nam. Chính theo cách này một người nữ vượt khỏi tính nữ của mình. “Này các Tỳ kheo, một người nam không chú tâm bên trong (về mình) tới căn nam, tính nam … trang điểm nam. Người nam đó không bị kích thích bởi những điều này và không thích thú với chúng. Do không bị kích thích bởi chúng, không thích thú với chúng, nên người nam đó không chú tâm bên ngoài (đối tượng) tới căn nữ, tính nữ … trang điểm nữ. Người nam đó không bị kích thích bởi những điều này và không thích thú với chúng. Do không bị kích thích bởi chúng, không thích thú với

chúng, nên người nam đó không ham muốn sự phối-hợp với bên ngoài, cũng không ham muốn sự khoái-lạc và vui-thú phát sinh do có sự phối-hợp đó. Chúng sinh nào không thích thú với nam tính của mình thì không bước vào sự phối-hợp với những phụ nữ. Chính theo cách này một người nam vượt khỏi giới nam của mình.

"Đây là cách sự không phối-hợp xảy ra. "Này các Tỳ kheo, đây là bài giảng Giáo Pháp về sự phối-hợp và sự không phối-hợp."

52 (9) Sự Bố Thí Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Campā bên bờ Hồ Sen Gaggārā. Bấy giờ có một số đệ tử tại gia từ Campā đã đến gặp Ngài Xá- lợi-phất, kính lễ thầy ấy, ngồi xuống một bên, và thưa với thầy ấy: "Thưa Thầy Xá-lợi-phất, đã lâu rồi kể từ lúc chúng tôi được nghe một cuộc nói chuyện Giáo Pháp từ đức Thế Tôn. Thưa thầy, sẽ tốt lành nếu chúng tôi lại được nghe một cuộc nói chuyện Giáo Pháp từ đức Thế Tôn." "Này các đạo hữu, trong trường hợp này, các đạo hữu nên đến vào ngày bố-tát (uposatha). Có lẽ lúc đó các đạo hữu sẽ được nghe một cuộc nói chuyện Giáo Pháp từ đức Thế Tôn." "Dạ, thưa thầy", những đệ tử tại gia đáp lại. Rồi, sau khi đứng dậy khỏi chỗ ngồi, họ kính lễ thầy Xá-lợi-phất, đi vòng ra giữ thầy ấy ở hướng bên phải họ, và ra về. Rồi, vào ngày lễ bố-tát, những đệ tử tại gia đó từ Campā đã đến gặp thầy Xá-lợi-phất, kính lễ thầy, và ngồi xuống một bên. Rồi thầy Xá-lợi- phất cùng với những đệ tử tại gia đó đã đến chỗ đức Thế Tôn. Họ kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thầy Xá-lợi-phất thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, có thể có trường hợp một món quà được cúng tặng bởi người nào ở đây là không mang lại kết quả và ích lợi lớn lao gì? Và có thể có trường hợp một món quà được cúng tặng bởi người nào khác ở đây là mang lại kết quả và ích lợi lớn lao?" "Này Xá-lợi-phất, có trường hợp như vậy, rằng một món quà được cúng tặng bởi một người ở đây là không mang lại kết quả và ích lợi lớn lao gì. Và cũng có trường hợp một món quà được cúng tặng bởi một

người khác ở đây là mang lại kết quả và ích lợi lớn lao." "Thưa Thế Tôn, tại sao có món quà không mang lại kết quả và ích lợi lớn lao gì, còn món quà khác thì có?" (1) "Ở đây, này Xá-lợi-phất, có người cúng tặng một món quà với những mong cầu này nọ, với cái tâm bị trói buộc (dính danh), trông đợi được tưởng thưởng (lại quả); người đó cúng tặng một món quà [chỉ vì nghĩ]: 'Sau khi qua đời, ta sẽ hưởng lợi từ việc cúng tặng này.' Người đó cúng dường món quà đó cho một tu sĩ hay một bà-la-môn như: thức ăn và thức uống; quần áo và xe cộ; vòng hoa, dầu thơm, và phấn sáp; giường chiếu, chỗ ở, và đèn sáng. Thầy nghĩ sao, này Xá-lợi-phất? Có người ở đây cúng tặng một món quà như vậy phải không?" "Dạ có, thưa Thế Tôn." "Trong trường hợp đó, này Xá-lợi-phất, người đó cúng tặng một món quà với những mong cầu này nọ, với cái tâm bị trói buộc, trông đợi được tưởng thưởng; người đó cúng tặng một món quà [chỉ vì nghĩ]: 'Sau khi qua đời, ta sẽ hưởng lợi từ việc cúng tặng này'. Sau khi đã cúng tặng một món quà như vậy, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần trong cõi trời [được trị vì bởi] tứ đại thiên vương. Sau khi hết nghiệp, hết thần thông, vinh

quang và đặc quyền ở đó, người đó sẽ quay lại trạng thái hiện hữu này. (2) “Nhưng, này Xá-lợi-phất, có người không cúng tặng một món quà với những mong cầu này nọ, với cái tâm bị trói buộc, trông đợi được tưởng thưởng; người đó không cúng tặng một món quà [chỉ vì nghĩ]: ‘Sau khi qua đời, ta sẽ hưởng lợi từ việc cúng tặng này’. Thay vì vậy, người đó cũng tặng một món quà [chỉ vì nghĩ]: ‘Sự bố-thí là tốt’ … (3) “Người đó không cúng tặng một món quà [chỉ vì nghĩ]: ‘Sự bố-thí là tốt’, thay vì vậy người đó cũng tặng một món quà [chỉ vì nghĩ]: ‘Sự bố- thí đã được cha ông mình làm trước đây; nên giờ mình cũng làm theo chứ không nên dẹp bỏ gia tục cổ truyền’… (4) “Người đó không cúng tặng một món quà [chỉ vì nghĩ]: ‘Sự bố-thí

đã được cha ông mình làm trước đây; nên giờ mình cũng làm theo chứ không nên dẹp bỏ gia tục cổ truyền’, thay vì vậy người đó cúng tặng một món quà [chỉ vì nghĩ] ‘Tôi nấu; những người này không nấu (chỉ khất thực và tu hành). Sẽ không đúng đắn nếu tôi nấu mà không cúng tặng cho những người không nấu’ … (5) “Người đó không cúng tặng một món quà [chỉ vì nghĩ]: ‘Tôi nấu … cho những người không nấu’, thay vì vậy người đó cúng tặng một món quà [chỉ vì nghĩ]: ‘Giống như những bậc nhìn-thấy của thời trước—như Aṭṭhaka, Vāmaka, Vāmadeva, Vessāmitta, Yamataggi, Aṅgīrasa, Bhāradvāja, Vāseṭṭha, Kassapa, và Bhagu—luôn tổ chức những buổi cúng tế lớn, do vậy tôi cũng muốn chia sẻ một món quà’ …1518 (6) “Người đó không cúng tặng một món quà [chỉ vì nghĩ]: ‘Giống như những bậc nhìn-thấy của thời trước … do vậy tôi cũng muốn chia sẻ một món quà’, thay vì vậy người đó cúng tặng một món quà [chỉ vì nghĩ]: ‘Khi tôi đang bố thí một món quà, tâm của tôi được hiền dịu, và sự phấn khởi và niềm hoan hỷ khởi sinh’… (7) “Người đó không cúng tặng một món quà [chỉ vì nghĩ]: ‘Khi tôi đang bố thí một món quà, tâm của tôi được hiền dịu, và sự phấn khởi và niềm vui khởi sinh’, thay vì vậy người đó cúng tặng một món quà [vì nghĩ]: ‘Sự bố-thí cho đi là một trang sức của cái tâm, một phụ liệu của cái tâm’.1519 Người đó cúng dường món quà đó cho một tu sĩ hay một bà-la- môn như: thức ăn và thức uống; quần áo và xe cộ; vòng hoa, dầu thơm, và phấn sáp; giường chiếu, chỗ ở, và đèn sáng. Thầy nghĩ sao, này Xá-lợi- phất? Có người ở đây cúng tặng một món quà như vậy phải không?” “Dạ có, thưa Thế Tôn.” “Trong trường hợp đó, này Xá-lợi-phất, (1) người đó không cúng tặng một món quà với những mong cầu này nọ, với cái tâm bị trói buộc, trông đợi được tưởng thưởng; người đó cúng tặng một món quà [chỉ vì nghĩ]: ‘Sau khi qua đời, ta sẽ hưởng lợi từ việc cúng tặng này’. (2) Người đó không cúng tặng một món quà [chỉ vì nghĩ]: ‘Sự bố-thí là tốt’ … (3)

[chỉ vì nghĩ]: ‘Sự bố-thí đã được cha ông mình làm trước đây; giờ mình cũng làm theo chứ không nên dẹp bỏ gia tục cổ truyền này’ … (4) [chỉ vì nghĩ]: ‘Tôi nấu; những người đó không nấu. Sẽ không đúng đắn nếu tôi nấu mà không cho tặng những người không nấu’ … (5) [chỉ vì nghĩ]: ‘Giống như những bậc nhìn-thấy của thời trước … do vậy tôi cũng chia sẻ một món quà’ … (6) [chỉ vì nghĩ]: ‘Khi tôi đang bố thí một món quà, tâm của tôi được hiền dịu, và sự phấn khởi và niềm vui khởi sinh’, thay vì vậy (7) người đó

cúng tặng một món quà [vì nghĩ]: 'Sự bố-thí cho đi là một trang sức của cái tâm, một phụ liệu của cái tâm'. Sau khi cúng tặng một món quà như vậy, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần thuộc đoàn tùy tùng của trời Brahmā (Phạm chúng thiên). Sau khi hết nghiệp, hết thần thông, vinh quang và đặc quyền ở đó, người đó không quay lại hay trở lại trạng thái hiện hữu này nữa. "Này Xá-lợi-phất, đây là lý do tại sao có món quà được cúng tặng bởi người này ở đây không mang lại kết quả và ích lợi lớn lao gì. Và đây là lý do có món quà được cúng tặng bởi người kia ở đây thì mang lại kết quả và ích lợi lớn lao."

53 (10) Nandamātā Tôi nghe như vầy. Trong một lần Ngài Xá-lợi-phất và Ngài Đại Mục-kiền-liên đang đi du hành ở Dakkhiṇāgiri cùng với một đoàn tăng lớn các Tỳ kheo. Bấy giờ, vào lúc đó có nữ đệ tử tại gia Veḷukaṇṭakī Nandamātā [Nandamātā nghĩa là: mẹ của Nanda],1520 sau khi thức dậy vào lúc đêm đang tàn (rạng sáng), đã tụng đọc chương "Pārāyana" (Qua bờ bên kia; đáo bỉ ngạn). Bấy giờ, lúc đó có đại vương [là thiên thần] Vessavaṇa (Tỳ-sa-môn) đang du hành từ bắc xuống nam vì một số công việc. Vị tiên này nghe nữ cư sĩ Nandamātā đọc tụng chương "Pārāyana" và đã đứng lại chờ đến khi cô ấy đọc xong. Khi nữ cư sĩ Nandamātā đã đọc xong, cô ấy im lặng. Sau khi hiểu được nữ cư sĩ Nandamātā đã đọc xong bài tụng, đại vương

Vessavaṇa mới khen ngợi: "Lành thay, này cô em! Lành thay, này cô em!" "Này quý vị, quý vị là ai?" "Ta là anh trai của em đây, là đại vương Vessavaṇa đây, em ạ." "Lành thay, này anh thân mến! Vậy hãy coi như bài giảng Giáo Pháp em mới vừa tán tụng là món quà biếu khách dành cho anh."1521 "Lành thay, này em gái! Vậy em cũng hãy tặng thêm cho anh một món quà biếu khách khác: Ngày mai, có Tăng đoàn các Tỳ kheo được dẫn đầu bởi Ngài Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên sẽ đến Veḷukaṇṭaka, trước khi họ đã ăn bữa sáng. Em hãy phục vụ họ và chuyển lời là anh cúng dường cho họ. Đây sẽ là một món quà biếu khách của em dành cho anh." Rồi khi đêm đã qua, nữ cư sĩ Nandamātā đã chuẩn bị xong nhiều món ăn ngon ở tư gia của mình. Rồi, Tăng đoàn các Tỳ kheo được dẫn đầu bởi Ngài Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đã đến Veḷukaṇṭaka, trước khi họ đã ăn bữa sáng. Rồi nữ cư sĩ Nandamātā đã nhờ một người: "Này thiện hữu. Hãy đến chỗ tu viện và báo giờ cho Tăng đoàn các Tỳ kheo, thưa rằng: 'Thưa quý thầy, giờ ăn trưa đã sẵn sàng ở tư gia của Phu nhân Nandamātā.'" Người đó đáp lại: "Dạ, thưa phu nhân", và ông ta đi đến chỗ tu viện và chuyển tin cho quý thầy. Rồi Tăng đoàn các Tỳ kheo dẫn đầu bởi thầy Mục-kiền- liên và Xá-lợi-phất mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, và đi đến tư gia của nữ cư sĩ Nandamātā, tới nơi họ ngồi xuống những chỗ ngồi đã được dọn sẵn. Rồi nữ cư sĩ Nandamātā tự tay mình phục vụ và làm vui lòng bằng nhiều loại thức ăn ngon cho Tăng đoàn các Tỳ kheo được dẫn đầu bởi thầy Mục-kiền-liên và Xá-lợi-phất. Khi thầy Xá-lợi-phất đã ăn xong và dẹp bình bát qua một bên, phu nhân ngồi xuống một bên, và thầy Xá-lợi- phất mới hỏi phu nhân: "Nhưng này, cô Nandamātā, ai đã nói cho cô rằng Tăng đoàn các Tỳ

kheo sắp đến đây?" (1) "Ở đây, thưa thầy, lúc đó sau khi thức dậy khi đêm đang tàn (rạng sáng), con đã tụng đọc chương "Pārāyana" ... [Và kể lại toàn bộ câu chuyện đã xảy ra ở đầu kinh, cho đến câu cuối (vị tiên) đại vương Vessavaṇa đã nói:] Đây sẽ là một món quà biếu khách của em dành cho anh." Thưa thầy, cầu mong cho công-đức nào có được từ việc bố-thí này sẽ hồi hướng cho sự an lạc cho đại vương [thiên thần] Vessavaṇa." "Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời,1522 này Nandamātā, rằng cô có thể đối thoại1523 trực tiếp với một thiên thần trẻ đầy uy và lực như đại vương [thiên thần] Vessavaṇa." (2) "Thưa thầy, đó không phải là phẩm chất duy nhất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời của con. Còn điều khác nữa. Con có một đứa con trai duy nhất, một đứa con yêu quý và yêu dấu tên là Nanda. Những người cầm quyền đã bắt nó vì lý do gì đó và xử tử nó. Thưa thầy, khi đứa con trai đang bị bắt giam hay đang bị bắt, khi nó đang ở trong tù hay khi đang bị xử tù,1524 khi nó chết hay khi đang bị giết, con nhớ lại không có bất kỳ sự biến đổi nào của tâm con lúc đó."1525 "Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, này Nandamātā, rằng cô có thể thanh lọc ngay cả sự khởi-sinh của một ý-nghĩ."1526 (3) "Thưa thầy, đó không phải là phẩm chất duy nhất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời của con. Còn điều khác nữa. Khi chồng con chết, ông ấy đã tái sinh trong cảnh quỷ dạ-xoa (yakkha).1527 Ông ấy hiện ra trong sắc-thân trước đó của mình, nhưng con nhớ lại không có sự biến đổi nào của tâm con lúc đó." "Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, này Nandamātā, rằng cô có thể thanh lọc ngay cả sự khởi-sinh của một ý-nghĩ." (4) "Thưa thầy, đó không phải là phẩm chất duy nhất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời của con. Còn điều khác nữa. Khi con được gả cho chồng của con lúc con còn là một cô gái trẻ, con nhớ lại không có một ý-nghĩ vi phạm nào đối với ông ấy, huống chi có hành-động vi phạm."

"Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, này Nandamātā, rằng cô có thể thanh lọc ngay cả sự khởi-sinh của một ý-nghĩ." (5) "Thưa thầy, đó không phải là phẩm chất duy nhất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời của con. Còn điều khác nữa. Từ khi con tuyên bố mình là một đệ tử tại gia, con nhớ lại con không có một sự vi phạm cố ý nào đối với các giới tu nào." "Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, này Nandamātā!" (6) "Thưa thầy, đó không phải là phẩm chất duy nhất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời của con. Còn điều khác nữa. Tùy theo con muốn, con có thể: (i) 'Tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.' (ii) 'Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), con chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm.' (iii) 'Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), con an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), con trải nghiệm sự sướng bằng thân (thân lạc); con chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh gọi là: 'Người đó buông-xả và có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc).' (iv) 'Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước

đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), con chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.’” “Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, này Nandamātā!” (7) “Thưa thầy, đó không phải là phẩm chất duy nhất đáng ngạc nhiên

• 63

và tuyệt vời của con. Còn điều khác nữa. Đối với năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử) đã được dạy bởi đức Thế Tôn, con thấy không còn cái nào mà con chưa phá bỏ.”1528 “Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, này Nandamātā!” Rồi thầy Xá-lợi-phất đã chỉ dạy, khích lệ, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ cô Nandamātā bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp, sau đó thầy ấy đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về.

64 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 7

• 65

[Năm Mươi Kinh Thứ Hai]

NHÓM 1. KHÔNG ĐƯỢC TUYÊN BỐ

54 (1) Không Được Tuyên Bố (1) Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa Thế Tôn, tại sao sự nghi-ngờ không khởi sinh trong người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy về những điều đã không được tuyên bố?”1529 “Này Tỳ kheo, khi chấm dứt những quan-điểm này nọ (tà kiến) thì sự nghi-ngờ không khởi sinh trong người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy về những điều đã không được tuyên bố. (1) “‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’: điều này là sự dính vào những quan-điểm này nọ; ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’: điều này là sự dính vào những quan-điểm này nọ; ‘Như Lai không hiện hữu sau khi chết’: điều này là sự dính vào những quan-điểm này nọ; ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’: điều này là sự dính vào những quan- điểm này nọ; ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’: điều này là sự dính vào những quan-điểm này nọ. (i) “Này Tỳ kheo, người phàm phu không được chỉ dạy không hiểu được những quan-điểm này nọ (tà kiến), nguồn-gốc của chúng, sự chấm- dứt của chúng, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt chúng. Đối với người đó thì những quan-điểm đó gia tăng. Người đó không thoát khỏi sự sinh, không thoát khỏi sự già và chết, không thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não); người đó không thoát khỏi sự khổ, ta nói vậy. (ii) “Nhưng người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy thì hiểu được

66 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 7

những quan-điểm này nọ, nguồn-gốc của chúng, sự chấm-dứt của chúng, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt của chúng. Đối với người đó, những quan-điểm đó chấm dứt. Người đó thoát khỏi sự sinh, thoát khỏi sự già và chết, thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng; người đó thoát khỏi sự khổ, ta nói vậy. “Sau khi đã biết như vậy, đã thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy không tuyên bố: ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’; hay ‘Như Lai không hiện hữu sau khi chết’; hay

‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’; hay ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’. Sau khi đã biết như vậy, đã thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy không tuyên bố đối với những điều đã không được tuyên bố (bởi Phật). “Sau khi đã biết như vậy, đã thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy không run sợ, không lay chuyển, không dao động, và không bị khủng hoảng1530 đối với những điều đã không được tuyên bố. (2) “‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’: điều này là dính vào dục-vọng (ái) … (3) … điều này là dính vào sự nhận-thức (tưởng) … (4) … là sự nhận-định (do nhận định này nọ mà có) … (5) … là một sự tăng-phóng (phóng tâm) … (6) … là dính với sự dính-chấp (thủ) … (7) … là một sự [nền tảng để, là điều sẽ] hối-tiếc; ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’: điều này là một sự [nền tảng để, là điều sẽ] hối-tiếc; ‘Như Lai không hiện hữu sau khi chết’: điều này là một sự hối-tiếc; ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’: điều này là một sự hối-tiếc; ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’: điều này là một sự hối-tiếc. (i) “Này Tỳ kheo, người phàm phu không được chỉ dạy không hiểu được sự hối-tiếc, nguồn-gốc của chúng, sự chấm-dứt của chúng, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt chúng. Đối với người đó, những quan-điểm đó gia tăng. Người đó không thoát khỏi sự sinh, không thoát khỏi sự già và chết, không thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng; người đó không thoát khỏi sự khổ, ta nói vậy.

• 67

(ii) “Nhưng người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy thì hiểu được sự hối-tiếc, nguồn-gốc của chúng, sự chấm-dứt của chúng, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt chúng. Đối với người đó, những quan-điểm đó chấm dứt. Người đó thoát khỏi sự sinh, thoát khỏi sự già và chết, thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng; người đó thoát khỏi sự khổ, ta nói vậy. “Sau khi đã biết như vậy, đã thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy không tuyên bố: ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’; hay ‘Như Lai không hiện hữu sau khi chết’; hay ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’; hay ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’. Sau khi đã biết như vậy, đã thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy không tuyên bố đối với những điều đã không được tuyên bố (bởi Phật). “Sau khi đã biết như vậy, đã thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy không run sợ, không lay chuyển, không dao động, và không bị khủng hoảng đối với những điều đã không được tuyên bố. “Này Tỳ kheo, đây là lý do tại sao sự nghi-ngờ không khởi sinh trong người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy về những điều đã không được tuyên bố.”

55 (2) Những Nơi Đến Của Những Người Tu “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy bảy nơi-đến của những người tu và sự chứng ngộ niết-bàn nhờ sự không còn dính-chấp (thủ diệt). Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: (I) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là bảy nơi-đến của những người tu?1531 (1) “Ở đây, một Tỳ kheo đang tu tập như vầy: [‘Lẽ ra nó không có, và lẽ ra nó không là cái “của-ta”; (và giờ) nó sẽ không là vậy, [và] nó sẽ

không là cái "của-ta".1532 Ta đang dẹp bỏ cái đang hiện hữu, là cái đã ắt xảy ra bỏ.'] Người đó đạt được sự buông-xả. Người đó không bị dính buộc vào sự hiện-hữu; người đó không bị dính vào sự khởi-sinh. Người đó nhìn thấy bằng trí-tuệ chánh đúng: 'Có một trạng thái cao siêu hơn, nó đích thực bình an',1533 nhưng người đó chưa hoàn toàn chứng ngộ trạng thái đó. Người đó (i) chưa hoàn toàn trừ bỏ khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra sự tự-ta (tùy miên ngã-mạn); người đó (ii) chưa hoàn toàn trừ bỏ khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra tham-dục muốn được hiện-hữu (tùy miên hữu-tham); người đó (iii) chưa hoàn toàn trừ bỏ vô-minh.1534 Với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), người đó trở thành người chứng ngộ Niết-bàn trong khoảng-giữa (giữa 02 kiếp).1535 - "Ví dụ, khi một cái nồi bằng sắt đã bị nun đỏ cả ngày rồi bị đập mạnh, một mụn sắt có thể bay ra và tắt nguội. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo đang tu tập như vầy: ... người đó (iii) chưa hoàn toàn trừ bỏ vô- minh. Với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn người đó trở thành người chứng ngộ Niết-bàn trong khoảng-giữa.1536 (2) "Rồi nữa, một Tỳ kheo đang tu tập như vầy: ['Lẽ ra nó không có ... [tiếp tục như đoạn thứ nhất ở điều (1)] ... Với sự phá sạch năm gông- cùm thấp hơn, người đó trở thành người chứng ngộ Niết-bàn trong khoảng-giữa. - "Ví dụ, khi một cái nồi bằng sắt đã bị nun đỏ cả ngày rồi bị đập mạnh, một mụn sắt có thể bay ra, bay lên cao, và tắt nguội. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo đang tu tập như vầy: ... người đó (iii) chưa hoàn toàn trừ bỏ vô-minh. Với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn người đó trở thành người chứng ngộ Niết-bàn trong khoảng-giữa. (3) "Rồi nữa, một Tỳ kheo đang tu tập như vầy: ['Lẽ ra nó không có ... [tiếp tục như đoạn thứ nhất ở điều (1)] ... Với sự phá sạch năm gông- cùm thấp hơn, người đó trở thành người chứng ngộ Niết-bàn trong khoảng-giữa. - "Ví dụ, khi một cái nồi bằng sắt đã bị nun đỏ cả ngày rồi bị đập

mạnh, một mụn sắt có thể bay ra, bay lên cao, và tắt nguội trước khi rớt chạm xuống đất. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo đang tu tập như vầy: ... người đó (iii) chưa hoàn toàn trừ bỏ vô-minh. Với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn, người đó trở thành người chứng ngộ Niết-bàn trong khoảng-giữa. (4) "Rồi nữa, một Tỳ kheo đang tu tập như vầy: ['Lẽ ra nó không có ... [tiếp tục như đoạn thứ nhất ở điều (1)] ... Với sự phá sạch năm gông- cùm thấp hơn, người đó trở thành người chứng ngộ Niết-bàn ngay khi đáp-xuống (lập tức sau khi tái sinh).1537 - "Ví dụ, khi một cái nồi bằng sắt đã bị nun đỏ cả ngày rồi bị đập mạnh, một mụn sắt có thể được sản sinh và bay lên, và ngay khi nó rớt chạm đất nó sẽ bị tắt nguội. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo đang tu tập như vầy: ... người đó (iii) chưa hoàn toàn trừ bỏ vô-minh. Với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn, người đó trở thành người chứng ngộ Niết-bàn ngay khi đáp-xuống. (5) "Rồi nữa, một Tỳ kheo đang tu tập như vầy: ['Lẽ ra nó không có ... [tiếp tục như đoạn thứ nhất ở điều (1)] ... Với sự phá sạch năm gông- cùm thấp hơn (đầu tiên) người đó trở thành người chứng ngộ Niết-bàn không cần sự cố-gắng thêm. - "Ví dụ, khi một cái nồi bằng sắt đã bị nun đỏ cả ngày rồi bị đập mạnh, một mụn sắt có thể bay ra, bay lên cao, và rớt xuống một đống rạ nhỏ hay đống que củi nhỏ. Chỗ đó sẽ tạo ra lửa và khói, nhưng khi

nó đốt cháy hết đống rạ nhỏ hay đống que củi nhỏ đó, khi không còn nhiên liệu, thì nó sẽ tắt nguội. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo đang tu tập như vầy: … người đó (iii) chưa hoàn toàn trừ bỏ vô-minh. Với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn, người đó trở thành người chứng ngộ Niết-bàn không cần sự cố-gắng thêm.1538 (6) “Rồi nữa, một Tỳ kheo đang tu tập như vầy: [‘Lẽ ra nó không có … [tiếp tục như đoạn thứ nhất ở điều (1)] … Với sự phá sạch năm gông- cùm thấp hơn (đầu tiên) người đó trở thành người chứng ngộ Niết-bàn nhờ

sự cố-gắng thêm. - “Ví dụ, khi một cái nồi bằng sắt đã bị nun đỏ cả ngày rồi bị đập mạnh, một mụn sắt có thể bay ra, bay lên cao, và rớt xuống một đống rạ lớn hay đống que củi lớn. Chỗ đó sẽ tạo ra lửa và khói, nhưng khi nó đốt cháy hết đống rạ lớn hay đống que củi lớn đó, khi không còn nhiên liệu, thì nó sẽ tắt nguội. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo đang tu tập như vầy: … người đó (iii) chưa hoàn toàn trừ bỏ vô-minh. Với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn, người đó trở thành người chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng thêm. (7) “Lại nữa, một Tỳ kheo đang tu tập như vầy: [‘Lẽ ra nó không có, và lẽ ra nó không là cái “của-ta”; (và giờ) nó sẽ không là vậy, và nó sẽ không là cái “của-ta”.] Ta đang dẹp bỏ cái đang hiện hữu, là cái đã ắt xảy ra bỏ.’ Người đó đạt được sự buông-xả. Người đó không bị dính buộc vào sự hiện-hữu; người đó không bị dính vào sự khởi-sinh. Người đó nhìn thấy bằng trí-tuệ chánh đúng: ‘Có một trạng thái cao siêu hơn, nó thực bình an’, nhưng người đó chưa hoàn toàn chứng ngộ trạng thái đó. Người đó (i) chưa hoàn toàn trừ bỏ khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra sự tự-ta (tùy miên ngã-mạn); người đó (ii) chưa hoàn toàn trừ bỏ khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra tham-dục muốn được hiện-hữu (tùy miên hữu-tham); người đó (iii) chưa hoàn toàn trừ bỏ vô-minh. Với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn, người đó trở thành bậc hướng thượng, đang hướng lên cõi trời Akaniṭṭha (Sắc cứu kính thiên).1539 - “Ví dụ, khi một cái nồi bằng sắt đã bị nun đỏ cả ngày rồi bị đập mạnh, một mụn sắt có thể bay ra, bay lên cao, và rớt xuống một đống rạ rất to hay đống củi rất to. Chỗ đó sẽ tạo ra lửa và khói, nhưng khi nó đốt cháy hết đống rạ rất to hay đống củi rất to đó, nó còn đốt cháy tiếp một dải rừng hay một khu rừng, cháy cho đến giáp biên một cánh đồng, giáp biên một đường lộ, giáp biên một vùng núi đá, giáp biên vùng nước, hay cháy hết một vùng đất đẹp đẽ, và sau đó, đến khi không còn nhiên liệu, thì nó sẽ tắt nguội. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo đang tu tập như vầy: … người đó (iii) chưa hoàn toàn trừ bỏ vô-minh. Với sự phá sạch năm gông-

cùm thấp hơn, người đó trở thành bậc hướng thượng, đang hướng lên cõi trời Akaniṭṭha. “Này các Tỳ kheo, đây là bảy nơi-đến của những người tu. (II) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự không còn dính-chấp (thủ diệt)? Ở đây, một Tỳ kheo đang tu tập như vầy: [‘Lẽ ra nó không có, và lẽ ra nó không là cái “của-ta”; (và giờ) nó sẽ không là vậy, và nó sẽ không là cái “của-ta”. Ta đang dẹp bỏ cái đang hiện hữu, là cái đã ắt xảy ra bỏ.’] Người đó đạt được sự buông-xả. Người đó không bị dính buộc vào sự hiện-hữu; người đó không bị dính vào sự khởi-sinh. Người đó nhìn thấy

bằng trí-tuệ chánh đúng: 'Có một trạng thái cao siêu hơn, nó thực bình an', nhưng người đó chưa hoàn toàn chứng ngộ trạng thái đó. Người đó (i) đã hoàn toàn trừ bỏ khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra sự tự-ta (tùy miên ngã-mạn); người đó (ii) đã hoàn toàn trừ bỏ khuynh- hướng tiềm ẩn tạo ra tham-dục muốn hiện-hữu (tùy miên hữu-tham); (iii) người đó đã hoàn toàn trừ bỏ vô-minh. Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận), ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. Đây được gọi là sự chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự không còn dính-chấp. "Này các Tỳ kheo, đây là bảy nơi-đến của những người tu, và sự chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự không còn dính-chấp."

56 (3) Tissa Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trên Đỉnh Núi Kền Kền (Linh thứu). Lúc đó, khi đêm đã khuya, có hai thiên thần sắc đẹp tuyệt vời, chiếu sáng khắp Đỉnh Núi Kền Kền, đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và đứng qua một bên. Một thiên thần đã thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, những Tỳ kheo ni này được giải-thoát."

Thiên thần kia lại thưa: "Thưa Thế Tôn, những Tỳ kheo ni này được khéo giải-thoát không còn tàn dư."1540 Đây là điều hai vị thiên thần đã nói. Vị Thầy im lặng. Rồi [do nghĩ] "Vị Thầy đã đồng ý" nên họ đã kính lễ đức Thế Tôn, đi vòng ra giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải họ, và biến mất ngay tại đó. Rồi, khi đêm đã qua, đức Thế Tôn đã kể lại với các Tỳ kheo: "Tối qua, khi đêm đã khuya, có hai thiên thần sắc đẹp tuyệt vời, chiếu sáng khắp Đỉnh Núi Kền Kền, đến gặp ta, kính lễ ta, và đứng qua một bên. Một thiên thần đã thưa với ta: 'Thưa Thế Tôn, những Tỳ kheo ni này được giải-thoát.' Và thiên thần kia lại thưa: 'Thưa Thế Tôn, những Tỳ kheo ni này được khéo giải-thoát không còn tàn dư.' Đây là điều hai vị thiên thần đã nói. Sau đó, họ đã kính lễ ta, đi vòng ra giữ ta ở hướng bên phải họ, và biến mất ngay tại đó." Lúc đó có Ngài Đại Mục-kiền-liên đang ngồi không xa chỗ đức Thế Tôn. Rồi ý nghĩ này đã xảy đến với thầy Đại Mục-kiền-liên: "Những thiên thần nào mà biết được ai còn tàn dư là 'người còn tàn dư' và ai không còn tàn dư là 'người không còn tàn dư'?" Bấy giờ, vào lúc đó có một Tỳ kheo tên là Tissa mới chết và được tái sinh trong một cõi trời brahmā. Cõi trời đó những thiên thần cũng biết vị Tỳ kheo này là "vị trời Tissa, uy lực và uy dũng". Rồi, nhanh như một người khỏe mạnh co hay duỗi cánh tay, thầy Đại Mục-kiền-liên đã biến mất khỏi Đỉnh Núi Kền Kền và hiện ra trong cõi trời brahmā. Sau khi nhìn thấy thầy Đại Mục-kiền-liên đi đến từ xa, vị trời [brahmā] Tissa đã thưa với thầy ấy: "Thầy Mục-kiền-liên đáng kính, hãy đến đây! Hoan nghênh, thầy Mục-kiền-liên đáng kính! Đã lâu lắm rồi thầy mới có cơ hội đến đây. Mời thầy ngồi, thầy Mục-kiền-liên đáng kính. Đây là chỗ ngồi đã được chuẩn bị." Thầy Đại Mục-kiền-liên ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn. Vị trời Tis- sa kính lễ thầy Đại Mục-kiền-liên và ngồi xuống một bên. Thầy Đại Mục- kiền-liên mới nói với vị trời:

“Này Tissa, những thiên thần nào mà biết rõ người tu còn tàn dư là ‘người còn tàn dư’ và người tu không còn tàn dư là ‘người không còn tàn dư’?” “Thầy Mục-kiền-liên đáng kính, những thiên thần thuộc đoàn tùy tùng của trời Brahmā có loại trí-biết như vậy.” “Tất cả những thiên thần thuộc đoàn tùy tùng của vị trời Brahmā đều có loại trí-biết đó hay sao?” “Không phải tất cả, thưa thầy Mục-kiền-liên đáng kính. Những thiên thần thuộc đoàn tùy tùng của vị trời Brahmā là những người mãn nguyện với tuổi thọ của một vị trời brahmā, sắc đẹp của một vị trời brahmā, hạnh phúc của một vị trời brahmā, sự vinh quang của một vị trời brahmā, uy quyền của một vị trời brahmā, và những người không hiểu được là có sự giải-thoát cao hơn cõi này, đúng như nó thực là, thì họ không có loại trí- biết như vậy. “Nhưng, những thiên thần thuộc đoàn tùy tùng của vị trời Brahmā là những người không mãn nguyện với tuổi thọ của một vị trời brahmā, sắc đẹp của một vị trời brahmā, hạnh phúc của một vị trời brahmā, sự vinh quang của một vị trời brahmā, uy quyền của một vị trời brahmā, và những người hiểu được là có sự giải-thoát cao hơn cõi này, đúng như nó thực là, thì họ biết người tu còn tàn dư là ‘người còn tàn dư’ và người tu không còn tàn dư là ‘người không còn tàn dư’.1541 (1) “Ở đây, thưa thầy Mục-kiền-liên đáng kính, khi một Tỳ kheo được giải-thoát về cả hai phương diện, thì những thiên thần đó biết rõ vị ấy như vầy: ‘Đức thầy này được giải-thoát về cả hai phương diện. Chừng nào thân vị này còn thì những thiên thần và loài người còn nhìn thấy vị ấy, nhưng khi thân tan rã thì những thiên thần và loài người sẽ không còn nhìn thấy vị ấy nữa.’ Chính theo cách này là những thiên thần đó biết rõ một người tu còn tàn dư là ‘người còn tàn dư’ và người tu không còn tàn dư là ‘người không còn tàn dư’. (2) “Rồi, khi một Tỳ kheo được giải-thoát bằng trí-tuệ, những thiên

thần đó biết rõ vị ấy như vầy: ‘Đức thầy này được giải-thoát bằng trí-tuệ. Chừng nào thân vị này còn thì những thiên thần và loài người còn nhìn thấy vị ấy, nhưng khi thân tan rã thì những thiên thần và loài người sẽ không còn nhìn thấy vị ấy nữa.’ Chính theo cách này những thiên thần đó biết rõ một người tu còn tàn dư là ‘người còn tàn dư’ … (3) “Rồi, khi một Tỳ kheo là một người thân-chứng, những thiên thần đó biết rõ vị ấy như vầy: ‘Đức thầy này là một bậc thân-chứng. Nếu vị này về trú ở những chỗ-ở tương hợp (thích hợp, thuận hòa), dựa vào những đạo hữu tốt, và điều hòa các căn tâm linh, thì có lẽ vị này sẽ tự mình chứng ngộ trí-biết trực tiếp ngay trong kiếp này, đó là kết-cuộc tối thượng của đời sống tâm linh mà vì mục tiêu đó những người họ tộc đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, và sau khi chứng nhập trong đó, vị ấy an trú trong đó.’ Chính theo cách này những thiên thần đó cũng biết rõ một người tu còn tàn dư là ‘người còn tàn dư’ … (4) “Rồi, khi một Tỳ kheo là người đã đạt tới cách-nhìn (chánh kiến) … (5) là người tu trì theo niềm-tin (căn tín) … (6) người tu trì theo Giáo Pháp (căn trí), những thiên thần đó biết rõ vị ấy như vầy: ‘Đức thầy này là người đã đạt tới cách-nhìn … là người tu trì theo Giáo Pháp. Nếu vị này về trú ở những chỗ-ở tương hợp, dựa vào những đạo hữu tốt, và điều hòa các căn tâm linh, thì có lẽ vị này sẽ tự mình chứng ngộ trí-biết trực tiếp ngay trong kiếp này, đó là kết-cuộc tối thượng của đời sống tâm linh mà vì mục tiêu đó những người họ tộc đã từ bỏ đời sống

tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, và sau khi chứng nhập trong đó, vị ấy an trú trong đó.' Chính theo cách này những thiên thần đó cũng biết rõ một người tu còn tàn dư là 'người còn tàn dư' và người tu không còn tàn dư là 'người không còn tàn dư.' Rồi, hài lòng và vui mừng với những lời của vị trời Tissa, nhanh như một người khỏe mạnh co hay duỗi cánh tay, thầy Đại Mục-kiền-liên biến mất khỏi cõi trời brahmā và hiện ra lại trên Đỉnh Núi Linh Thú. Thầy ấy đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên, và thưa lại với đức Thế Tôn toàn bộ cuộc nói chuyện với vị trời Tissa.

• 75

[Đức Thế Tôn nói:] "Nhưng, này Mục-kiền-liên, vậy là vị trời Tissa đã không chỉ cho thầy về loại người thứ bảy, là người an trú trong sự vô dấu-hiệu (vô tướng)?"1542 "Giờ là lúc cho điều này, thưa Thế Tôn! Giờ là lúc cho điều này, thưa bậc Phúc Lành! Đức Thế Tôn hãy chỉ dạy về loại người thứ bảy, là người an trú trong sự vô dấu-hiệu. Sau khi nghe được từ đức Thế Tôn, những Tỳ kheo sẽ ghi nhớ trong tâm." "Vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói, này Mục-kiền- liên. "Dạ, thưa Thế Tôn", thầy Đại Mục-kiền-liên đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này: (7) "Ở đây, này Mục-kiền-liên, nhờ sự không còn chú-tâm (tác ý) tới tất cả mọi dấu-hiệu (hình tướng), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong sự định-tâm vô dấu-hiệu (vô tướng định). Những thiên thần đó biết rõ về vị ấy như vầy: 'Nhờ sự không còn chú-tâm tới tất cả mọi dấu-hiệu, đức thầy này chứng nhập và an trú trong sự định-tâm vô dấu-hiệu. Nếu vị này về trú ở những chỗ-ở tương hợp, dựa vào những đạo hữu tốt, và điều hòa các căn tâm linh, thì có lẽ vị này sẽ tự mình chứng ngộ trí-biết trực tiếp ngay trong kiếp này, đó là kết-cuộc tối thượng của đời sống tâm linh mà vì mục tiêu đó những người họ tộc đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, và sau khi chứng nhập trong đó, vị ấy an trú trong đó.' Chính theo cách này những thiên thần đó cũng biết rõ một người tu còn tàn dư là 'người còn tàn dư' và người tu không còn tàn dư là 'người không còn tàn dư.'"

57 (4) Tướng Quân Sīha 1543 Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong sảnh đường mái nhọn, trong khu Rừng Lớn. Lúc đó có vị tướng quân tên là Sīha đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên, và thưa:

"Thưa Thế Tôn, có thể nào chỉ ra kết quả có thể trực tiếp nhìn thấy được (nhãn tiền) của việc bố thí?" "Được, này ông Sīha, vậy ta sẽ hỏi ông về vấn đề này. Ông cứ trả lời nếu thấy phù hợp." (1) "Này ông Sīha, ông nghĩ sao? Như có hai người: (i) một người không có niềm-tin, keo kiệt, bần tiện, và chửi bới, và (ii) một người được phú cho niềm-tin, rộng lòng bố thí, vui thích việc từ thiện. Này Sīha, ông nghĩ sao? Đối với loại người nào những A-la-hán sẽ ưu tiên thể hiện lòng bi-mẫn: (i) loại người không có niềm-tin, keo kiệt, bần tiện, và chửi bới hay (ii) loại người được phú cho niềm-tin, rộng lòng bố thí, vui thích việc từ thiện?"1544 "Thưa Thế Tôn, làm sao những A-la-hán lại ưu tiên thể hiện lòng bi- mẫn đối với (i) loại người không có niềm-tin, keo kiệt, bần tiện, và chửi bới? Những vị ấy sẽ ưu tiên thể hiện lòng bi-mẫn đối với (ii) loại người được phú cho niềm-tin, rộng lòng bố thí, vui thích việc từ thiện." (2) "Này ông Sīha, ông nghĩ sao?

Đối với loại người nào những A-la- hán sẽ ưu tiên đến gặp: (i) loại người không có niềm-tin, keo kiệt, bần tiện, và (ii) chửi bới hay loại người được phú cho niềm-tin, rộng lòng bố thí, vui thích việc từ thiện?" "Thưa Thế Tôn, làm sao những A-la-hán lại ưu tiên đến gặp (i) loại người không có niềm-tin, keo kiệt, bần tiện, và chửi bới? Những vị ấy sẽ ưu tiên đến gặp (ii) loại người được phú cho niềm-tin, rộng lòng bố thí, vui thích việc từ thiện." (3) "Này ông Sīha, ông nghĩ sao? Từ loại người nào những A-la-hán sẽ ưu tiên nhận thức ăn cúng dường: (i) loại người không có niềm-tin, keo kiệt, bần tiện, và chửi bới hay (ii) loại người được phú cho niềm-tin, rộng lòng bố thí, vui thích việc từ thiện?" "Thưa Thế Tôn, làm sao những A-la-hán lại ưu tiên nhận thức ăn cúng dường từ (i) loại người không có niềm-tin, keo kiệt, bần tiện, và chửi bới? Những vị ấy sẽ ưu tiên nhận thức ăn cúng dường từ (ii) loại người

• 77

được phú cho niềm-tin, rộng lòng bố thí, vui thích việc từ thiện." (4) "Này ông Sīha, ông nghĩ sao? Đối với loại người nào những A-la- hán sẽ ưu tiên chỉ dạy Giáo Pháp: (i) loại người không có niềm-tin, keo kiệt, bần tiện, và chửi bới hay (ii) loại người được phú cho niềm-tin, rộng lòng bố thí, vui thích việc từ thiện?" "Thưa Thế Tôn, làm sao những A-la-hán lại ưu tiên chỉ dạy Giáo Pháp cho (i) loại người không có niềm-tin, keo kiệt, bần tiện, và chửi bới? Những vị ấy sẽ ưu tiên chỉ dạy Giáo Pháp cho (ii) loại người được phú cho niềm-tin, rộng lòng bố thí, vui thích việc từ thiện." (5) "Này ông Sīha, ông nghĩ sao? Loại người nào có thể tích tạo danh tiếng tốt: (i) loại người không có niềm-tin, keo kiệt, bần tiện, và chửi bới hay (ii) loại người được phú cho niềm-tin, rộng lòng bố thí, vui thích việc từ thiện?" "Thưa Thế Tôn, làm cách nào (i) loại người không có niềm-tin, keo kiệt, bần tiện, và chửi bới có thể tích tạo danh tiếng tốt? Chính (ii) loại người được phú cho niềm-tin, rộng lòng bố thí, vui thích việc từ thiện mới có thể tích tạo danh tiếng tốt." (6) "Này ông Sīha, ông nghĩ sao? Loại người nào có thể đến gặp bất kỳ hội chúng nào—dù đó là hội chúng của những người giai cấp chiến-sĩ, những bà-la-môn, những gia-chủ, hay những tu-sĩ (sa-môn)—một cách tự- tin và bình-tĩnh: (i) loại người không có niềm-tin, keo kiệt, bần tiện, và chửi bới hay (ii) loại người được phú cho niềm-tin, rộng lòng bố thí, vui thích việc từ thiện?" "Thưa Thế Tôn, làm cách nào (i) loại người không có niềm-tin, keo kiệt, bần tiện, và chửi bới có thể đến gặp bất kỳ hội chúng nào—dù đó là hội chúng của những người giai cấp chiến-sĩ, những bà-la-môn, những gia-chủ, hay những tu-sĩ (sa-môn)—một cách tự-tin và bình-tĩnh cho được? Chính (ii) loại người được phú cho niềm-tin, rộng lòng bố thí, vui thích việc từ thiện mới có thể đến gặp bất kỳ hội chúng nào … một cách tự-tin và bình-tĩnh."

78 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 7

(7) "Này ông Sīha, ông nghĩ sao? Khi thân tan rã, sau khi chết, loại người nào sẽ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời: (i) loại người không có niềm-tin, keo kiệt, bần tiện, và chửi bới hay (ii) loại người được phú cho niềm-tin, rộng lòng bố thí, vui thích việc từ thiện?" "Thưa Thế Tôn, làm cách nào (i) loại người không có niềm-tin, keo kiệt, bần tiện, và chửi bới có thể được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, hay trong một cõi trời, khi thân tan rã, sau khi chết? Chính (ii) loại người được

phú cho niềm-tin, rộng lòng bố thí, vui thích việc từ thiện mới có thể được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời, khi thân tan rã, sau khi chết." Thưa Thế Tôn, con không cần phải đặt niềm-tin vào đức Thế Tôn về sáu kết-quả được nhìn thấy trực tiếp này của sự bố-thí mà đức Thế Tôn đã mới nói ra. Vì con cũng biết về sáu điều đó. Vì con là một người bố-thí, người rộng lòng cho-đi, và (i) những A-la-hán sẽ ưu tiên đến gặp con. Con là một người bố-thí, người rộng lòng cho-đi, và (ii) những A-la-hán sẽ ưu tiên thể hiện lòng-bi mẫn đối với con. Con là một người bố-thí, người rộng lòng cho-đi, và (iii) những A-la-hán sẽ ưu tiên nhận thức ăn cúng dường từ con. Con là một người bố-thí, người rộng lòng cho-đi, và (iv) những A-la-hán sẽ ưu tiên chỉ dạy Giáo Pháp cho con. Con là một người bố-thí, người rộng lòng cho-đi, và (v) con sẽ tích tạo được danh tiếng tốt. Con là một người bố-thí, người rộng lòng cho-đi, và (vi) hội chúng nào con đến gặp—dù đó là những người giai cấp chiến-sĩ, những bà-la-môn, những gia-chủ, hay những tu-sĩ—con đến gặp một cách tự-tin và bình- tĩnh. Con không cần phải đặt niềm-tin vào đức Thế Tôn về sáu kết-quả được nhìn thấy trực tiếp này của sự bố-thí mà đức Thế Tôn đã mới nói ra. Vì con cũng biết về sáu điều đó. (vii) Nhưng điều thứ bảy (về kết-quả thuộc kiếp sau của sự bố thí) thì con chưa biết về điều này, cho nên điều này con đặt niềm-tin vào đức Thế Tôn." "Đúng là vậy, này ông Sīha, đúng là vậy! Khi thân tan rã, sau khi chết, một người bố-thí, người rộng lòng cho-đi được tái sinh trong một

• 79

nơi-đến tốt lành, trong một cõi trời."

58 (5) Không Cần Che Giấu "Này các Tỳ kheo, có bốn điều mà Như Lai không cần che giấu và ba điều vì đó Như Lai không thể bị quở trách.1545 - "Và cái gì là bốn điều Như Lai không cần che giấu? (1) "Này các Tỳ kheo, Như Lai là người có hành-vi thân được trong- sạch (thân hành thanh tịnh). Không có hành-vi thân tà ác ở phần nào của Như Lai cần phải che giấu [với ý nghĩ]: 'Đừng để người khác tìm thấy chỗ này của ta.' (2) Như Lai là người có hành-vi miệng được trong-sạch (khẩu hành thanh tịnh). Không có hành-vi miệng tà ác ở phần nào của Như Lai cần phải che giấu [với ý nghĩ]: 'Đừng để người khác tìm thấy chỗ này của ta.' (3) Như Lai là người có hành-vi tâm được trong-sạch (tâm hành thanh tịnh). Không có hành-vi tâm tà ác ở phần nào của Như Lai cần phải che giấu [với ý nghĩ]: 'Đừng để người khác tìm thấy chỗ này của ta.' (4) Như Lai là người có sự mưu-sinh được trong-sạch (chánh mạng thanh tịnh). Không có sự mưu-sinh sai trái ở phần nào của Như Lai cần phải che giấu [với ý nghĩ]: 'Đừng để người khác tìm thấy chỗ này của ta.' "Đây là bốn điều mà Như lai không cần che giấu. - "Và cái gì là ba điều mà vì đó Như Lai không thể bị quở trách? (5) "Này các Tỳ kheo, Như Lai là người có Giáo Pháp được giảng bày một cách hay khéo. Đối với điều này, ta không thấy có căn cứ nào dựa vào đó một tu sĩ, bà-la-môn, thiên thần, Ma-vương, trời Brahmā, hay bất cứ ai trong thế gian có thể có lý quở trách ta như kiểu: 'Vì những lý do như vầy và như vậy, cho nên Giáo Pháp của ông là không được giảng bày một cách hay khéo.' Vì ta không thấy có một căn cứ nào như vậy, nên ta sống an-toàn, không sợ-hãi, và tự-tin.

(6) “Ta đã khéo léo tuyên thuyết cho những đệ tử của ta sự tu-tập dẫn tới Niết-bàn theo một cách mà nếu tu tập đúng theo đó [và đạt tới] sự tiêu- diệt ô-nhiễm, thì họ sẽ tự mình, ngay trong kiếp này, bằng sự trí-biết trực tiếp, chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, họ an trú trong đó. Đối với điều này, ta không thấy có căn cứ nào dựa vào đó một tu sĩ, bà-la-môn, thiên thần, Ma- vương, trời Brahmā, hay bất cứ ai trong thế gian có thể có lý quở trách ta như kiểu: ‘Vì những lý do như vầy và như vậy, cho nên ông đã không khéo léo tuyên thuyết cho những đệ tử của ông1546 sự tu-tập dẫn tới Niết- bàn theo một cách mà nếu tu tập đúng theo đó [và đạt tới] sự tiêu-diệt ô- nhiễm, thì họ sẽ tự mình, ngay trong kiếp này, bằng sự trí-biết trực tiếp, chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, họ an trú trong đó.’ Vì ta không thấy có một căn cứ nào như vậy, nên ta sống an-toàn, không sợ-hãi, và tự-tin. (7) “Này các Tỳ kheo, hội chúng của ta gồm có nhiều trăm đệ tử, mà họ: với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, họ đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải- thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, họ an trú trong đó. Đối với điều này, ta không thấy có căn cứ nào dựa vào đó một tu sĩ, bà-la- môn, thiên thần, Ma-vương, trời Brahmā, hay bất cứ ai trong thế gian có thể có lý quở trách ta như kiểu: ‘Vì những lý do như vầy và như vậy, cho nên không đúng là hội chúng của ông gồm có nhiều trăm đệ tử, mà họ: với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, họ đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, họ an trú trong đó.’ Vì ta không thấy có một căn cứ nào như vậy, nên ta sống an-toàn, không sợ-hãi, và tự-tin. “Đây là ba điều vì đó Như Lai không thể bị quở trách. “Này các Tỳ kheo, trên đây là bốn điều mà Như Lai không cần che giấu và ba điều vì đó Như Lai không thể bị quở trách.”

• 81

59 (6) Ngài Kimbila 1547 Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kimbilā trong một vườn cây nicula (lộc vừng). Lúc đó có Ngài Kimbila đến gặp và kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: - “Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do Giáo Pháp tốt lành không tiếp tục dài lâu sau khi một Như Lai bát-niết-bàn? “(1) Ở đây, này Kimbila, sau khi một Như Lai bát-niết-bàn [chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng], những Tỳ kheo, những Tỳ kheo ni, đệ tử tại gia nam, và đệ tử tại gia nữ sống không có sự tôn trọng và tôn kính đối với Vị Thầy (Phật). (2) Họ sống không có sự tôn trọng và tôn kính đối với Giáo Pháp. (3) Họ sống không có sự tôn trọng và tôn kính đối với Tăng Đoàn. (4) Họ sống không có sự tôn trọng và tôn kính đối với sự tu-tập. (5) Họ sống không có sự tôn trọng và tôn kính đối với sự định-tâm (thiền định). (6) Họ sống không có sự tôn trọng và tôn kính đối với sự chuyên-chú. (7) Họ sống không có sự tôn trọng và tôn kính đối với sự hiếu-khách (tiếp đón và giúp đỡ những đồng đạo đến ở). Đây là nguyên nhân và lý do Giáo Pháp tốt lành không tiếp tục dài lâu sau khi một Như Lai bát-niết-bàn. - “Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do Giáo Pháp tốt lành sẽ tiếp tục dài lâu sau

khi một Như Lai bát-niết-bàn?" "(1) Ở đây, này Kimbila, sau khi một Như Lai bát-niết-bàn, những Tỳ kheo, những Tỳ kheo ni, đệ tử tại gia nam, và đệ tử tại gia nữ sống với sự tôn trọng và tôn kính đối với Vị Thầy (Phật). (2) Họ sống với sự tôn trọng và tôn kính đối với Giáo Pháp. (3) Họ sống với sự tôn trọng và tôn kính đối với Tăng Đoàn. (4) Họ sống với sự tôn trọng và tôn kính đối với sự tu- tập. (5) Họ sống với sự tôn trọng và tôn kính đối với sự định-tâm. (6) Họ sống với sự tôn trọng và tôn kính đối với sự chuyên-chú. (7) Họ sống với có sự tôn trọng và tôn kính đối với sự hiếu-khách. Đây là nguyên nhân và lý do Giáo Pháp tốt lành sẽ tiếp tục dài lâu sau khi một Như Lai bát-niết- bàn."

60 (7) Bảy Phẩm Chất "Này các Tỳ kheo, có được bảy phẩm chất, một Tỳ kheo chẳng bao lâu, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, sẽ tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải- thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi chứng nhập trong đó, có thể an trú trong đó. Bảy đó là gì? "Ở đây, một Tỳ kheo được phú cho niềm-tin, có giới-hạnh, học-hiểu nhiều, sống tách-ly (ẩn dật, ẩn tu, lánh trần), nỗ-lực (tinh tấn), có chánh- niệm, và có trí. Có được bảy phẩm chất này, một Tỳ kheo chẳng bao lâu, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, sẽ tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi chứng nhập người đó, có thể an trú trong đó."

61 (8) Ngủ Gục Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ người Bhagga, ở Suṃsumâragira, trong khu vườn nai ở Rừng Bhesakalā. Bấy giờ, vào lúc đó Ngài Đại Mục-kiền-liên đang ngồi và ngủ gục1548 trong làng Kallavālamutta nơi có những người dân Ma-kiệt-đà (Magadha). Với mắt thiên thánh (thiên nhãn thông), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, đức Thế Tôn đã nhìn thấy thầy Đại Mục-kiền-liên đang ngồi và ngủ gục. Rồi, nhanh như một người khỏe mạnh co hay duỗi cánh tay, đức Thế Tôn đã biến mất khỏi khu vườn nai ở Rừng Bhesakalā và hiện ra trước mặt thầy Mục-kiền-liên. Đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn và nói: "Này Mục-kiền-liên, thầy đang ngủ gục phải không? Mục-kiền-liên, thầy đang ngủ gục phải không? "Dạ đúng, thưa Thế Tôn." (1) "Bởi vậy, này Mục-kiền-liên, khi thầy đã bị buồn ngủ thì thầy không nên chú tâm hay tu dưỡng đối-tượng mà thầy đang chú tâm vào nó.

Bằng cách như vậy thì có thể dẹp được sự buồn-ngủ của thầy. (2) "Nhưng nếu thầy không thể dẹp bỏ sự buồn-ngủ theo cách như vậy, thầy nên soi xét, xem xét, và bằng tâm tra xét Giáo Pháp mà thầy đã nghe và đã học. Bằng cách như vậy thì có thể dẹp được sự buồn-ngủ của thầy. (3) "Nhưng nếu thầy không thể dẹp bỏ sự buồn-ngủ theo cách như vậy, thầy nên tụng đọc một cách chi tiết Giáo Pháp mà thầy đã nghe và đã học. Bằng cách như vậy thì có thể dẹp được sự buồn-ngủ của thầy. (4) "Nhưng nếu thầy không thể dẹp bỏ sự buồn-ngủ của thầy theo cách như vậy, thầy nên dùng hai tay kéo mạnh hai tai và chà mạnh hai chân. Bằng cách như vậy thì có thể dẹp được sự

buồn-ngủ của thầy. (5) “Nhưng nếu thầy không thể dẹp bỏ sự buồn-ngủ của thầy theo cách như vậy, thầy nên đứng dậy khỏi chỗ ngồi, dùng nước chà rửa mắt, quét nhìn hết bốn hướng, và ngước nhìn những chòm sao và các vì sao trên trời. Bằng cách như vậy thì có thể dẹp được sự buồn-ngủ của thầy. (6) “Nhưng nếu thầy không thể dẹp bỏ sự buồn-ngủ theo cách như vậy, thầy nên chú tâm (tác ý) tới sự nhận-thức về ánh sáng; thầy nên chủ động (đảm nhận, nhận lấy) sự nhận-thức về ban ngày như vầy: ‘Ban ngày như sao, ban đêm như vậy; ban đêm như sao, ban ngày như vậy.’ Vậy đó, với một cái tâm được mở rộng và không bị che đậy, thầy nên tu tập một cái tâm thấm nhuần sự chiếu sáng. Bằng cách như vậy thì có thể dẹp được sự buồn-ngủ của thầy. (7) “Nhưng nếu thầy không thể dẹp bỏ sự buồn-ngủ theo cách như vậy, thầy nên chủ động (đảm nhận, nhận lấy) sự [thể dục] đi-tới và đi-lại, nhận thức thứ ở sau lưng và thứ ở trước mặt, thu hút những giác-quan của mình vào đó và gom tâm mình vào đó. Bằng cách như vậy thì có thể dẹp được sự buồn-ngủ của thầy. “Nhưng nếu thầy không thể dẹp bỏ sự buồn-ngủ của mình theo cách như vậy, thầy nên nằm xuống nghiêng bên phải trong tư thế của sư tử, với chân trái đặt trùng lên chân phải, có chánh-niệm và sự rõ-biết, sau khi đã

lưu nhớ trong tâm ý định (thời điểm) mình thức dậy. Khi thầy tỉnh dậy, thầy nên ngồi dậy liền, [nghĩ rằng]: ‘Ta không có ý định nằm nghỉ cho sướng, lười biếng cho sướng, ngủ cho sướng.’ Này Mục-kiền-liên, chính theo cách này thầy nên tu tập bản thân. “Bởi vậy, này Mục-kiền-liên, thầy nên tu tập bản thân như vầy: ‘Chúng ta sẽ không đến gặp những gia đình [để khất thực] với cái đầu căng phồng tính tự-cao.’ Này Mục-kiền-liên, chính theo cách này thầy nên tu tập bản thân. Này Mục-kiền-liên, ví dụ có một Tỳ kheo đến gặp các gia đình với một cái đầu căng phồng tính tự-cao. Rồi các gia đình có nhiều việc phải làm, và do vậy khi một Tỳ kheo xuất hiện họ có thể không chú ý tới thầy ấy. Trong trường hợp đó Tỳ kheo đó có thể nghĩ: ‘Ai khiến cho gia đình này không tiếp ta? Hình như những người này giờ chỉ thờ ơ đối với ta.’ Theo cách này, do không được cúng dường một người cảm thấy bị nhục; khi cảm thấy bị nhục, người đó trở nên bất-an; khi một người bị bất- an, người đó mất sự kiềm-chế. Tâm của một người không có sự kiềm-chế thì rời xa sự định-tâm. “Bởi vậy, này Mục-kiền-liên, thầy nên tu tập bản thân như vầy: ‘Chúng ta sẽ không dính vào những cuộc nói chuyện tranh cãi.’ Chính theo cách này thầy nên tu tập bản thân. Khi có cuộc nói chuyện tranh cãi, thì sẽ có những lời lẽ quá đáng. Khi có những lời lẽ quá đáng, một người trở nên bất-an; khi một người bị bất-an, người đó mất sự kiềm-chế. Tâm của một người không có sự kiềm-chế thì rời xa sự định-tâm. “Này Mục-kiền-liên, ta không đề cao sự dính líu với mọi người này nọ, ta cũng không đề cao sự không dính líu với ai cả. Ta không đề cao sự dính líu với những người tại gia và những tu sĩ, nhưng ta đề cao sự dính líu với những nơi-ở yên-tĩnh và không-ồn, nơi tránh xa đám đông người, tránh xa nơi đông dân cư trú, và thích hợp cho sự tách-ly (ẩn dật, ẩn tu, lánh trần).” Sau khi điều này được nói ra, thầy Đại Mục-kiền-liên đã thưa với đức Thế Tôn:1549

“Thưa Thế Tôn, nói tóm gọn thì theo cách nào một Tỳ kheo sẽ được giải-thoát trong sự tắt-ngấm dục-vọng (ái tận), là bậc nhất trong số những thiên thần và loài người: là người đã đạt tới chung-kết tối thượng, đã giành được ‘sự an-toàn khỏi mọi sự trói-buộc’, đã sống đời sống tâm linh tối thượng, và đã đạt tới kết-cuộc tối thượng?” “Ở đây, này Mục-kiền-liên, một Tỳ kheo đã nghe điều: ‘Không có gì đáng để bám vào.’ Sau khi một Tỳ kheo đã nghe điều: ‘Không có gì đáng để bám vào’, người đó trực-tiếp biết tất cả mọi sự. Sau khi đã trực-tiếp biết tất cả mọi sự, người đó hoàn-toàn hiểu tất cả mọi sự. Sau khi hoàn- toàn hiểu tất cả mọi sự, mọi cảm-giác người đó cảm nhận—dù là sướng hay khổ hay không sướng không khổ—người đó an trú quán sát sự vô- thường trong những cảm-giác đó, quán sát sự phai-biến trong những cảm- giác đó, quán sát sự chấm-dứt trong những cảm-giác đó, quán sát sự từ-bỏ trong những cảm-giác đó. Khi người đó an trú quán sát sự vô-thường … sự phai-biến … sự chấm-dứt … sự từ-bỏ trong những cảm-giác đó, người đó không còn dính-chấp vào bất cứ thứ gì trong thế giới. Không dính- chấp, người đó không còn động-vọng. Không còn động-vọng, người đó tự mình chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’ “Nói một cách vắn tắt, này Mục-kiền-liên, chính theo cách này một Tỳ kheo là bậc nhất trong số những thiên-thần và loài người: là người đã đạt tới chung-kết tối thượng, đã giành được ‘sự an-toàn khỏi mọi sự trói- buộc’, đã sống đời sống tâm linh tối thượng, và đã đạt tới kết-cuộc tối thượng.”

62 (9) Đừng Sợ Công Đức 1550 “Này các Tỳ kheo, đừng sợ công-đức. Công-đức là một cách để chỉ sự hạnh-phúc (tức công-đức là sự hạnh-phúc). “Ta nhớ lại rằng từ rất lâu ta đã từng nếm trải những kết-quả đáng

thích, đáng vui và dễ chịu của công-đức đã được tích tạo trước đó. Trong bảy năm ta tu tập tâm-từ. Hệ quả là, trong suốt bảy đại-kiếp thế giới tan- hoại và tiến-hóa ta không quay lại thế gian này. Khi thế giới đang tan-hoại ta đã trú ở [cõi trời các thiên thần] chiếu hào quang thành dòng (quang âm thiên). “Khi thế giới đang tiến-hóa lại, ta được tái sinh trong một thiên cung trống của trời Brahmā.1551 Ở đó ta là trời Brahmā,1552 vị trời Brahmā Lớn (Đại Phạm thiên), người chinh phục, người không bị chinh phục, người nhìn thấy vũ trụ (biến tri), người nắm vững sự làm-chủ (tự tại). Sáu mươi ba lần ta đã từng là vua trời Sakka (Đế-thích), vua của những thiên thần. Mấy trăm lần ta đã từng là một vị vua quay chuyển bánh xe (chuyển luân vương), vị vua chân chính trị vì bằng Giáo Pháp, một người chinh phục có sự trị vì trải rộng khắp tận bốn bờ biên giới, người đã đạt được sự ổn-định trong xứ sở của mình, người có được bảy báu. Ta từng có bảy báu này, đó là: xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, nữ báu, quan ngân khố báu, và quan quân sư báu là thứ bảy. Ta đã từng có hơn một ngàn con trai là những anh hùng, mạnh mẽ, có thể nghiền nát những đội quan của kẻ thù của mình. Ta đã từng thống trị sau khi đã chinh phục địa cầu này cho tới bờ biên giáp các đại dương của nó, không phải bằng bạo lực và vũ khí mà bằng Giáo Pháp.1553 “Nếu người tìm kiếm hạnh-phúc, Hãy nhìn kết quả của công-đức, [Là kết quả của] những nghiệp thiện lành.

Bảy năm ta tu tập tâm-từ, Này các Tỳ kheo, Ta không trở lại thế gian này, Suốt bảy đại kiếp thế giới tan-hoại và tiến-hóa. “Khi thế giới đang tan hoại biến mất, Ta đến trú ở [cõi trời] quang âm thiên. Khi thế giới đang khởi tạo tiến hóa, Ta đến trú ở một [thiên cung] trống ở cõi trời Brahmā.

• 87

“Bảy lần ta từng là vị trời Brahmā,
Bậc nắm vững sự tự-chủ;
Ba mươi sáu lần ta từng là vua của những thiên thần,
Thực thi sự trị vì các những thiên thần.
“Ta từng là một vị chuyển luân vương,
Là chúa tể của cõi Diêm-phù-nề (Jambudīpa),1554
Là một vị vua giai cấp chiến-sĩ được phong vương,
Người thống trị giữa loài người.
“Không bằng sức mạnh, không bằng vũ khí,
Ta chinh phục trái đất này.
Ta trị vì khắp nơi bằng sự chân-chính,
Không bằng sự bạo lực, chỉ bằng Giáo Pháp,1555
Thực thi sự trị vì bằng Giáo Pháp khắp trái đất này.
“Ta từng sinh ra trong một gia đình giàu có,
Với nhiều của cải và tài sản,
[Một gia đình] được phú cho tất cả những thứ dục-lạc,
Và có được bảy báu.
Điều này được khéo dạy bởi các vị Phật,
Là những bậc thiện-từ của thế gian:
Đây là nguyên nhân của sự lớn-lao
Nhờ đó một người được gọi là chúa tể của trái đất.1556
“Ta từng là1557 một vị vua sáng chói với sự huy hoàng,
Một người có nhiều của cải và sản vật.
Ta từng là chúa tể của cõi Diêm-phù-nề,
Uy lực và vinh quang.
Ai mà không đặt sự tin-tưởng vào sự nghe được như vậy,
Ngay cả đó là những loài thấp sanh?
“Do vậy ai mong muốn sự tốt đẹp,
Khát nguyện đạt tới điều lớn-lao,
Thì nên sâu sắc tôn kính Giáo Pháp thiện lành,
88 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 7

Tưởng niệm giáo lý của những vị Phật.”1558

63 (10) Những Người Vợ Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, và đi tới tư gia của gia chủ Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika), tới nơi đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn cho mình. Ngay lúc đó, có người trong tư gia của gia chủ Cấp Cô Độc đang la lối và ồn ào. Rồi gia chủ Cấp Cô Độc đã ra gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn mới nói với ông: “Này gia chủ, tại sao những người trong nhà đang la lối và ồn ào như vậy? Người ta nghe tưởng như những ngư dân đang la hét kéo lưới.” “Thưa Thế Tôn, đó là con dâu Sujātā của con, là người giàu sang và được cưới đến đây từ một gia đình giàu có. Cô ấy không vâng lời của cha chồng, mẹ chồng, hay của chồng. Cô ấy không tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, hay và tôn kính đức Thế Tôn.” Rồi đức Thế Tôn đã nói với Sujātā: “Này Sujātā, hãy đến đây.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, cô đáp lại. Cô ta đến chỗ đức Thế Tôn, kính lễ, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn mới nói với cô ấy: “Này Sujātā, một người đàn ông có thể có bảy loại vợ. Bảy đó là gì? Vợ như sát nhân, vợ như kẻ trộm, vợ như bạo chúa, vợ như mẹ, vợ như em gái, vợ như người bạn, và vợ như nô lệ. Một người có thể có bảy loại vợ như vầy. Con thuộc loại nào?” “Thưa Thế Tôn, con không hiểu được chi tiết ý nghĩa của lời Thế Tôn mới nói ra một cách vắn tắt. Vậy đức Thế Tôn hãy chỉ dạy cho con Giáo Pháp theo cách để con có thể hiểu chi tiết ý nghĩa của lời mới được nói ra một cách vắn tắt như vậy.”

• 89

“Vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”
“Dạ, thưa Thế Tôn”, cô ấy đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:
“Với cái tâm thù ghét,
Không có sự cảm thương;
Ham muốn người khác,
Khinh khi chồng mình,
Tìm cách giết chồng mình,
Là người đã bỏ của cải để cưới mình:
Vợ như vầy được gọi là vợ như sát nhân.
“Khi chồng tích tạo của cải bằng công sức cực nhọc,
Bằng nghề thủ công, nghề buôn bán, hay nghề nông,
Vợ cứ cố lấy cắp,
Ngay cả khi chồng [kiếm được] ít ỏi:
Vợ như vậy được gọi là vợ như kẻ cắp.
“Vợ tham ăn lười biếng,
Không chịu làm việc gì,
Nói lời gắt gỏng, mắng nhiếc, hỗn láo,
Người thống trị người chồng nuôi nấng mình:
Vợ như vậy được gọi là vợ như bạo chúa.
“Vợ luôn luôn nhân từ và cảm thương,

Là người bảo vệ chồng như người mẹ bảo vệ con,
Bảo vệ của cải chồng làm có được:
Vợ như vậy được gọi là vợ như mẹ.
“Vợ luôn coi trọng chồng mình,
Như người em gái đối với anh mình,
Tận tình, làm theo ý của chồng:
Vợ như vậy được gọi là vợ như em gái.
“Vợ vui mừng mỗi khi nhìn thấy chồng,
Như một người bạn lâu năm mới gặp lại;
Được khéo nuôi dạy, tận tụy hết mình vì chồng:

Vợ như vậy được gọi là vợ như người bạn (tri kỷ).
“Vợ luôn nhẫn nhịn và dịu hiền,
Ngay cả khi có bị bạo lực đòn roi,1559
Vợ chịu nhịn chồng mình với một cái tâm không thù ghét,
Nhẫn nhịn, phục tùng theo ý chồng:
Vợ như vậy được gọi là vợ như nô lệ.
“Những loại vợ được gọi là:
Sát nhân, kẻ cắp, và bạo chúa,
Là thất đức, gắt gỏng, bất kính trọng,
Khi thân tan rã (sau khi chết) sẽ đi xuống địa ngục.
“Nhưng những loại vợ được gọi là:
Mẹ, em gái, người bạn, và nô lệ,
Ổn định về đức-hạnh, giữ giới-hạnh lâu dài,
Khi thân tan rã sẽ đi lên cõi trời.
“Này Sujātā, một người có thể có bảy loại vợ như vậy. Giờ con muốn là vợ loại nào?”
“Thưa Thế Tôn, bắt đầu từ hôm nay, Thế Tôn hãy coi con là một người vợ như nô lệ.”
64 (11) Sân Hận 1560 “Này các Tỳ kheo, có bảy điều (thiệt hại) xảy ra cho một người sân hận—và càng làm cho kẻ thù đắc chí và lợi thế hơn mình. Bảy đó là gì? (1) “Người thù hay rủa kẻ thù (của mình): ‘Cầu cho hắn xấu xí!’. Vì sao vậy? Vì một người thù đâu ưa kẻ thù của mình được đẹp đẽ. (Chưa biết cầu được không) nhưng khi một người tức giận—bị chi phối và khống chế bởi sân hận—giờ cho dù mình có tắm rửa, xức dầu thơm, cắt tỉa râu tóc, mặc đồ trắng tinh, thì mình cũng bị xấu xí (với mặt nhăn nhó, bực tức); tất cả chỉ vì sân hận. Đây là điều thứ nhất xảy ra cho một người sân hận—và càng làm cho kẻ thù đắc chí và lợi thế hơn mình.

(2) “Lại nữa, người thù hay rủa kẻ thù: ‘Cầu cho hắn chẳng được ngủ ngon!’ Vì sao vậy? Vì một người thù đâu muốn kẻ thù của mình được ngủ ngon. (Chưa biết cầu được không) nhưng khi một người tức giận—bị chi phối và khống chế bởi sân hận—giờ cho

dù mình có ngủ trên giường được phủ bằng ra trắng, phủ bằng ra len, phủ bằng ra thêu hoa, phủ bằng tấm da hươu, có mái vòm ở trên đầu, hoặc ngủ trên ghế dài có gối đỏ ở hai đầu, thì mình cũng không ngủ ngon (với lòng bực tức, thù ghét); tất cả chỉ vì sân hận. Đây là điều thứ hai xảy ra cho một người sân hận—và càng làm cho kẻ thù đắc chí và lợi thế hơn mình. (3) "Lại nữa, người thù hay rủa kẻ thù: 'Cầu cho hắn chẳng được lợi gì!' Vì sao vậy? Vì một người thù đâu thích kẻ thù của mình được lợi. (Chưa biết cầu được không) nhưng khi một người tức giận—bị chi phối và khống chế bởi sân hận—giờ khi mình bị thiệt hại, lại nghĩ 'Ta đã được lợi'; và khi mình được lợi, lại nghĩ 'Ta bị thiệt hại'. Giờ mình cứ cố chấp những ý nghĩ ngược ngạo như vậy [ngược với sự thật], thì những điều đó dẫn tới khổ đau và thiệt hại cho người đó lâu dài (do nghĩ quẩn, nghĩ thù); tất cả chỉ vì sân hận. Đây là điều thứ ba xảy ra cho một người sân hận—và càng làm cho kẻ thù đắc chí và lợi thế hơn mình. (4) "Lại nữa, một người thù hay rủa kẻ thù: 'Cầu cho hắn chẳng được giàu có!' Vì sao vậy? Vì một người thù đâu thích kẻ thù của mình được giàu có. (Chưa biết cầu được không) nhưng khi một người tức giận—bị chi phối và khống chế bởi sân hận—giờ tài sản do mình làm ra bằng nỗ lực tháo vát, được tích lũy bằng chính đôi tay của mình, có được từ mồ hôi công sức của mình—thì tài sản chân chính mình có được một cách chân chính thì lại bị vua chúa ra lệnh tịch thu sung vào công quỹ triều đình [cứ như 'của đóng phạt' cho nghiệp sân hận của mình vậy] (giống nhu quả báo nhãn tiền); tất cả chỉ vì sân hận. Đây là điều thứ tư xảy ra cho một người sân hận—và càng làm cho kẻ thù đắc chí và lợi thế hơn mình. (5) "Lại nữa, một người thù hay rủa kẻ thù: 'Cầu cho hắn không được danh tiếng gì!' Vì sao vậy? Vì một người thù đâu thích kẻ thù mình được danh tiếng. (Chưa biết cầu được không) nhưng khi một người tức giận—bị

chi phối và khống chế bởi sân hận—giờ danh tiếng mình có được nhờ sự chú tâm cần mẫn bấy lâu giờ cũng bị mất đi (do thù hận sẽ làm nhiều điều bất chấp, làm mất danh tiếng của mình); tất cả chỉ vì sân hận. Đây là điều thứ năm xảy ra cho một người sân hận—và càng làm cho kẻ thù đắc chí và lợi thế hơn mình. (6) "Lại nữa, một người thù hay rủa kẻ thù: 'Cầu cho hắn chẳng có bạn bè nào!' Vì sao vậy? Vì một người thù đâu thích kẻ thù mình có được bạn bè. (Chưa biết cầu được không) nhưng khi một người tức giận—bị chi phối và khống chế bởi sân hận—giờ bạn bè, đồng nghiệp, và người thân của mình giờ tránh gặp mình (vì họ thấy mình thù hận, làm điều bất chấp); tất cả chỉ vì sân hận. Đây là điều thứ sáu xảy ra cho một người sân hận— và càng làm cho kẻ thù đắc chí và lợi thế hơn mình. (7) "Lại nữa, một người thù hay rủa kẻ thù: 'Cầu cho hắn, sau khi thân tan rã, sau khi chết, hắn sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục'. Vì sao vậy? Vì một người thù đâu thích kẻ thù mình được tái sinh lên cõi tiên cõi trời. (Chưa biết cầu được không) nhưng khi một người tức giận—bị chi phối và khống chế bởi sân hận—giờ mình đã dính những hành-vi xấu ác bằng thân, lời-nói, và tâm. Hậu quả là, vẫn do bị chi phối bởi sân hận, khi thân mình tan rã, sau khi chết, mình bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục; tất cả chỉ vì sân hận. Đây là điều thứ bảy xảy ra cho một người sân hận—và càng làm cho kẻ thù đắc

chí và lợi thế hơn mình. “Có bảy điều như vậy xảy ra cho một người sân hận—và càng làm cho kẻ thù đắc chí và lợi thế hơn mình. Người tức giận thì xấu xí; Người đó cũng ngủ không ngon; Sau khi đạt được điều ích lợi, Người đó lại coi đó là điều nguy hiểm.1561 Người sân hận,

• 93

Bị chi phối bởi sân hận,
Sau khi đã giết chóc bằng thân và lời-nói,1562
Sẽ bị mất mát của cải.
Bị điên tiết bởi sân hận,
Người đó chỉ chuốc lấy tiếng xấu.
Họ hàng, bạn bè và người thân
Đều tránh né người nóng giận.
Sân hận là một nguyên nhân của sự nguy hại;
Sân hận làm hỗn loạn tâm thần.
Người ta không còn nhận biết được,
Mối hiểm họa đã khởi sinh ở bên trong.
Người tức giận không biết điều tốt lành;
Người sân hận không nhìn thấy Giáo Pháp.
Chỉ có sự mù-quáng và sự u-tối dày đặc,
Khi sân hận chi phối một người.
Khi người tức giận gây ra tổn hại
Dù là một cách dễ dàng hay một cách khó khăn,
Sau đó, sau khi cơn tức giận đã qua,
Người đó bị dày vò như bị lửa thiêu đốt.
Người đó thể hiện tính ngang ngạnh,
Như ngọn lửa gây ra ngọn khói.
Khi cơn giận lan ra bên ngoài,
Người ta sẽ bực tức vì (tính khí của) người đó.1563
Người đó không biết xấu-hổ hay sợ-hãi điều sai trái,
Lời nói bất tôn trọng;
Người bị chi phối bởi sân hận,
Thì không có hòn đảo [sự an toàn] nào cả.
Ta sẽ nói cho các thầy về những hành-động
Vốn gây ra khổ sở.
Hãy lắng nghe chúng đúng thực là1564
94 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 7

Khác xa khỏi những điều chân chính:
Một kẻ sân hận giết cha;

Một kẻ sân hận giết mẹ;
Một kẻ sân hận giết một bà-la-môn;1565
Một kẻ sân hận giết một người phàm.
Một kẻ phàm phu sân hận giết mẹ,
Là người đã sinh thành mình,
Là người đã dưỡng dục mình,
Và đã cho mình nhìn thấy thế gian này.
Những chúng sinh đó, cũng giống mình,
Mỗi họ đều yêu quý nhất bản thân mình;
Nhưng những ai người tức giận tự giết mình theo nhiều cách,1566
Khi họ quẫn trí về những vấn đề khác nhau.
Có những người tự giết mình bằng dao kiếm;
Có những người bị quẫn trí uống thuốc độc;
Có những người tự treo cổ bằng giây thừng;
Có những người [nhảy] xuống hẻm núi.
Những nghiệp hủy diệt sự trưởng thành,1567
Và những nghiệp gây ra cái chết của họ:
Khi đang làm những hành động như vậy họ đâu biết được
Sự lụn bại là do sân hận gây ra.
Do vậy bẫy tử thần đang ẩn giấu trong tim (tâm)
Đã chọn lấy hình thái là sự sân hận.
Một người nên cắt bỏ sân hận bằng sự tự-chủ,
Bằng trí-tuệ, sự tinh-tấn, và [chánh-] kiến.
Người có trí nên thanh tẩy
Phẩm chất bất thiện này.1568
Một người nên tu tập theo Giáo Pháp theo cách như vậy:
Đừng để sản sinh tính ngang-ngạnh.
• 95

Hết sân hận, thì sự thống khổ của họ cũng hết,
Không còn ngu-si,1569 không còn thèm-khát,
Đã được thuần hóa, đã dẹp bỏ sân-hận,
Những bậc vô-nhiễm chứng ngộ Niết-bàn.1570
NHÓM 2. NHÓM LỚN

65 (1) Sự Xấu Hổ Về Mặt Đạo Đức 1571 (I) “Này các Tỳ kheo, (1) khi không có sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức và sự sợ-hãi về mặt đạo đức, đối với người thiếu sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức và sự sợ-hãi về mặt đạo đức là (2) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến sự kiềm-chế các căn cảm-nhận (các giác quan); người thiếu sự kiềm- chế các căn cảm-nhận là (3) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến giới-hạnh. Khi không có giới-hạnh, người thiếu giới-hạnh là (4) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến chánh-định. Khi không

có chánh-định, người thiếu chánh- định là (5) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến sự-biết và sự-thấy về mọi sự đúng như chúng thực là. Khi không có sự-biết và sự-thấy, người thiếu sự- biết và sự-thấy như vậy là (6) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến sự tỉnh- ngộ [sự không còn mê-thích] và sự chán-bỏ. Khi không có sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ, người thiếu sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ là (7) thiếu nguyên- nhân cận kề đưa đến sự-biết và sự-thấy của sự giải-thoát. "Ví dụ có một cây mà thiếu hụt cành và lá, thì chồi, vỏ, phần gỗ mềm và gỗ lõi của nó sẽ không phát triển đầy đủ. Cũng giống như vậy, (1) khi không có sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức và sự sợ-hãi về mặt đạo đức, đối với người thiếu sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức và sự sợ-hãi về mặt đạo đức, là (2) thiếu sự kiềm chế các căn cảm-nhận ... là (7) thiếu nguyên- nhân cận kề đưa đến sự-biết và sự-thấy của sự giải-thoát. (II) "Này các Tỳ kheo, (1) khi có sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức và sự sợ-hãi về mặt đạo đức, người có được (thành tựu) sự biết xấu-hổ về mặt

đạo đức và sự sợ-hãi về mặt đạo đức là (2) có sự kiềm-chế các căn cảm- nhận, người có được sự kiềm-chế các căn cảm-nhận là (3) có nguyên-nhân cận kề đưa đến giới-hạnh. Khi có được giới-hạnh, người có được giới- hạnh là (4) có được nguyên-nhân cận kề đưa đến chánh-định. Khi có được chánh-định, người có được chánh-định là (5) có nguyên-nhân cận kề đưa đến sự-biết và sự-thấy về mọi sự đúng thực như chúng là. Khi có được sự- biết và sự-thấy, người có được sự-biết và sự-thấy như vậy là (6) có được nguyên-nhân cận kề đưa đến sự tỉnh-ngộ [sự không còn mê-thích] và sự chán-bỏ. Khi có sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ, người có được sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ là (7) có được nguyên-nhân cận kề đưa đến sự-biết và sự-thấy của sự giải-thoát. "Ví dụ có một cây có đầy đủ cành và lá, thì chồi, vỏ, phần gỗ mềm, và gỗ lõi của nó sẽ phát triển đầy đủ. Cũng giống như vậy, (1) khi có sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức và sự sợ-hãi về mặt đạo đức, người có được sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức và sự sợ-hãi về mặt đạo đức là (2) có được sự kiềm-chế các căn cảm-nhận ... là (7) có nguyên-nhân cận kề đưa đến sự- biết và sự-thấy của sự giải-thoát."

66 (2) Mặt Trời Trong một lần1572 đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li), trong Rừng Ambapālī. Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: "Này các Tỳ kheo!" "Dạ, thưa Thế Tôn!", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: "Này các Tỳ kheo, những hiện-tượng có điều-kiện (pháp hữu vi) đều là vô-thường; những hiện-tượng có điều-kiện là bất-ổn; những hiện-tượng có điều-kiện là không đáng tin-cậy. Điều này cũng đủ để (chúng ta) trở nên tỉnh-ngộ (không còn mê-thích, không còn bị hấp-dẫn) với tất cả những hiện-tượng có điều-kiện, đủ để (chúng ta) trở nên chán-bỏ (không còn tham, ly tham) đối với chúng, đủ để (chúng ta tìm cách để) được giải-thoát khỏi chúng.

"Này các Tỳ kheo, núi Tu-di (Sineru), vua của những ngọn núi, là dài 84.000 do-tuần (yojana) và rộng 84.000 do-tuần; phần chìm dưới đại dương dài 84.000 do-tuần và phần ở trên đại dương cao 84.000 do- tuần.1573 (1) "Rồi tới một thời kỳ, này các Tỳ kheo, khi mưa không có suốt nhiều năm, suốt nhiều trăm năm, suốt nhiều ngàn năm, suốt nhiều

trăm ngàn năm. Khi mưa không có, sự sống hạt giống và cây trồng, dược thảo, cây cỏ, và những cây lớn trong rừng đều héo tàn và khô queo và không còn tồn tại nữa. Những hiện-tượng có điều-kiện thật là vô-thường, thật là bất-ổn, thật là không đáng tin-cậy. Điều này cũng đủ để (chúng ta) trở nên tỉnh-ngộ với tất cả những hiện-tượng có điều-kiện, đủ để (chúng ta) trở nên chán-bỏ đối với chúng, đủ để (chúng ta tìm cách để) được giải-thoát khỏi chúng. (2) "Tới một thời kỳ, sau một thời gian dài, đến khi mặt trời thứ hai xuất hiện. Với sự xuất hiện của mặt trời thứ hai, những sông nhỏ và hồ nhỏ khô cạn và nước bốc hơi hết và không còn tồn tại nữa. Những hiện- tượng có điều-kiện thật là vô-thường … Điều này cũng đủ để (chúng ta tìm cách để) được giải-thoát khỏi chúng. (3) "Tới một thời kỳ, sau một thời gian dài, đến khi mặt trời thứ ba xuất hiện. Với sự xuất hiện của mặt trời thứ ba, những sông lớn—như sông Hằng, sông Yamunā, sông Aciravatī, sông Sarabhū, và sông Mahī— khô cạn và nước bốc hơi hết và không còn tồn tại nữa. Những hiện-tượng có điều-kiện thật là vô-thường … Điều này cũng đủ để (chúng ta tìm cách để) được giải-thoát khỏi chúng. (4) "Tới một thời kỳ, sau một thời gian dài, đến khi mặt trời thứ tư xuất hiện. Với sự xuất hiện của mặt trời thứ tư, những hồ lớn nơi những con sông lớn bắt nguồn—như hồ Anotatta, hồ Sīhapapāta, hồ Rathakāra, hồ Kaṇṇamuṇḍa, hồ Kuṇāla, hồ Chaddanta, và hồ Mandākinī—khô cạn và nước bốc hơi hết và không còn tồn tại nữa. Những hiện-tượng có điều- kiện thật là vô-thường … Điều này cũng đủ để (chúng ta tìm cách để) được giải-thoát khỏi chúng.

(5) "Tới một thời kỳ, sau một thời gian dài, đến khi mặt trời thứ năm xuất hiện. Với sự xuất hiện của mặt trời thứ năm, nước trong đại dương tụt xuống một trăm do-tuần, rồi hai trăm do-tuần, ba trăm do-tuần … bảy trăm do-tuần. Nước còn lại trong đại dương chỉ còn cao bằng bảy cây cọ dừa, rồi sáu cây cọ dừa … năm cây cọ dừa … bốn cây cọ dừa … ba cây cọ dừa … hai cây cọ dừa … chỉ một cây cọ dừa. Nước trong đại dương chỉ còn cao bằng bảy thân người … rồi sáu thân người … năm thân người … bốn thân người … ba thân người … hai thân người … một thân người … nửa thân người … cao bằng hông người … cao bằng đầu gối … chỉ cao bằng ống chân. Giống như, trong mùa thu, khi có mưa lớn đổ xuống, nước đọng lại trong những lỗ chân bò chỗ này chỗ kia. Cũng giống như vậy, nước trong đại dương cũng còn đọng lại chỗ này chỗ kia [trong các vũng nhỏ] bằng cỡ lỗ chân bò. Với sự xuất hiện của mặt trời thứ năm, nước còn lại trong đại dương thậm chí không còn đủ cao bằng một lóng của ngón tay. Những hiện-tượng có điều-kiện thật là vô-thường … Điều này cũng đủ để (chúng ta tìm cách để) được giải-thoát khỏi chúng. (6) Tới một thời kỳ, sau một thời gian dài, đến khi mặt trời thứ sáu xuất hiện. Với sự xuất hiện của mặt trời thứ sáu, địa cầu vĩ đại này và núi Tu-di, vua của những ngọn núi, bốc khói, phun khói, ngập ngút khói. Cũng giống như lửa trong lò đun gốm, khi mới đốt lên, nó bốc khói, phun khói, ngập ngút khói. Cũng giống như vậy, với sự xuất hiện của mặt trời thứ sáu, địa cầu và núi Tu-di vĩ đại này, vua của những ngọn núi, bốc khói, phun khói, ngập ngút khói. Những hiện-tượng có điều-kiện thật là vô-thường … Điều này cũng đủ để (chúng ta tìm cách) được giải-thoát khỏi chúng. (7) Tới một thời kỳ, sau một thời gian dài, đến khi mặt trời thứ bảy xuất hiện. Với sự xuất hiện của mặt trời thứ bảy, địa cầu vĩ đại này và núi Tu-di, vua của

những ngọn núi, bốc cháy, cháy sáng rực, và trở thành khối lửa cháy rực. Khi địa cầu vĩ đại này và núi Tu-di đang cháy rực và thiêu cháy, những ngọn lửa, bắt theo gió, cháy lên tới tận cõi trời brahmā (Phạm

• 99

thiên giới). Khi núi Tu-di đang cháy rực và thiêu cháy, khi nó đang trong tiến trình hủy hoại và đang bị khuất phục bởi một khối đại hỏa lực như vậy, những đỉnh núi cao một trăm do-tuần tan tành; những đỉnh núi cao hai trăm do-tuần … ba trăm do-tuần … bốn trăm do-tuần … năm trăm do- tuần tan tành. “Khi địa cầu vĩ đại này và núi Tu-di, vua của những ngọn núi, đang cháy rực và thiêu cháy thì không thấy còn tro hay lọ đen. Giống như, khi mỡ bơ hay dầu đang cháy rực và thiêu cháy thì không thấy có tro hay lọ đen. Cũng giống như vậy, khi địa cầu vĩ đại này và núi Tu-di, vua của những ngọn núi, đang cháy rực và thiêu cháy thì không thấy còn tro hay lọ đen. Những hiện-tượng có điều-kiện thật là vô-thường, thật là bất-ổn, thật là không đáng tin-cậy. Điều này cũng đủ để (chúng ta) trở nên tỉnh-ngộ với tất cả những hiện-tượng có điều-kiện, đủ để (chúng ta) trở nên chán- bỏ đối với chúng, đủ để (chúng ta tìm cách để) được giải-thoát khỏi chúng. “Này các Tỳ kheo, có ai, ngoài những người đã nhìn thấy sự-thật,1574 mà nghĩ hay tin rằng:1575 ‘Địa cầu vĩ đại này và núi Tu-di, vua của những ngọn núi, sẽ cháy rụi, bị hủy hoại, và sẽ không còn tồn tại nữa’? “Thuở xưa có một vị thầy tên là Sunetta, giáo chủ của một giáo phái tâm linh, người không còn tham-muốn với những dục-lạc (khoái-lạc giác quan).1576 Vị thầy Sunetta có nhiều trăm đệ tử và chỉ dạy cho họ Giáo Pháp để được tái sinh cộng trú (với những thiên thần và trời) trong cõi trời brahmā. Khi ông ấy đang chỉ dạy, (i) những ai hiểu được giáo lý của ông một cách đầy đủ thì, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, trong cõi trời brahmā. (ii) Nhưng những ai không hiểu được giáo lý của ông một cách đầy đủ thì, có người được tái sinh cộng trú với những thiên thần kiểm soát những thứ được sáng tạo bởi những thiên thần khác (tha hóa tự tại thiên);1577 (iii) có người được tái sinh cộng trú với những thiên thần khoái thích sáng tạo (hóa lạc thiên); (iv) có người được tái sinh cộng trú với những thiên thần trong cõi Yāma (Dạ-ma thiên); (v) có người được tái sinh cộng trú với những thiên thần trong cõi trời

Tāvatiṃsa (Đao-lợi, cõi trời 33); (vi) có người được tái sinh cộng trú với những thiên thần [được trị vì bởi] tứ đại thiên vương. (vii) Có người được tái sinh cộng trú trong số những người giai cấp chiến-sĩ (khattiya) giàu có; (viii) có người được tái sinh cộng trú trong số những bà-la-môn giàu có; (ix) có người được tái sinh cộng trú trong số những gia-chủ giàu có. “Rồi, này các Tỳ kheo, ý nghĩ này đã xảy đến với vị thầy Sunetta: ‘Sẽ không phù hợp nếu ta cũng có nơi-đến tương lai giống hệt nơi-đến của những đệ tử của ta. Vậy ta hãy tu tập tâm-từ hơn nữa.’ “Rồi suốt bảy năm vị thầy Sunetta đã tu tập tâm-từ. Hệ quả là, trong suốt bảy đại-kiếp thế giới tan-hoại và tiến-hóa vị đó không quay lại thế gian này. Khi thế giới đang tan-hoại vị đó đã trú ở [cõi trời các thiên thần] chiếu hào quang thành dòng (quang âm thiên).1578 “Khi thế giới đang tiến-hóa lại, vị đó được tái sinh trong một thiên cung trống của trời Brahmā. Ở đó vị đó là trời

Brahmā, vị trời Brahmā Lớn (Đại Phạm thiên), người chinh phục, người không bị chinh phục, người nhìn thấy vũ trụ (biến tri), người nắm vững sự làm-chủ (tự tại). Sáu mươi ba lần vị đó đã từng là vua trời Sakka (Đế-thích), vua của những thiên thần. Mấy trăm lần vị đó đã từng là một vị vua quay chuyển bánh xe (chuyển luân vương), vị vua chân chính trị vì bằng Giáo Pháp, một người chinh phục có sự trị vì trải rộng khắp tận bốn bờ biên giới, người đã đạt được sự ổn-định trong xứ sở của mình, người có được bảy báu. Vị đó từng có bảy báu này, đó là: xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, nữ báu, quan ngân khố báu, và quan quân sư báu là thứ bảy. Vị đó đã từng có hơn một ngàn con trai là những anh hùng, mạnh mẽ, có thể nghiền nát những đội quan của kẻ thù của mình. Vị đó đã từng thống trị sau khi đã chinh phục địa cầu này cho tới bờ biên giáp các đại dương của nó, không phải bằng bạo lực và vũ khí mà bằng Giáo Pháp. "Này các Tỳ kheo, mặc dù vị thầy Sunetta đã có tuổi thọ rất dài và tiếp tục hưởng đại thọ ở đó, nhưng vị đó vẫn không thoát khỏi 'sự sinh, già và chết', không thoát khỏi 'sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não)'. Vị đó không thoát khỏi sự khổ, ta

nói vậy. Vì lý do gì? Vì vị đó không hiểu được và thâm nhập bốn điều. Bốn đó là gì? Đó là: giới-hạnh thánh thiện, sự định-tâm thánh thiện, trí-tuệ thánh thiện, và sự giải-thoát thánh thiện.1579 "Thánh giới-hạnh đã được hiểu và được thâm nhập. Thánh thiền-định đã được hiểu và được thâm nhập. Thánh trí-tuệ đã được hiểu và được thâm nhập. Thánh giải-thoát đã được hiểu và được thâm nhập. Dục-vọng muốn được hiện-hữu (hữu ái) đã bị cắt đứt; đường dẫn tới hiện-hữu đã bị phá hủy; từ nay không còn sự tái hiện-hữu nữa." Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong, bậc Phúc Lành, Vị Thầy đã nói thêm như vầy: "Giới-hạnh, thiền-định, trí-tuệ; (giới, định, tuệ) Và sự giải-thoát vô thượng: Cồ-đàm, bậc lừng lẫy, Đã tự mình hiểu hết những điều đó. "Sau khi đã trực-tiếp biết những điều đó, Phật đã chỉ dạy Giáo Pháp cho các Tỳ kheo. Vị Thầy, người đã làm nên sự diệt-khổ, Là bậc có Tầm-Nhìn, đã chứng ngộ Niết-bàn."

67 (3) Ví Dụ Thành Trì (I) "Này các Tỳ kheo, khi một thành trì biên cương của nhà vua được khéo trang bị với bảy loại trang bị của thành trì, và sẵn sàng có đủ bốn loại thức ăn không khó khăn hay rắc rối gì, thì nó có thể được gọi là một thành trì biên cương của nhà vua không thể bị tấn công bởi kẻ thù và quân thù bên ngoài. (A) "Cái gì là bảy loại trang bị của thành trì được trang bị cho nó? (1) "Ở đây, này các Tỳ kheo, trong thành trì biên cương của nhà vua, có trụ cột được đào móng sâu và chôn một cách chắc chắn, bất động đậy, bất khả lay chuyển. Một thành trì biên cương của nhà vua được khéo trang

bị bởi trang bị thứ nhất này để bảo vệ những người trong thành và ngăn chặn những kẻ bên ngoài. (2) "Lại nữa, trong một thành trì biên cương của nhà vua, có vòng hào được đào sâu và rộng. Một thành trì biên cương của nhà vua được khéo trang bị bởi trang bị thứ hai này để bảo vệ những người trong thành và ngăn chặn những kẻ bên

ngoài. (3) “Lại nữa, trong một thành trì biên cương của nhà vua, có lối đi tuần tra được làm cao và rộng. Một thành trì biên cương của nhà vua được khéo trang bị bởi trang bị thứ ba này để bảo vệ những người trong thành và ngăn chặn những kẻ bên ngoài. (4) “Lại nữa, trong một thành trì biên cương của nhà vua, có nhiều vũ khí được cất giữ, gồm cả những vũ khí phóng bắn (tên, phi lao, giáo) và những vũ khí cầm tay (cung, đao, kiếm, dao).1580 Một thành trì biên cương của nhà vua được khéo trang bị bởi trang bị thứ tư này để bảo vệ những người trong thành và ngăn chặn những kẻ bên ngoài. (5) “Lại nữa, trong một thành trì biên cương của nhà vua, có nhiều loại binh lính, như lính cưỡi voi chiến, lính cưỡi ngựa chiến, lính đánh xe chiến, lính bắn cung, lính cầm cờ chiến, các tướng dàn trận đồn trú, lính phục vụ thức ăn (cho lính ở trại và lúc chiến trận), lính dòng dõi hoàng tộc dũng mãnh (uggā rājaputtā; những lính tướng là con cái hoàng tộc), lính đặc công tiền trận, lính đại công cảm tử (‘lính bò lớn’, ‘đại ngưu binh’, không quay đầu cho dù gặp voi lớn, xe lớn), lính xung kích, lính cầm khiêng (đỡ tên bắn), lính là nô lệ thân thiết (đi theo chiến đấu với chủ).1581 Một thành trì biên cương của nhà vua được khéo trang bị bởi trang bị thứ năm này để bảo vệ những người trong thành và ngăn chặn những kẻ bên ngoài. (6) “Lại nữa, trong một thành trì biên cương của nhà vua, có người gác cổng thành là khôn trí, giỏi giang, và thông minh, người biết ngăn chặn kẻ lạ và cho người quen biết đi vô thành. Một thành trì biên cương của nhà vua được khéo trang bị bởi trang bị thứ sáu này để bảo vệ những

người trong thành và ngăn chặn những kẻ bên ngoài. (7) “Lại nữa, trong một thành trì biên cương của nhà vua, có tường thành cao và rộng, được trét vôi vữa chắc chắn. Một thành trì biên cương của nhà vua được khéo trang bị bởi trang bị thứ bảy này để bảo vệ những người trong thành và ngăn chặn những kẻ bên ngoài. “Nó được khéo trang bị bởi bảy loại trang bị này. (B) “Và cái gì là bốn loại thức ăn nó sẵn sàng có đủ một cách không khó khăn hay rắc rối gì? (1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, trong thành trì biên cương của nhà vua, có cỏ, củi, và nước được dự trữ để có sự vui-sướng, sự khỏi-lo,1582 sự an-ổn (dễ sống) của những người trong thành và để ngăn chặn những kẻ bên ngoài. (2) “Lại nữa, trong thành trì biên cương của nhà vua, có gạo và ngũ cốc được dự trữ để có sự vui-sướng, sự khỏi-lo, sự an-ổn của những người trong thành và để ngăn chặn những kẻ bên ngoài. (3) “Lại nữa, trong thành trì biên cương của nhà vua, có nhiều loại thực phẩm—như mè, rau củ xanh, và các loại đậu—1583 được dự trữ để có sự vui-sướng, sự khỏi-lo, sự an-ổn của những người trong thành và để ngăn chặn những kẻ bên ngoài. (4) “Lại nữa, trong thành trì biên cương của nhà vua, có nhiều loại dược liệu (thức ăn có thể dùng để trị các bệnh nhẹ)—như ván sữa, bơ, dầu, mật ong, mật đường, và muối—được dự trữ để có sự vui-sướng, sự khỏi-lo, sự an-ổn của những người trong thành và để ngăn chặn những kẻ bên ngoài. “Đây là bốn loại thức ăn nó sẵn sàng có được một cách không khó khăn hay rắc rối gì. “Này các Tỳ kheo, khi một thành trì biên cương của nhà vua được khéo trang bị bởi bảy trang bị của một thành trì, và khi nó sẵn sàng có được bốn loại thức ăn một cách không khó khăn hay rắc rối gì, thì nó có

thể được gọi là một thành trì biên cương của nhà vua không thể bị tấn công bởi kẻ thù và quân thù bên ngoài. (II) “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một đệ tử thánh thiện có được bảy phẩm-chất, và khi người đó tùy theo ý mình có thể chứng đắc bốn tầng thiền định (bốn tầng thiền định đó) tạo nên phần tâm bậc-cao và là những sự an-trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này, thì người đó có thể được gọi là một đệ tử thánh thiện không thể bị tấn công bởi Ma- vương, người không thể bị tấn công bởi Ác Ma. (A) “Cái gì là bảy phẩm chất mà người đó có được? (1) “Này các Tỳ kheo, giống như trụ cột trong một thành trì biên cương của nhà vua được đào móng sâu và chôn một cách chắc chắn, bất động đậy, bất khả lay chuyển cho mục đích bảo vệ những người trong thành và ngăn chặn những kẻ bên ngoài, một người đệ tử thánh thiện được phú cho niềm-tin. Người đó đặt niềm-tin vào sự giác-ngộ của Như Lai như vầy: ‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện), đã thành tựu về trí-biết đích thực (minh) và đức-hạnh, là bậc phúc-lành, bậc hiểu-biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’ Với niềm-tin như trụ cột (vững chắc) của mình, người đệ tử thánh thiện dẹp bỏ những điều bất thiện và tu dưỡng những điều thiện lành, dẹp bỏ những điều đáng chê trách (tội lỗi) và tu dưỡng những điều không bị chê trách (không tội lỗi), và giữ mình trong sự trong-sạch. Người đó có được phẩm chất tốt lành thứ nhất này. (2) “Giống như vòng hào trong thành trì biên cương của nhà vua được đào sâu và rộng cho mục đích để bảo vệ những người trong thành và ngăn chặn những kẻ bên ngoài, một người đệ tử thánh thiện có cảm-nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức; người đó đó xấu hổ với những hành-vi tà ác của thân, miệng, ý; người đó xấu hổ khi tích tạo những phẩm chất bất thiện. Với cảm-nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức như vòng hào (sâu rộng), người đệ tử thánh thiện dẹp bỏ những điều bất thiện và tu dưỡng những điều thiện lành, dẹp bỏ những điều đáng chê trách và tu dưỡng những điều

không bị chê trách, và giữ mình trong sự trong-sạch. Người đó có được phẩm chất tốt lành thứ hai này. (3) “Giống như lối đi tuần trong thành trì biên cương của nhà vua là cao và rộng cho mục đích để bảo vệ những người trong thành và ngăn chặn những kẻ bên ngoài, một người đệ tử thánh thiện biết sợ-hãi việc làm sai trái; người đó sợ-hãi những hành-vi sai trái của thân, miệng, ý; người đó sợ-hãi khi tích tạo những phẩm chất bất thiện. Với sự biết sợ-hãi về mặt đạo đức như lối đi tuần (cao rộng), người đệ tử thánh thiện dẹp bỏ những điều bất thiện và tu dưỡng những điều thiện lành, dẹp bỏ những điều đáng chê trách và tu dưỡng những điều không bị chê trách, và giữ mình trong sự trong-sạch. Người đó có được phẩm chất tốt lành thứ ba này. (4) “Giống như nhiều vũ khí được cất giữ, gồm cả những vũ khí phóng bắn và những vũ khí cầm tay được dự trữ trong thành trì biên cương của nhà vua cho mục đích để bảo vệ những người trong thành và ngăn chặn những kẻ bên ngoài, một người đệ tử thánh thiện đã học hiểu nhiều, và tích lũy nhiều điều mình đã học. Những giáo pháp đó tốt lành ở đầu,

tốt lành ở giữa, và tốt lành ở cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, chúng cho thấy đời sống tâm linh được toàn thiện và tinh kiết—những giáo lý như vậy người đó đã học hiểu nhiều, đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc bằng miệng, đã tra xét bằng tâm, và đã thiện khéo thâm nhập bằng chánh-kiến. Với sự học-hiểu như (nhiều loại) vũ khí của mình, người đệ tử thánh thiện dẹp bỏ những điều bất thiện và tu dưỡng những điều thiện lành, dẹp bỏ những điều đáng chê trách và tu dưỡng những điều không bị chê trách, và giữ mình trong sự trong-sạch. Người đó có được phẩm chất tốt lành thứ tư này. (5) “Giống như nhiều loại binh lính có trong thành trì biên cương của nhà vua, như lính cưỡi voi chiến … cho mục đích để bảo vệ những người trong thành và ngăn chặn những kẻ bên ngoài, một người đệ tử thánh thiện đã phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện và tích tạo những phẩm chất thiện; người đó là mạnh mẽ, vững vàng trong sự

chuyên-cần tu (tinh cần), không lơ là bổn phận tu tập những phẩm chất thiện. Với sự nỗ-lực của mình như những binh lính (luôn hết mình chiến đấu), người đệ tử thánh thiện dẹp bỏ những điều bất thiện và tu dưỡng những điều thiện lành, dẹp bỏ những điều đáng chê trách và tu dưỡng những điều không bị chê trách, và giữ mình trong sự trong-sạch. Người đó có được phẩm chất tốt lành thứ năm này. (6) “Giống như người gác cổng trong thành trì biên cương của nhà vua là khôn trí, giỏi giang, và thông minh, là người ngăn chặn những kẻ lạ và cho những người quen đi vô thành cho mục đích để bảo vệ những người trong thành và ngăn chặn những kẻ bên ngoài, một người đệ tử thánh thiện có được sự chánh-niệm và sự tỉnh-giác (rõ biết) cao nhất, là người nhớ và nhớ lại điều đã làm và đã nói từ lâu. Với sự chánh-niệm như người gác cổng của mình, người đệ tử thánh thiện dẹp bỏ những điều bất thiện và tu dưỡng những điều thiện lành, dẹp bỏ những điều đáng chê trách và tu dưỡng những điều không bị chê trách, và giữ mình trong sự trong-sạch. Người đó có được phẩm chất tốt lành thứ sáu này. (7) “Giống như tường thành trong thành trì biên cương của nhà vua là cao và rộng, được trét vôi vữa chắc chắn cho mục đích để bảo vệ những người trong thành và ngăn chặn những kẻ bên ngoài, một người đệ tử thánh thiện là có trí; người đó có được trí-tuệ để nhận thấy sự sinh và diệt, (loại trí-tuệ đó) là thánh thiện và mang tính thâm nhập và dẫn tới sự chấm- dứt khổ. Với trí-tuệ như lớp trét vôi vữa chắc chắn của tường thành, người đệ tử thánh thiện dẹp bỏ những điều bất thiện và tu dưỡng những điều thiện lành, dẹp bỏ những điều đáng chê trách và tu dưỡng những điều không bị chê trách, và giữ mình trong sự trong-sạch. Người đó có được phẩm chất tốt lành thứ bảy này. “Người đó có được bảy phẩm chất tốt lành này.1584 (B) “Và cái gì là bốn tầng thiền định (jhāna) tạo nên phần tâm bậc- cao và là những sự an-trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này, mà người đó tùy ý chứng đắc một cách không khó khăn hay rắc rối gì?

• 107

(1) “Này các Tỳ kheo, giống như nhiều cỏ, củi, và nước được dự trữ trong thành trì biên cương của nhà vua để có sự vui-sướng, sự khỏi-lo, sự an-ổn của những người ở trong thành, và cho mục đích để bảo vệ những người trong thành và ngăn chặn những kẻ

bên ngoài, một người đệ tử thánh thiện: 'Tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó'—để có sự vui-sướng, sự an-dịu, và sự thư-thái, và để chứng nhập Niết-bàn. (2) "Giống như gạo và ngũ cốc được dự trữ trong thành trì biên cương của nhà vua để có sự vui-sướng, sự khỏi-lo, sự an-ổn của những người ở trong thành, và cho mục đích để bảo vệ những người trong thành và ngăn chặn những kẻ bên ngoài, một người đệ tử thánh thiện: 'Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm'—để có sự vui- sướng, sự an-dịu, và sự thư-thái, và để chứng nhập Niết-bàn. (3) "Giống như nhiều thực phẩm—như mè, rau củ xanh, và những loại đậu—được dự trữ trong thành trì biên cương của nhà vua để có sự vui-sướng, sự khỏi-lo, sự an-ổn của những người ở trong thành, và cho mục đích để bảo vệ những người trong thành và ngăn chặn những kẻ bên ngoài, một người đệ tử thánh thiện: 'Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm sự sướng bằng thân (thân lạc); người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh gọi là: "Người đó buông-xả và có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc)"'—để có sự vui-sướng, sự an-dịu, và sự thư- thái, và để chứng nhập Niết-bàn. (4) "Giống như nhiều dược liệu—ván sữa, bơ, dầu, mật, mật đường,

và muối—được dự trữ trong thành trì biên cương của nhà vua để có sự vui-sướng, sự khỏi-lo, sự an-ổn của những người ở trong thành, và cho mục đích để bảo vệ những người trong thành và ngăn chặn những kẻ bên ngoài, một người đệ tử thánh thiện: 'Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh- niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả'—để có sự vui-sướng, sự an-dịu, và sự thư-thái, và để chứng nhập Niết-bàn. "Đây là bốn tầng thiền định tạo nên phần tâm bậc-cao và là những sự an-trú hạnh phúc ngay trong kiếp này, mà người đó tùy ý chứng đắc một cách không khó khăn hay rắc rối gì. "Này các Tỳ kheo, (A) khi một đệ tử thánh thiện có được bảy phẩm- chất này, và (B) khi người đó có thể tùy ý chứng đắc bốn tầng thiền định (bốn tầng thiền định đó) tạo nên phần tâm bậc-cao và là những sự an-trú hạnh phúc ngay trong kiếp này, thì người đó có thể được gọi là một đệ tử thánh thiện không thể bị tấn công bởi Ma-vương, người không thể bị tấn công bởi Ác Ma."

68 (4) Người Biết Giáo Pháp "Này các Tỳ kheo, có bảy phẩm chất, một Tỳ kheo là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Bảy đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo là một người biết Giáo Pháp, người biết ý-nghĩa, người biết

chính-mình, người biết sự tiết-độ, người biết sự hợp-thời, người biết hội-chúng, và người biết những loại người ưu và người nhược. (1) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là người biết Giáo Pháp? Ở đây, một Tỳ kheo biết Giáo Pháp bằng từ từ nhiều thể loại—kinh văn xuôi, kinh văn xuôi có kệ, kinh giảng nghĩa, kinh thi kệ, kinh tự cảm hứng nói

• 109

ra (kinh Phật tự thuyết), kinh trích dẫn, kinh bổn sinh (của Phật), kinh những chuyện thần diệu, và kinh vấn đáp. Nếu một Tỳ kheo không biết Giáo Pháp bằng những thể loại kinh—kinh văn xuôi … kinh vấn đáp—thì người đó sẽ không được gọi là ‘người biết Giáo Pháp’. Nhưng bởi vì người đó biết Giáo Pháp bằng những thể loại kinh—kinh văn xuôi … kinh vấn đáp—nên người đó được gọi là ‘người biết Giáo Pháp’. Theo cách như vậy người đó là một người biết Giáo Pháp. (2) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là người biết ý-nghĩa? Ở đây, một Tỳ kheo biết ý nghĩa của điều (lời tuyên thuyết) này và điều kia như vầy: ‘Đây là ý nghĩa của điều này; đây là ý nghĩa của điều kia’. Nếu một Tỳ kheo không biết ý nghĩa của điều này và điều kia như vầy: … thì người đó sẽ không được gọi là ‘người biết ý-nghĩa’. Nhưng bởi vì người đó biết ý nghĩa của điều này và điều kia như vầy: … nên người đó được gọi là ‘người biết ý-nghĩa’. Theo cách như vậy người đó là người biết Giáo Pháp và người biết ý-nghĩa. (3) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là người biết chính-mình? Ở đây, một Tỳ kheo biết bản thân mình như vầy: ‘Ta có rất nhiều niềm-tin, giới- hạnh, sự học-hiểu, tâm bố-thí, trí-tuệ, và sự nhận-biết (biện giải)’. Nếu một Tỳ kheo không biết bản thân mình như vầy: … thì người đó sẽ không được gọi là ‘người biết chính-mình’. Nhưng bởi vì người đó biết bản thân mình như vầy: … nên người đó được gọi là ‘người biết chính-mình’. Theo cách này người đó là người biết Giáo Pháp, người biết ý-nghĩa, và người biết chính-mình. (4) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là người biết sự tiết-độ? Ở đây, một Tỳ kheo biết sự tiết-độ trong việc nhận y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh. Nếu một Tỳ kheo không biết sự tiết độ trong việc nhận y-phục … với chu cấp cho người bệnh, thì người đó sẽ không được gọi là ‘người biết sự tiết-độ’. Nhưng bởi vì người đó biết sự tiết độ trong việc nhận y-phục … với chu cấp cho người bệnh, nên người đó được gọi là ‘người biết sự tiết-độ’. Theo cách này người đó là người biết Giáo Pháp, người biết ý-nghĩa, người biết chính-mình, và

110 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 7

người biết sự tiết-độ. (5) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là người biết sự hợp-thời? Ở đây, một Tỳ kheo biết sự hợp-thời như vầy: ‘Đây là lúc để học, đây là lúc để hỏi, đây là lúc để chuyên-cần tu (tinh cần), đây là lúc để ở tách-ly (ẩn dật)’. Nếu một Tỳ kheo không biết sự hợp-thời như vầy: … thì người đó sẽ không được gọi là ‘người biết sự hợp-thời’. Nhưng bởi vì người đó biết sự hợp-thời như vầy: … nên người đó được gọi là ‘người biết sự hợp- thời’. Theo cách này người đó là người biết Giáo Pháp, người biết ý-nghĩa, người biết chính-mình, người biết sự tiết-độ, và người biết sự hợp- thời. (6) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là người biết hội-chúng? Ở đây, một Tỳ kheo biết về hội chúng: ‘Đây là hội chúng của những người giai cấp chiến-sĩ (khattiya), đây là hội chúng

của những bà-la-môn, đây là hội chúng của những gia-chủ, đây là hội chúng của những tu-sĩ. Trong số đó, một người nên đến gặp [hội chúng này] theo cách như vầy; người nên dừng theo cách như vầy; người nên làm theo cách như vầy; người nên ngồi theo cách như vầy; người nên nói theo cách như vầy; người nên im lặng theo cách như vầy'. Nếu một Tỳ kheo không biết về hội chúng như vầy: 'Đây là hội chúng của những người giai cấp chiến-sĩ ... của những tu-sĩ. Trong số đó, một người nên đến gặp [hội chúng này] theo cách như vầy ... nên im lặng theo cách như vầy', thì người đó sẽ không được gọi là 'người biết hội chúng'. Nhưng bởi vì người đó biết về hội chúng như vầy: 'Đây là hội chúng của những người giai cấp chiến-sĩ ... của những tu-sĩ. Trong số đó, một người nên đến gặp [hội chúng này] theo cách như vầy ... nên im lặng theo cách như vầy', nên người đó được gọi là 'người biết hội chúng'. Theo cách này người đó là người biết Giáo Pháp, người biết ý- nghĩa, người biết chính-mình, người biết sự tiết-độ, người biết sự hợp- thời, và người biết hội-chúng. (7) "Và theo cách nào một Tỳ kheo biết những loại người ưu và người nhược? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu những loại người theo những cặp người.1585

• 111

(i) "Hai người: một người muốn gặp những thánh nhân; một người không muốn gặp những thánh nhân. Người không muốn gặp thánh nhân thì do việc đó là đáng trách; người muốn gặp thánh nhân thì do việc đó là đáng khen. (ii) "Hai người đều muốn gặp những thánh nhân: một người muốn nghe Giáo Pháp tốt lành; một người không muốn nghe Giáo Pháp tốt lành. Người không muốn nghe Giáo Pháp tốt lành thì do việc đó là đáng trách; người muốn nghe Giáo Pháp tốt lành thì do việc đó là đáng khen. (iii) "Hai người đều muốn nghe Giáo Pháp tốt lành: một người lắng tai nhiệt tình nghe Giáo Pháp; một người không lắng tai nhiệt tình nghe Giáo Pháp. Người không lắng tai nhiệt tình nghe Giáo Pháp thì do việc đó là đáng trách; người lắng tai nhiệt tình nghe Giáo Pháp thì do việc đó là đáng khen. (iv) "Hai người đều lắng tai nhiệt tình nghe Giáo Pháp tốt lành: một người sau khi nghe xong lưu giữ trong tâm trí; một người sau khi nghe xong không lưu giữ trong tâm trí. Người sau khi nghe Giáo Pháp không lưu giữ trong tâm trí thì do việc đó là đáng trách; người sau khi nghe Giáo Pháp lưu giữ trong tâm trí thì do việc đó là đáng khen. (v) "Hai người sau khi nghe Giáo Pháp đều lưu giữ trong tâm trí: một người xem xét ý nghĩa của những giáo lý đã được lưu giữ trong tâm trí; một người không xem xét ý nghĩa của những giáo lý đã được lưu giữ trong tâm trí. Người không xem xét ý nghĩa của những giáo lý đã được lưu giữ trong tâm trí thì do việc đó là đáng trách; người xem xét ý nghĩa của những giáo lý đã được lưu giữ trong tâm trí thì do việc đó là đáng khen. (vi) "Hai người đều xem xét ý nghĩa của những giáo lý đã được lưu giữ trong tâm trí: một người hiểu được ý-nghĩa của Giáo Pháp và tu tập theo đúng Giáo Pháp; một người không hiểu được ý-nghĩa của Giáo Pháp và không tu tập theo đúng Giáo Pháp. Người không hiểu được ý-nghĩa của Giáo Pháp và không tu tập theo đúng Giáo Pháp thì do việc đó là đáng

trách; người hiểu được ý-nghĩa của Giáo Pháp và tu tập theo đúng Giáo Pháp thì do việc đó là đáng khen. (vii) "Hai người đều người hiểu được ý-nghĩa của Giáo Pháp và tu tập theo đúng Giáo Pháp: một người tu tập vì ích-lợi của mình, không vì ích- lợi của người khác; một người tu tập vì ích-lợi của mình và người khác. Người tu tập vì ích-lợi của mình, không vì ích-lợi của người khác, thì do việc đó là đáng trách; người tu tập vì ích-lợi của mình và người khác thì do việc đó là đáng khen. "Chính theo cách này một Tỳ kheo hiểu những loại người theo những cặp người. Chính theo cách này một Tỳ kheo là người biết những loại người ưu và người nhược. "Có được bảy phẩm chất này, một Tỳ kheo là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian."

69 (5) Pāricchattaka (1) "Này các Tỳ kheo, khi lá của những cây san hô pāricchattaka của những thiên thần cõi trời Đao-lợi [Tāvatiṃsa; cõi trời 33] chuyển sang màu vàng úa,1586 thì những thiên thần cõi trời Đao-lợi đều hoan hỷ [nghĩ rằng]: 'Lá của cây san hô pāricchattaka giờ đã chuyển sang màu vàng úa. Chẳng bao lâu lá sẽ rụng.' (Giai đoạn vàng lá) (2) "Khi lá của những cây san hô pāricchattaka của những thiên thần cõi trời Đao-lợi đã rụng, những thiên thần cõi trời Đao-lợi hoan hỷ [nghĩ rằng]: 'Lá của cây san hô pāricchattaka giờ đã rụng. Chẳng bao lâu sẽ mọc mầm hoa.'1587 (Giai đoạn rụng lá) (3) "Khi cây san hô pāricchattaka của những thiên thần cõi trời Đao- lợi đã mọc mầm hoa, những thiên thần cõi trời Đao-lợi hoan hỷ [nghĩ rằng]: 'Cây san hô pāricchattaka giờ đã mọc mầm hoa. Chẳng bao lâu sẽ bung thành chồi.'1588 (Giai đoạn mọc mầm)

• 113

(4) "Khi cây san hô pāricchattaka của những thiên thần cõi trời Đao- lợi đã bung chồi hoa, những thiên thần cõi trời Đao-lợi hoan hỷ [nghĩ rằng]: 'Cây san hô pāricchattaka giờ đã bung chồi hoa. Chẳng bao lâu cây sẽ kết nụ.'1589 (Giai đoạn mọc chồi) (5) "Khi cây san hô pāricchattaka của những thiên thần cõi trời Đao- lợi đã kết nụ, những thiên thần cõi trời Đao-lợi hoan hỷ [nghĩ rằng]: 'Cây san hô pāricchattaka giờ đã kết nụ. Chẳng bao lâu nụ sẽ nở.' 1590 (Giai đoạn kết nụ) (6) "Khi cây san hô pāricchattaka của những thiên thần cõi trời Đao- lợi đã nở nụ, những thiên thần cõi trời Đao-lợi hoan hỷ [nghĩ rằng]: 'Cây san hô pāricchattaka giờ đã nở nụ. Chẳng bao lâu sẽ nở bung thành hoa.'1591 (Giai đoạn nở nụ) (7) "Khi cây san hô pāricchattaka của những thiên thần cõi trời Đao- lợi đã nở hoa, những thiên thần cõi trời Đao-lợi hoan hỷ, và họ trải qua bốn tháng cõi trời dưới gốc cây san hô pāricchattaka để thụ hưởng bản thân được phú và được chu cấp năm đối-tượng khoái-lạc giác quan (dục lạc). Khi cây san hô pāricchattaka đã nở hoa trọn đầy, ánh sáng rạng rỡ của nó trải rộng xung quanh tới khoảng cách mười do-tuần và mùi hương của nó lan xa theo gió tới khoảng cách một trăm do-tuần. Đây là sự hùng vĩ của cây san hô pāricchattaka. (Giai đoạn nở hoa)

(1) "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một đệ tử thánh thiện ý chí từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, thì trong thời đó người đó là người ở "giai đoạn vàng lá", giống như cây san hô pāricchattaka của những thiên thần cõi trời Đao-lợi 'có lá đã chuyển sang màu vàng úa' vậy.1592 (2) "Khi người đệ tử thánh thiện

đã cạo bỏ râu tóc, khoát y cà sa màu vàng úa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, thì trong thời đó người đó là người ở "giai đoạn rụng lá", giống như cây san hô pāricchattaka của những thiên thần cõi trời Đao-lợi 'có lá đã rụng' vậy.

(3) "Khi người đệ tử thánh thiện: 'Tách ly khỏi những khoái-lạc giác- quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền) ... thì trong thời đó người đó là người ở "giai đoạn mọc mầm", giống như cây san hô pāricchattaka của những thiên thần cõi trời Đao-lợi 'đã mọc mầm hoa' vậy. (4) "Khi người đệ tử thánh thiện: 'Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền) ... thì trong thời đó người đó là người ở "giai đoạn mọc chồi", giống như cây san hô pāricchattaka của những thiên thần cõi trời Đao-lợi 'đã mọc chồi hoa' vậy. (5) "Khi người đệ tử thánh thiện: 'Với sự phai biến luôn yếu tố hoan- hỷ (hỷ) ... chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền) ... thì trong thời đó người đó là người ở "giai đoạn kết nụ", giống như cây san hô pāricchattaka của những thiên thần cõi trời Đao-lợi 'đã kết nụ hoa' vậy. (6) "Khi người đệ tử thánh thiện: 'Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền) ... thì trong thời đó người đó là người ở "giai đoạn nở nụ", giống như cây san hô pāricchattaka của những thiên thần cõi trời Đao-lợi 'đã nở hé nở nụ hoa' vậy. (7) "Khi người đệ tử thánh thiện: 'Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó, thì trong thời đó người là người ở "giai đoạn nở hoa", giống như cây san hô pāricchattaka của những thiên thần cõi trời Đao-lợi 'đã nở hoa trọn đầy' vậy. "Trong thời đó, này các Tỳ kheo, những địa thần sống ở mặt đất đều hô lên: ['Vị "A" này, là học trò của Vị Thầy "B" kia, đã từ bỏ đời sống tại

gia từ làng hay thị xã "C" đó để đi vào đời sống xuất gia tu hành, và giờ thì: "Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, vị ấy đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, vị ấy an trú trong đó.'"] Sau khi nghe tiếng hô lên của các địa thần trên mặt đất, những thiên thần [được trị vì bởi] tứ đại thiên vương cũng cất tiếng hô lên như vậy. Sau khi nghe tiếng hô lên của những thiên thần [được trị vì bởi] tứ đại thiên vương, những thiên thần cõi trời Đao-lợi (Tāvatiṃsa) ... những thiên thần cõi trời Dạ-ma (Yāma) ... những thiên thần cõi trời Đâu-suất (Tusita) ... những thiên thần khoái thích sáng tạo (hóa lạc thiên) ... những thiên thần kiểm soát những sáng tạo của những thiên thần khác (tha hóa tự tại thiên) ... những thiên thần trong đoàn tùy tùng của trời Brahmā (Phạm chúng thiên) cũng cất tiếng hô lên: ['Vị "A" này, là học trò của Vị Thầy "B" kia, đã từ bỏ đời sống tại gia từ làng hay thị xã "C" đó để đi vào đời sống xuất gia tu hành, và giờ thì: "Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết

trực tiếp, vị ấy đã tự mình chứng ngộ sự giải- thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, vị ấy an trú trong đó.”’] Như vậy là, trong thời khắc đó, trong khoảng khắc đó, trong giây khắc đó, tiếng hô vang đã truyền tới tận cõi trời Brahma.1593 Đây là sự hùng vĩ về tâm linh của một Tỳ kheo đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận).”

70 (6) Tôn Vinh Lúc đó, khi Ngài Xá-lợi-phất đang ở một mình trong chỗ ẩn cư, dòng ý nghĩ này đã khởi lên trong tâm thầy ấy: “Một Tỳ kheo nên tôn vinh, tôn trọng, và an trú nhờ dựa vào thứ gì để người đó có thể dẹp bỏ những điều bất thiện và tu dưỡng những điều thiện lành?” Rồi ý nghĩ này xảy đến với thầy ấy: “(1) Một Tỳ kheo nên tôn vinh, tôn trọng, và an trú nhờ dựa vào Vị Thầy (Phật) để người đó có thể dẹp bỏ những điều bất thiện và tu dưỡng những điều thiện lành. (2) Người đó nên tôn vinh, tôn trọng, và an trú nhờ dựa vào Giáo Pháp … (3) Tăng Đoàn …

(4) … sự tu-tập … (5) … sự định-tâm … (6) sự chuyên-chú … (7) … sự hiếu-khách để người đó có thể dẹp bỏ những điều bất thiện và tu dưỡng những điều thiện lành.” Rồi điều này đã xảy đến với thầy Xá-lợi-phất: “Những phẩm chất này đã được thanh lọc và trong sạch trong ta. Vậy ta hãy đến gặp đức Thế Tôn và kể chúng cho đức Thế Tôn nghe. Như vậy những phẩm chất này đã được thanh lọc trong ta và sẽ được biết rộng rãi (bởi nhiều người) là trong sạch.1594 “Ví dụ một người tìm thấy một mớ vàng, đã được tinh luyện và tinh sạch. Ý nghĩ này có thể xảy đến với anh ta: ‘Mớ vàng này của ta đã được tinh luyện và tinh sạch. Vậy ta hãy mang đến cho người thợ vàng coi. Rồi, khi mớ vàng đã được đưa cho người thợ vàng, nó sẽ được tinh luyện và chúng sẽ càng được biết rộng rãi (bởi nhiều người) là tinh sạch.’ Cũng giống như vậy, những phẩm chất này đã được thanh lọc và trong sạch trong ta. Vậy ta hãy đến gặp đức Thế Tôn và kể chúng cho đức Thế Tôn nghe. Như vậy những phẩm chất này đã được thanh lọc trong ta và sẽ được biết rộng rãi (bởi nhiều người) là trong sạch.” Rồi, vào buổi chiều tối, thầy Xá-lợi-phất ra khỏi chỗ ẩn cư và đến gặp đức Thế Tôn. Thầy ấy kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: “Ở đây, thưa Thế Tôn, khi con ở một mình ở chỗ ẩn cư, dòng ý nghĩ này đã khởi lên trong con … [thầy Xá-lợi-phất kể lại hết sự việc như trên, cho đến:] … Như vậy những phẩm chất này đã được thanh lọc trong ta và sẽ được biết rộng rãi (bởi nhiều người) là trong sạch.” “Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! Một Tỳ kheo nên tôn vinh, tôn trọng, và an trú nhờ dựa vào Vị Thầy để người đó có thể dẹp bỏ những điều bất thiện và tu dưỡng những điều thiện lành. Người đó nên tôn vinh, tôn trọng, và an trú nhờ dựa vào Giáo Pháp … Tăng Đoàn … sự tu-tập … sự định-tâm … sự chuyên-chú … sự hiếu-khách để người đó có thể dẹp bỏ những điều bất thiện và tu dưỡng những điều thiện lành.” Sau khi điều này được nói ra, thầy Xá-lợi-phất thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, con hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của lời Thế Tôn vừa nói ra một cách vắn tắt. (A) “Thưa Thế Tôn, không thể có chuyện một Tỳ kheo thiếu sự tôn kính đối với

Vị Thầy mà có thể có sự tôn kính đối với Giáo Pháp. Tỳ kheo mà (1) thiếu sự tôn kính đối với Vị Thầy thì cũng (2) thiếu sự tôn kính đối với Giáo Pháp. “Thưa Thế Tôn, không thể có chuyện một Tỳ kheo thiếu sự tôn kính đối với Vị Thầy và Giáo Pháp mà có thể có sự tôn kính đối với Tăng Đoàn. Tỳ kheo mà (1) thiếu sự tôn kính đối với Vị Thầy và Giáo Pháp thì cũng (3) thiếu sự tôn kính đối với Tăng Đoàn. “Thưa Thế Tôn, không thể có chuyện một Tỳ kheo thiếu sự tôn kính đối với Vị Thầy, Giáo Pháp, và Tăng Đoàn mà có thể có sự tôn kính đối với sự tu-tập. Tỳ kheo mà thiếu sự tôn kính đối với Vị Thầy, Giáo Pháp và Tăng Đoàn thì cũng (4) thiếu sự tôn kính đối với sự tu-tập. “Thưa Thế Tôn, không thể có chuyện một Tỳ kheo thiếu sự tôn kính đối với Vị Thầy, Giáo Pháp, Tăng Đoàn, và sự tu-tập mà có thể có sự tôn kính đối với sự định-tâm (thiền định). Tỳ kheo mà thiếu sự tôn kính đối với Vị Thầy, Giáo Pháp, Tăng Đoàn, và sự tu-tập thì cũng (5) thiếu sự tôn kính đối với sự định-tâm. “Thưa Thế Tôn, không thể có chuyện một Tỳ kheo thiếu sự tôn kính đối với Vị Thầy, Giáo Pháp, Tăng Đoàn, sự tu-tập, và sự định-tâm mà có thể có sự tôn kính đối với sự chuyên-chú. Tỳ kheo mà thiếu sự tôn kính đối với Vị Thầy, Giáo Pháp, Tăng Đoàn, sự tu-tập, và sự định-tâm thì cũng (6) thiếu sự tôn kính đối với sự chuyên-chú. “Thưa Thế Tôn, không thể có chuyện một Tỳ kheo thiếu sự tôn kính đối với Vị Thầy, Giáo Pháp, Tăng Đoàn, sự tu-tập, sự định-tâm, và sự chuyên-chú mà có thể có sự tôn kính đối với sự hiếu-khách (tiếp đãi, giúp đỡ đạo hữu đến ở tu hay sư thầy). Tỳ kheo mà thiếu sự tôn kính đối với Vị Thầy, Giáo Pháp, Tăng Đoàn, sự tu-tập, sự định-tâm, và sự chuyên-chú thì cũng (7) thiếu sự tôn kính đối với sự hiếu-khách.

(B) “Thưa Thế Tôn, không thể có chuyện một Tỳ kheo có sự tôn kính đối với Vị Thầy mà có thể không có sự tôn kính đối với Giáo Pháp. Tỳ kheo mà (1) có sự tôn kính đối với Vị Thầy thì cũng (2) có sự tôn kính đối với Giáo Pháp. “Thưa Thế Tôn, không thể có chuyện một Tỳ kheo có sự tôn kính đối với Vị Thầy và Giáo Pháp mà có thể không có sự tôn kính đối với Tăng Đoàn. Tỳ kheo mà (1) có sự tôn kính đối với Vị Thầy và Giáo Pháp thì cũng (3) có sự tôn kính đối với Tăng Đoàn. “Thưa Thế Tôn, không thể có chuyện một Tỳ kheo có sự tôn kính đối với Vị Thầy, Giáo Pháp, và Tăng Đoàn mà có thể không có sự tôn kính đối với sự tu-tập. Tỳ kheo có sự tôn kính đối với Vị Thầy, Giáo Pháp và Tăng Đoàn thì cũng (4) có sự tôn kính đối với sự tu-tập. “Thưa Thế Tôn, không thể có chuyện một Tỳ kheo có sự tôn kính đối với Vị Thầy, Giáo Pháp, Tăng Đoàn, và sự tu-tập mà có thể không có sự tôn kính đối với sự định-tâm (thiền định). Tỳ kheo mà có sự tôn kính đối với Vị Thầy, Giáo Pháp, Tăng Đoàn, và sự tu-tập thì cũng (5) có sự tôn kính đối với sự định-tâm. “Thưa Thế Tôn, không thể có chuyện một Tỳ kheo có sự tôn kính đối với Vị Thầy, Giáo Pháp, Tăng Đoàn, sự tu-tập, và sự định-tâm mà có thể không có sự tôn kính đối với sự chuyên-chú. Tỳ kheo mà có sự tôn kính đối với Vị Thầy, Giáo Pháp, Tăng Đoàn, sự tu-tập, và sự định-tâm thì cũng (6) có sự tôn kính đối với sự chuyên-chú. “Thưa Thế Tôn, không thể có chuyện một Tỳ kheo có sự tôn kính đối với Vị Thầy, Giáo Pháp, Tăng Đoàn, sự tu-tập, sự định-tâm, và sự chuyên- chú mà có thể không có sự tôn kính đối với sự hiếu-khách. Tỳ kheo mà có sự tôn kính đối với Vị Thầy, Giáo Pháp, Tăng Đoàn, sự tu-tập, sự định- tâm, và sự chuyên-chú thì cũng (7) có sự tôn kính đối với sự

hiếu-khách. “Thưa Thế Tôn, chính theo cách như vậy con hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của lời Thế Tôn mới nói ra một cách vắn tắt.” “Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! Thật tốt lành thầy hiểu được một cách chi

• 119

tiết ý nghĩa của lời mà ta mới nói ra một cách ngắn tắt như vậy. Thực vậy, này Xá-lợi-phất: không thể nào có chuyện một Tỳ kheo thiếu sự tôn kính đối với Vị Thầy mà có thể có sự tôn kính đối với Giáo Pháp … [Phật lặp lại toàn bộ nội dung (A) và (B) ở trên] … Tỳ kheo mà có sự tôn kính đối với Vị Thầy, Giáo Pháp, Tăng Đoàn, sự tu-tập, sự định-tâm, và sự chuyên- chú thì cũng (7) có sự tôn kính đối với sự hiếu-khách. “Này Xá-lợi-phất, ý nghĩa của lời mà ta mới nói ra một cách vắn tắt nên được hiểu một cách chi tiết theo cách như vậy.”

71 (7) Sự Tu Tập 1595 (I) “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo không tận tụy hết mình cho sự tu-tập, thì cho dù người đó có phát thành ước nguyện: ‘Cầu cho tâm ta ‘được giải thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không còn dính-chấp (thủ diệt)!’ thì tâm người đó cũng đâu có ‘được giải thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không còn dính-chấp’. Vì lý do gì? Vì người đó thiếu sự tu-tập. Thiếu sự tu-tập về cái gì? (1) Về bốn nền tảng chánh-niệm (tứ niệm xứ), (2) bốn sự chuyên-cần tu đúng đắn (tứ chánh cần), (3) bốn cơ-sở (tạo nên) thần thông (tứ thần túc), (4) năm căn tâm linh (ngũ căn), (5) năm năng-lực (ngũ lực), (6) bảy chi giác-ngộ (thất giác chi), và (7) con đường tám phần thánh thiện (Bát thánh đạo). [= 37 phần tu] - “Ví dụ có con gà mái với tám, mười, hay mười hai trứng mà không ấp, ủ và nuôi dưỡng trứng đúng cách. Thì cho dù nó có phát khởi ‘ước nguyện’ trong đầu như vầy: ‘Ôi, cầu cho những đứa gà con có thể dùng móng chân chọt lủng vỏ trứng, dùng mỏ mổ ra và nở ra an toàn!’ thì những con gà con cũng đâu có khả năng dùng móng chân chọt lủng vỏ trứng, dùng mỏ mổ ra và nở ra an toàn. Vì lý do gì? Vì con gà mái đó với tám, mười, hay mười hai trứng không chịu ấp, ủ và nuôi dưỡng trứng đúng cách. “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo không tận tụy hết mình cho sự tu-tập, thì cho dù người đó có phát thành ước nguyện:

120 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 7

‘Cầu cho tâm ta ‘được giải thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không còn dính-chấp!’ thì tâm người đó cũng đâu ‘được giải thoát khỏi những ô- nhiễm nhờ sự không còn dính-chấp’. Vì lý do gì? Vì người đó thiếu sự tu- tập. Thiếu sự tu-tập về cái gì? (1) Về bốn nền tảng chánh-niệm (tứ niệm xứ) … (7) con đường tám phần thánh thiện (Bát thánh đạo). (II) “Này các Tỳ kheo, (ngược lại) khi một Tỳ kheo tận tụy hết mình cho sự tu-tập, thì cho dù người đó không ước nguyện: ‘Cầu cho tâm ta ‘được giải thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không còn dính-chấp!’ thì tâm người đó cũng ‘được giải thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không còn dính-chấp’. Vì lý do gì? Vì người đó có sự tu-tập. Có sự tu-tập về cái gì? (1) Về bốn nền tảng chánh-niệm (tứ niệm xứ) … (7) con đường tám phần thánh thiện (Bát thánh đạo). - “Ví dụ có con gà mái với tám, mười, hay mười hai trứng mà có ấp, ủ và nuôi dưỡng trứng đúng cách. Cho dù nó không phát khởi ‘ý nguyện’ trong đầu như vầy: ‘Ôi, cầu cho những đứa gà con có thể dùng móng chân chọt

lủng vỏ trứng, dùng mỏ mổ ra và nở ra an toàn!' thì những con gà con cũng có khả năng dùng móng chân chọt lủng vỏ trứng, dùng mỏ mổ ra và nở ra an toàn. Vì lý do gì? Vì con gà mái đó với tám, mười, hay mười hai trứng có ấp, ủ và nuôi dưỡng trứng đúng cách. "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo tận tụy hết mình cho sự tu-tập, thì cho dù người đó không có ước nguyện: 'Cầu cho tâm ta 'được giải thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không còn dính-chấp!' thì tâm người đó cũng 'được giải thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không còn dính-chấp'. Vì lý do gì? Vì người đó có sự tu-tập. Có sự tu-tập về cái gì? (1) Về bốn nền tảng chánh-niệm (tứ niệm xứ) ... (7) con đường tám phần thánh thiện (Bát thánh đạo). (III) "Này các Tỳ kheo, khi một người thợ mộc [hay người phụ việc của ông ta] nhìn vào cán rìu, người đó nhìn thấy những dấu mòn vì những ngón tay và ngón tay cái, nhưng người đó không biết rằng: 'Bữa nay cán rìu đã mòn đi một chút, hôm qua cũng vậy, hôm trước cũng vậy' (mỗi ngày mòn đi một chút). Nhưng đến khi nó mòn-rõ đi thì sự-biết mới xảy

• 121

ra trong tâm người đó rằng cán búa đã mòn-đi nhiều. "Cũng giống như vậy, khi một Tỳ kheo tận tụy hết mình cho sự tu- tập, thì cho dù người đó (mỗi ngày) không biết rằng: 'Bữa nay ô-nhiễm của ta đã bớt [mòn] đi một chút, hôm qua cũng vậy, hôm trước cũng vậy', nhưng khi chúng đã bớt-rõ nhiều thì sự-biết mới xảy ra trong tâm người đó rằng những ô-nhiễm đã bớt-đi nhiều. - "Ví dụ có một con thuyền đi biển có những trang thiết bị (cột buồm, các loại dây căng buồm ...) đã bị mòn hao trong nước biển qua sáu tháng. Rồi nó được kéo lên bờ khô trong mùa lạnh và những trang thiết bị đó lại bị tấn công thêm bởi gió và nắng. Rồi tới khi bị ngập ướt vì mưa rào, những trang thiết bị đó càng dễ dàng bị tàn mục và gãy rớt. "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo tận tụy hết mình cho sự tu-tập, thì (dần dần) những gông-cùm trói buộc (kiết sử) của người đó sẽ dễ dàng tàn rụi và gãy rớt."

72 (8) Lửa Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang đi du hành giữa xứ dân Kosala (Kiều-tất-la) cùng với một Tăng đoàn lớn các Tỳ kheo. Lúc đó, khi đang đi dọc theo đường lộ cái, đến một chỗ đức Thế Tôn nhìn thấy một đám lửa lớn đang cháy, đang rực, cháy đỏ rực. Đức Thế Tôn ra khỏi đường lộ, đến ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn dưới một gốc cây, và nói với các Tỳ kheo: "Này các Tỳ kheo, các thầy có nhìn thấy một đống lửa đang cháy, đang cháy rực, đang cháy đỏ kia không?" "Dạ có, thưa Thế Tôn." (1) "Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Cái nào tốt hơn, (i) nhào vô ôm lấy đám lửa lớn đang cháy, đang rực, cháy đỏ rực đó, và ngồi hay nằm bên cạnh nó, hay (ii) ôm lấy một cô gái với tay chân mềm mại và dịu dàng—dù cô ấy thuộc họ tộc giai cấp chiến-sĩ, bà-la-môn, hay gia-chủ—

122 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 7

và ngồi hay nằm bên cạnh cô ấy?" "Thưa Thế Tôn, sẽ tốt hơn nhiều nếu ôm lấy một cô gái với tay chân mềm mại và dịu dàng—dù cô ấy thuộc họ tộc giai cấp chiến-sĩ, bà-la-môn, hay gia-chủ—và ngồi hay nằm bên cạnh cô ấy. Sẽ đau đớn nếu ôm lấy đám lửa đang cháy, cháy rực, cháy đỏ, và ngồi hay nằm xuống bên cạnh nó." "Này các Tỳ

kheo, ta báo cho các thầy rằng, đối với một người thất- đức (thiếu giới-hạnh), có tính-cách xấu—là người có hành-vi không trong sạch và đáng ngờ, lén lút trong những hành-động, không phải tu sĩ [sa- môn] mà tuyên bố mình là tu sĩ, không sống độc thân mà tuyên bố mình sống độc thân, bên trong thối tha, suy đồi, lụn bại—thì sẽ tốt hơn nhiều nếu ôm lấy đám lửa đang cháy, cháy rực, cháy đỏ, và ngồi hay nằm xuống bên cạnh nó. Vì lý do gì? Vì do việc đó người đó có thể bị chết hay đau đớn gần chết, nhưng đó không phải lý do khiến người đó khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Nhưng khi một người thất- đức … ôm lấy một cô gái với tay chân mềm mại và dịu dàng—dù cô ấy thuộc họ tộc giai cấp chiến-sĩ, bà-la-môn, hay gia-chủ—và ngồi hay nằm bên cạnh cô ấy, thì việc này dẫn tới sự nguy-hại và khổ-đau dài lâu của người đó. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. (2) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Cái nào tốt hơn, (i) nếu bị một lực sĩ dùng dây thừng làm bằng lông đuôi ngựa quấn quanh cả hai cổ chân mình và siết chặt đến nỗi nó cắt đứt lớp da ngoài, lớp da trong, lớp thịt, gân, và xương, cho đến tận tủy xương, hay (ii) nếu mình chấp nhận ‘sự kính lễ’ từ những người giai cấp chiến-sĩ giàu có, bà-la-môn giàu có, hay gia-chủ giàu có? “Thưa Thế Tôn, sẽ tốt hơn nhiều nếu một người chấp nhận ‘sự kính lễ’ từ những người giai cấp chiến-sĩ giàu có, bà-la-môn giàu có, hay gia- chủ giàu có. Sẽ đau đớn nếu bị một lực sĩ dùng dây thừng làm bằng lông

đuôi ngựa quấn quanh cả hai cổ chân mình và siết chặt đến nỗi nó cắt đứt lớp da ngoài, lớp da trong, lớp thịt, gân, và xương, cho đến tận tủy xương.” “Này các Tỳ kheo, ta báo cho các thầy rằng, đối với một người thất- đức … thì sẽ tốt hơn nhiều nếu bị một lực sĩ dùng dây thừng làm bằng lông đuôi ngựa quấn quanh cả hai cổ chân mình và siết chặt đến nỗi nó cắt đứt lớp da ngoài, lớp da trong, lớp thịt, gân, và xương, cho đến tận tủy xương. Vì lý do gì? Vì do việc đó người đó có thể bị chết hay đau đớn như chết, nhưng đó không phải lý do khiến người đó khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Nhưng khi một người thất-đức … chấp nhận ‘sự kính lễ’ từ những người giai cấp chiến-sĩ giàu có, bà-la- môn giàu có, hay gia-chủ giàu có, thì việc này dẫn tới sự nguy-hại và khổ- đau dài lâu cho người đó. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. (3) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Cái gì là tốt hơn, (i) nếu bị một lực sĩ đâm vào ngực mình bằng ngọn giáo sắc bén được bôi dầu, hay nếu mình chấp nhận ‘sự chấp tay kính lễ’ từ những người giai cấp chiến-sĩ giàu có, bà-la-môn giàu có, hay gia-chủ giàu có?” “Thưa Thế Tôn, sẽ tốt hơn nhiều nếu một người chấp nhận ‘sự chấp tay kính lễ’ từ những người giai cấp chiến-sĩ giàu có, bà-la-môn giàu có, hay gia-chủ giàu có. Sẽ đau đớn nếu bị một lực sĩ đâm vào ngực mình bằng ngọn giáo sắc bén được bôi dầu.” “Này các Tỳ kheo, ta báo cho các thầy rằng, đối với một người thất- đức … thì sẽ tốt hơn nhiều nếu bị một lực sĩ đâm vào ngực mình bằng ngọn giáo sắc bén được bôi dầu. Vì lý do gì? Vì do việc đó người đó có thể bị chết hay đau đớn gần chết, nhưng đó

không phải lý do khiến người đó khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Nhưng khi một người thất-đức … chấp nhận 'sự chấp tay kính lễ' từ những người

giai cấp chiến-sĩ giàu có, bà-la-môn giàu có, hay gia-chủ giàu có, thì việc này dẫn tới sự nguy-hại và khổ-đau dài lâu của người đó. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi- đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. (4) "Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Cái nào tốt hơn, (i) nếu bị một lực sĩ quấn chặt thân mình bằng một tấm sắt nóng cháy—đang cháy, đang đang cháy rực, đang cháy đỏ, hay (ii) nếu mình nhận dùng y-phục được bố thí vì niềm-tin bởi những người giai cấp chiến-sĩ giàu có, bà-la- môn giàu có, hay gia-chủ giàu có?" "Thưa Thế Tôn, sẽ tốt hơn nếu một người nhận dùng y-phục được bố thí vì niềm-tin bởi những người giai cấp chiến-sĩ giàu có, bà-la-môn giàu có, hay gia-chủ giàu có. Sẽ đau đớn nếu bị một lực sĩ quấn chặt thân mình bằng một tấm sắt nóng cháy—đang cháy, đang đang cháy rực, đang cháy đỏ." "Này các Tỳ kheo, ta báo cho các thầy rằng, đối với một người thất- đức … thì sẽ tốt hơn nhiều nếu bị một lực sĩ quấn chặt thân mình bằng một tấm sắt nóng cháy—đang cháy, đang đang cháy rực, đang cháy đỏ. Vì lý do gì? Vì do việc đó người đó có thể bị chết hay đau đớn gần chết, nhưng đó không phải lý do khiến người đó khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Nhưng khi một người thất-đức … nhận dùng y-phục được bố thí vì niềm-tin bởi những người giai cấp chiến-sĩ giàu có, bà-la-môn giàu có, hay gia-chủ giàu có, thì việc này dẫn tới sự nguy-hại và khổ-đau dài lâu của người đó. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. (5) "Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Cái nào tốt hơn, (i) nếu bị một lực sĩ cậy miệng của mình bằng mũi giáo nóng cháy—đang cháy, đang cháy rực, đang cháy đỏ—và nhét vào một cục đồng nóng cháy— đang cháy, đang cháy rực, đang cháy đỏ—sẽ đốt cháy môi, miệng, lưỡi, cổ, và bao tử1596 của mình trước khi nó đổ ra từ bên dưới mang theo đống

ruột lòng, hay (ii) nếu mình nhận dùng thức-ăn được bố thí vì niềm-tin bởi những người giai cấp chiến-sĩ giàu có, bà-la-môn giàu có, hay gia-chủ giàu có?" "Thưa Thế Tôn, sẽ tốt hơn nếu một người nhận dùng thức ăn được bố thí vì niềm-tin bởi những người giai cấp chiến-sĩ giàu có, bà-la-môn giàu có, hay gia-chủ giàu có. Sẽ đau đớn nếu bị một lực sĩ một người khỏe mạnh cậy miệng của mình bằng mũi giáo nóng cháy—đang cháy, đang cháy rực, đang cháy đỏ—và nhét vào một cục đồng nóng cháy—đang cháy, đang cháy rực, đang cháy đỏ …" "Này các Tỳ kheo, ta báo cho các thầy rằng, đối với một người thất- đức … thì sẽ tốt hơn nhiều nếu bị một lực sĩ một người khỏe mạnh cậy miệng của mình bằng mũi giáo nóng cháy—đang cháy, đang cháy rực, đang cháy đỏ—và nhét vào một cục đồng nóng cháy—đang cháy, đang cháy rực, đang cháy đỏ … Vì lý do gì? Vì do việc đó người đó có thể bị chết hay đau đớn gần chết, nhưng đó không phải lý do khiến người đó khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ bị tái sinh trong cảnh giới

đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Nhưng khi một người thất-đức … nhận dùng thức-ăn được bố thí vì niềm-tin bởi những người giai cấp chiến-sĩ giàu có, bà-la-môn giàu có, hay gia-chủ giàu có, thì việc này dẫn tới sự nguy-hại và khổ-đau dài lâu của người đó. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. (6) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Cái nào tốt hơn, (i) nếu bị một lực sĩ đâm vào đầu hay vai mình và ép mình ngồi xuống hay nằm xuống trên một tấm sắt hay ghế sắt nóng cháy— đang cháy, đang cháy rực, đang cháy đỏ—hay (ii) nếu mình nhận dùng giường và ghế được bố thí bởi những người giai cấp chiến-sĩ giàu có, bà-la-môn giàu có, hay gia- chủ giàu có?” “Thưa Thế Tôn, sẽ tốt hơn nhiều nếu một người nhận dùng giường và ghế được bố thí bởi những người giai cấp chiến-sĩ giàu có, bà-la-môn giàu có, hay gia-chủ giàu có. Sẽ đau đớn nếu bị một lực sĩ đâm vào đầu hay vai

mình và ép mình ngồi xuống hay nằm xuống trên một tấm sắt hay ghế sắt nóng cháy—đang cháy, đang cháy rực, đang cháy đỏ.” “Này các Tỳ kheo, ta báo cho các thầy rằng, đối với một người thất- đức … thì sẽ tốt hơn nhiều nếu bị một lực sĩ đâm vào đầu hay vai mình và ép mình ngồi xuống hay nằm xuống trên một tấm sắt hay ghế sắt nóng cháy—đang cháy, đang cháy rực, đang cháy đỏ. Vì lý do gì? Vì do việc đó người đó có thể bị chết hay đau đớn gần chết, nhưng đó không phải lý do khiến người đó khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Nhưng khi một người thất-đức … nhận dùng giường và ghế được bố thí vì niềm-tin bởi những người giai cấp chiến-sĩ giàu có, bà-la-môn giàu có, hay gia-chủ giàu có, thì việc này dẫn tới sự nguy-hại và khổ-đau dài lâu của người đó. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. (7) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Cái nào tốt hơn, (i) nếu bị một lực sĩ đâm mình, rồi lật chúi đầu mình xuống đất, và quăng vô bể nấu đồng nóng chảy—đang cháy, đang cháy rực, đang cháy đỏ—và trong khi bị nấu trong bể đồng sôi sục đó, thân mình lúc nổi, lúc chìm, lúc bị dạt qua dạt lại (giống như bánh bột đang bị chiên), hay (ii) mình nhận dùng chỗ-ở được bố thí bởi những người giai cấp chiến-sĩ giàu có, bà-la-môn giàu có, hay gia-chủ giàu có?” “Thưa đức Thế Tôn, sẽ tốt hơn nhiều nếu một người nhận dùng chỗ-ở được bố thí bởi những người giai cấp chiến-sĩ giàu có, bà-la-môn giàu có, hay gia-chủ giàu có. Sẽ đau đớn nếu bị một lực sĩ đâm mình, rồi lật chúi đầu mình xuống đất, và quăng vô bể nấu đồng nóng chảy—đang cháy, đang cháy rực, đang cháy đỏ …” “Này các Tỳ kheo, ta báo cho các thầy rằng, đối với một người thất- đức, có tính-cách xấu—là người có hành-vi không trong sạch và đáng ngờ, lén lút trong những hành-động, không phải tu sĩ [sa-môn] mà tuyên bố mình là tu sĩ, không sống độc thân mà tuyên bố mình sống độc thân,

bên trong thối tha, suy đồi, lụn bại—thì sẽ tốt hơn nhiều nếu bị một lực sĩ đâm mình, rồi lật chúi đầu mình xuống đất, và quăng vô bể nấu đồng nóng chảy—đang cháy, đang cháy rực, đang cháy đỏ … Vì lý do gì? Vì do việc đó người đó có thể bị chết hay đau đớn gần chết, nhưng đó không phải lý do khiến người đó khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Nhưng khi một người thất-đức … nhận dùng chỗ-ở được bố thí bởi những người giai cấp chiến-sĩ giàu có, bà-la-môn giàu có, hay gia-chủ giàu có, thì việc này dẫn tới sự nguy-hại và khổ-đau dài lâu của người đó. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. - "Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: 'Khi chúng ta dùng y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh, những thứ này [do những người khác] cúng dường cho chúng ta sẽ mang lại phước quả và ích lợi lớn lao cho họ, và sự xuất gia tu hành của chúng ta sẽ không là cằn cỗi, mà có kết quả và màu mỡ.' Các thầy nên tu tập bản thân như vậy. Này các Tỳ kheo, (i) xét nghĩ về sự tốt lành của chính mình thì cũng đủ (lý do) để mình chuyên-cần tu (tinh cần tu tập) một cách chuyên-chú tới mục-tiêu; (ii) xét nghĩ về sự tốt lành của người khác thì cũng đủ để mình chuyên-cần tu một cách chuyên-chú tới mục-tiêu; (iii) xét nghĩ về sự tốt lành của cả mình và người thì cũng đủ để mình chuyên-cần tu một cách chuyên-chú tới mục-tiêu."1597 Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Trong khi bài thuyết giảng này đang được nói ra, có sáu mươi Tỳ kheo đã ói máu tươi. Có sáu mươi Tỳ kheo đã bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục, họ nói: "Quá khó, thưa Thế Tôn, khó mà tu được." Và tâm của sáu mươi vị Tỳ kheo khác đã được giải- thoát nhờ sự không còn dính-chấp.1598

73 (9) Đạo Sư Sunetta … (1) "Này các Tỳ kheo, thuở xưa có một vị thầy tên là Sunetta (Diệu

Nhãn),1599 là giáo chủ một giáo phái tâm linh, là người không còn tham- muốn đối với những dục-lạc (khoái-lạc giác quan). Vị thầy Sunetta có nhiều trăm đệ tử. Ông dạy một Giáo Pháp cho những đệ tử của mình để họ được (tái sinh) cộng trú (với những thiên thần và trời) trong cõi trời brahmā. Khi ông đang chỉ dạy một Giáo Pháp như vậy, (i) những ai không đặt niềm-tin vào ông thì khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục; (ii) nhưng những ai đã đặt niềm-tin vào ông thì được tái sinh trong một nơi- đến tốt lành, trong một cõi trời. "Thuở xưa có một vị thầy tên là Mūgapakkha … (3) … có một vị thầy tên là Aranemi … (4) … có một vị thầy tên là Kuddālaka … (5) … có một vị thầy tên là Hatthipāla … (6) … có một vị thầy tên là Jotipāla … (7) có một vị thầy tên là Araka, là giáo chủ một giáo phái tâm linh, là người không còn tham-muốn đối với những dục-lạc. Vị thầy Akara có nhiều trăm đệ tử. Ông dạy một Giáo Pháp cho những đệ tử của mình để họ được (tái sinh) cộng trú (với những thiên thần và trời) trong cõi trời brahmā. Khi ông đang chỉ dạy một Giáo Pháp như vậy, (i) những ai không đặt niềm-tin vào ông thì khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu

dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục; (ii) nhưng những ai đã đặt niềm-tin vào ông thì được tái sinh trong một nơi- đến tốt lành, trong một cõi trời. “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Có bảy vị thầy là những giáo chủ những giáo phái tâm linh, là những người không còn tham-muốn đối với những dục-lạc, họ có nhiều trăm đệ tử. Nếu một người nào, với một cái tâm thù-ghét, sỉ nhục và mắng chửi họ và những cộng đồng đệ tử của họ, thì người đó không tạo được chút phước-đức nào, có phải không?” “Đúng vậy, thưa Thế Tôn.” “Nếu một người, với một cái tâm thù-ghét, đã sỉ nhục và mắng chửi bảy vị thầy và những cộng đồng đệ tử của họ, thì người đó đã tạo nhiều thất-phước. Nhưng nếu, một người, với một cái tâm thù-ghét, chỉ cần sỉ nhục và mắng chửi một người nào đã thành tựu về chánh-kiến, thì người

• 129

đó còn tạo rất nhiều thất-phước hơn nữa. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, ta nói rằng, không có sự tổn thương nào đối với những người ngoài (ngoại đạo) cho bằng (sự tổn thương) đối với những tu sĩ đồng đạo (của các thầy). 1600 Bởi vậy, này Các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: ‘Chúng ta không để sân hận đối với những tu-sĩ đồng đạo khởi sinh trong tâm mình.’ Này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

74 (10) Đạo Sư Araka “Này các Tỳ kheo, thuở xưa có một vị thầy tên là Araka, giáo chủ một giáo phái tâm linh, là người không còn tham muốn dục-lạc (khoái-lạc giác quan). Vị thầy Araka có nhiều trăm đệ tử, ông đã dạy cho họ một Giáo Pháp như vầy: “Này các Bà-la-môn, đời người thật là ngắn ngủi, hữu hạn và qua nhanh (phù du); nó đầy khổ đau, đầy khổ sở. Điều này con người nên khôn ngoan hiểu rõ. Con người nên làm điều thiện lành và dẫn dắt một đời sống tâm linh; bởi vì không ai sinh ra mà có thể thoát khỏi cái chết.” (1) “Như giọt sương trên đầu ngọn cỏ, sẽ nhanh chóng biến mất khi mặt trời lên, chẳng được chút lâu; cũng giống như vậy, này các bà-la-môn, đời người giống như giọt sương kia. Nó ngắn ngủi, hữu hạn, và qua nhanh; nó đầy khổ đau, đầy khổ sở. Điều này con người nên khôn ngoan hiểu rõ. Con người nên làm điều thiện và dẫn dắt một đời sống tâm linh; bởi không ai sinh ra mà có thể thoát khỏi cái chết. (2) “Như giọt mưa lớn rơi xuống từ trên trời, tạo thành bong bóng trên mặt nước, rồi nhanh chóng tan đi, chẳng được chút lâu; cũng giống như vậy, này các bà-la-môn, đời người giống như bong bong nước kia. Nó ngắn ngủi, hữu hạn, và qua nhanh … bởi không ai sinh ra mà có thể thoát khỏi cái chết. (3) “Giống như lấy cây roi rạch một đường trên mặt nước, đường kẻ trên mặt nước sẽ nhanh chóng biến mất, chẳng được chút lâu; cũng giống như vậy, này các bà-la-môn, đời người giống như một đường kẻ trên mặt

130 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 7

nước. Nó ngắn ngủi, hữu hạn, và qua nhanh … bởi không ai sinh ra mà có thể thoát khỏi cái chết. (4) “Như dòng sông từ trên núi, chảy từ trên cao xuống, chảy nhanh qua, mang theo những thứ trôi nổi trong đó; nó không dừng lại một giây phút, một thời khắc, một khoảng khắc nào, cứ chảy xô, cuộn chảy, và chảy về phía trước; cũng giống như vậy, này các bà-la-môn, đời người giống như dòng nước chảy từ trên núi. Nó ngắn

ngủi, hữu hạn, và qua nhanh … bởi không ai sinh ra mà có thể thoát khỏi cái chết. (5) “Như một người khỏe mạnh tạo nhanh miếng nước bọt trên đầu lưỡi và nhổ ra dễ dàng; cũng giống như vậy, này các bà-la-môn, đời người giống như miếng nước bọt trên đầu lưỡi. Nó ngắn ngủi, hữu hạn, và qua nhanh … bởi không ai sinh ra mà có thể thoát khỏi cái chết. (6) “Như một miếng thịt bị quăng vô cái chảo sắt đã được đun đốt cả ngày, nó sẽ cháy xèo tan nhanh, và chẳng được chút lâu; cũng giống như vậy, này các bà-la-môn, đời người giống như miếng thịt cháy tan đó. Nó ngắn ngủi, hữu hạn, và qua nhanh … bởi không ai sinh ra mà có thể thoát khỏi cái chết. (7) “Như một còn bò đang bị dẫn tới lò mổ để giết thịt, mỗi bước chân nó bước là càng tới gần lò mổ, tới gần cái chết; cũng giống như vậy, này các bà-la-môn, đời người giống như một con bò đang bị dẫn tới lò mổ để giết thịt. Nó ngắn ngủi, hữu hạn, và qua nhanh; nó đầy khổ đau, đầy khổ sở. Điều này con người nên khôn ngoan hiểu rõ. Con người nên làm điều thiện và dẫn dắt một đời sống tâm linh; bởi không ai sinh ra mà có thể thoát khỏi cái chết. “Nhưng, này các Tỳ kheo, trong thời kiếp quá khứ, tuổi thọ của con người là 60.000 năm, và tới 500 tuổi các cô gái mới sẵn sàng lấy chồng. Vào thời đó con người chỉ có sáu loại khổ: nóng, lạnh, đói, khát, đại tiện và tiểu tiện. Mặc dù họ sống rất lâu rất thọ và có ít sự khổ đau, nhưng vị thầy Araka vẫn dạy cho các đệ tử của ông một giáo lý rằng: ‘Đời người thật là ngắn ngủi, hữu hạn, và qua nhanh …’ như vậy.

• 131

“Nhưng, này các Tỳ kheo, trong thời kiếp bây giờ, câu này nói ra còn đúng hơn nữa: ‘Đời người thật là ngắn ngủi, hữu hạn, và qua nhanh …’; bởi ngày nay con người chỉ sống lâu nhất chỉ 100 tuổi hay hơn một chút. Và nếu có sống thọ tới 100 năm cũng chỉ được 300 mùa: gồm 100 mùa mùa đông, 100 mùa hè, và 100 mùa mưa. Nếu có sống được 300 mùa cũng chỉ được 1.200 tháng: gồm 400 tháng mùa đông, 400 tháng mùa hè, và 400 tháng mùa mưa. Nếu có sống được 1.200 tháng cũng chỉ được 2.400 nửa-tháng: gồm 800 nửa-tháng mùa đông, 800 nửa-tháng mùa hè, và 800 nửa-tháng mùa mưa. “Và nếu sống được 2.400 nửa-tháng cũng chỉ được 36.000 ngày: gồm 12.000 ngày đông, 12.000 ngày hè, và 12.000 ngày mưa.1601 Và nếu sống được 36.000 ngày cũng chỉ ăn được 72.000 bữa cơm: gồm 24.000 bữa trong mùa đông, 24.000 bữa trong mùa hè, và 24.000 bữa trong mùa mưa. Và trong đó đã tính luôn những bữa ăn bằng sữa mẹ (khi còn bé ẳm) và những lúc không có ăn. Những lúc không có ăn là gồm: những lúc đang bực tức,1602 lúc đang buồn rầu, hoặc lúc đang đau bệnh, hoặc lúc kiêng chay, hoặc khi không có được thức ăn, không kiếm được thức ăn. “Này các Tỳ kheo, như vậy với một người sống thọ được 100 tuổi, ta đã tính hết (các yếu tố): giới hạn tuổi đời, số mùa, số năm, số tháng, số nửa-tháng, số ngày1603 và số đêm, số bữa ăn và số bữa không-ăn. “Những gì một người thầy bi-mẫn phải làm, vì lòng bi-mẫn, để tìm kiếm phúc-lợi cho những học trò, thì ta đã làm cho các thầy. Này các Tỳ kheo, ngoài đây có những gốc cây, ngoài kia có những chòi trống. Này các Tỳ kheo, hãy thiền tập, đừng lơ-tâm phóng dật. Đừng để có lý do phải hối tiếc sau này. Đây là chỉ thị của ta cho các thầy.”

NHÓM 3. GIỚI LUẬT

75 (1) Bậc Trì Luật (1)

“Này các Tỳ kheo, có được bảy phẩm chất, một Tỳ kheo là một bậc trì luật (người thông thạo về giới luật, bậc chuyên về Luật Tạng, luật sư). Bảy đó là gì? “(1) Người đó biết điều gì là tội. (2) Người đó biết điều gì không là tội. (3) Người đó biết điều tội nhẹ. (4) Người đó biết điều tội nặng. (5) Người đó có giới-hạnh; người đó sống được kiềm chế trong Pātimokkha (Giới Bổn Tỳ Kheo), có được đức-hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhặt. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập trong những điều luật đó (6) Người đó có thể tùy ý, không khó khăn hay rắc rối gì, chứng đắc bốn tầng thiền định (những tầng thiền định đó) tạo nên phần tâm bậc-cao và là những sự an-trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này. (7) Người đó, với sự đã tiêu diệt mọi ô- nhiễm (lậu tận), ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. “Có được bảy phẩm chất này, một Tỳ kheo là một bậc trì luật.”

76 (2) Bậc Trì Luật (2) “Này các Tỳ kheo, có được bảy phẩm chất, một Tỳ kheo là một bậc trì luật (người thông thạo về giới luật, bậc chuyên về Luật Tạng, luật sư). Bảy đó là gì? “(1) Người đó biết điều gì là tội. (2) Người đó biết điều gì không là tội. (3) Người đó biết điều tội nhẹ. (4) Người đó biết điều tội nặng. (5) Cả hai phần Pātimokkha đã được khéo truyền cho người đó một cách chi tiết, được khéo phân tích, được khéo nắm rõ, được khéo quyết định theo đúng những điều luật và giảng nghĩa chi tiết của chúng.1604 (6) Người đó có thể tùy ý … chứng đắc bốn tầng thiền định … (7) Người đó, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận), ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí- tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó.

“Có được bảy phẩm chất này, một Tỳ kheo là một bậc trì luật.”

77 (3) Bậc Trì Luật (3) “Này các Tỳ kheo, có được bảy phẩm chất, một Tỳ kheo là một bậc trì luật (người thông thạo về giới luật, bậc chuyên về Luật Tạng, luật sư). Bảy đó là gì? “(1) Người đó biết điều gì là tội. (2) Người đó biết điều gì không là tội. (3) Người đó biết điều tội nhẹ. (4) Người đó biết điều tội nặng. (5) Người đó là người vững chắc về giới luật, bất di bất dịch. (6) Người đó có thể tùy ý … chứng đắc bốn tầng thiền định … (7) Người đó, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận), ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí- tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. “Có được bảy phẩm chất này, một Tỳ kheo là một bậc trì luật.”

78 (4) Bậc Trì Luật (4) “Này các Tỳ kheo, có được bảy phẩm chất, một Tỳ kheo là một bậc trì luật (người thông thạo về giới luật, bậc chuyên về Luật Tạng, luật sư). Bảy đó là gì? “(1) Người đó biết điều gì là tội. (2) Người đó biết điều gì không là tội. (3) Người đó biết điều tội nhẹ. (4) Người đó biết điều tội nặng. (5) Người đó có thể nhớ lại nhiều kiếp quá khứ (túc mạng minh), đó là: một lần sinh, hai lần sinh … [giống như kinh 6:02,

đoạn (4)] … Người đó nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ với những tổng quan và chi tiết như vậy. (6) Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người (thiên nhãn minh) … [giống như kinh 6:02, đoạn (5)] … người đó nhìn thấy … những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những nghiệp của mình, như vậy. (7) Người đó, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận), ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát

của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. “Có được bảy phẩm chất này, một Tỳ kheo là một bậc trì luật.”

79 (5) Một Bậc Trì Luật Là Sáng Ngời (1) “Này các Tỳ kheo, có được bảy phẩm chất, một bậc trì luật là sáng ngời. Bảy đó là gì? … [tiếp tục 07 điều như trong 7:75 ở trên] … “Có được bảy phẩm chất này, một bậc trì luật là sáng ngời.”1605

80 (6) Một Bậc Trì Luật Là Sáng Ngời (2) “Này các Tỳ kheo, có được bảy phẩm chất, một bậc trì luật là sáng ngời. Bảy đó là gì? … [tiếp tục 07 điều như kinh 7:76 ở trên] … “Có được bảy phẩm chất này, một bậc trì luật là sáng ngời.”

81 (7) Một Bậc Trì Luật Là Sáng Ngời (3) “Này các Tỳ kheo, có được bảy phẩm chất, một bậc trì luật là sáng ngời. Bảy đó là gì? … [tiếp tục 07 điều như kinh 7:77 ở trên] … “Có được bảy phẩm chất này, một bậc trì luật là sáng ngời.”

82 (8) Một Bậc Trì Luật Là Sáng Ngời (4) “Này các Tỳ kheo, có được bảy phẩm chất, một bậc trì luật là sáng ngời. Bảy đó là gì? … [tiếp tục 07 điều như kinh 7:78 ở trên] … “Có được bảy phẩm chất này, một bậc trì luật là sáng ngời.”

83 (9) Giáo Lý

Lúc đó có Ngài Upāli đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn, để mà, sau khi nghe được Giáo Pháp từ Thế Tôn, con sẽ sống một mình, lui về, chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định (tu tập).” “Này Upāli, những điều nào thầy có thể biết ‘chúng không nhất hướng dẫn tới sự tỉnh-ngộ (sự không mê-thích), sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn’, thì thầy dứt khoát nhận định rằng: ‘Đây không phải Giáo Pháp; đây không phải giới luật; đây không phải giáo lý của Vị Thầy (Phật).’ Nhưng những điều nào thầy có thể biết ‘chúng nhất hướng dẫn đến sự tỉnh-ngộ, sự chán-bỏ, sự chấm- dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn’ thì thầy dứt khoát nhận định rằng: ‘Đây là Giáo Pháp; đây là giới luật; đây là giáo lý của Vị Thầy.’”

84 (10) Sự Giải Quyết “Này các Tỳ kheo, có bảy nguyên tắc để giải quyết ‘những vấn đề thuộc về giới luật’, để giúp giải quyết và làm ổn thỏa ‘những vấn đề thuộc giới luật’ có thể khởi sinh. Bảy đó là gì? “(1) Sự loại bỏ bằng sự hiện-diện (có mặt) có thể áp

dụng;1606 (2) sự loại bỏ bằng trí-nhớ có thể được áp dụng; (3) sự loại bỏ dựa trên căn cứ là sự mất-trí trước đó có thể được áp dụng; (4) sự thú nhận tội có thể được áp dụng; (5) sự biểu quyết đa số có thể được áp dụng; (6) Một tội danh về hành-vi xấu ác nghiêm trọng có thể được áp dụng; và (7) sự phủ cỏ xanh có thể được áp dụng.1607 "Này các Tỳ kheo, có bảy nguyên tắc này để giải quyết 'những vấn đề thuộc về giới luật', để giúp giải quyết và làm ổn thỏa 'những vấn đề thuộc giới luật' có thể khởi sinh."

NHÓM 4. MỘT TU SĨ 1608

85 (1) Một Tỳ Kheo "Này các Tỳ kheo, chính thông qua sự phá-vỡ bảy thứ mà một người là một Tỳ kheo.1609 Bảy đó là gì? Quan-điểm có sự hiện-hữu cá thể (thân kiến) bị phá vỡ; sự nghi-ngờ bị phá vỡ; 'sự dính-chấp sai lạc mê tín vào những tục lệ cấm kỵ, cúng bái, và những thệ nguyện' (giới-cấm thủ) bị phá vỡ; tham bị phá vỡ; sân bị phá vỡ; si bị phá vỡ; sự tự-ta (ngã mạn) bị phá vỡ. Chính thông qua sự phá-vỡ của bảy thứ này mà một người là một Tỳ kheo."

86 (2) Một Tu Sĩ "Này các Tỳ kheo, chính thông qua sự làm lắng-dịu bảy thứ mà một người là một sa-môn (tu sĩ) …"1610

87 (3) Một Bà-la-môn "Này các Tỳ kheo, chính thông qua sự tống-khứ [bảy thứ] mà một người là một bà-la-môn …"

88 (4) Một Học Giả "Này các Tỳ kheo, chính nhờ sự cuốn-sạch [bảy thứ] mà một người là một học-giả …"

89 (5) Được Gội Rửa "Này các Tỳ kheo, chính nhờ sự giặt-sạch [bảy thứ] mà một người là được gội-rửa …"

90 (6) Một Bậc Thầy Hiểu Biết Về Vệ-Đà "Này các Tỳ kheo, chính nhờ có sự-biết [về bảy thứ] mà một người mới (đích thực) là bậc thầy hiểu-biết về Vệ-đà …"

91 (7) Một Bậc Thánh "Này các Tỳ kheo, chính thông qua sự diệt 'kẻ-thù' [đối với bảy thứ] mà một người là một bậc thánh …"1611

92 (8) Một A-la-hán "Này các Tỳ kheo, chính thông qua sự xa-lìa [của bảy thứ] mà một người là một A-la-hán.1612 Bảy đó là gì? Quan-điểm có sự hiện-hữu cá thể (thân kiến) bị phá vỡ; sự nghi-ngờ bị phá vỡ; 'sự dính-chấp sai lạc mê tín vào những tục lệ cấm kỵ, cúng bái, và những thệ nguyện' (giới-cấm thủ) bị phá vỡ; tham bị phá vỡ; sân bị phá vỡ; si bị phá vỡ; sự tự-ta (ngã mạn) bị phá vỡ. Chính thông qua sự sự xa-lìa của bảy thứ này mà một người là một bậc A-la-hán."

93 (9) Tính Cách (1) "Này các Tỳ kheo, có bảy người này không có (thuộc) tính-cách tốt. Bảy đó là gì? Người không có niềm-tin, người không có cảm-nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức, người không biết sợ-hãi về mặt đạo đức, người ít học-hiểu, người lười-biếng (ít tu), người có tâm mờ-rối (thiếu chánh niệm), và người không có trí. Đây là bảy người không có tính-cách tốt."

94 (10) Tính-cách (2) “Này các Tỳ kheo, có bảy người này có (thuộc) tính-cách tốt. Bảy đó

là gì? Người có niềm-tin, người có cảm-nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức, người biết sợ-hãi về mặt đạo đức, người học-hiểu nhiều, người nỗ-lực (tinh tấn, siêng tu), người có chánh-niệm, và người có trí. Đây là bảy người có tính-cách tốt.”

NHÓM 5. ĐÁNG ĐƯỢC TẶNG QUÀ

95 (1) Quán Sát Sự Vô Thường Trong Mắt 1613 “Này các Tỳ kheo, có bảy loại người này là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Bảy đó là gì? (1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, có người an trú quán sát (quán niệm, thiền quán) sự vô-thường trong mắt, nhận thức sự vô-thường, trải nghiệm sự vô-thường, chú ý vào nó một cách thường trực, liên tục, và không gián đoạn, thấu biết nó bằng trí-tuệ. Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận), ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. Đây là loại người thứ nhất là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian. (2) “Lại nữa, có người an trú quán sát sự vô-thường trong mắt, nhận thức sự vô-thường, trải nghiệm sự vô-thường, chú ý vào nó một cách thường trực, liên tục, và không gián đoạn, thấu biết nó bằng trí-tuệ. Đối với người đó sự tận hết ô-nhiễm (lậu tận) và sự tận hết kiếp-sống (sinh tận, mạng chung) xảy ra cùng lúc. Đây là loại người thứ hai đáng được tặng quà … (3) “Lại nữa, có người an trú quán sát sự vô-thường trong mắt, nhận thức sự vô-thường, trải nghiệm sự vô-thường, chú ý vào nó một cách

thường trực, liên tục, và không gián đoạn, thấu biết nó bằng trí-tuệ. Với sự đã diệt sạch năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), người đó trở thành người chứng ngộ Niết-bàn trong khoảng-giữa (giữa 02 kiếp). Đây là loại người thứ ba đáng được tặng quà … (4) “Lại nữa, có người an trú quán sát sự vô-thường trong mắt, nhận thức sự vô-thường, trải nghiệm sự vô-thường, chú ý vào nó một cách thường trực, liên tục, và không gián đoạn, thấu biết nó bằng trí-tuệ. Với sự đã diệt sạch năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), người đó trở thành người chứng ngộ Niết-bàn ngay khi đáp-xuống (lập tức ngay sau tái sinh). Đây là loại người thứ tư đáng được tặng quà … (5) “Lại nữa, có người an trú quán sát sự vô-thường trong mắt, nhận thức sự vô-thường, trải nghiệm sự vô-thường, chú ý vào nó một cách thường trực, liên tục, và không gián đoạn, thấu biết nó bằng trí-tuệ. Với sự đã diệt sạch năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), người đó trở thành người chứng ngộ Niết-bàn không cần sự cố-gắng thêm. Đây là loại người thứ năm đáng được tặng quà … (6) “Lại nữa, có người an trú quán sát sự vô-thường trong mắt, nhận thức sự vô-thường, trải nghiệm sự vô-thường, chú ý vào nó một cách thường trực, liên tục, và không gián đoạn, thấu biết nó bằng trí-tuệ. Với sự đã

diệt sạch năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), người đó trở thành người chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng thêm. Đây là loại người thứ sáu đáng được tặng quà ... (7) "Lại nữa, có người an trú quán sát sự vô-thường trong mắt, nhận thức sự vô-thường, trải nghiệm sự vô-thường, chú ý vào nó một cách thường trực, liên tục, và không gián đoạn, thấu biết nó bằng trí-tuệ. Với sự đã diệt sạch năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), người đó trở thành người hướng thượng, hướng lên cõi trời Akaniṭṭha (Sắc cứu kính thiên, cõi cao nhất trong 05 cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên) của những hạng thánh Bất-lai). Đây là loại người thứ bảy đáng được tặng quà ... "Này các Tỳ kheo, đây là bảy loại người là đáng được tặng quà, đáng

được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian."

96 (2) 102 (8) Quán Sát Sự Khổ Trong Mắt "Này các Tỳ kheo, có bảy loại người là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Bảy đó là gì? "Ở đây, này các Tỳ kheo, có người (96) an trú quán sát (quán niệm, thiền quán) sự khổ trong mắt ... (97) ... an trú quán sát sự vô-ngã trong mắt ... (98) ... an trú quán sát sự hoại-diệt trong mắt ... (99) ... an trú quán sát sự biến-mất trong mắt ... (100) ... an trú quán sát sự phai-biến trong mắt ... (101) an trú quán sát sự chấm-dứt trong mắt ... (102) ... an trú quán sát sự từ-bỏ trong mắt ... ...

103 (9) 614 (520) Sự Vô Thường Trong Tai ... (103)–(190) "Ở đây, này các Tỳ kheo, có người an trú quán sát (quán niệm, thiền quán) sự vô-thường trong tai ... trong mũi ... trong lưỡi ... trong thân ... trong tâm ... trong những hình-sắc ... trong những âm-thanh ... trong những mùi-hương ... trong những mùi-vị ... trong những đối- tượng chạm xúc ... trong những hiện-tượng thuộc tâm (pháp) ... ... (191)–(238) "... trong thức-mắt ... trong thức-tai ... trong thức-mũi ... trong thức-lưỡi ... trong thức-thân ... trong thức-tâm ... ... (239)–(286) "... trong tiếp-xúc mắt ... trong tiếp-xúc tai ... trong tiếp-xúc mũi ... trong tiếp-xúc lưỡi ... trong tiếp-xúc thân ... trong tiếp- xúc tâm ... ... (287)–(334) "... trong cảm-giác (thọ) được sinh ra từ tiếp-xúc mắt ... trong cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc tai ... trong cảm-giác được sinh ra

từ tiếp-xúc mũi ... trong cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc lưỡi ... trong cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc thân ... trong cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc tâm ... ... (335)–(382) "... trong nhận-thức (tưởng) về những hình-sắc ... trong nhận-thức về những âm-thanh ... trong nhận-thức về những mùi-hương ... trong nhận-thức về những mùi-vị ... trong nhận-thức về những đối-tượng chạm xúc ... trong nhận-thức về những hiện-tượng thuộc tâm (pháp) ... ... (383)–(430) "... trong sự cố-ý (tư, hành) đối với (liên quan, về) những hình-sắc ... trong sự cố-ý đối với sự những âm-thanh ... trong sự cố-ý đối với những mùi-hương ... trong sự cố-ý đối với những mùi-vị ... trong sự cố-ý đối với những đối-tượng chạm xúc ... trong sự cố-ý đối với những hiện-tượng thuộc tâm (pháp) ... ...

(431)–(478) “… trong dục-vọng (ái) đối với những hình-sắc … trong dục-vọng đối với những âm-thanh … trong dục-vọng đối với những mùi- hương … trong dục-vọng đối với những mùi-vị … trong dục-vọng đối với những đối-tượng chạm xúc … trong dục-vọng đối với những hiện-tượng thuộc tâm (pháp) … … (479)–(526) “… trong ý-nghĩ (tầm) về những hình-sắc … trong ý- nghĩ về những âm-thanh … trong ý-nghĩ về những mùi-hương … trong ý- nghĩ về những mùi-vị … trong ý-nghĩ về những đối-tượng chạm xúc … trong ý-nghĩ về những hiện-tượng thuộc tâm (pháp) … … (527)–(574) “… trong sự soi-xét (tứ) về những hình-sắc … trong sự soi-xét về những âm-thanh … trong sự soi-xét về những mùi-hương … trong sự soi-xét về những mùi-vị … trong sự soi-xét về những đối-tượng chạm xúc … trong sự soi-xét về những hiện-tượng thuộc tâm (pháp) … … (575)–(614) “… Ở đây, có người an trú quán sát (quán niệm, thiên quán) sự vô-thường trong đống sắc-thân (sắc uẩn) … đống cảm-giác (thọ uẩn) … đống nhận-thức (tưởng uẩn) … đống những sự tạo-tác cố-ý (hành uẩn) … đống thức (thức uẩn) … … an trú quán sát sự khổ … an trú quán

sát sự vô-ngã … an trú quán sát sự hoại-diệt … an trú quán sát sự biến- mất … an trú quán sát sự phai-biến … an trú quán sát sự chấm-dứt … an trú quán sát sự từ-bỏ … …”.

NHÓM 6. NHÓM “THAM” LẶP LẠI & TÓM LƯỢC 1614

615 (1) “Này các Tỳ kheo, để có sự trực-tiếp biết về tham, bảy điều (pháp tu) cần được tu tập. Bảy đó là gì? Đó là: (1) chi giác-ngộ là sự chánh-niệm (niệm), (2) chi giác-ngộ là sự phân-giải những hiện-tượng (trạch pháp), (3) chi giác-ngộ là sự nỗ-lực (tinh tấn), (4) chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ (hỷ), (5) chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng (khinh an), (6) chi giác-ngộ là sự định-tâm (định), (7) chi giác-ngộ là sự buông-xả (xả). Để có sự trực-tiếp biết về tham, bảy điều này cần được tu tập.”

616 (2) “Này các Tỳ kheo, để có sự trực-tiếp biết về tham, bảy điều (pháp tu) cần được tu tập. Bảy đó là gì? Đó là: (1) sự nhận-thức về sự vô-thường, (2) sự nhận-thức về sự vô-ngã … (3) … sự nhận-thức sự không hấp-dẫn (của thân) … (4) … sự nhận-thức về sự nguy-hại … (5) … sự nhận-thức về sự dẹp-bỏ … (6) … sự nhận-thức về sự chán-bỏ … (7) … sự nhận-thức về sự chấm-dứt. Để có sự trực-tiếp biết về tham, bảy điều này cần được tu tập.”

617 (3) “Này các Tỳ kheo, để có sự trực-tiếp biết về tham, bảy điều (pháp tu) cần được tu tập. Bảy đó là gì? Đó là: (1) Sự nhận-thức về sự không hấp- dẫn (không sạch, ô uế; của thân), (2) sự nhận-thức về cái chết, (3) sự nhận-thức về sự gớm-ghiếc của thức ăn, (4) sự nhận-thức về sự không thích-thú trong toàn bộ thế gian, (5) sự nhận-thức về sự vô-thường, (6) sự nhận-thức về sự khổ trong những thứ vô-thường, và (7) sự nhận-thức về sự vô-ngã trong những thứ khổ. Để có sự trực-tiếp biết về tham, bảy điều

này cần được tu tập.”

618 (4) 644 (30) “Này các Tỳ kheo, để có sự hoàn-toàn hiểu về tham … sự phá-sạch tham … sự dẹp-bỏ tham … sự tiêu-diệt tham … sự biến-mất tham … sự phai-biến tham … sự chấm-dứt tham … sự buông-bỏ tham … sự từ-bỏ tham … … Để có sự từ-bỏ tham, bảy điều (pháp tu) này cần được tu tập.”

645 (31) 1124 (510) “Này các Tỳ kheo, để có sự trực-tiếp biết … sự hoàn-toàn hiểu … sự phá-sạch … sự dẹp-bỏ … sự tiêu-diệt … sự biến-mất … sự phai-biến … sự chấm-dứt … sự buông-bỏ … sự từ-bỏ sân … si … sự tức-giận … sự hung-bạo … sự chê-bai … sự hỗn-xược … sự ganh-tỵ … sự ti-tiện … sự lừa-dối … sự mưu-mẹo … sự bướng-bỉnh … sự thái-quá (quá đáng, quá lố, dữ dội) … sự tự-ta (ngã mạn) … sự kiêu-ngạo … sự say-sưa … sự lơ-tâm phóng dật … … để có sự từ-bỏ sự lơ-tâm phóng dật, bảy điều (pháp tu) này cần được tu tập.” Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

HẾT QUYỂN 7

BẢNG VIẾT TẮT

I. BỘ KINH AN & CHÚ GIẢI CHÍNH:

AN Aṅguttara Nikāya: Bộ Kinh Tăng Chi

Be: phiên bản tiếng Miến Điện (= Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka, bản điện tử)

Ee: phiên bản tiếng Anh (ấn bản PTS)

Ce: phiên bản Tích Lan (= Buddha Jayanti Tripitaka Series, bản in giấy)

Mp Manorathapūraṇī: Luận Giảng Bộ Kinh AN

Mp-ṭ Manorathapūraṇī-ṭīkā: Tiểu Luận Giảng Bộ Kinh AN

NDB = Nummerical Discourses of Buddha: bản dịch Pali-Anh của AN bởi Tỳ Kheo Bồ-Đề.

SC = trang SuttaCentral: bản dịch Pāli-Anh các bộ kinh Nikāya bởi nhà sư Ajahn Sujato.

Lưu Ý: Khi chữ Be và Ce được dùng để chỉ phiên bản của luận giảng Mp, là chúng tương ứng chỉ ấn bản Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka bản điện tử 4.0 (dựa trên phiên bản Miến Điện và được ấn hành bởi Viện Nghiên Cứu Thiền Minh Sát Igatpuri, Ấn Độ) và ấn bản Tích Lan Simon Hewavitarne Bequest (1923–31). Nếu chỉ ghi Mp không thôi thì đó là luận giảng Mp thuộc ấn bản điển tử của Chaṭṭha Saṅgāyana.

II. NHỮNG KINH SÁCH PĀLI KHÁC:

Abhi = Abhidhamma Pitaka: Vi Diệu Pháp Tạng

* AN = Aṇguttara Nikāya: Bộ Kinh Tăng Chi (Tăng Chi Kinh Bộ)

As = Atthasālinī (Dhammasaṅgaṇī-aṭṭhakathā): Chú Giải tập Dhs

Dhp = Dhammapada: tập Kinh Pháp Cú (thuộc KN)

Dhp-a = Dhammapada-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Dhp

Dhs = Dhammasaṅgaṇī: Bộ Pháp Tụ (thuộc Abhi)

* DN = Dīgha Nikāya: Bộ Kinh Dài (Trường Kinh Bộ)

It = Itivuttaka: tập Kinh Phật Tự Thuyết (thuộc KN) It-a = Itivuttaka-aṭṭhakathā: Chú Giải tập It Ja: = Jātaka: tập kinh Chuyện Tiền Thân Của Đức Phật (thuộc KN) Khp = Khuddakapāṭha: tập Kinh Tiểu Tụng (thuộc KN) * KN = Khuddaka Nikaya: Bộ Kinh Ngắn (Tiểu Kinh Bộ) Mil = Milindapanha: tập kinh Milinda Vấn Đáp (thuộc KN) * MN = Majjhima Nikāya: Bộ Kinh Vừa (Trung Kinh Bộ) Mp = Manorathapūraṇī: Chú Giải bộ AN Nett = Nettippakaraṇa: (thuộc KN) Nidd I = Mahā-niddesa: tập Đại Diễn Giải (Đại Nghĩa Tích) (thuộc KN) Nidd II = Cūḷa-niddesa: tập Tiểu Diễn Giải (Tiểu Nghĩa Tích) (thuộc KN) Paṭis = Paṭisambhidāmagga: tập Con Đường Phân Biệt (Vô Ngại Giải Đạo) (thuộc KN) Paṭis-a = Paṭisambhidāmagga-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Patis Peṭ = Peṭakopadesa: (thuộc KN) Pj II = Paramatthajotikā, Phần II (Suttanipāta-aṭṭhakathā): Chú Giải tập Sn Pp = Puggalapannatti: bộ Phân Định Cá Nhân (Nhân Thi Thuyết Luận) (thuộc Abhi) Pp-a = Puggalapannatti-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Pp Ps = Papancasūdanī (Majjhima Nikāya-aṭṭhakathā): Chú Giải bộ MN Pv = Petavatthu: tập Chuyện Quỷ Đói (Ngạ Quỷ Sự) (thuộc KN) * SN = Saṃyutta Nikāya: Bộ Kinh Liên Kết (Tương Ưng Kinh Bộ) Sn = Suttanipāta: tập Kinh Tập (thuộc KN) Sp = Samantapāsādikā (Vinaya-aṭṭhakathā): Chú Giải Luật Tạng Sv = Sumaogalavilāsinī (Dīgha Nikāya-aṭṭhakathā): Chú Giải bộ kinh DN Sv-pṭ = Sumaogalavilāsinī-purāṇa-ṭīkā (Dīgha Nikāya-ṭīkā) (Be): Tiểu Chú Giải bộ kinh DN (phiên bản Miến Điện)

Th = Theragāthā: tập kinh Trưởng Lão Thi Kệ (thuộc KN) Th-a = Theragāthā-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Th Thī = Therīgāthā: tập kinh Trưởng Lão Ni Kệ (thuộc KN) Thī-a = Therīgāthā-aṭṭhakathā (1998): Chú Giải tập Thī (bản 1998) Ud = Udāna: tập kinh Phật Đã Nói Như Vậy (thuộc KN) Ud-a = Udāna-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Ud Vibh = Vibhaṅga: Bộ Phân Tích (thuộc Abhi) Vibh-a = Vibhaṅga-aṭṭhakathā (Sammohavinodanī): Chú Giải bộ Vibh Vibh-mṭ = Vibhaṅga-mūlaṭīkā (Be): Tiểu Chú Giải tập Vbh (phiên bản Miến Điện) Vin = Vinaya: Luật Tạng (Rỗ Luật) Vism = Visuddhimagga: Con Đường Thanh Lọc (Thanh Tịnh Đạo)

III. NHỮNG BẢN DỊCH CỦA CÁC BỘ KINH, TẬP KINH: BL= Buddhist Legends: Những Huyền Thoại Phật Giáo (của học giả Burlingame) CMA = A Comprehensive Manual of Abhidhamma: Cẩm Nang Vi Diệu Pháp (của Tỳ Kheo Bồ-Đề) EV I = Elders' Verses I: Trưởng Lão Thi Kệ I (của Norman) EV II = Elders' Verses II: Trưởng Lão Thi Kệ II (của Norman) GD = Group of Discourse: tập Kinh Tập II (của Norman) Germ Tr = Bản dịch SN tiếng Đức (của Geiger) KS = Kindred Sayings: Bản dịch tiếng Anh của SN (bởi Rhys Davids, Woodward) LDB = Long Discourses of the Buddha: bản dịch Pāli-Anh của DN (bởi học giả Walshe) MLDB = Middle Length Discourses of the Buddha: bản dịch Pāli-Anh của MN (bởi nhà sư dịch giả Tỳ Kheo Nāṇamoli và TKBĐ)

Ppn = Path of Purification: bản dịch Con Đường Thanh Lọc (Thanh Tịnh Đạo) [= Vism] bởi nhà sư học giả Tỳ Kheo Nāṇamoli) SN-Anth = "Saṃyutta Nikāya: An Anthology": Tuyển tập các kinh thuộc SN (của các học giả Ireland, Nāṇananda, Walshe)

IV. CÁC NGUỒN THAM CHIẾU KHÁC: CPD = Critical Pāli Dictionary: Tự Điển Pāli Phê Bình (của Viện Khoa Học & Văn Chương Đan Mạch) CSCS = A Comprehensive Study of the Chinese Saṃyuktāgama: Nghiên Cứu Tổng Quát về Tương Ưng A-hàm Hán Tạng (của Enomoto) DPPN: Tự Điển Danh Từ Riêng Pāli (của Malalasekera) MW = Monier-Williams' Sanskrit-English Dictionary: Tự Điển Phạn-Anh (của Monier-William) PED = Pāli-English Dictionary: Tự Điển Pāli-Anh (của PTS)

V. CÁC CHỮ VIẾT TẮT KHÁC: BHS = Buddhist Hybrid Sanskrit: Chữ Lai Phạn trong Phật giáo BPS = Buddhist Publication Society: Hội Ấn Hành Phật Giáo Tích-Lan C.Rh.D = C.A.F. Rhys Davids (tiến sĩ học giả dịch giả Rhys Davids) PTS = Pali Text Society (Hội Kinh Điển Pali) Skt = Sanskrit: tiếng Phạn VĀT = Vanarata Ānanda Thera: Trưởng Lão Vanarata Ānanda

Lưu Ý: Các trích dẫn kinh gốc tiếng Pāli được so chiếu và trích dẫn trong phần chú thích (của TKBĐ) là ghi số quyển và số trang của ấn bản PTS. Các trích dẫn từ Udāna và Itivuttaka thì ghi số kinh theo sau là số trang của ấn bản PTS. Còn trích dẫn từ Vism cũng được ghi kèm theo bằng số chương và số đoạn trong Ppn.

CHÚ THÍCH

1455 [Ham muốn danh tiếng' là tạm dịch cụm chữ: anavaññattikāmo. Nghĩa

đen là: "ham muốn mình không bị kinh thường". Mp giải nghĩa là: "Người đó ham danh, tham muốn được nổi tiếng" (abhiññātabhāvakāmo). Những ý nghĩ về danh tiếng của mình (anavaññattipaṭisaṃyutto vitakko) là một loại của ý- nghĩ làm xao lãng cần phải được vượt qua để đạt được sự định-tâm. Mời coi thêm kinh 3:101 và chú thích trong đó.] (1455)

1456 [Tôi dịch số này theo Ce ghi là sataṃ bhante sahassānaṃ. Be và Ee ghi

là sataṃ bhante satasahassānaṃ, nghĩa là: một trăm [lần] một trăm lần."] (1456)

1457 ['Bảy gông-cùm': satta saṃyojanāni. Khuôn mẫu 'mười gông-cùm' thì

quen thuộc với chúng ta hơn, và chúng chỉ được ghi một lần trong kinh 10:13 của bộ kinh AN này.] (1457)

1458 ['Gông cùm thuận-theo hay thuận-tình hay dính-theo' là tạm dịch chữ

anunayasaṃyojanaṃ. Đây là loại gông-cùm hiếm khi thấy trong "danh sách 10 gông-cùm" vẫn thường được nói đến. Mp giải thích nó như một dạng giống gông cùm tham-dục (kāmarāgasaṃyojanaṃ, tham kiết sử) vậy, (ý chỉ sự trói-buộc do (tâm) chạy theo, dính theo, bị hấp dẫn theo đối-tượng ... trái ngược lại là sự ghét-bỏ, ác-cảm, sân-bực).] (1458)

1459 [Tính ghen-tỵ (issā) và keo-kiệt (macchariya) có trong danh sách "10

gông-cùm" của Vi Diệu Pháp (Abhidhamma). Coi thêm Dhs 197 (của Be §1118), CMA 269.] (1459)

1460 [Chữ niranusayo ở đây không có ghi trong Be và Ee. Ee có chú thích về

những cách ghi khác nhau của những bản chép tay. Nhưng trong kinh [SN IV 205,17 (?)] phiên bản Be có ghi chữ niranusayo, còn Ce và Ee lại ghi chữ pahīnarāgānusayo. (TKBĐ ghi số hiệu kinh này, người dịch Việt không biết đó là kinh SN nào mặc dù đã quét tìm hết bằng vi tính toàn bộ bản dịch và chú thích của thầy ấy).] (1460)

150 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 7

1461 [Đến gặp hay ghé đến những gia đình là để khất thực thức-ăn; ngồi lại

hay ở lại tức ngồi để thăm hỏi, nói chuyện, hoặc chỉ dạy Giáo Pháp cho họ nếu họ yêu cầu.] (1461)

1462 [Mp giải nghĩa câu này là: "Họ không đứng dậy khỏi chỗ ngồi một cách

khiêm nhường lễ phép mà họ tỏ ra không tôn trọng."] (1462)

- (Nhân tiện, cụm chữ (2) kế tiếp: "không kính lễ một cách trân trọng" thì có chú thích trong kinh song hành là kinh 9:17 như vầy: [Mp chú giải nghĩa là: "Họ không lễ lạy bằng cả năm phần chạm đất" [tức là: đầu, hai bàn chân, và hai tay phải chạm xuống đất (trong tư thế quỳ lạy hay bái lạy).] (1874).)

1463 [07 loại người này đã được nói chi tiết trong kinh MN 70, mục 14–21,

(và trong các chú giải của các kinh khác). (Người được giải-thoát bằng cả hai phương diện là người vừa (i) có tâm được giải-thoát khỏi ô-nhiễm, tức được giải thoát bằng tâm sạch-nhiễm, và (ii) được giải-thoát nhờ trí-tuệ). Vắn tắt, (1) người được giải-thoát bằng cả hai phương diện và (2) người được-giải thoát nhờ trí-tuệ là 02 loại A-la-hán, khác nhau ở chỗ loại thứ nhất có được "sự giải-thoát thuộc vô-sắc giới đầy bình-an vượt trên khỏi sắc-giới". (3) Người thân-chứng, (4) người đạt tới chánh-kiến, và (5) người được giải-thoát nhờ niềm-tin là 03 hạng học-nhân, họ có thể đang ở bất cứ chặng nào từ thánh đạo Nhập-lưu cho đến thánh đạo A-la-hán; 03 hạng người này cũng đã được nói kỹ hơn trong kinh 3:21 (và chú thích ở đó). (6) Người tu theo Giáo Pháp (căn trí) và (7) người tu theo niềm-tin (căn tín) là 02 hạng người đã nhập vào dòng thánh đạo nhưng vẫn chưa chứng thánh quả Nhập-lưu; họ khác nhau chỗ căn chủ lực (trội, nổi bật) là căn trí-tuệ hay căn niềm-tin của mỗi bên. Tiến trình họ chứng nhập vào dòng thánh đạo cũng được mô tả trong kinh SN 25:01 (Quyển 3).] (1463)

1464 [Nguyên văn câu cuối này là: pāraṅgato thale tiṭṭhati brāhmaṇo. Ở đây,

chữ "bà-la-môn" (brahmin) được dùng như chữ đồng nghĩa = A-la-hán. Coi sự liên hệ đồng nghĩa này theo cách diễn tả trong kinh 4:05, đoạn (4), và SN 35:228 (Quyển 4). (Có thể dịch là một "bà-la-môn đích thực, bà-la-môn chân thực" theo cách dùng chữ và hàm nghĩa của Đức Phật).] (1464)

1465 [Theo chỗ Pp 13 (theo Be §16) thì người này được gọi là một samasīsī:

người đắc cùng lúc hai sự kết thúc; người cùng lúc đạt hai tận, hai sự hết, hai

Chú Thích • 151

thứ (là kết thúc những ô-nhiễm (lậu tận = giác-ngộ, giải-thoát) và một thứ khác như sau). Mp chú giải rằng có 04 loại samasīsī. (1) Người đã bệnh và chứng đắc sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận) vào cùng lúc người đó hết khỏi bệnh thì được (tạm dịch với nghĩa lậu-tận = giác-ngộ là) gọi là một "người giác- ngộ hay người lậu-tận lúc hết bệnh" (rogasamasīsī). (2) Người đã bị đau đớn với một cảm-giác đau đớn nghiêm trọng và chứng đắc sự tiêu diệt ô-nhiễm vào cùng lúc người đó hết khỏi sự đau đớn thì được gọi là một "người giác- ngộ lúc hết cảm-giác" (vedanāsamasīsī). (3) Người đã đang tu tập sự minh- sát trong một tư-thế nào đó và chứng đắc sự tiêu diệt ô-nhiễm vào cùng lúc người đó hết (đổi) tư-thế đó thì được gọi là một "người giác-ngộ lúc hết tư- thế" (iriyāpathasamasīsī). (4) Và một người chứng đắc sự tiêu diệt ô-nhiễm vào cùng lúc người đó chết thì được gọi là một "người giác-ngộ lúc hết sinh- mạng". Kinh này đang nói tới loại (4) "người giác-ngộ lúc hết sinh-mạng".] (1465)

1466 ["Người chứng ngộ bát Niết-bàn trong nửa-đầu kiếp sau" là tạm dịch

nghĩa chữ antarāparinibbāyī. Nghĩa gốc của nó là: "người chứng ngộ Niết- bàn ở-giữa" [giữa đường hay dọc đường]. Pp 16 [Be §36] định nghĩa loại người này là người đã loại bỏ 05 gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), tái sinh tự động tự phát, và sau đó, ngay sau khi tái sinh hoặc [trễ nhất] trước giữa kiếp sau (tức trong nửa-đầu kiếp sau), sẽ tạo được thánh đạo để dẹp bỏ 05 gông-cùm cao hơn (thượng phần kiết sử) còn lại. Tương tự vậy, Mp định nghĩa loại người này là một người được tái sinh trong 1 trong 05 cõi trời trong-sạch (suddhāvāsesu, tịnh cư thiên), và sau đó sẽ chứng luôn thánh quả A-la-hán ngay lúc tái sinh, hoặc sau đó một chút, hoặc trước khi đến giữa kiếp sau (tức trong nửa-đầu kiếp sau). Mặc dù đây là những định nghĩa có thẩm quyền, nhưng tôi vẫn tin theo bằng chứng lời kinh gốc rằng: Cái tên gọi của loại người này nên được hiểu một cách đơn thuần có nghĩa là người đó chứng đắc sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận) ở giữa-đường hay dọc-đường (antarā), nghĩa là giữa 02 kiếp, và sau đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng (bát niết-bàn) chứ không tái sinh nữa.

- Mời quý vị coi lại kinh 4:131 và chú thích 829 trong đó.

- Tôi cũng đưa ra những luận điểm cho cách diễn dịch này trong chú thích số 1536 ở cuối đoạn (1) của kinh 7:55.] (1466)

1467 ["Người chứng ngộ bát-Niết-bàn trong nửa-sau kiếp sau" là tạm dịch

nghĩa chữ upahaccaparinibbāyī; (Người dịch Việt cũng giữ cách gọi này giống nhau trong bản dịch Việt các bộ kinh). Cả hai Pp 17 (của Be §37) và Mp đều định nghĩa loại người này là một người đã loại bỏ 05 gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), tái sinh tự động [trong 1 trong 5 năm cõi trời trong- sạch (tịnh cư thiên, dành cho những bậc thánh Bất-lai)], và sau đó chứng ngộ luôn thánh quả A-la-hán sau giữa-kiếp ở đó (tức sau nửa-kiếp sau), hoặc trễ nhất là trước lúc hết-kiếp ở đó (tức trong nửa-sau của kiếp sau trước khi chết). Một lần nữa, cho dù những định nghĩa này là thẩm quyền, nhưng tôi vẫn theo cách hiểu đơn thuần dựa theo lời kinh gốc và vẫn giữ cách diễn dịch liên quan tới cách mô tả trong kinh 7:55, đoạn (4); những gợi tả trong các bộ kinh Nikāya

cho thấy loại người này là người chứng đắc sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận) hầu như lập tức ngay sau khi tái sinh trong 1 trong 5 cõi trời trong- sạch (bởi vậy lời kinh gốc mới gọi tên có nghĩa là "người chứng ngộ Niết- bàn ngay khi đáp xuống đất (chạm xuống đất)"). Mời quý vị đọc thêm chú thích 1537 ở đoạn (4) của kinh 7:55.] (1467)

1468 [Sự khác nhau giữa loại (5) và (6) có lẽ dựa trên lượng sự cố-gắng họ

phải bỏ ra để đạt tới mục-tiêu cuối cùng. Pp 17 [của Be §§38–39] chỉ nói rằng (5) là loại người phát tạo thánh đạo không cần sự cố-gắng và (6) là loại người đạt tới mục-tiêu cuối cùng nhờ sự cố-gắng thêm. Cho dù là trường hợp nào, theo cách diễn dịch của các luận giảng thì 02 loại này cũng không trở thành 02 loại thánh Bất-lai riêng biệt, mà đó chỉ là 02 cách thức mà 02 loại thánh đầu tiên [người chứng ngộ Niết-bàn trong nửa-đầu kiếp sau (antarāpa- rinibbāyī) và người chứng ngộ Niết-bàn trong nửa-sau kiếp sau (upahaccap- arinibbāyī) chứng ngộ Niết-bàn (tức là không nhất thiết phải có sự cố-gắng thêm hay không có sự cố-gắng thêm). Các chú giải như vậy đã thu giảm số "hạng" những thánh Bất-lai xuống chỉ còn 03 "hạng". Điều này sẽ trùng hợp với thứ-tự và những phẩm-chất khác nhau của bậc thánh Bất-lai, theo cách phân loại thành 05-hạng được nhấn mạnh trong các ví dụ ở kinh 7:55.] (1468)

1469 [Về loại người (hạng thánh Bất-lai) thứ bảy này, mời quý vị coi lại chú

thích số 828 ở kinh 4:131, đoạn (4), như được trích nguyên sau đây:

- [Nguyên văn câu cuối chỗ này: Uddhaṃsotassa akaniṭṭhagāmino puggalas-

sa (Người hướng thượng lưu, đang hướng tới cõi trời Akaniṭṭha). Đây là hạng chậm nhất trong 05 hạng của bậc thánh Bất-lai, đó là người tiến dần dần từ cõi thấp đến cõi cao trong 05 năm cõi trời trong-sạch (tịnh cư thiên) và đang hướng thượng tới cõi cao nhất trong 05 cõi đó là cõi Akaniṭṭha (Sắc cứu kính thiên). Loại người này cũng được mô tả là hạng còn thô tế nhất (trong 05 hạng của bậc Bất-lai), là người vẫn còn dính những "gông-cùm bị tái-sinh", mặc dù những hạng Bất-lai tinh tế hơn cũng vẫn còn dính những gông-cùm này. (Tái sinh ở đây là họ tái sinh từ cõi thấp tới cõi cao trong 05 cõi tịnh cư thiên đó, chứ không phải tái sinh lại xuống lại thế gian).] (828).] (1469)

1470 [Bằng cách dùng những phần dấu chấm lửng (…), phiên bản Ee đã gộp

các kinh 7:18 và 7:19 vào trong kinh 7:17, và do vậy tới chỗ này sự đánh số của Ee là ít hơn 2 số so với sự đánh số của tôi. Sự đánh số kinh của tôi là làm theo Ce và Be, tính riêng sự thuyết giảng về "vô-ngã" và "Niết-bàn" thành các kinh khác nhau.] (1470)

1471 [Để ý: trong 02 kinh kế trên là sự quán sát sự vô-thường và quán sát sự

khổ trong tất cả những hiện-tượng có điều-kiện (những pháp hữu vi; sab-basaṅkhāresu), còn trong kinh này là sự quán sát sự vô-ngã trong tất cả mọi hiện-tượng (mọi pháp; sabbadhammesu), chứ không chỉ riêng những hiện- tượng có điều-kiện (hữu vi). (Tức: chư pháp hữu-vi vô-thường và khổ; chư pháp vô ngã).] (1471)

1472 ['Không có mười' (không được mười, không tới mười, dưới mười) là tạm

dịch chữ niddasavatthūni. PED coi chữ niddasa là do ghi sai chữ niddesa và giải thích chữ ghép này có nghĩa là "đối-tượng của sự khác biệt, hoặc đối- tượng để đề cao". SED sv nói đó là nirdaśa có nghĩa là "hơn mười ngày tuổi, đã xảy ra hơn mười ngày." Tuy nhiên, bản thân chữ này không nhất thiết phải có liên hệ tới ngày tháng, và cũng có thể được diễn giải bằng cách coi ni là một tiền tố 'phủ định' và do vậy chữ ghép có nghĩa là "không có mười". Vì vậy, trong ngữ cảnh lời kinh nó cũng có thể có nghĩa bóng là "không có mười năm" (hay không được mười năm, không tới mười năm). Mp chấp nhận chữ ghép này và đưa ra một chú giải về nó mà tôi sẽ dịch ngay bên dưới đây. Có thể rằng cái nghĩa gốc của lời diễn đạt này đã bị mất một cách không thể nào truy tìm lại được, và khi diễn dịch nó chúng ta chẳng có gì để dựa vào ngoài sự phỏng đoán. Bên Hán Tạng thì không có các kinh tương đương với kinh

này và các kinh 7:42–43 bên dưới để chúng ta có thể đối chiếu, truy tìm nghĩa của chữ này.

- Đây là chú giải của Mp: "Câu hỏi [Theo cách nào là người "không có mười"?] được cho là đã từng khởi sinh trong số những người của các giáo phái. Bởi vì, người ta gọi một Ni-kiền-tử (Nigaṇṭha, tu sĩ đạo Jain) là niddaso ("không mười") là người chết lúc 10 tuổi [dasavassakāle; hoặc: "lúc người đó có 10 năm tu" (?) (tuổi đạo của tu sĩ, giống tuổi hạ bên đạo Phật)]. Bởi vì, như luận giảng này nói, người đó không còn trở thành mười tuổi người nữa, [người đó không trở thành] chín tuổi hay thậm chí một tuổi. Theo tương tự, họ gọi một Ni-kiền-tử chết lúc 20 tuổi … vân vân … là nibbīso ('không có hai mươi'), nittiṃso ('không có ba mươi'), niccattālīso ('không có bốn mươi'), nippaññāso ('không có năm mươi'). Khi thầy Ānanda đang đi trong làng và nghe được những lời như trên, thầy ấy về thưa lại với đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã nói: 'Này Ānanda, theo giáo lý của ta, đây không phải là cách gọi để chỉ những người ngoại đạo đó mà để chỉ người đã tiêu diệt ô- nhiễm [A-la-hán].' Bởi vì nếu người tiêu diệt ô-nhiễm chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng (bát niết-bàn) khi người đó 10 tuổi [hoặc: có 10 tuổi hạ (?)], thì người đó sẽ không trở thành một người 10 tuổi lần nào nữa. Không chỉ người 10 tuổi, người đó không trở thành một người 9 tuổi … người 1 tuổi nào nữa. Không chỉ người 1 tuổi, người đó không trở thành một người 11 tháng tuổi … hay thậm chí người một giây phút tuổi nào nữa. Tại sao? Bởi vì người đó không bao giờ tái sinh nữa. Cũng cách tương tự khi nói về người 'không có hai mươi' … vân vân. Như vậy, đức Thế Tôn bắt đầu giáo lý này để chỉ ra những nguyên-nhân để trở thành người 'không có mười'.'"] (1472)

1473[Nguyên văn câu này là: Icchāvinaye tibbacchando hoti āyatiñca ic- chāvinaye avigatapemo. Ở đây tôi dịch chữ icchā là "những ước nguyện vô ích" và chữ chanda là "mong-muốn". Còn Mp thì diễn dịch chữ icchā là đồng nghĩa taṇhā: dục-vọng (ái).] (1473)

1474 [Giáo lý này cũng được nói trong kinh dài DN 16, mục 1.5. (Nhân tiện

người Licchavi cũng được gọi là người Vajji (Bạt-kỳ), vì người Licchavi là bộ tộc lớn nhất và chủ yếu của vương quốc Vajji).] (1474)

1475 [Tôi thêm vào chữ [thành, kinh thành] dựa theo sự giải nghĩa của Mp là:

Chú Thích • 155

“ở bên trong thành” (antonagare ṭhitāni).] (1475)

1476 [Mp giải thích như vầy: “Khi người ta lơ-là những bổn phận thờ cúng

chính đáng thì những thiên thần không phù hộ họ, và ngay cả khi những thiên thần không thể tạo ra khổ đau mới nào, họ cũng làm cho sự khổ đau đang có nặng hơn, ví dụ như ho thì ho hơn, nhức đầu thì nhức đầu hơn; và khi lâm vào thời chiến tranh, những người đó không có ai là đồng minh. Nhưng nếu người ta không lơ-là những bổn phận đó thì những thiên thần phò hộ họ, và ngay cả khi những thiên thần không thể tạo ra những hạnh phúc mới nào, họ cũng làm cho hết khỏi bệnh tật; và khi lâm vào thời chiến tranh, những người đó có nhiều đồng minh.”] (1476)

1477 [Nội dung bài kinh này hầu như giống nội dung trong kinh dài DN 16,

mục 1.1–5.1, chỉ khác một số chi tiết phụ và câu cú.] (1477)

1478 [Nội dung các kinh từ 7:23–27 cũng có ghi trong kinh dài DN 16, mục

1.6–10.] (1478)

1479 [Mp giải nghĩa là: “Nếu họ không dừng lại giữa-đường ở một mức chứng

đắc nào đó [ví dụ như chỉ sau khi mới thanh lọc giới-hạnh, mới chứng tầng thiền định, sự minh-sát, hoặc mới ở thánh đạo Nhập-lưu … vân vân, nhưng chưa chứng thành A-la-hán], thì chỉ có thể coi những Tỳ kheo đó đang tăng trưởng.” (1479)

1480 [Tất cả 07 sự nhận-thức này, được cộng thêm 03 loại nữa thành 10 nhận-

thức, sẽ được giảng giải trong kinh 10:60.] (1480)

1481 [Chỗ này đọc theo Ee là: na iti paṭisañcikkhati. Ce và Be thì bỏ chữ na.

Nhà sư Brahmāli nói nghĩa kinh ở đây là “Người đó lẽ ra nên để việc này cho các vị trưởng lão, vì họ là những người được cho là sẽ xem xét giải quyết nó.’] (1481)

1482 [Câu này Ce ghi là attanā voyogaṃ āpajjati; Ee ghi attanā vo yogaṃ

āpajjati; Be ghi attanā tesu yogaṃ āpajjati. Lại nữa, ở đây tôi làm theo sự diễn dịch của nhà sư Brahmāli theo nghĩa là: “Bởi việc đó là trách nhiệm của những bậc trưởng lão đó, cho nên họ cũng sẽ lãnh trách nhiệm cuối cùng cho dù chuyện đó sẽ được giải quyết ra sao [và chê hay khen, tội hay công] hay

156 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 7

bởi ai. Do vậy vị Tỳ kheo đó nên để việc đó cho các vị trưởng lão giải quyết.”] (1482)

1483 [Nguyên văn câu cuối này: Tattha ca pubbakāraṃ karoti. Mp giải nghĩa

là: “Người đó chọn cúng dường cho những người giáo phái khác và sau cùng mới bố thí cho các Tỳ kheo.” Mời coi lại kinh 5:175, điều (4) và chú thích 1171 của nó, và kinh 6:93

và chú thích 1443 để liên đới về nghĩa này.] (1483)

1484 [Ce và Ee không có, nhưng Be thì có ghi thêm câu quen thuộc này trước

bài thi kệ: “Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong, bậc Phúc Lành, Vị Thầy đã nói thêm như vầy: …”.] (1484)

1485 [Ee gom kinh này và kinh kế tiếp lại thành một, nhưng lại tính sai lố

thành tới 03 kinh (28, 29, và 30) nên nó ghi số kinh gộp là (28–30) trong phiên bản của nó. Như vậy cách đánh số của Ee trước đây đã ít hơn 2 số so với cách đánh số của tôi, giờ chỉ còn ít hơn 1 số.] (1485)

1486 [Kinh này chính là kinh 6:32 mở rộng từ 6 điều lên 7 điều (thêm ‘kính

trọng sự định-tâm’), và phần thi kệ khác nhau vài chỗ.] (1486)

1487 [Kinh này chính là kinh 6:33 mở rộng từ 06 điều lên 07 điều (thêm ‘kính

trọng sự định-tâm’).] (1487)

1488 [Kinh này chính là kinh 6:69 mở rộng từ 06 điều lên 07 điều (thêm ‘sự

định-tâm’), nhưng trong kinh này không tả lại cảnh đầu mà Phật kể lại luôn cho các Tỳ kheo cảnh vị thiên thần đã xuất hiện và nói với Phật trong đêm khuya hôm trước.] (1488)

1489 [Lời kinh này giống nội dung kinh 3:135 được mở rộng từ 03 điều lên 07

điều.] (1489)

1490 [Nguyên văn câu cuối này: Khīṇena nātimaññati. Tôi dịch với giả định

chữ khīṇena là một trạng từ có nghĩa “một cách làm tổn thương, một cách thô lỗ, rẻ rúng” [coi thêm DOP sv khīṇa2]. Tuy nhiên, Mp giải thích câu này theo giả định chữ khīṇena có nghĩa là “trong [những lúc] mất mát, khi tài sản đã cạn kiệt”, nghĩa dài dòng là: “Khi tiền của tài sản của mình hết sạch,

người đó không khinh khi mình vì sự mất sạch đó. Người đó không tự cho mình cao sang và khinh rẻ người khác” (tassa bhoge khīṇe tena khayena taṃ nātimaññati, tasmiṃ omānaṃ attani ca atimānaṃ na karoti). Cho dù Mp đã luận giải dài thêm như vậy, tôi vẫn không thấy điều này có nghĩa nào khác với nghĩa ngắn gọn là “không khinh khi bạn một cách thô lỗ” như tôi đã dịch theo giả định kia.] (1490)

1491 [Nguyên chữ là vattā: người nói. Mp chỉ nói “đó là người thiện khéo về

lời nói” (vacanakusalo). Bởi vì sự “nói lời sâu sắc” đã là một điều riêng, tức điều (6), nên ở đây theo cách giải thích của Mp chỉ có thể giả định nghĩa của nó là “người đó nói lời khuyên khéo tốt”.] (1491)

1492 [Về bốn loại trí-biết mang tính phân tích (paṭisambhidā, vô ngại giải trí),

mời coi thêm lại kinh 4:172.] (1492)

1493 [Tôi dịch lời kinh một cách chính xác như đã được truyền thừa, nhưng

dường như trong quá trình truyền tụng có một cụm chữ đã bị bỏ mất cho thấy cái 'sự trì-trệ của tâm' đã phát sinh trong một dịp đặc biệt nào đó. Do vậy Mp đã cung cấp lại cụm chữ đã bị mất là uppanne cetaso līnatte, có nghĩa "khi sự trì-trệ của tâm đã khởi sinh".] (1493)

1494 [Mp nối kết 'sự kìm hãm ở bên trong' với nghĩa là 'sự đờ-đẫn và buồn-

ngủ', và 'sự xao lãng ở bên ngoài' với nghĩa là 'sự hấp dẫn đối với năm đối tượng khoái-lạc giác quan'. Mời quý vị coi lại sự diễn dịch nối kết như vầy trong kinh SN 51:20 (Quyển 5).] (1494)

1495 [Trong kinh 4:41, điều/đoạn (3), thì đây được gọi là "sự tu tập sự định-

tâm dẫn tới sự chánh-niệm và sự tỉnh-giác". Mp giải thích: "Cảm-giác ... là những gốc rễ của sự tăng-phóng này nọ của tâm (papañca). Vì cảm-giác là gốc rễ của dục-vọng, nó khởi sinh liên quan với khoái-lạc (sự khoái sướng). Nhận-thức là gốc rễ của những quan-điểm này nọ (tà kiến), nó khởi sinh đối với một đối-tượng không (chưa) rõ ràng (do nhận lầm, do tưởng). Và ý-nghĩ là gốc rễ của sự tự-ta (ngã mạn), nó khởi sinh từ ý nghĩ có cái 'ta' (ngã kiến, ngã chấp)."] (1495)

1496 [Mp giải thích chữ dấu-hiệu hay tướng (nimitta) ở đây có nghĩa là =

nguyên-nhân (kāraṇa).] (1496)

158 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 7

1497 [Ee xếp kinh này như phần liên tục của kinh trước; nhưng tôi làm theo

Ce và Be, coi đây là một kinh riêng như vầy. Và do vậy tới chỗ này sự đánh số kinh của tôi lại vượt hơn Ee 2 số.] (1497)

1498 [Mặc dù lời kinh ở đây dùng chữ pajānāti ở thời hiện tại, nhưng tôi chắc

đây là thuộc thời hiện tại đã qua, tức diễn tả thời gian trước khi thầy Xá-lợi- phất chứng thánh quả A-la-hán. Khi đã là một A-la-hán thì thầy ấy không còn bị sự trì-trệ của tâm, sự kìm-hãm ở bên trong, hay sự xao-lãng ở bên ngoài nữa.] (1498)

1499 [Sáu kỹ năng (2)-(7) này, trừ kỹ năng (1), cũng đã được nói trong kinh

6:24 là (1)-(6), (và trong chú thích của kinh đó).] (1499)

- {Và nhân tiện, chép luôn lại chú thích khá dài trong kinh 6:24 về các kỷ- năng thiện khéo đó, như sau: [Mp chú giải: "Người đó thiện khéo về chứng đắc sự định-tâm (samādhissa samāpattikusalo): là người đó thiện khéo trong sự chứng nhập vào sự định-tâm (tầng thiền định), sau khi đã hiểu rõ loại thức ăn và khí hậu nào là phù hợp (!). Thiện khéo về thời-gian (chứng nhập trong) sự định-tâm (samādhissa ṭhitikusalo): là người đó có khả năng ổn định sự định-tâm (trong bao lâu). Thiện khéo về sự thoát-ra khỏi sự định-tâm (samādhissa vuṭṭhānakusalo): là người đó có thể thoát ra khỏi trạng

thái định- tâm vào một thời-điểm đã chọn (trước khi nhập định). Thiện khéo về sự phù-hợp cho sự định-tâm (samādhissa kallitakusalo): là người đó có thể làm ho- an-hỷ cái tâm để đạt-định, làm cho nó phù hợp. Thiện khéo về trú-xứ [lĩnh vực] của sự định-tâm (samādhissa gocarakusalo): là sau khi đã tránh bỏ những điều là không thích hợp và không hữu ích cho sự định-tâm, sau khi theo đuổi những điều là thích hợp và hữu ích cho sự định-tâm, người đó hiểu: 'Sự định-tâm này lấy một dấu-hiệu (tướng) làm đối-tượng của nó; sự định- tâm này lấy một đặc-điểm (nét) làm đối-tượng của nó.' Thiện khéo về giải- pháp đối với sự định-tâm (samādhissa abhinīhārakusalo): để mà có thể chứng nhập những tầng chứng đắc thiền định cao hơn và cao hơn, người đó có thể hướng [cái tâm] tới sự định-tâm của tầng thiền định thứ nhất và tiếp tục cao hơn." Mp-ṭ bổ sung thêm những thông tin về những kỹ năng này là: "Thiện khéo về sự phù-hợp: là có khả năng làm cái tâm chứng nhập [sự định- tâm] bằng cách loại bỏ những trạng thái đối nghịch và bằng cách áp dụng một cách cân bằng những nhân cộng tác để tạo ra sự định-tâm. Thiện khéo về trú-

xứ: là thiện khéo về điều được làm để tạo ra sự định-tâm; là thiện khéo về 'nơi' nó xảy ra, đó là: chủ-đề thiền hay đề-mục thiền, và thiện khéo về sự cài sự chánh-niệm và sự rõ-biết vào khu-vực để đi khất-thực một vòng. Thiện khéo về giải-pháp: là có khả năng hướng hay dẫn dắt [cái tâm] tới sự định- tâm của tầng thiền định thứ nhất … thứ hai … vân vân, bởi vì chúng thuộc về sự khác-biệt." Để đọc thêm những kỹ năng cần có để làm chủ sự định-tâm, mời coi thêm kinh 7:40–41 và cả Chương 34 của Bộ Kinh Liên Kết (SN).] (1291)

- (Nhân tiện: Về chữ trú-xứ (lĩnh vực, lãnh địa), có một câu trong kinh MN 33 coi như đã giải nghĩa chữ này như vầy: "Này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo là thiện khéo về những trú xứ? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo hiểu được 'bốn nền tảng chánh-niệm' (satipaṭṭhāna, tứ niệm xứ) đúng như chúng thực là. Này các Tỳ kheo, đây là cách một Tỳ kheo là thiện khéo về những trú xứ.").

1500 [Lại lần nữa, Ee coi kinh này là phần liên tục của kinh kế trên; tôi làm

theo Ce và Be, coi đây là một kinh riêng như vầy. Như vậy sự đánh số kinh của tôi giờ lại vượt Ee 3 số.] (1500)

1501 [Về cách mô tả người 'không có mười', mời quý vị đọc lại kinh 7:20 và

những chú giải về thành ngữ này. Bảy điều đang nói ra cũng giống trong kinh 7:20 đó.] (1051)

1502 ['Những trạm-trú cho thức' (hay tùy theo ngữ cảnh có thể gọi là 'những

trạm-trú của thức' hay 'những trạm-trú đối với thức' (tức là những cõi giới mà tâm thức có thể tái sinh vào đó, những cảnh giới tái sinh của tâm thức) là dịch chữ "viññāṇaṭṭhitiyo". [Chữ này được dùng ở đây theo nghĩa khác với nghĩa của nó trong kinh SN 22:54 (Quyển 3), trong đó 04 viññāṇaṭṭhitiyo là 04 uẩn có chức năng là những sự hộ-trợ cho thức (viññāṇa).] Còn trong kinh AN này, chúng có nghĩa là những

‘cảnh-giới tái sinh’ (của thức, tâm thức). Mp gọi chúng là “những nền-tảng cho thức tái-sinh” (paṭisandhiviññāṇassa ṭhānāni). Cái nghĩa nguyên-thủy của ‘07-điều’, như được mô tả ở đây, có lẽ đã bị mất. Mp đã chú giải chúng dựa theo nền tảng phân biệt của Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) đối với những loại thức tái-sinh; về điều này mời coi thêm CMA 179–80.] (1502)

160 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 7

1503 [Mp giải thích: “Chúng sinh con người khác nhau về thân (nānattakāyā)

bởi không có hai người nào có thân giống nhau y hệt như đúc. Họ khác nhau về nhận-thức (nānattasaññino) bởi trong một số người nhận-thức tái sinh (paṭisandhisaññā) của họ có ba gốc rễ (3 căn), trong có những người khác có hai gốc rễ (2 căn), và có những người khác không có gốc rễ nào (0 căn). Những thiên thần được nói ở đây là sáu loại thiên thần thuộc cõi dục-giới. Những chúng sinh trong cõi dưới (đọa xứ) là chỉ một số quỷ dạ-xoa (yakkha) và những ngạ quỷ trong cảnh đày đọa thống khổ.”] (1503)

1504 [Mp giải thích: “Đây là những thiên thần trong thiên triều của Trời Brahmā (Phạm thiên), những quan thần của trời Brahmā, và những vị trời brahmā lớn khác. Thân của họ khác nhau tùy theo hạng của họ, nhưng nhận- thức của họ là giống nhau bởi họ đều có nhận-thức thuộc tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền). Những chúng sinh trong bốn cảnh giới đày đọa (đọa xứ, cõi dưới) cũng thuộc về nhóm này. Tức thân của họ khác nhau, nhưng tất cả họ đều có cùng một nhận-thức [tái sinh] là nghiệp quả bất thiện không gốc-rễ (vô căn).”] (1504)

1505 [Mp đã coi ở đây “những thiên thần chiếu hào quang thành dòng” (devā

ābhassarā, quang âm thiên) là đại diện cho tất cả 03 loại thiên thần [có tâm thức] thuộc tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), 03 đó là: những thiên thần chiếu sáng hạn chế (thiểu quang thiên), những thiên thần chiếu sáng vô lượng (vô lượng quang thiên), và những thiên thần chiếu hào quang thành dòng (quang âm thiên). Trong mỗi cảnh giới, thân của họ giống nhau vì họ có cùng hạng nhưng nhận-thức của họ khác nhau, trong đó có số không còn ý- nghĩ (tầm) nhưng còn sự soi-xét (tứ), tức hết tầm còn tứ (avitakka- vicāramattā), một số khác thì không còn tầm và tứ (avitakka-avicārā).”] (1505)

1506 [Mp giải thích: “Những thiên thần hào quang chói lọi (subhakiṇhā, biến

tịnh thiên) giống nhau về thân, và cũng giống nhau về nhận-thức bởi họ đều có nhận-thức thuộc về tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền) [theo khuôn mẫu của Vi Diệu Pháp về 05 tầng thiền định]. Những thiên thần phước quả lớn (quảng quả thiên) [là những thiên thần được tái sinh thông qua (tâm thức của) tầng thiền định thứ năm (Ngũ thiền) theo khuôn mẫu ‘05-tầng thiền định’ của Vi Diệu Pháp như mới nói] thì có thể nằm trong trạm-trú thứ tư này của thức.

Chú Thích • 161

Những chúng sinh không còn nhận-thức (phi tưởng) thì không có thức và do vậy không tính trong số này.”] (1506)

1507 [Những thiên thần không có nhận-thức (phi tưởng) và những thiên thần

thuộc cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức (phi tưởng phi phi tưởng xứ) cũng nằm trong số ‘09 cõi chúng sinh’ [như kinh 9:24] nhưng không nằm trong ‘07 trạm-trú cho thức’ này.] (1507)

1508 [Nguyên văn câu cuối: Ariyo sammāsamādhi sa-upaniso itipi saparik-

khāro itipi. Ở đây, “những phần hộ-trợ” (upanisā) và “những phụ-liệu” (parikkhārā) chính là 07 chi phần còn lại của bát thánh đạo. Coi thêm kinh MN 117.] (1508)

1509 [Ý nghĩa của 07 loại lửa này được giảng giải trong kinh kế tiếp.] (1509)

1510 [Mp giải thích bản thân chữ thūṇa là trụ (cột) tế đàn: yūpasaṅkhātaṃ

thūṇaṃ.] (1510)

1511 [Nguyên văn câu này là: Ce và Be ghi atohayaṃ [Ee ghi ato ‘yaṃ],

brāhmaṇa, āhuto sambhūto. Mp diễn dịch: atohayan ti ato hi mātāpitito ayaṃ āhuto ti āgato. Ở đây dường như có sự chơi chữ giữa chữ āhuta là đại diện cho ābhūta (bắt nguồn, xuất thân) và lại là quá khứ phân từ của ājuhati (cúng, cúng tế). Coi thêm DOP sv āhuta1 và āhuta2.] (1511)

1512 [Nguyên văn cụm chữ này: appaṭikulyatā saṇṭhāti. Nghĩa gốc là: “nếu sự

không ghê-sợ được thiết lập”.] (1512)

1513 [Nguyên văn câu này: Natthi me pubbenāparaṃ viseso. Tôi dựa theo

cách diễn dịch cụm chữ pubbenāparaṃ visesa trong Mp chú giải là: “Không có sự khác-biệt nào giữa lúc trước tôi chưa tu và lúc sau tôi đã tu” (natthi mayhaṃ pubbena abhāvitakālena saddhiṃ aparaṃ bhāvitakāle viseso). Trong một ngữ cảnh khác thì cụm chữ pubbenāparaṃ visesa có nghĩa là ‘các giai đoạn tu-giỏi tuần tự liên tục’ đã đạt được nhờ sự tu tập tâm (thiền tập), nhưng sự giải nghĩa này thì không phù hợp với ngữ cảnh lời kinh chỗ này.] (1513)

1514 [Mp đã quy kết sự tạo-nên cái ‘ta’ (ahaṅkāra; ngã kiến) là những quan-

điểm này nọ (tà kiến), sự tạo-nên cái ‘của-ta’ (mamaṅkāra; ngã sở chấp) là dục-vọng (ái), và sự tự-ta (ngã mạn) là 09 sự tự-ta (navavidhamāna), đó là: coi ‘Ta’ là hơn, bằng, hay kém so với mỗi người thực sự là hơn, bằng, hay kém. “Đã vượt trên sự phân-biệt đối đãi” (vidhāsamatikkanta) có nghĩa đã vượt khỏi 03 sự phân biệt ‘Ta’ là hơn, bằng, hay kém.] (1514)

1515 [Mp chú giảng đại ý rằng: Ông bà-la-môn hỏi như vậy vì ông ta nghĩ

rằng: “Theo hệ thống bà-la-môn giáo, một người sống đời sống độc thân 48 năm để học các kinh Vệ-đà (Veda). Nhưng sa-môn Cồ-đàm, đã từng sống ở nhà, thụ hưởng ba loại vũ nữ trong ba cung điện. Giờ ông ta sẽ nói sao?” Ông ta đã hỏi với hàm ý như vậy. Rồi đức Thế Tôn, cứ như nắm được sự điều khiển một con rắn đen bằng một bùa chú có công hiệu thực hoặc cứ như bước được chân lên cổ của một kẻ thù, cất lên tiếng gầm sư tử. Phật đã chỉ ra rằng: ngay cả trong 06 năm phấn-đấu tu khổ hạnh (tinh cần khổ hạnh, để tìm kiếm sự giác-ngộ) của mình, đó là thời Phật vẫn còn đầy những ô-nhiễm, thì lúc đó cũng không khởi sinh một ý-nghĩ nào về sự khoái-lạc của sự làm vua chúa hay sự có các vũ nữ trong ba cung điện.”] (1515)

1516 [Nguyên văn câu này là: Saṃyogavisaṃyogaṃ dhammapariyāyaṃ. Tựa

bài kinh cũng có thể được dịch là sự kết-hợp và sự không kết-hợp, sự giao- hợp và sự không giao-hợp.] (1516)

1517 [Nguyên văn Pāli của những chữ này là: itthikuttaṃ, itthākappaṃ, itthivi-

dhaṃ, itthicchandaṃ, itthissaraṃ, itthālaṅkāraṃ. Rõ ràng, đây là 07 điều, và bên phía nam [purisa thay chữ itthi] cũng 07 điều nên kinh này được kết tập trong Quyển “Bảy” này. Tôi dịch căn cứ theo sự chú giải mà Mp đã đưa ra] (1517)

1518 [Đây là tên những thánh bà-la-môn thời cổ (brahmin rishi), họ được cho

là những người biên soạn của các kinh chú Vệ-đà. Họ đã được đề cập về khả năng này trong kinh 5:192, và kinh dài DN 2, mục 2.8, và kinh MN 95, mục 13.] (1518)

1519 [Chỗ này 03 phiên bản ghi khác nhau chút ít. Tôi làm theo Ce ghi là: cit-

tālaṅkāraṃ cittaparikkhāranti. Cả Be và Ee đều không có dấu trích dẫn ti. Mp chú giải rằng: “Đó là một thứ trang sức, một phụ liệu, của cái tâm thuộc về sự vắng-lặng (định) và sự minh-sát (tuệ) (samathavipassanācittassa).”]

Chú Thích • 163

(1519)

1520 [Trong kinh 2:133 và 4:177, mục 4, cô được Phật coi là người mẫu mực

cho những nữ đệ tử tại gia. Cô cũng có thể chính là người với tên gọi là Ut- tarā Nandamātā, đã được Phật tuyên bố trong kinh 1:262 là bậc nhất trong số những người tu thiền là những nữ đệ tử tại gia.] (1520)

- (Nhân tiện, về “Pārāyana” ở cuối câu: Mời quý vị coi lại chú thích chữ này trong kinh 6:61 như sau: [Đây chính là kinh Sn 1042. Chương “Pārāyana” (Đáo Bỉ Ngạn, Vượt Qua Bờ Kia) là chương thứ năm và cuối cùng của quyển Kinh Tập, thuộc Bộ Kinh Ngắn (Tiểu Kinh Bộ). (Giống như chú thích thứ hai trong kinh 3:32).] (1394)

1521 [Ở đây lời kinh dùng chữ ātitheyya nghĩa là: món quà theo truyền thống

để tặng cho khách như một biểu hiện của lòng mến khách.] (1521)

1522 [Nguyên văn lời tán thán này là acchariyaṃ abbhutaṃ. Mặc dù cụm chữ

này thường được dịch nghĩa là "kỳ diệu và tuyệt vời", nhưng nó không phải luôn luôn có nghĩa chỉ sự tán thán, ca ngợi mà có lúc có nghĩa chỉ sự đáng ngạc nhiên, làm sửng sờ. Dĩ nhiên sự khác nhau giữa 02 ý nghĩa này cũng không xa hay quá khác biệt, giống như kiểu hai chữ "kỳ diệu" và "tuyệt vời" cũng không quá khác biệt vậy, chúng đều có thể diễn tả sự thán phục và ngợi khen cũng có thể diễn tả sự đáng ngạc nhiên và kỳ lạ.] (1522)

1523 [Be và Ee ghi là sallapissasī ti. Ce ghi là sallapissatī ti, ở ngôi thứ ba, có

lẽ do lỗi biên tập.] (1523)

1524 [Be và Ee ghi là vadhe vā vajjhamāne vā; Ce ghi là baddhe vā va-

jjhamāne vā. Bản dịch tiếng Tích Lan cổ [Sinhala] theo Ce cũng không nhất quán với phiên bản Pāli của bài kinh. Tôi gợi ý đọc khác với cách ghi của cả 03 phiên bản, và nên đọc là baddhe vā bajjhamāne vā. Theo cách này thì 03 cặp ngữ sẽ thể hiện thứ tự là bắt, nhốt tù, và xử tử.] (1524)

1525 ["Sự biến đổi của tâm" là tạm dịch cụm chữ: cittassa aññathattaṃ. Lời

diễn đạt này cũng được lặp lại trong đoạn kế dưới. Cách dịch của tôi có ý để cho phù hợp với cả 02 trường hợp. Trong trường hợp này, "sự biến đổi của tâm" là chỉ tâm của mọi người bình thường chưa tu tập thì sẽ bị điên tiết quẫn

trí vì con bị bắt bị giết; trường hợp thứ hai, "sự biến đổi của tâm" diễn tả sự kinh sợ khi nhìn thấy chồng là quỷ dạ-xoa như vậy.] (1525)

1526[Nguyên văn câu này: Yatra hi nāma cittuppādampi parisodhessasi. Nghĩa gốc là "rằng cô sẽ thanh lọc ngay cả sự khởi-sinh của tâm.] (1526)

1527 [Nguyên văn: Yakkhayoniṃ. Mp giải thích: "Cõi quỷ thần này là trạng

thái của một địa-thần (bhummadevatābhāvaṃ)". Chữ yoni được dùng ở đây theo nghĩa là "cõi", và do vậy chữ yakkhayoni không hàm nghĩa rằng những quỷ yakkha được sinh ra từ bào thai.] (1527)

1528 [Điều này làm nên trạng thái thánh quả Bất-lai, là người đã dẹp bỏ năm

gông-cùm thấp hơn, nhưng còn năm gông-cùm cao hơn thì chưa dẹp bỏ được.] (1528)

1529 [Những điều (hay luận điểm) đã không được tuyên bố (abyākatavatthūni)

là 10 vấn đề mà Phật đã không nói ra, đó là: thế giới là trường tồn hay không trường tồn; thế giới là vô hạn hay hữu hạn; 'linh hồn' [nguyên lý sự sống] và thân thể là một hay khác với thân thể, và 04 vấn đề liên quan trạng thái của Như Lai sau khi chết.] (1529)

1530 [Nguyên văn các cụm chữ này: na chambhati, na kampati, na vedhati, na

santāsaṃ āpajjati abyākatavatthūsu. Ce cũng có ghi chữ na calati, nhưng Be và Ee thì không.] (1530)

1531 [(Người tu ở đây là cách dịch qua tiếng Việt. Nguyên văn là: người, cá

nhân, cá thể). Mp đã giải nghĩa chữ purisagatiyo = purisassa ñāṇagatiyo ('sự di chuyển về sự-biết' của một người". Tuy nhiên, bài kinh có vẻ chủ ý nói về những nơi-đến (gati) của họ sau khi chết. Bản Hán tạng tương đương, MĀ 6 (T I 427a13-c24), thì dịch tựa đề nguyên gốc tiếng Ấn Độ [tương ứng với satta purisagatiyo] là (bảy nơi mà những người tốt được tái sinh).] (1531)

1532 [Nguyên văn là: No c'assa no ca me siyā, na bhavissati na me bhavis-

sati. Câu 'mật ngữ' này được ghi trong các bộ kinh Nikāya theo 02 phiên cách. (i) Một phiên cách là cách ngôn của những người tư tưởng đoạn-diệt (tự hủy diệt, diệt vong; đoạn kiến) là những người phi Phật giáo; (ii) phiên

cách thứ hai là sự ứng dụng của Đức Phật để chuyển công thức đó bằng cách gán vào những lời của Phật để chỉ dạy theo giáo lý của Phật. (i) Phiên cách tư tưởng đoạn-diệt ghi là: no c' assaṃ no ca me siyā, na bhavissāmi na me bhavissati (Ta có thể không có, và lẽ ra không có cái 'của-ta'. (Giờ) Ta sẽ không có, và sẽ không có cái 'của-ta'). Vì 02 phiên cách này chỉ khác nhau ở 02 động từ—'no c'assam khác với no c'assa, và na bhavissāmi' khác với 'na bhavissati'—nhiều phiên bản tái kết tập khác nhau đôi khi làm lẫn lộn chúng. Từ những sự giải nghĩa thuộc luận giảng, có vẻ như sự lẫn lộn này đã có từ trước thời của những luận giảng. Những cách ghi này cũng khác nhau trong những ấn bản khác nhau của cùng lời kinh. Nói chung tôi ưu tiên theo cách ghi của Ce.

- Công thức này đã được xác định một cách rõ ràng là quan-điểm diệt-vong (ucchedadiṭṭhi, đoạn kiến) trong kinh SN 22:81 (Quyển 3), đoạn (xxii). Trong bộ AN, kinh 10:29, đoạn 8, nó được cho là bậc nhất của những quan- điểm do suy đoán từ bên ngoài (etadaggaṃ bāhirakānaṃ diṭṭhigatānaṃ). Đức Phật đã chuyển đổi công thức này thành một "chủ-đề để thiền quán" phù hợp với giáo lý của mình bằng cách thay thế những động từ ngôi thứ nhất bằng những dạng động từ ngôi thứ ba của chúng. Dự thay đổi này đã chuyển sự nhấn-mạnh từ quan-điểm có cái 'ta' (ngã kiến) được ngầm hiểu trong phiên bản đoạn-diệt ["Tôi sẽ bị diệt vong") sang một cách-nhìn phi chủ-thể (vô ngã) để hòa hợp với giáo thuyết vô-ngã (anattā) của Phật. Trong một số đoạn kinh, ví dụ như trong kinh SN 22:55 (Quyển 3), thì sự thực hành dựa trên cơ sở công thức này được cho là dẫn tới đỉnh cao là sự phá bỏ năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), đó là, trong giai đoạn Bất-lai. Đôi lúc, như trong kinh này, công thức gồm có một đoạn trích dẫn [coi bên dưới], sự quán-xét về nó được cho là dẫn tới sự buông-xả. Sự thực hành được hướng dẫn bởi công thức đầy đủ này sẽ dẫn tới 01 trong 05 hạng của bậc Bất-lai hoặc dẫn tới thánh quả A-la-hán.

- Trong các bộ kinh Nikāya thì nghĩa chính xác của công thức này chưa bao giờ là rõ ràng, điều này cho thấy rằng có lẽ nó chỉ có vai trò như "một hướng-dẫn để mở" cho sự

thiền-quán và sẽ được giải đáp bởi một người thiền thông qua trực-giác cá nhân của người đó. Những luận giảng, kể cả Mp, đã coi phân từ viết tắt để mở c' là đại diện chữ ce ("nếu") và diễn dịch thành 02 phần của công thức là những thuộc tính điều-kiện (nhân duyên). Ở

đây tôi dịch từ Mp [đúng theo sự diễn dịch của nó] là: "Nếu nó đã không là vậy: Nếu, trong quá khứ, không có nghiệp sản sinh sự hiện-hữu cá thể; lẽ ra nó không là của-ta: thì giờ ta đã không có sự hiện-hữu cá thể. Sẽ không có: Giờ sẽ không có nghiệp sản sinh một sự hiện-hữu cá thể tương lai cho (đối với) ta; Sẽ không có cái của-ta: là trong tương lai sẽ không có sự hiện-hữu cá thể cho (đối với) ta."

- Tôi không đồng ý với những giảng luận về nghĩa của chữ c'; tôi thì coi nó là đại diện cho chữ ca ("và"). Cú pháp của toàn bộ cụm chữ này yêu cầu phải là như vậy. Những chữ tương đương trong tiếng Phạn gồm có chữ ca [ví dụ: trong kinh Phạn là Udānavarga 15:4, tương ứng kinh Ud 78,1–3, có ghi: no ca syān no ca me syā[n]; và trong bản Hán tạng MĀ 6 có chứa ký tự (= "và") ở những chỗ thích hợp của công thức. Như tôi đã dịch nghĩa, chữ "nó" thứ nhất là đề cập "năm-uẩn" cá thể (của mỗi 'người'); chữ "nó" thứ hai là chỉ thế giới được nhận biết thông qua năm-uẩn. Đối với người phàm phu thì cặp mệnh đề này bị hiểu sai là sự hai mặt đối đãi của cái 'Ta' (ngã) và thế giới; còn đới với người đệ tử thánh thiện thì đó chỉ đơn giản là hai mặt của những hiện-tượng bên trong và bên ngoài. Dựa trên cơ sở này tôi đã diễn dịch công thức như vầy: Dựa trên cơ sở này tôi có thể diễn dịch công thức như vầy: "Năm-uẩn có thể được kết thúc, và thế giới được thể hiện bởi chúng sẽ được kết thúc. Tôi sẽ chuyên-cần tu (tinh cần) như vậy để cho năm uẩn sẽ được kết thúc, [và] để cho thế giới được thể hiện bởi chúng sẽ được kết thúc."

- Đoạn trích dẫn được ghi trong tiếng Pāli là: yad atthi yaṃ bhūtaṃ taṃ pa- jahāmī ti upekkhaṃ paṭilabhati. Theo chú giải của Mp, tôi hiểu "thứ hiện hữu, thứ (đã) ắt hẳn sẽ hiện thành" (yadatthi yaṃ bhūtaṃ) chính là năm-uẩn đang hiện hữu. Những điều này đã đi đến hiện thành thông qua dục-vọng (ái) của những kiếp trước và sẽ bị trừ bỏ bằng sự trừ bỏ cái nguyên-nhân làm chúng tái khởi sinh trong kiếp tương lai, nguyên-nhân đó là dục-vọng hay tham-muốn và nhục-dục.

- (Mời quý vị đọc lại thêm chú thích số 75 trong kinh SN 22:55 (Quyển 3) và chú thích số 1017 trong kinh MN 106, mục 10 để hiểu rõ thêm về chú thích này và về nghĩa của câu công-thức này).] (1532)

1533 [Nguyên văn cả câu này: Atth'uttariṃ padaṃ santaṃ sammappaññāya

passati. Mp dịch nghĩa là: "Người đó nhìn thấy bằng trí-tuệ của đạo cùng với sự minh-sát rằng: 'Có một trạng thái bình an cao siêu hơn, đó là Niết-bàn.] (1533)

1534 [Chỗ này chỉ ra 03 loại ô-nhiễm chưa được trừ bỏ là để phân biệt bậc Bất-

lai với bậc A-la-hán; bậc A-la-hán thì đã loại bỏ sạch sẽ mọi ô-nhiễm.] (1534)

1535 [Người chứng ngộ Niết-bàn trong khoảng-giữa là tạm dịch chữ antarāparinibbāyī. Theo lập trường thông thường của luận giảng thuộc Ther- avāda (Trưởng Lão Bộ), Mp đã giải thích antarāparinibbāyī có nghĩa là người chứng ngộ Niết-bàn—sự hoàn toàn tắt ngấm mọi ô-nhiễm (lậu tận)— trong khoảng thời gian từ lúc ngay sau tái-sinh cho đến giữa kiếp sau (tức = trong nửa-đầu kiếp sau). Tuy nhiên lập trường này dường như mâu thuẫn với 03 ví dụ đi kèm bên dưới.] (1535)

1536 [Những ví dụ này đã minh họa 03 loại antarāparinibbāyī (người chứng

ngộ Niết-bàn trong khoảng-giữa (tức giữa 02 kiếp = trong nửa-đầu kiếp sau). Mặc dù những cách mô tả trong các ví dụ không phải lúc nào cũng là chính xác và đáng tin cậy, ở đây 03 ví dụ này đã gợi ý rằng antarāparinibbāyī chứng ngộ Niết-bàn trước khi có sự tái-sinh. Ở đây 03 ví dụ nói rằng 03 mảnh vụn sắt nguội tắt sau khi bay ra khỏi nồi sắt nun đỏ và trước khi chạm xuống đất, do vậy [theo sự diễn dịch của tôi] 03 loại người lần lượt là chứng ngộ bát niết-bàn (i) ngay sau khi bước vào trạng thái trung-gian, hoặc (ii) trong trạng thái trung-gian, hoặc (iii) trong khoảng khắc trước khi sự tái-sinh xảy ra. Trong trường hợp này họ chứng nhập yếu-tố Niết-bàn không còn tàn dư (vô dư y Niết-bàn giới; anupādisesanibbānadhātu).] (1536)

1537 [Người chứng ngộ Niết-bàn ngay khi đáp-xuống. Mp diễn dịch loại người

(4) này là người chứng ngộ Niết-bàn trong thời gian từ giữa-kiếp cho tới hết- kiếp (tức = trong nửa-sau kiếp sau). Tuy nhiên, (i) chữ upahacca (sau khi đụng, sau khi đánh vào, sau khi chạm) và (ii) ví dụ nói rằng mảnh vụn sắt đã bay ra chạm xuống đất đã gợi ý rằng loại người này là người chứng ngộ bát niết-bàn hầu như lập-tức sau khi tái-sinh (theo cách lời kinh diễn đạt là ngay khi chạm xuống đất, tức = ngay khi đáp-xuống).] (1537)

168 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 7

1538 [Theo cách diễn dịch của các giảng luận thuộc Trưởng Lão Bộ (Thera-

vāda) thì coi 02 hạng Bất-lai kế tiếp này—đó là: (5) người chứng ngộ Niết- bàn không cần sự cố-gắng thêm (asaṅkhāraparinibbāyī) và (6) người chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng thêm (sasaṅkhāraparinibbāyī)—là (có thêm) 02 kiểu khác nữa mà loại người antarāparinibbāyī (người chứng ngộ Niết- bàn trong khoảng-giữa) và loại người upahaccaparinibbāyī (người chứng ngộ Niết-bàn ngay khi đáp-xuống) có thể chứng ngộ mục tiêu Niết-bàn, thì những ví dụ về mụn sắt đã cho thấy, một cách rõ ràng, rằng 05 hạng Bất-lai [hoặc 07 hạng, nếu không tính gộp chung 03 loại đầu thành 01 hạng] là khác biệt nhau, tạo thành dãy xếp hạng từ mức độ nhạy-bén hơn xuống mức độ chậm-trễ hơn. Như vậy nếu, nếu như Mp (của Trưởng Lão Bộ) đã nhất quyết định nghĩa loại upahaccaparinibbāyī là = người chứng ngộ Niết-bàn trong nửa-sau kiếp sau, thì sẽ đâu còn chỗ nào cho (để nói về) 02 loại sau là người chứng ngộ Niết-bàn không cần sự cố-gắng thêm và loại người chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng thêm? (Cho nên sự chú giải bởi các luận giảng thuộc Trưởng Lão Bộ lúc này lại bị mâu thuẫn).] (1538)

1539 [Về hạng thánh Bất-lai này và cõi trời Akaniṭṭha: mời quý vị coi lại chú

thích 828 ở kinh 4:131, đoạn (2). Nhân tiện trích dẫn luôn chú thích đó như vầy: [Nguyên văn câu cuối chỗ này: Uddhaṃsotassa akaniṭṭhagāmino pug- galassa. Chỗ này là chỉ hạng chậm-trễ nhất trong 05 hạng thánh Bất-lai; đây là người đang tiến dần dần từ cõi thấp đến cõi cao hơn trong 05 cõi trời trong-sạch (05 Tịnh cư thiên) và đang hướng thượng tới cõi cao nhất trong số đó là cõi trời Akaniṭṭha (Sắc cứu kính thiên). Loại người này cũng được nói ra để chỉ hạng còn thô tế nhất (trong 05 hạng thánh Bất-lai) là người vẫn còn dính những gông-cùm bị tái-sinh, mặc dù những hạng tinh tế nhạy bén hơn hơn của bậc Bất-lai cũng còn dính những gông-cùm này. (Tái-sinh ở đây là họ tái-sinh từ cõi thấp tới cõi cao trong 05 cõi trời trong-sạch đó, chứ không còn tái sinh lại cõi nào thấp hơn).] (828).] (1539).

- (Nhân tiện, quý vị có thể coi lại 07 nơi-đến tương tự (07 sự chứng-ngộ Niết- bàn) và chú thích số 65 trong kinh SN 46:03 (Quyển 5).)

1540 [Nguyên văn cụm chữ này: anupādisesā suvimuttā. Mp nói cụm chữ này

mô tả sự chứng đắc của 500 Tỳ kheo ni trong Ni đoàn của trưởng ni Mahāpa- jāpatī (dì mẫu của Đức Phật), là những người đã được giải-thoát không còn

tàn dư hơi hướng sự dính-chấp (thủ) nào (upādānasesaṃ aṭṭhapetvā). Nhưng lời kinh tiếp theo của bài kinh đã nói rõ chữ anupādisesa ở đây có nghĩa là họ đã loại bỏ tất cả mọi ô-nhiễm, không còn tàn dư ô-nhiễm nào, chứ không phải là họ đã chứng yếu-tố (giới) Niết-bàn không-còn tàn dư (anupādises- anibbānadhātu, vô dư y niết-bàn giới).] (1540)

1541 [Tiếp theo từ (1)-(7) lần lượt nói ra 07 loại người. Hai loại đầu (1)-(2) là

những A-la-hán không còn tàn dư ô-nhiễm nào; năm loại sau (3)-(7) là những bậc học-nhân vẫn còn ít nhiều tàn dư ô-nhiễm.] (1541)

- (Nhân tiện, cũm chữ quen thuộc kế dưới 'sự giải-thoát về cả hai phương diện' có nghĩa là vừa (i) được giải thoát bằng cái tâm đã hết ô-nhiễm (sạch nhiễm) và vừa (ii) được giải thoát bằng trí-tuệ. Có những người tu chỉ được giải-thoát bằng 01 trong 02 phương diện này mà thôi.)

1542 [Theo cách xếp loại thông thường của 07 loại thánh nhân thì loại người

thứ bảy này là người tu theo trì niềm-tin (saddhānusārī, người căn-tín). Tuy nhiên, trong kinh này vị trí thứ bảy lại là "người an trú trong sự vô dấu-hiệu" (animittavihārī). Mp nói rằng Đức Phật thực sự đang mô tả người căn-tín là người tu tập sự minh-sát (thiền quán) mạnh mẽ (balava-vipassakavasena). Mp giải thích rằng "tất cả mọi dấu-hiệu" là tất cả mọi dấu-hiệu của 'vô- thường, khổ, vô-ngã', và "sự định-tâm vô dấu-hiệu" (animittaṃ ceto- samādhiṃ) là sự định-tâm của sự minh-sát mạnh mẽ (balavavipassan- samādhiṃ). Có khả năng Mp đang cố hợp lý hóa chỗ sai biệt bất thường về thứ tự này trong kinh điển, vốn có thể biểu lộ một sự-biết nào khác về

loại thánh nhân thứ bảy.] (1542)

1543 [Đây là bài kinh song hành được mở rộng của kinh 5:34, bằng cách đưa

thêm vào bừng các phần nội dung có trong kinh 5:38] (1543)

1544 [Mp chú giải nghĩa là: “Họ phát khởi sự bi-mẫn với ý nghĩ: ‘Ai chúng ta

nên giúp đỡ hôm nay? Sự cúng dường của ai chúng ta nên nhận hoặc ai chúng ta nên chỉ dạy Giáo Pháp?’”] (1544)

1545 [Kinh này thuộc dạng kết hợp thành “bảy-điều” (bảy pháp), gồm một bộ

bốn-điều và bộ ba-điều, mà không bộ nào đã từng xuất hiện trong một kinh riêng nào của AN. Tuy nhiên ở đây bộ bốn-điều này có hơi hướng như kiểu trong kinh 5:100.] (1545)

1546 [Tôi đọc theo Be và Ee ghi là tava sāvakā, khác với Ce ghi là tathāga-

tasāvakā.] (1546)

1547 [Kinh này là một kinh song hành được mở rộng từ kinh 5:201 và 6:40,

chỉ chen thêm sự định-tâm là thành điều số (5). (Mời coi thêm các chú thích 1209 và 1210 trong kinh 5:201 để hiểu thêm các chi tiết ở đoạn mở đầu của kinh này).] (1547)

1548 [Pacalāyamāno nisinno hoti: đang ngồi và ngủ gục. Ngay bên dưới có

câu hỏi của Phật nguyên văn là “Pacalāyasi no?”, Mp đã giải nghĩa là “Niddāyasi nu”: Có phải thầy đang ngủ thiếp phải không? Mp chú giải rằng: “Khi đang ở trong một ngôi làng để nhờ thức ăn khất thực, thầy Mục-kiền- liên đã thiền tập ở trong khu rừng. Sau bảy ngày thầy ấy đã nỗ lực đi-thiền và sự nỗ lực đó đã làm thầy ấy đuối sức. Vì vậy thầy ấy đã ngủ gục [ở chỗ ngồi] ở cuối lối đi-thiền.] (1548)

1549 [Phần đối thoại này cũng có ghi trong kinh |MN 37, mục 2–3, nhưng ở đó

vua trời Đế-thích (Sakka) là người hỏi (thay vì là thầy Mục-kiền-liên).

- Mp chú giải đoạn kinh kế tiếp như vầy: (a) “Không có gì [nghĩa gốc: không phải tất cả mọi thứ] là đáng để bám vào (hay nắm giữ) (sabbe dhammā nālaṃ abhinivesāya): ở đây, chữ ‘sabbe dhammā’ (tất cả mọi thứ) là chỉ tất cả năm-uẩn, mười hai cơ-sở cảm-nhận (sáu nội xứ và sáu ngoại xứ), và mười tám yếu-tố (giới). Những thứ này đều không đáng để nắm chấp hay bám vào theo cách của dục-vọng (ái) và những quan-điểm này nọ (tà kiến). Tại sao không đáng? Bởi chúng đâu có tồn tại theo cách chúng được người ta nắm chấp hay bám vào. Chúng được nắm chấp là thường-hằng, sướng, và có bản- ngã nhưng đích thực chúng lại là vô-thường, khổ, và vô-ngã! Bởi vậy chúng đâu đáng để nắm chấp hay bám vào. (b) Người tu trực-tiếp biết chúng nhờ sự hoàn-toàn hiểu về mọi sự/mọi thứ đã được biết (ñātapariññāya abhijānāti) (hiển nhiên, dễ dàng thấy được) là vô-thường, khổ, và vô-ngã. Người tu hoàn-toàn hiểu chúng theo cách tương tự nhờ sự hoàn-toàn hiểu nhờ tra xét kỹ càng (tīraṇapariññāya

parijānāti).”

Chú Thích • 171

- Chữ “tất cả mọi thứ” theo cách dịch của tôi (TKBĐ) là dựa theo chú giải của Mp liên quan tới nghĩa “chẳng có gì, không có gì” của bài kinh, bởi cụm chữ Pāli này trong bài kinh là một dạng phủ-định của chữ sabbe dhammā (nên ra nghĩa là “không phải tất cả mọi thứ”). Về 03 loại sự hoàn-toàn hiểu (pariññā; liễu tri), mời coi thêm Vism 606,18–607,23; Ppn 20.3–6.] (1549)

1550 [Ee không tính kinh này là một kinh riêng, mặc dù Ee đã đóng khung

toàn bộ lời kinh trong ngoặc. Phần kệ tóm lược (uddāna) ở cuối chương này trong phiên bản Ee không có chữ nhắc-nhớ nào cho bài kinh này, điều này có thể là lỗi ghi chép. Ce dùng chữ mā puñña là chữ nhắc-nhớ; còn Be thì dùng coi mettā là chữ nhắc-nhớ và đặt tên kinh là Kinh Tâm-Từ (Metta Sutta).] (1550)

1551 [Về sự tiến-hóa (hay khởi tạo, hình-thành lại) của một hệ thế giới mới sau

thời kỳ tan-hoại, mời coi lại kinh dài DN 1, mục 2.2–4.] (1551)

1552 [Ce có ghi trong ngoặc chữ sattakkhattuṃ (bảy lần), trong Be và Ee thì

không có. Việc thêm vào chữ này cũng có thể được làm để cho khớp giống với lời của thi kệ.] (1552)

1553 [Đoạn này là đoạn ‘mẫu’ mô tả một vị vua quay chuyển bánh xe (chuyển

luân vương). Về bảy báu, mời coi thêm kinh MN 129, mục 34–41.] (1553)

1554 [Ee ghi danh từ này là Jambusaṇḍassa; Ce ghi Jambudīpassa [có lẽ là sự

bình thường hóa]; Be ghi Jambumaṇḍassa. Chữ Jambusaṇḍassa cũng được ghi trong kinh Sn 552 = Th 822. Tôi thì quen dùng với chữ Jambudīpa: Đảo Táo Hồng, tức chỉ đại lục Ấn Độ, HV phiên âm: Diêm-phù-nề.] (1554)

1555 [Tôi đọc theo Ce và Ee là asāhasena dhammena, khác với Be ghi là

asāhasena kammena.] (1555)

1556 [Câu này Ce ghi là pathavyo [Ee pathabyo] yena vuccati. Cách ghi của

Be là ít thỏa đáng nhất như vầy: pathabyo me na vipajjati.] (1556)

1557 [‘Ta đã là’ hay ‘Ta từng là’, chữ này tôi đọc theo Ce và Ee là homi ở đây

và ở dòng đầu của câu kệ kế tiếp. Còn Be thì ghi là hoti ở cả 02 chỗ.] (1557)

1558 [Đoạn thi kệ cuối cũng giống đoạn thi kệ cuối của kinh 4:21.] (1558)

172 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 7

1559 [Nguyên văn cụm chữ cuối: vadhadaṇḍatajjitā. Mp diễn dịch đó là tình

huống đáng sợ kiểu như: “Lúc đó chồng cô ta cầm roi gậy và dọa đánh giết: ‘Tao sẽ giết mày’.” (daṇḍakaṃ gahetvā vadhena tajjitā, “ghātessāmi nan” ti vuttā).] (1559)

1560 [Bài kinh quan trọng này có bản tương đương trong Hán Tạng là MĀ

129, trong Đại Tạng (Taiso) chỗ T I 617b19–618b16.] (1560)

1561 [Nguyên văn câu kệ này: Atho atthaṃ gahetvāna, anatthaṃ adhipajjati.

Cả 03 phiên bản đều ghi giống nhau như vậy, nhưng bản cổ hơn bằng tiếng Tích Lan lại ghi chữ adhigacchati và một bản cổ tiếng Thái cổ (Xiêm-la, Si- am) có ghi chữ paṭipajjati. Cả 03 cách ghi đều có nghĩa tương đương, chỉ khác nhau một chút về những cách biểu nghĩa. Dòng kệ này rõ ràng nói về sự nguy-hại thứ hai của sân-hận được ghi trong phần lời kinh văn xuối ở trên. Mp nói rằng “sau khi đạt được điều ích lợi, người đó lại nghĩ ‘Ta đã có thứ nguy hại’” (vuddhiṃ gahetvā … anattho me gahito ti sallakkheti). Bản tương đương tiếng Hán trong Đại Tạng chỗ 618a12 chỉ ghi là ,
(khi người đó lẽ ra đã đạt được sự giàu, ngược lại người đó lại có được thứ nguy hại), (nghe cũng có lý riêng của nó).] (1561)

1562 [Tất cả 03 phiên bản đều ghi vadhaṃ katvāna (sau khi đã giết chóc), tôi

cũng dịch theo như vậy, như ở đây có một biến từ là vaṇaṃ katvāna (sau khi đã làm bị thương). Mp dường như ủng hộ chữ vadhaṃ nên nó giải nghĩa là “người đó phạm vào hành vi sát sanh” (pāṇātipātakammaṃ katvā). Bản Hán tạng trong Đại Tạng 618a15 thì chỉ ghi (người sân hận làm một nghiệp bằng thân hay lời-nói), tức chỉ đề cập thân nghiệp và khẩu nghiệp, không đề cập tâm nghiệp.] (1562)

1563 [Đoạn kệ này thể hiện những sự nan giải. Dòng kệ (pāda) a ghi là dum-

maṅkuyaṃ padasseti. Học giả Hardy, trong Lời Mở Đầu nói về bộ kinh AN 5 [ở trang v–vi] đã ghi rằng “chữ dummaṅku biểu thị một người đang lạng quạng trong một tư cách ‘khó được chấp nhận, đáng bị ngăn cấm, và đáng tai tiếng’, bởi vì người đó không biết xấu-hổ về hành vi cư xử như vậy của mình hay những điều xấu sai giống vậy.” Mp giải nghĩa chữ này là: dubbaṇṇamu- khataṃ (một vẻ mặt xấu xí), bản Hán tạng [chỗ 618a21] ghi là gần giống với nghĩa này. Động từ trong dòng kệ c ghi là patāyati, là không rõ

nghĩa. Mp giải nghĩa nó là = nibbattati (được sản sinh, được tạo ra) cũng không được rõ nghĩa cho đầy đủ. PED thì đưa ra nghĩa là “được trải rộng” [có lẽ từ chữ *sphātayati; coi SED sv sphaṭ], tôi chọn theo nghĩa này. Bản Hán tạng ghi là (từ điều này sự ghen-tức thù địch được tạo ra) có thể là dựa trên một chữ khác trong trong tiếng Ấn cổ của nó, có lẽ là chữ spṛhayatiơ [coi SED sv spṛh] vốn đã phát sinh từ một sự hư sai của một chỗ nào đó liên quan tới chữ *sphātayati.] (1563)

1564 [Tôi đọc theo Ce và Be là yathātathaṃ, khác với Ee ghi là yathākathaṃ.]

(1564)

1565 [Mp nhận định chữ "bà-la-môn" ở đây (nghĩa) là một A-la-hán (khīṇāsavabrāhmaṇaṃ) (giống như Phật có mô tả một người giác ngộ, đã qua bờ bên kia và đạt tới sự an toàn tối thượng, là 'một bà-la-môn đứng trên vùng đất cao').] (1565)

1566 [Nguyên văn câu này: Hanti kuddho puthuttānaṃ. Tôi dịch câu này theo

cách Mp đã chú giải chữ puthuttānaṃ là: puthu nānākāraṇehi attānaṃ.] (1566)

1567 [Nguyên văn câu này: Bhūnahaccāni kammāni. Các luận giảng đã dứt

khoát giải nghĩa chữ bhūnahata đơn giản là: hatavuddhi (người hủy diệt sự trưởng thành, sự phát triển). SED, sv bhrūṇa, đã xếp chữ bhrūṇahati là 'sự giết chết một phôi thai' và chữ bhrūṇahatyā là 'sự giết chết một bà-la-môn trí thức'.] (1567)

1568 [Đọc theo Ce là ekam etaṃ akusalaṃ; khác với Be ghi là yathā metaṃ

akusalaṃ và Ee ghi là ekam ekaṃ akusalaṃ. Tôi coi chữ 'phẩm chất bất thiện' ở đây chính là sự sân-hận.] (1568)

1569 [Tôi đọc theo Ce là vītamohā (không còn si, vô si), khác với Be và Ee ghi

là vītalobhā (không còn tham, vô tham).] (1569)

1570 [Tôi đọc theo Ce và Be là parinibbanti, khác với Ee ghi là parinibbiṃsu.

Một biến từ là parinibbissatha tạo nên lời thốt ra của ngôi thứ hai số nhiều là: "Vô nhiễm, các ngài sẽ chứng ngộ Niết-bàn.] (1570)

174 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 7

1571 [Đây là một kinh song hành được mở rộng từ các kinh 5:24, 6:50.] (1571)

- (Nhân tiện dẫn lại chú thích ở kinh 5:24 như vầy: [Đây gần giống như kinh 5:24; trong kinh này được mở rộng thêm điều thứ (1), và do vậy năm điều (1)-(5) trong kinh 5:24 trở thành điều (2)-(6) trong kinh này. (Và lại được mở rộng thành kinh 'bảy-điều' là 7:65).] (1354).)

- (Trong kinh 7:65 này, 'sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức và sự sợ-hãi về mặt đạo đức' được đưa vào ngay thành điều (1), và do vậy sáu điều từ (1)-(6) của kinh 6:50 trở thành điều (2)-(7) trong kinh này.)

1572 [Be và Ee thì có thêm câu mở đầu là evaṃ me sutaṃ (Tôi nghe như vầy).]

(1572)

1573 [Một do-tuần (yojana) dài khoảng 7-9 dặm Anh (khoảng 11-15 km.]

(1573)

1574 [Nguyên văn: Aññatra diṭṭhapadehi. Mp chú giải lời kinh có nghĩa là:

"Ai sẽ tin điều này, ngoại trừ những thánh đệ tử, những bậc nhập-lưu (vào dòng thánh đạo) là những người đã nhìn thấy sự-thật?" Sự-thật hay tình-trạng (pada), được nhìn thấy bởi bậc nhập-lưu vào dòng (từ Nhập-lưu), chính là Niết-bàn, sự chấm-dứt khổ.]

(1574)

1575 [Nguyên văn: Ko mantā ko saddhātā. Mp (của Ce) giải nghĩa là: “Ai có

khả năng thảo luận điều này với mục đích để tạo ra niềm-tin vào điều này, hoặc ai có niềm-tin vào điều này?” (ko tassa saddhāpanatthāya mantetuṃ samattho, ko vā tassa saddhātā). Chữ saddhātā là một dạng số ít của danh từ tác nhân saddhātar. Vì vậy, chữ mantā, vốn là tương đương với nó, chắc hẳn cũng là một danh từ tác nhân từ chữ mantar (một người nghĩ). Bản tương đương Hán tạng, MĀ 8, thì chẳng có chữ nào tương đương với chữ mantā trong bản Pāli. Tôi dịch từ bản Hán tạng (chỗ T I 429b7–11) ra như vầy: “Giờ ta nói cho các thầy rằng, núi Tu-di (Sineru), vua của những ngọn núi, sẽ sụp đổ và bị tiêu hủy. Ai có thể tin điều này, ngoài những người đã nhìn thấy sự-thật? Giờ ta nói cho các thầy, nước trong những đại dương sẽ khô cạn và bốc hơi. Ai có thể tin điều này, ngoài những người đã nhìn thấy sự-thật? Giờ ta nói cho các thầy, địa cầu vĩ đại này sẽ hoàn toàn cháy rụi và sẽ bị tiêu hủy

bởi lửa. Ai có thể tin điều này, ngoài những người đã nhìn thấy sự-thật?”] (1575)

1576 [Ông cũng được nói trong kinh 6:54, chỗ đoạn (1).] (1576)

1577 [Đoạn từ (i)-(vi) này nói về 06 cảnh giới của 06 cõi trời dục-giới, từ cao

nhất tới thấp nhất.] (1577)

1578 [Để ý rằng: nội dung đoạn này và nguyên đoạn kế tiếp, thì trong kinh

7:62 ở trên Đức Phật cũng nói về mình y hệt như vậy trong những kiếp trước. (Coi lại kinh 7:62).] (1578)

1579 [Đoạn này nói về lý-do ‘chưa giải thoát, chưa hết tái sinh và khổ đau’ là

giống tương tự nội dung của kinh 4:01, và đặc biệt các đoạn tiếp theo, kể cả phần thi kệ, thì giống hệt như trong kinh 4:01 đó. (Mời đọc thêm 02 chú thích trong đoạn song hành của kinh đó).] (1579)

1580 [Nguyên văn: salākañceva jevanikañca. Mp chú giải: “Salāka là những

vũ khí có thể được phóng bỏ đi (nissaggiya), như tên, phi lao, giáo; còn jev- anika là những vũ khí khácm như những gươm kiếm một lưỡi.” SED sv chữ śalyaka là chỉ những “tên, phi lao, phi tiêu, giáo”. PED thì định nghĩa jev- anika là “một loại vũ khí bắn ra” (phóng đi, như tên bắn, như hỏa tiễn)” nhưng những thứ này, theo Mp, là nằm trong nhóm vũ khí gọi là salāka.] (1580)

1581 [(Có các chú giải dài về các danh từ mô tả những loại binh lính, người

dịch đã dịch nghĩa các danh từ và giải thích đại ý trong các ngoặc (…) cho gọn)] (1581)

1582 [Cụm chữ ‘sự vui-sướng, sự khỏi-lo’ là tạm dịch cho đủ nghĩa; nguyên

văn là chữ: aparitassāya, nghĩa gốc là: “để không có sự bị kích động bất ổn”.] (1582)

1583 [Nguyên văn cụm chữ này: tilamuggamāsāparaṇṇaṃ. Mp nhất quyết chú

giải đó là: tilamuggamāsā ca sesāparaṇṇañca. Theo Mp, tôi coi chữ apa- raṇṇa là một thuật ngữ chung trong đó tila, mugga, và māsa là các ví dụ. Vì vậy tôi đã dịch chữ aparaṇṇa đơn giản là những 'đồ ăn' hay 'thực phẩm'".

176 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 7

Mời coi thêm Sp IV 784,31–33 có ghi là: "Bằng chữ aparaṇṇa có nghĩa là rau đậu màu xanh, những hạt đậu, mè; chữ kulattha nghĩa là đậu khô, khổ qua, bí đỏ, và vân vân" (muggamāsatilakulatthālābukumbhaṇḍādibhedañca aparaṇṇaṃ adhippetaṃ).] (1583)

1584 [Chỗ này tôi muốn đính chính chữ dhammehi trong Ce thành chữ sad-

dhammehi [như trong Be và Ee]. Bản dịch tiếng Tích Lan cổ (Sinhala) cũng ủng hộ sự đính chính này với sự diễn dịch nghĩa của nó là: sapta saddharma- yen.] (1584)

1585 [Nguyên văn câu này: Dvayena puggalā viditā honti. Ở đây có một nhóm

07 cặp [(i)-(vii)] nằm bên trong một nhóm 07 lớn hơn là nhóm 07 phẩm-chất [(1)-(7)]; như vậy kinh này gồm có 02 "nhóm-07".] (1585)

1586 [DPPN có chú giải cây pāricchattaka là một cây lớn lên trong Vườn

Nandana (Hỷ lạc viên) ở cõi trời Đao-lợi (Tāvatiṃsa, 33). Tán nó rộng một trăm dặm đường chu vi và dưới gốc nó có ghế đá để ngồi của vua trời Đế- thích (Sakka). Cây pāricchattaka được cho là một trong 07 loại cây sống thọ một đại-kiếp. [Tôi biết ơn tiến sĩ Julie Plummer thuộc Khoa Sinh Học của Đại học Western Australia, đã gửi cho tôi những thuật ngữ sinh học của những giai đoạn phát triển từ mầm tới hoa được nói đến trong kinh này].] (1586)

1587 [Nguyên văn câu này là: Na cirass'eva dāni jālakajāto bhavissati. Mp:

"Vào lúc này cây sẽ mọc ra những mầm nhỏ từ cành và nách cành …"; (tức sẽ bước sang 'Giai đoạn mọc mầm', dễ thấy như cây mai, cây đào ở Việt Nam vậy).] (1587)

1588 [Nguyên văn câu này: Na cirass'eva dāni khārakajāto bhavissati. Mp:

"Vào lúc này những mầm hoa sẽ bung ra thành chồi hoa, tách biệt khỏi chồi lá, và lớn lên; (tức sẽ bước sang 'Giai đoạn mọc chồi').] (1588)

1589 [Ce và Ee ghi là: kuḍumalakajāto; Be ghi: kuṭumalakajāto. Mp chú giải

là: "Giờ cây bắt đầu kết nụ hoa."; (tức sẽ bước sang 'Giai đoạn kết nụ').] (1589)

1590 [Ce và Ee ghi là: kokāsakajāto; Be ghi: korakajāto. Mp chú giải rằng:

Chú Thích • 177

"Cây đã có hoa nụ, miệng còn hé khép, chưa nở bung thành những cánh hoa."; (tức sẽ bước sang 'Giai đoạn nở nụ').] (1590)

1591 [Ce ghi là: sabbapāliphullo; Be và Ee ghi: sabbaphāliphullo. Mp giải

thích rằng: “Cây giờ đã nở hoa toàn diện.”; (tức sẽ bước sang ‘Giai đoạn nở hoa’).] (1591)

1592 [Ví dụ này không chỉ so ví người đệ tử thánh thiện với cây san hô ở

những giai đoạn lá-hoa khác nhau mà còn dùng “tên gọi” của những giai đoạn đó để mô tả những giai đoạn tu-tiến của người đệ tử thánh thiện. Người đó là “một đệ tử thánh thiện ở [giai đoạn như vầy, như vậy] giống như cây san hô pāricchattaka của những thiên thần cõi trời Đao-lợi vậy.” Ee bỏ đi đuôi chữ -va sau chữ devānaṃ, mặc dù nó nhận biết đây là một cách ghi biến thể.

- (Người dịch Việt đã đặt luôn tên ‘Giai đoạn mọc mầm’ … ‘Giai đoạn nở hoa’ cho gọn rõ trong tiếng Việt, nhưng vẫn giữ nguyên lời mô tả của kinh cuối câu để trong ngoặc đơn ‘…’.) - Và bên dưới người dịch Việt thêm vào các tên (A), (B), (C) để người đọc dễ hiểu).] (1592)

1593 [Nghĩa là, theo cách nghe và truyền như vậy, lời hô vang bởi các thiên

thần đã truyền từ cõi trời thấp tới những cõi trời cao hơn. Sự hô truyền nhua vầy cũng có trong phần kết luận của bài thuyết giảng đầu tiên của Đức Phật (kinh Chuyển Pháp Luân). Coi lại cuối kinh SN 56:11.] (1593)

1594 [Tôi đọc theo Be và Ee là parisuddhasaṅkhātatarā, khác với Ce parisud-

dhasaṅkhatatarā. Mp giải nghĩa là: “những phẩm chất đó sẽ được thanh lọc và vô nhiễm thậm chí tới một mức độ lớn hơn” (bhiyyosomattāya parisuddhā bhavissanti nimmalā), mà tôi nghĩ cách cách giải nghĩa này không “bắt” được nghĩa của chữ -saṅkhātatarā. Chữ này có thể có nghĩa là “được biết là, hiện rõ là, được tuyên bố là” và nghĩa này là nghĩa trong lời kinh.] (1594)

1595 [Đây là kinh song hành với kinh SN 22:101, trừ đoạn đầu trong kinh đó.

(Ví dụ cuối cùng cũng có trong kinh SN 45:158 (Quyển 5).] (1595)

1596 [Chỗ này tôi đọc theo Ee là chữ udaraṃ, khác với Ce và Be ghi là uraṃ

(ngực).] (1596)

178 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 7

1597 [Giống lời các câu ở cuối kinh SN 12:22.] (1597)

1598 [Khi luận giải về kinh 1:53, Mp đã thảo luận đầy đủ về đoạn cuối này

như sau: “Những Tỳ kheo bị ói máu tươi do họ đã phạm vào những tội lớn nặng (pārājika, ba-la-di). Những Tỳ kheo bỏ tu hoàn tục là những người đã có phạm vào những tội lớn nhẹ và những giới-luật nhẹ. Và những Tỳ kheo đã chứng thánh quả A-la-hán nhờ họ đã thanh lọc hành-vi. Bài thuyết giảng của bậc Bổn Sư mang lại phước quả cho tất cả 03 loại Tỳ kheo này. [Câu hỏi:] Cứ cho bài thuyết giảng mang lại phước quả cho những người đã chứng được A-la-hán, vậy theo cách nào mà nói nó cũng mang lại phước quả cho những người kia? [Trả lời:] Vì nếu họ chưa nghe bài kinh này, [loại

Tỳ kheo thứ nhất] có thể trở nên lơ-tâm phóng dật và khó có thể dẹp bỏ tình trạng hiện tại của họ. (i) Những hành-vi xấu ác của họ càng tăng thêm và kéo họ xuống những cõi dưới đầy thống khổ. Nhưng nếu họ nghe được kinh này, họ sẽ được có-đầy một cảm-nhận về sự cấp-bách. Sau khi dẹp bỏ tình trạng (không tiếp tục phạm tội nặng), một số người đó trở thành những sa-di (sāmaṇera), hoàn thiện 10 giới sa-di, ứng dụng tu tập bản thân với sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý), và trở thành bậc Nhập-lưu, bậc Nhất-lai, hay Bất-lai, trong khi đó có một số thì được tái sinh trong những cõi trời. Như vậy bài kinh mang lại phước quả cho những Tỳ kheo thậm chí đã phạm tội lớn nặng (pārājika, ba-la-di). (ii) Loại Tỳ kheo thứ hai nếu không nghe kinh này thì dần dà họ sẽ phạm vào những tội lớn nặng (pārājika) ngoài những tội nhẹ hơn (saṅghādisesa, tăng-tàn) mà họ đã phạm phải. Và do vậy họ sẽ bị tái sinh vào những cảnh khổ đau và nếm trải khổ đau kinh khủng. Nhưng nếu họ đã nghe kinh này, cho dù họ nghĩ họ không thể tu thành trong kiếp này nên đã bỏ tu hoàn tục, nhưng họ sẽ vẫn quy y Tam Bảo, tuân giữ 05 giới căn bản, hoàn thiện bổn phận của một đệ tử tại gia, và có thể trở thành bậc Nhập-lưu, Nhất- lai, hay Bất-lai, trong khi một số khác của họ có thể được tái sinh trong những cõi trời. Như vậy là bài kinh cũng mang lại phước quả cho họ.”] (1598)

1599 [Lời bài kinh này nói về những đạo sư từ Sunetta cũng giống như trong

kinh 6:54 (từ đoạn (1) ở phần sau), chỉ khác là trong kinh 6:54 chỉ nói tới vị thầy thứ sáu Jotipāla (không có vị thầy thứ bảy Araka như trong kinh này). Và coi thêm 7:66 trong đó thì chỉ nói riêng về vị thầy tên Sunetta này. (Mời coi lại các chú thích 1362, 1263, 1264, và 1366 trong kinh đó để rõ ý các câu

tương ứng trong kinh này).] (1599)

1600 [Tôi đọc chỗ này theo Be và Ee ghi là: yathā ’maṃ sabrahmacārīsu,

khác với Ce ghi là: yathā amhaṃ sabrahmacārīsu. Ce có ghi chữ yathā ’maṃ trong câu tương ứng của kinh song hành 6:54.] (1600)

- (Câu kế trên: “Đối với những người ngoài (ito bahiddhā), như chú thích 1365 trong kinh 6:54 ghi: “Ở đây chỉ những người ngoài đạo Phật, những người ngoài đạo, ngoại đạo.”)

- (Câu kế dưới: ‘Chúng ta không để sân hận đối với những tu-sĩ đồng đạo khởi sinh trong tâm mình’, như chú thích 1366 cuối kinh 6:54 ghi: [Ce ghi là na no āmasabrahmacārisu; Be ghi na no samasabrahmacārisu; Ee ghi na no sabrahmacārisu. DOP sv nói chữ āma3 có nghĩa “cùng một nhà; thuộc một nhà” và cho rằng chữ āma-sabrahmacāri (n) có nghĩa là “một tu sinh tôn giáo cùng thuộc một nhà hay một cộng đồng.” Tuy nhiên đây chỉ là một tham khảo duy nhất, vì dường như trong các Nikāya không có chỗ nào ghi nghĩa này.] (1366).)

1601 [Lời kinh gốc dùng chữ ratti (đêm) như cách tính khoảng thời gian 24

giờ, là cách tính phổ biến trong văn chương Phật giáo.] (1601)

1602 [Chữ này đọc theo Ce và Ee ghi là kupito; khác với Be ghi là kapimiddho

(sự ngủ kiểu khỉ).] (1602)

1603 [Tôi đọc chỗ này theo Ce và Be ghi là rattipi saṅkhātā, divāpi saṅkhātā.]

(1603)

1604 [Sp IV 790,12-20 có ghi rằng cả đoạn giải thích như vầy: "(i) Một cách

chi tiết có nghĩa là cùng với cả Vibhaṅga (Bộ Phân Tích, thuộc Vi Diệu Pháp Tạng). (ii) Được khéo truyền có nghĩa được truyền tải, truyền thụ, truyền dạy một cách hay khéo. Để thể hiện cách chúng được 'khéo truyền', người ta nói nghĩa là 'được khéo phân tách, vân vân'. (iii) Được khéo phân tách có nghĩa là từng chữ từng điều được phân tích không còn lờ-mờ hay sai-sót. (iv) Được khéo nắm rõ có nghĩa là được làm cho thông thuộc, được tụng giảng. (v) Được khéo quyết định theo đúng những điều luật có nghĩa là được khéo quyết định theo đúng điều luật được tụng giảng trong phần Khandhaka (Hợp

Phần) và Parivāra (Tập Yếu); (vi) được khéo quyết định theo đúng giảng nghĩa chi tiết có nghĩa được khéo quyết định, không lỗi, không sai về chữ nghĩa nhờ sự hoàn thiện về từ ngữ và câu chữ." (Tattha vitthārenā ti ubha- tovibhaṅgena saddhiṃ. Svāgatānī ti suṭṭhu āgatāni. Yathā āgatāni pana svāgatāni honti, taṃ dassetuṃ "suvibhattānī"ti ādi vuttaṃ. Tattha su- vibhattānī ti suṭṭhu vibhattāni padapaccābhaṭṭha-saṅkaradosavirahitāni. Suppavattīnī ti paguṇāni vācuggatāni. Suvinicchitāni suttaso ti khandhaka- parivārato āharitabbasuttavasena suṭṭhu vinicchitāni. Anubyañjanaso ti akkharapadapāripūriyā ca suvinicchitāni akhaṇḍāni aviparītakkharāni.)] (1604)

1605 [Tôi đọc theo Be đơn giản ghi là vinayadharo hơn là ghi bhikkhu vinaya-

dharo như trong các kinh 7:79–82. Ce có ghi bhikkhu vinayadharo trong kinh 7:79 và 7:80, ở câu mở đầu, nhưng chỉ ghi vinayadharo trong kinh 7:80, trong câu kết thúc, và trong các kinh 7:81–82. Ee ghi bhikkhu vinayadharo trong kinh 7:79 (= kinh số lxxv trong Ee) và chỉ ghi vinayadharo trong các kinh 7:80–82 (= bằng các kinh lxxvi–lxxviii trong Ee).] (1605)

1606 [Nguyên văn chữ này: sammukhāvinaya (sự loại bỏ bằng sự hiện-diện).

Theo như xem xét về sự giảng giải chi tiết trong Vin II 93,32–100,6, thì sự diễn dịch trong kinh MN 104, mục 14 [sự loại bỏ bằng cách hiện-diện hay đối-đầu, đối-chất] là không thỏa đáng.] (1606)

1607 [Để đọc chi tiết về những nguyên-tắc này và cách áp-dụng chúng, mời

coi kinh MN 104.13–20; Luật Tạng Vin II 73–104; đọc Ṭhānissaro 2007a: trang 546–561.] (1607)

1608 [Ee không tính NHÓM này là một nhóm kinh riêng mà chỉ coi nó là phần

bắt đầu của NHÓM những kinh “Tóm lược & Lặp lại” tiếp theo bên dưới.] (1608)

1609 [Chỗ này có liên quan với cách chơi chữ, rất rõ trong tiếng Pāli: bhinnat-

tā bhikkhu hoti. Những cách chơi chữ cũng giải thích được những nguồn gốc phái sinh của từ ngữ trong những kinh tiếp theo, ví dụ như cụm chữ samitattā samaṇo hoti, và bāhitattā brāhmaṇo hoti. Những cách chơi chữ này chỉ hoàn toàn ‘mang tính sư phạm chỉ dạy’, chứ không rõ rệt về mặt từ nguyên.] (1609)

Chú Thích • 181

1610 [Mỗi bài kinh trong NHÓM này đều được rút gọn thành một câu từ bản

gốc Pāli, nhưng rõ ràng mỗi kinh đều hàm nghĩa đầy đủ 07 điều như đã được liệt kê trong kinh 7:85 ở đầu nhóm.] (1610)

1611 [Chữ chỗ này tôi đọc theo Ee là arīhatattā. Ce ghi là arahattā, Be ghi

ārakattā; [ba phiên bản cũng đều ghi chữ này như vầy trong kinh kế tiếp]. (1611)

1612 [Nguyên văn cụm chữ này: Ārakattā arahā hoti.] (1612)

1613 [Trong tất cả các phiên bản, NHÓM kinh này không có phần kệ tóm lược

(uddāna) cuối chương. Từ chỗ này trở đi, Be không còn đặt tên cho các bài kinh, giống như cách Ee mới làm ở trên. Tôi lấy tên các bài kinh theo như Ce.] (1613)

1614 [Cả 02 phiên bản Ce và Ee đều không đánh số cho NHÓM kinh này. Be

thì đánh số nó là NHÓM 11, tức liên tục sự đánh số đã được áp dụng cho 10 NHÓM kinh trước. Tôi đánh số NHÓM kinh này như NHÓM thứ 6 trong phần [Năm Mươi Kinh Thứ Hai] này.

- Ce đánh số các bài kinh từ (1)–(510) (giống y dãy số bài kinh trong NHÓM cuối cùng của Quyển “Sáu” vậy). Be thì đánh số các bài kinh theo sự liên tục từ các kinh trong toàn Quyển “Bảy”, tức nó đánh số kinh từ 615 tới 1124. Tôi cũng đánh số các bài kinh theo cách của Be.] (1614)

++++

182 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 7

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.